

Văn hữu

18

James Dean và lớp thanh niên hiện đại — NGUYỄN HOÀNG VIỆT • Trường hợp Françoise Sagan — ÁI NHÂN • Văn nghệ sĩ và thời hiện đại — PHONG GIAO • Thanh niên thế kỷ thứ 20 qua văn chương — CÔ LIÊU • Khúc mình — IVO ANDRITCH • Bóng chim tám cá — VI HUYỀN ĐẮC • Gió mát trên đèo — TRẦN HỒ • Đất liền — NGUYỄN NHƯỘC NGHIỆM • Những bước âm thầm — HOÀI KHANH • Ngày kỷ niệm cụ Phan Khôi — TRẦN VƯƠNG DU • Lời vọng — SAO TRÊN RỪNG • Áo ảnh — HOÀNG ANH • Tiến đến một nền văn minh nhân rồi (II) — S.T. • Ta có thể tin vào số tử vi không? — PHONG VŨ • Thơ phố nhỏ — DU TỬ LÊ

VĂN HỮU

DO VĂN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15, đại lộ Lê Lợi — Saigon

Điện Thoại : 25.902

Chủ nhiệm : **NGUYỄN DUY MIỄN**

Chủ bút : **VÕ PHIẾN**

Thư ký Tòa soạn : **SĨ TRUNG**

Với sự cộng tác của các Bạn:

PHẦN ĐẶC BIỆT (Hiện tượng « Đại Sóng Mới » trong văn nghệ)

**NGUYỄN HOÀNG VIỆT
ÁI NHÂN
CÔ LIÊU
PHONG GIAO**

PHẦN THỨ HAI (Sóng tác)

**SƠN NAM
VI HUYỀN ĐẮC
NGUYỄN NHƯỢC NGHIỆM
HÙNG PHƯƠNG
TRẦN HỒ
SAO TRÊN RỪNG
HOÀI KHANH
DU TỬ LÊ**

PHẦN THỨ BA (Tin tức tài liệu)

**HOÀNG ANH — HOÀNG
LAN — PHONG VŨ — TRẦN
VƯƠNG DU**

PHẦN KỸ THUẬT ÁN LOÁT

QUỐC GIA ÁN QUÁN

Bài và thư từ gửi về cho :

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho :

SĨ TRUNG

NGUYỄN CỬU VINH

MỤC LỤC

- *Hiện tượng «đợt sóng mới»
trong văn nghệ*

VĂN HỮU

trang 1

PHẦN THỨ NHẤT (Phần độc biệt)

- *James Dean và lớp thanh niên
hiện đại*
— *Trường hợp Françoise Sagan*
— *Văn nghệ sĩ và thời hiện đại*
— *Thanh niên thế kỷ thứ 20 qua
văn nghệ*

NGUYỄN HOÀNG VIỆT 7
ÁI NHÂN 33
PHONG GIAO 45
CÔ LIÊU 67

PHẦN THỨ NHÌ (Sáng tác văn nghệ)

- *Khúc Minh (nguyên tác của Ivo
Andritch giải thưởng Nobel)*
— *Lời Vọng*
— *Bí Mật hòn Thỏ Châu*
— *Những bước âm thầm*
— *Đất Liền*
— *Gió mát trên đèo*
— *Bóng Chim Tắm Cá (nguyên
tác của văn sĩ Trung hoa Chu
Xuân Đẳng)*
— *Thơ phố nhỏ*

HÙNG PHƯƠNG 77
SAO TRÊN RỪNG 92
SƠN NAM 95
HOÀI KHANH 105
NG. NHƯỘC NGHIỆM 106
TRẦN HỒ 107

VI HUYỀN ĐẮC 120
DU TỬ LÊ 149

PHẦN THỨ BA (Tin tức và tài liệu)

- *Gió Đông... Gió Tây*
— *Kỷ niệm nhà văn lão thành
Phan Khôi*
— *Áo Ảnh*
— *Tiến đến một nền văn minh
nhân rồi (II)*
— *Ta có thể tin vào số tử vi
không?*

HOÀNG LAN 155
TRẦN VƯƠNG DU 161
HOÀNG ANH 174
S. T. 184
PHONG VŨ 189

Hiện tượng «đợt sóng mới» trong văn nghệ

LỚP trẻ ngày nay có một tâm trạng, một lối sống, những cách giải trí khác các lớp người trước ; họ viết, họ vẽ... theo những quan niệm khác trước rất xa. Người ta đã từng ngạc nhiên về những lối ăn mặc của đợt sóng mới, về trò chơi « cá hộp », về điệu nhảy twist... người ta đã từng làm ã xung quanh những tác phẩm văn chương của đợt sóng mới, những cuốn phim của lớp tài tử đợt sóng mới. Thậm chí, ông Kennedy đắc cử Tổng Thống, người ta cũng đã từng reo lên rằng : đợt sóng mới tràn vào tòa Bạch Ốc. Vậy thì lại có cả một thứ chính trị đợt sóng mới nữa.

Thế hệ này cũng như mọi thế hệ khác trong lịch sử, có cái hay mà cũng có cái dở, có thể là rất dở. Nhưng ai nấy đều đồng ý là họ rất độc đáo, độc đáo đến dị kỳ.

Vì đâu mà ở thời đại này xuất hiện một lớp người như thế ? Vì tiến bộ của khoa học, của triết học ? Vì hoàn cảnh sống đe dọa dưới dấu hiệu hủy diệt của bom nguyên tử ? Vì cuộc sống tập trung tại các đô thị ? Người ta còn đang mãi tìm hiểu.

Sách báo trong nước và ngoài nước đã nêu lên, đã phân tích không biết bao nhiêu lần vấn đề này. Và hiện nay, một tờ nhật báo tại Sài Gòn cũng đang mở một cuộc thảo luận rộng rãi xung quanh đề tài này. Bởi vì các đặc điểm lạ lùng của đợt sóng mới thoát tiên xuất hiện ở Âu-Châu, những làm lẫn ảnh hưởng của nó đã lan tràn khắp trên thế giới, và dĩ nhiên là ở ngay xã hội ta nữa.

Trong số này, Văn Hữu giới thiệu một số ý kiến về một vấn đề không phải là mới mẻ, nhưng ai cũng nhận rằng còn lâu lắm mới đến lúc nên ngừng sự tìm hiểu, thảo luận.

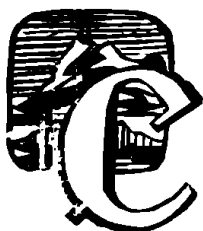
VĂN HỮU

PHẦN THỨ NHẤT

**Phần thứ nhất của Văn Hữu số 18 này được hoàn thành với sự cộng tác
biên khảo của quý bạn : Nguyễn Hoàng Việt — Ái Nhân — Phong Giao —
Cố Liễu...**

NGUYỄN HOÀNG VIỆT

James Dean và lớp thanh niên hiện đại



Ái chết bi thảm của tài tử điện ảnh James Dean đã làm cho bao thanh niên, thiếu nữ trên hoàn cầu đổ nhiều nước mắt tiếc thương. Mến chuộng con người tài hoa mệnh yếu, các hội « Ái James Dean » đã được thành lập tại nhiều nước và con số 3.800.000 hội viên tính theo năm 1956 cho thấy James Dean đã trở thành một thứ « thần tượng » của họ.

Chúng ta hãy tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa của sự ngưỡng mộ nồng nhiệt ấy. Phải chăng vì tài diễn xuất của Jimmy (tên thật của James Dean) qua những cuốn phim « La fureur de vivre », « A l'Est d'Eden » và « Géant » hay nếp sống sáo trộn, kỳ lạ, không thỏa mãn của chàng ? Phải chăng vì những hiện tượng xã hội, tâm lý mà Jimmy đã gieo rắc trong đầu óc lớp tuổi đôi mươi ? Chúng tôi không có ý định phân tích, suy luận xa xôi, chỉ muốn nêu những điểm gần gũi và tương đồng giữa tuổi thanh niên chúng ta với một bóng người đã sống vội vã với chúng ta, trên trái đất này rồi ra đi mau lẹ, mang theo tất cả những điều bí ẩn riêng tư của một cuộc đời ngắn ngủi mới 24 xuân xanh...

Một đứa bé kỳ dị

TRƯỚC hết chúng ta hãy trở về với chuỗi ngày thơ ấu của Jimmy để thấy thế nào là Định Mệnh, bởi vì cuộc đời người thanh niên ấy đã bắt đầu một cách bi thảm.

« Một đêm kia, tôi đã đọc được cái gì trong ánh mắt con cú: Đó là hai cuốn sách màu đỏ và phẳng phất ở đó những nét khổ đau » — đứa bé đã thốt lên câu đó tên là *James Byron Dean*, mới lên 14 mà đã suy tư khác những đứa cùng lứa tuổi. Cha cậu, ông *Winton Dean* theo tân giáo *Quaker*, tin ở Thượng Đế và nhiệt thành với chế độ Liên Bang, là một người thợ chữa răng rất yêu thương vợ, bà *Wilson Parker* con gái một trại chủ bậc trung. Sau ngày cưới 18 tháng, họ cho ra đời đứa bé có cái tên đẹp để thơ mộng *James Byron Dean*. Được mẹ nuông chiều, cậu bé đã sống những ngày tháng êm đềm bên tình mẫu tử đầm ấm tại *Santa Monica*. Điều này tất cả những người viết về đời Jimmy cũng đều xác nhận như vậy.

Bà mẹ không hề từ chối cho cậu bé một thứ gì, từ những đồ chơi nhỏ nhất cho đến cây đàn violon mà cậu quý hơn vàng. Sau này khi bà chết, cậu đã ôm cây đàn này đặt vào lòng mộ mẹ. Bà trở ốm nặng khi mới 30 tuổi xuân và dù ông chồng đã mất bao nhiêu tiền bạc, thuốc men chạy chữa, bà vẫn không thoát khỏi lưới hái tử thần vì bệnh ung thư quá nặng. Đám tang mẹ Jimmy sao mà buồn thảm và làm não lòng mọi người! Chuyến xe hỏa đi *Fairmount* đã đem theo quan tài người mẹ hiền yêu quý và Jimmy lúc đó mới lên 8 tuổi lầm lũi đưa vong hồn mẹ đến nghĩa địa. Đêm hôm trước, không quên cắt một mớ tóc của bà để giữ làm kỷ niệm.

Đứa bé được giao cho người chú chăm sóc tại một trang trại rộng 180 mẫu tây, dưới mái nhà đầm ấm và tình thương yêu chân thật. Jimmy dần quen với nếp sống mới; cậu làm việc đồng áng rất thạo và điều khiển máy cày, dầm mưa dãi nắng như một đứa trẻ miền thôn dã chính cống.

Ở đây chúng ta hình dung tất cả những chàng nông dân khỏe mạnh vất vả tới ngày của tiểu thuyết gia *John Steinbeck*, mà Jimmy tràn trề nhựa sống theo nhịp của thiên nhiên, vạm vỡ, dần lớn lên với mái tóc hung như màu lúa vàng chín, với cặp mắt xanh lơ đờ như muốn luôn luôn quay về cuộc sống nội tâm hay như muốn trách móc số mạng sao quá phũ phàng. Phải nói có một cái gì đặc biệt khác người trong con mắt cậu. Nó phản ánh trung thành tất cả tâm hồn con người mang tâm sự thầm kín khổ đau.

Chú thím cậu cũng không thể hiểu Jimmy buồn điều gì nên lại càng chiều chuộng nhưng cũng vẫn không có kết quả. Jimmy thường thích sự yên lặng, cô độc, luôn luôn lẩn tránh chỗ đông người. Cậu chỉ chơi đùa rất ít với cô em họ Joan và thường tìm đường thơ thẩn một mình. Không phải cậu thù ghét người chung quanh, đúng hơn cậu sớm có bản tính lãnh đạm vì không giây phút nào đứa bé không nhớ tới bóng

người mẹ hiền đã vội vã lìa trần. Dưới gối cậu nằm ngủ bao giờ cũng có mớ tóc hung, di vật quý báu của bà mẹ và cậu thường gọi trong giấc mơ : « *Mẹ ời!* ». Niềm hoài vọng người quá cố mãnh liệt như vậy cho đến khi cậu trưởng thành. Chính bạn thân của Jimmy là *John Hyams* đã kể lại câu chuyện thương tâm, một đêm kia Jimmy lại mơ đến mẹ, mơ cậu bé nhỏ lại như xưa và nghe tiếng mẹ khê gọi, rồi chàng từ một bãi sa mạc hoang vắng đang cố gắng chạy lại nhưng chân chàng mỗi khi cất bước như ngập sâu thêm dưới đồng cát. Câu chuyện trong giấc mơ ấy đã chứng minh Jimmy luôn luôn sống trong tâm trạng kẻ luyến tiếc *một thiên đàng đã mất và nó ám ảnh mãi trong lòng chàng*.

Trở lại thời đi học của Jimmy, khi đến trường, cậu có thói hay lấy hai tay che đầu. Giáo sư gạn hỏi duyên cớ thì chàng đáp :

— « *Thưa thầy, con thiếu một người mẹ* ». Nỗi buồn của sự thiếu thốn tình mẫu

tử ấy đã gặm nhấm tâm can Jimmy. Thật vậy trong chúng ta, ai ai cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời thơ ấu. Đứa trẻ chỉ vui vẻ và có một bản chất yêu đời khi được sống trong tình yêu thương, mà tình yêu ấy bao giờ cũng phải khởi đầu từ trong gia đình, nền tảng cốt yếu của xã hội. Trong bất cứ vụ thiếu nhi phạm pháp hay hành động thiếu lương tri nào cũng có nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ một thảm cảnh gia đình như cha mẹ ly dị hay bất hòa với nhau. Jimmy sớm mất mẹ nhưng tất cả tâm tư chàng như lắng vào bên trong để tự dày vò một mình với niềm đau khổ không nguôi. Chắc chắn về sau thế nào cũng có ngày niềm đau khổ đó được bột phát dưới hình thức khác. Chàng thanh niên đó nổi loạn ư? Hợp Chúng Quốc Mỹ lại là nơi con người sống quá đầy đủ và thỏa mãn. Bởi vậy chàng thanh niên James Dean sau này đã đem lên màn bạc tất cả nếp sống ngoài đời một cách trung thực: hình ảnh một kẻ cô đơn, tinh thần không thỏa mãn và thèm khát

tình yêu nhưng đồng thời cũng có dáng điệu khinh đời vì biết rằng mình có tài. Tóm lại James Dean cho thấy một mẫu người thành thực nhưng có chút giả dối, một kiểu « người kép » như anh diễn viên sân khấu. Và chàng trai khỏe mạnh ấy ham thích hoạt động chứ không còn chịu chui trong chiếc vỏ trứng như trước nữa.

Chàng đi xe máy dầu đến trường học và ưa đánh nhau với bạn bè nên chẳng mấy lúc được mọi người chú ý. Mỗi khi thấy một người phóng như bay, cuốn theo cả bụi mù đường đến theo với chiếc *Triumph* 5 mã lực và trị giá 300 đô la, mọi người đều nhận ra James Dean và cùng tránh rạt sang bên đường. Chàng muốn người ta phải để ý đến mình bằng những cử chỉ dũng mãnh nhưng thật người thanh niên ấy cũng chẳng vui hay hãnh diện gì mấy. Rồi cứ thế chàng say sưa lái xe kiểu « nuốt đường » qua những khúc thật là nguy hiểm mà vẫn gia tăng tốc độ như muốn tìm bạn tri kỷ qua những con đường hiểm nghèo. Rồi ngày 21-6-1949, khi

được 18 tuổi, James Dean đã trúng tuyển kỳ thi diễn xuất của tiểu bang *Indiana* với một trang rút trong cuốn truyện « *The Madman* » của *Dickens*.

Vị chủ tịch Hội đồng Giám khảo đã phải thốt lên : « Cậu còn tiến xa hơn nữa với cái tên cậu thật là đẹp ». Sau một thời gian ngắn tại trường Đại Học mà chàng thường trình diễn cho các bạn xem về Shakespeare, James Dean từ bỏ môn Luật và đi sâu vào nền kịch nghệ. Chàng tiến rất mau cũng như chàng lái xe vậy. Phải chăng Định Mệnh đã bắt chàng thanh niên ấy phải rút ngắn quãng đường nghệ thuật bằng những bước « hia bảy dặm » để rồi sớm xa lánh cõi đời này ? Và năm 19 tuổi, James Dean bước lên Vô tuyến truyền hình, rồi nhờ Richard Shannon, chàng bắt đầu đóng những vai phụ cho vài phim ngắn. Nhưng ngưỡng cửa của vinh quang bỗng mở rộng để đón James Dean sau khi chàng ký hợp đồng với nhà đạo diễn *Élia Kazan*, người đã đào tạo *Marlon Brando* mà James Dean coi như thần tượng.

Ba cuốn phim,
một cuộc đời

KHI xem diễn xuất trên sân khấu hay màn bạc, thường thường người ta có cảm tưởng « diễn viên làm sống lại cuộc đời của nhân vật để lãng quên trong giây phút cá nhân mình », nhưng khi quan sát gần gũi các diễn viên và kỳ lạ hơn nữa điềm qua các phim James Dean đóng, ta phải nói ngược lại : « diễn viên không làm sống lại cuộc đời kẻ khác mà chính cuộc đời mình ». Thật vậy trong trường hợp James Dean với 3 cuốn phim « *La fureur de vivre* », « *A l'Est d'Eden* » và « *Géant* », người ta phải kết luận chàng đã gần bó với nhân vật và ngay bây giờ khi coi lại chúng ta vẫn tưởng đâu như chàng đang sống lại trong sự cô đơn, sự thiếu thốn tình mẹ và lòng ham muốn biểu lộ những điều bị dồn ép ra hành động mạnh mẽ đôi khi tàn bạo. Người ta cũng có cảm tưởng những cuốn phim trên đã được đạo diễn dành riêng cho James Dean nhưng thực ra đó chỉ là sự trùng hợp ngẫu

nhiên. Như vậy mới thật là kỳ lạ. Mẫu người đặc biệt của James Dean đã giúp chàng thành công mau lẹ trong nghệ thuật điện ảnh. Sắp hình của người thanh niên ấy khi mới bước chân vào nghề đã làm mọi người phải chú ý đến vì những nét độc đáo của bộ mặt đẹp để khác thường, với mái tóc rậm và hung hung sỗ xuông tận tai (chàng rất ghét phải đi hớt tóc), đôi môi dày, mọng đỏ, và nhất là dáng đều đặn, tế nhị của khuôn mặt chàng nó phảng phất những nét đặc biệt Hy-lạp, nó biểu lộ sự trong sạch có pha lẫn man dại, nghĩa là chàng cho ta cảm tưởng một mẫu người độc đáo, khác biệt, chưa bao giờ thấy. Bây giờ thì chúng ta đã hiểu tại sao đàn bà, con gái ưa thích chàng qua dáng hung bạo và sự cường tráng của người thanh niên xứ Californie với vẻ cười quyến rũ, đầy vị tha nhưng cũng chua chát và có vẻ nhạo báng. Thêm vào đó là đôi mắt xanh uơn ướt và nồng nhiệt làm sao. James Dean bị cận thị nhưng chính tật đó làm cho đôi mắt ấy

thêm quyến rũ. Đó là những ưu điểm của chàng để gặt hái thành công. Khi xem cuốn phim « *La fureur de vivre* », lớp thanh niên không ngớt hoan nghênh thần tượng của họ, trong khi các thiếu nữ lại khóc vì quá yêu James Dean. Ngoài những điều đó, chàng trở thành đầu đề cho những giai thoại về cách lái xe máy dầu và xe hơi với tốc độ kinh khủng, ngổ ngáo bạt mạng. James Dean bao giờ cũng trễ trễ trong những cuộc hội họp hay ra mắt, nhất là quần áo thì không bao giờ giống các tài tử nổi danh khác. Hollywood, kinh đô chiếu bóng đâu có thiếu gì quần áo lịch sự, nhưng chàng trai kỳ dị đó lúc nào cũng chỉ bận chiếc blue-jean, chiếc áo sơ mi mở rộng cổ, ngoài khoác thêm chiếc vét da và đặc biệt đôi giày nhọn mũi luôn luôn bụi bám đầy. Cảm tưởng đầu tiên của mọi người là thấy chướng mắt nhưng dần dần họ lại ưa thích khi đã quen nhìn chàng.

Trên đường tình ái, James Dean đã yêu Judy Collins cô bán hàng 18 tuổi tại Nữ

Ước trong một vụ hè, rồi với Arlene Loca nhưng vụ sau này chẳng đậu được bao lâu. Tiếp đến những giây liên lạc tình cảm giữa chàng và cô đào Pier Angeli đã làm đổ bao nhiêu mực. Bản danh sách những người đẹp đã đi qua trong đời James Dean đến đây chưa phải đã hết, nhưng chúng ta hãy quay về 3 cuốn phim của chàng đóng. Cuốn thứ nhất « *A l'Est d'Eden* » thực hiện theo cuốn truyện dày 450 trang của văn hào John Steinbeck. Ở đây tác giả đã cho thấy cái vẻ nặng nề dây dưa trong tâm lý như một người tiểu phu đồn cây gỗ cứng và thom tho, khác hơn với lối mỗ sê tỉ mỉ của Sagan hay Constant. Cuốn truyện « *A l'Est d'Eden* » tràn trề nhựa sống thôn dã phong phú thực ra không phải là 1 cuốn mà phải là 10 cuốn. Đối với người đạo diễn thật là khó mà đưa toàn bộ cốt truyện lên màn bạc nên Elia Karzan đã phải thân hành đi Salinas gặp văn hào Steinbeck để rút ngắn một phần tư tác phẩm này thành một truyện phim. Cuốn phim theo ý của văn hào, là câu

chuyện đau thương trong một gia đình Mỹ trong đó nhân vật Aron tượng trưng cho điều thiện và Caleb điều xấu, nhưng sự xấu ở đây cũng như Dostoïewski và luân lý Thiên Chúa giáo, là « Không yêu » và « Không được yêu ». Caleb bị lãng nhục và xấu hổ trong sự dục dăng tự nhiên và cao cả. Anh ta đã gán quanh hình bóng người mẹ mà anh ta yên chí đã chết, tất cả những hào quang và đức tính tốt trên cõi đời này. Anh đã cảm thấy xuống tinh thần và tưởng rằng mình trở nên xấu xa khi khám phá ra bà mẹ mình yêu quý chỉ là một người điếm đàng và bao giấc mơ chỉ còn là viễn vông. Tình yêu là gì và làm sao sống không tình yêu? Còn Caleb chợt hiểu sự thiếu thốn đó nơi mình và thêm khát nó không ít. Trong suốt cuốn phim, ta thấy một Caleb dục dăng nhưng dồn nén, lao đầu vào điều xấu để trả thù đời như một anh say rượu. Hấn cướp ý trung nhân của người anh để hòng lấp vết thương trong nội tâm mình. Hấn là con quỷ khát vọng quê hương Eden nhưng khi

nguyên hình, hẳn vẫn chứng tỏ được sự ngây thơ hồn nhiên và tế nhị kỳ dị để rồi sau cùng chiến thắng được với lòng yêu của người cha cũng như tình yêu của ý trung nhân người anh. James Dean đã thành công nhiều với cuốn phim này bởi vì khi diễn xuất, thực ra chàng chỉ cần nhớ lại quãng đời tại Fairmount để thể hiện vai trò nhân vật Caleb. Tình cờ nhân vật *Adam-Trask*, người cha trong cuốn phim có khác gì với ông chú James Dean ngày xưa hay chính cha chàng, người thợ chữa răng góa vợ và lơ là với sự săn sóc đứa con Jimmy đau khổ vì sớm mất mẹ? Điểm tương đồng nữa trong chuyện « *A l'Est d'Eden* » là câu chuyện một gia đình thiếu bóng một người mẹ, bởi vậy James Dean chỉ cần sống lại chính cuộc đời mình như thể lần giở khúc phim dĩ vãng đau thương, có khác chăng ở chỗ bà mẹ trong phim chết không phải vì chứng ung thư mà là cái chết tinh thần. Nỗi thống khổ của nhân vật Caleb thật giống với James Dean ở chỗ họ cùng là những đứa trẻ mồ

côi, thiếu tình yêu thương.

Bây giờ chúng ta sang cuốn phim thứ hai « *La fureur de vivre* » với đạo diễn *Nicholas Ray*, một trong những nhà dàn cảnh trứ danh Hoa-kỳ. Chính ông đã góp phần lớn trong sự nghiệp điện ảnh của James Dean. « *La Fureur de vivre* » hay « *Rebel without a cause* » là một bi kịch cận đại, câu chuyện một thế hệ thanh niên bận *blue-jean* đi tìm một cách hùng hồ và thất vọng tất cả nhiều điều mà cha anh đã đánh mất, những giá trị nó dần mòn tiêu tan dưới cuộc sống duy vật sôi động của nền văn minh cơ khí chúng ta. Biết bao thanh niên mà chúng ta có thể nhận ra dưới những nét của bọn con trai hùng hồ, bạo ngược đi tìm danh dự, và tình yêu bị mất bằng tất cả lòng cuồng nhiệt và niềm vô vọng. Cuốn phim bắt đầu bằng một cảnh trong bót cảnh sát, 2 thanh niên và 1 thiếu nữ bị bắt sau cuộc bố ráp, đang đợi cha mẹ đến nhận lãnh. Câu chuyện soay quanh vấn đề luân lý và gia đình. Tại sao có sự rối loạn này? Có phải là một cuộc ẩu đả giữa đám thanh

niên mất dạy ? Hay là một sự tranh dành người đẹp ? Không phải, đây chỉ là vấn đề danh dự, đầu mối của tấn bi kịch. Ở trường trung học. *Jim* và *Buzz* là đôi bạn thù nghịch. *Buzz* cứng rắn, có óc lãnh tụ nên lôi cuốn được một bọn trẻ cứng đầu ưa mạo hiểm vào những cảm giác mới lạ. Cảm thấy *Jim* là một địch thủ lợi hại nên *Buzz* tìm cách gây gổ sau buổi tan học. Cuộc tranh hùng bằng dao thật gay go và nguy hiểm trước mắt người đẹp *Judy*, bạn của *Buzz*. Máu đã đổ nhưng sau cùng *Jim* chiến thắng. Tuy nhiên cuộc tranh hùng chưa phải đã hết, vì bọn trẻ không thể tôn sùng cả 2 người làm đầu sỏ. *Buzz* đề nghị một cuộc thử tài nữa để quyết định sự sống còn giữa hai đứa và tất nhiên cũng dưới sự giám sát của người đẹp *Judy* : một cuộc đua xe hơi với tốc độ tối đa trên mỏm đá ven bờ biển và kẻ nào thoát chết xuống xe sau cùng là người thắng cuộc. Một chiều kia cả bọn kéo nhau ra địa điểm định mệnh. Sau khi nổ máy cả hai lao đi vun vút, nhưng rủi ro *Buzz*

lăn xuống vực thẳm cùng với chiếc xe và nghiêm nhiên *Jim* trở thành « tay trùm » không ai chối cãi, chiếm tình bạn của người đẹp man dại *Judy* và danh dự với bọn anh em.

Sau đó *Jim* cảm thấy tất cả đều trống rỗng và định ra tự thú tại bót, nhưng cha mẹ nó cản ngăn. Cuối cùng nó vẫn đến trình diện cảnh sát để nhận tội sát nhân trước mặt viên thanh tra *Flameck* nhưng không được gặp. Đến đây chúng ta thấy *Jim* đã từ bỏ sự hung bạo để trở thành con người hiền hậu. Đoạn cuối phim tiếp diễn trong một biệt thự mà *Jim* thấy được tình yêu và nhất là cái gì hiếm có, cao đẹp hơn : *tình bạn*. Tất cả cốt truyện đều có mặt anh chàng *Platon* ngổ ngợ nhưng ngây thơ ; nó tôn sùng *Jim* như một ông thánh sống nhưng Định Mệnh một lần cuối đã đảo ngược sự kiện đó. *Platon* đã chết vì một viên đạn súng lục tưởng nhầm là do *Jim* phản mà bắn nó. Tấn bi kịch kết thúc bằng sự gặp gỡ cha mẹ *Jim* và viên thanh tra *Flameck* nhân từ. Đạo diễn *Nicholas Ray* đã thực hiện phim này

trong những cảnh sinh hoạt hàng ngày tại các thành phố nhộn nhịp, sôi động, các đô thị về đêm ngập ánh đèn néon và đèn xe hơi. Trong những nhân vật, người hùng Jim do James Dean thủ vai đã tỏ ra gặt hái nhiều cảm tình của chúng ta vì chàng xuất hiện khi hung bạo, khi hiền dịu và nếu có lao đầu vào trong cuộc mạo hiểm chỉ vì muốn chiến đấu chống sự sa lầy của lớp tư sản mà chàng là điển hình. Cha chàng chỉ là một con người hèn nhát. Sau mỗi lần bạt mạng, bất nhẫn chàng đã lại trở về bản tính cố hữu giữa gia đình, thật ra hố chia cách giữa cha con không bao giờ lấp được.

Chúng ta sang cuốn phim thứ ba và cũng là cuốn cuối cùng của James Dean. Đến bây giờ thì tên tuổi chàng đã lên như sóng cồn. Lớp thanh niên không thể quên được cái nhìn như khấn nài, đôi khi khó chịu của chàng. Tài nghệ diễn xuất của James Dean trên màn bạc đã khiến lớp tuổi đôi mươi tìm được kẻ giống họ đang tung hoành

trước ống kính để diễn tả lại chính cuộc đời mình một cách trọn vẹn qua các nhân vật Caleb và Jim. Chàng đã nói lên cho họ tất cả những gì súc động, sáo trộn nội tâm, lo âu thắc mắc, chán chường và khát vọng ánh sáng, sự thật, những tính xấu cũng như sự kiêu căng của họ. Cuốn « *Giant* » (*géant*) do Georges Stevens thực hiện đã không hổ với cái tên đó. Đây là một phim dài không dưới 3 tiếng rưỡi đồng hồ, diễn tả câu chuyện trên miền Texas rộng lớn với những nỗi vui buồn của một gia đình trại chủ *Benedict* có 250 ngàn mẫu tây đất. Bick, đứa trai đầu lòng lấy một cô gái xứ *Maryland* rồi đem nàng về ở tại một nhà rộng rãi hẻo lánh giữa vùng đồng hoang khô khan chỉ có gió hú với đoàn súc vật chăn nuôi.

Bao ngày tháng trôi qua... Họ sanh nhiều con cái rồi công việc làm ăn cứ tuần tự mà tiến cho đến khi cuộc phát minh ra dầu lửa đã sáo trộn nếp sống cố hữu. Kẻ tìm ra dầu lửa lại chính là cậu trai âm thầm *Jett Rink* trong

trang trại ấy. Vì say sưa muốn vươn lên khỏi cuộc sống thấp kém mà cậu đã đặt chiếc máy hút dầu đầu tiên trước trại của chủ nhân. Chúng ta đang đứng trước sự suy sụp của giới tư bản đất đai mà gia đình Benedict tiêu biểu để nhường bước dần dần cho giới khai thác mỏ dầu, nghĩa là sự thay đổi bộ mặt của miền Texas. Những đoàn súc vật chăn nuôi cứ biến dần để thay thế bằng những máy hút dầu mọc ra khắp nơi. Gia đình Benedict không theo kịp trào lưu tiến hóa, đã phải bán lại đất đai cho Jett Rink. Chàng này sau vài năm đã trở thành ông hoàng dầu lửa với những nguồn lợi to tát. Nhưng chàng không quên được những ngày còn là kẻ đi làm mướn trong trại nên bây giờ tuy làm chủ một cơ sở lớn và có đủ oai quyền, Jett còn muốn làm nhục gia đình Benedict đến cùng cực. Chàng tung tiền bạc ra mơn trớn cô con gái út gia đình này và muốn cưới nàng không phải vì tình yêu mà để trả thù. Ban đầu cô gái bị chàng quyến rũ nhưng sau rất

chàng không thành công để rồi sống trong cô đơn, rượu chè và chán chường.

Vài nhà phê bình đã cho tài nghệ James Dean bị suy sút trong cuốn phim « *Giant* » này, nhưng chúng tôi không nghĩ như vậy. « *Giant* » là một cuốn phim xuất sắc và vai trò của *Jett Rink* trên một vài phương diện có thể đáng ghét, khó đóng nhưng đã được James Dean thể hiện trọn vẹn. Trước một *Bick Benedict* trầm tĩnh, thỏa mãn, chàng đã diễn tả được sự ham muốn, lo âu, lừa lọc và đau khổ? Khán giả không thể quên được khúc phim trình bày cảnh chàng làm công lo âu đang bùng chén nước trà mời bà chủ trại đẹp đẻ (*Elizabeth Taylor*) trong căn nhà gỗ tồi tàn, cũng như cảnh chàng từ chối nhường lại khoảng đất thừa kế trong Hội nghị các chủ nhân.

Ngồi lơ đãng trên chiếc ghế bành, chàng mỉm cười kín đáo không trả lời chi hết và làm tuồng như lưỡng lự để cuối cùng sung sướng mà trả lời cộc lốc: « *Không* ». Trong phần sau của cuốn

phim, Jett Rink tuổi đã ngũ tuần và quyền thế lên tới đỉnh. Đó là một kẻ quái đản giống những nhân vật của *Dostoiwski*, trí thông minh bị cùn hẵn và không còn thiết gì đi tìm hạnh phúc cũng như tiền bạc. Có chăng chỉ muốn làm nhục kẻ khác và bôi nhọ tất cả những gì quanh mình. Nhân vật *Jett Rink* chỉ là một sinh vật bị đầy ải để làm tội ác rồi cuối cùng mất cả niềm tin ở chính mình, tự hất hủi đến độ đem bôi nhọ mình công khai trong bữa tiệc lớn, giữa lúc tiền tài và quyền lực sụp đổ. James Dean đã khấn nài nhà thực hiện cho được đóng vai trò *Jett Rink*. Người ta khó biết được tại sao, vì người đã chết không thể nói ra được. Chỉ đoán được rằng James Dean được đào luyện trong lò diễn xuất *Actor Studio* của *E. Kazan* và đã học hỏi nhiều về kịch nghệ nên thích được đóng một vai như vậy để có dịp thi thố tài năng chăng?

Chàng tài tử trẻ tuổi của chúng ta đã chết khi cuốn phim này chưa được đem chiếu cho công chúng. Hôm

đó trong khi người ta đang quay một số ngoại cảnh thì chàng chồm lên chiếc xe đua kiểu *Porsche* màu đỏ chói để dự một cuộc đua. Cách *Salinas* không xa, khoảng *Paso Robles* là địa điểm chàng lâm nạn với tốc độ 180 cây số một giờ. Một sự trùng ngẫu kỳ lạ đã sui khiến cho thảm cảnh xảy ra với James Dean lại ở gần *Salinas*, nơi văn hào *Steinbeck* đã viết trong « *L'Est d'Eden* » mà James Dean đã thể hiện vai trò Caleb trên màn ảnh.

Phải chăng đó là Định Mệnh?

Một thế hệ thanh niên

JAMES DEAN đã chết nhưng tất cả những gì chàng để lại trên màn bạc để nói lên tính tình bông bột, niềm đau khổ của nếp sống sáo trộn, không thỏa mãn, đã làm cho người tài tử này gần gũi với lớp thanh niên và khiến họ thấy rằng đây là mẫu người đại diện cho họ. Ở đây chúng ta không quảng cáo theo « mốt », cho cái chủ nghĩa mệnh danh « *deanisme* »

mà lớp thanh niên một hồi đã cho là hợp thời. Ở mỗi cá nhân có một cuộc đời và một cái chết. Trường hợp James Dean đã gắn liền với cá tính đặc biệt của chàng ; vì thế bao con người tuổi đôi mươi đã khóc trên mộ người tài tử mà họ mến. Trong vòng có 6 tháng năm 1956 tại Hoa-kỳ đã có trên 10 ngàn người đề tang James Dean và hôm đầu tiên chiếu phim « *Giant* » tại Nữ-ước, hàng trăm thanh niên chấp tay lâm râm ca bản « *Nature boy* » trên đường phố. Trong phòng của *Radio City*, khi thấy bóng thần tượng xuất hiện trên màn bạc, một cô gái đứng phắt lên la lớn : « *Ôi ! Jimmy, chúng tôi vẫn ở bên anh dù anh đã chết. Hình ảnh tuyệt diệu và hiên ngang của anh không bao giờ phai mờ* ».

Người ta còn nói đến các vụ hội họp kín dưới hầm, mà Cảnh sát phải huy động lực lượng để giải tán tại nhiều nơi ở các tiểu bang Hoa-kỳ. Và cũng chưa phải đã hết, những ký giả nào nói động chạm đến tật xấu hay khuyết điểm gì của James Dean đều nhận được hàng sấp thơ gửi

đến chửi rủa thậm tệ. Khi sinh thời Jimmy, không hề có một hội nào được lập để ái mộ chàng.

Năm 1956 các hội đó mọc lên các nơi và đã có 3.800.000 hội viên. Tại Hoa-kỳ có thành lập hội « *Sáng lập James Dean* » và « *Công ty trợ giúp những thanh niên có vóc dáng giống James Dean* » với số vốn 1 triệu đô la. Trong dịp hè 1956 nghĩa là một năm sau ngày James Dean chết, đã có 154.000 du khách tới viếng mộ chàng ở *Fairmount*. Các nhà thương mại chế tạo một loại gối tượng hình chàng và đã bán được 80.000 chiếc năm 1956. Gian hàng trưng bày « *chiếc xe định mệnh* » của James Dean đã mang lại những số tiền kinh khủng cho kẻ có sáng kiến đánh vào thị hiếu công chúng. Tại Ba-lê có « *Hội James Dean* » và trên đường phố nhan nhản những thanh niên với bộ mặt đưa ma, bận chiếc vét da đen có ghi hàng chữ vàng « *đề tưởng niệm James Dean* ».

Nhưng chúng ta hãy nhường những hiện tượng

đó để các nhà tâm phân học nghiên cứu. Phần chúng ta, chỉ cần biết tuổi trẻ bao giờ cũng đi tìm tuổi trẻ để kết bạn và yêu thương những mẫu người hùng mà họ chọn lựa trong giới họ. Trước James Dean, cũng đã có nhiều tài tử điện ảnh mà công chúng mến chuộng và bắt chước từ dáng đi đến cách trang phục, nhưng trường hợp James Dean khác hẳn và sôi nổi hẳn. Tự chung, ta có thể thấy một điều là sợi giây liên lạc giữa tài tử và khán giả đã trở nên khăng khít. Con người thế kỷ 20 tìm người hùng của họ qua báo chí và màn bạc. Khi đã thấy mẫu người James Dean, họ không ngần ngại ái mộ gấp vì chàng đã sống thật, trên màn bạc cũng như ngoài đời và đó cũng là điểm mà thanh niên hiện đại ưa thích. Họ coi sự chính xác ấy là một trong những giá trị cao cả và chính việc phủ nhận sự dối trá là điểm thiện quý báu mà họ đã có được sau cuộc chiến tranh vừa qua, một cuộc chiến tranh nó tàn phá và đầu độc đầu óc, tâm hồn con người. Họ đã từng bị khờ sở

dưới ách phát xít độc tài Hitler cũng như cộng sản, họ mất tin tưởng ở những gì mệnh danh là sự thật được công bố chính thức hay tuyên truyền. Họ không ngại nói lên cái gì họ đã thấy hoặc đã làm, kể cả những điều không trong sạch. James Dean đã sống theo kiểu đó. Chàng thù ghét sự quảng cáo là điều mà các tài tử khác hay làm và chàng nghi ngờ các ông nhà báo hết sức. Một hôm tài tử *Roch Hudson* báo James Dean sửa soạn cho một cuộc phỏng vấn dành riêng cho đặc phái viên của *Life Magazine* và câu đối thoại sau đây cho thấy cá tính đặc biệt James Dean : — « *Rock a, tôi muốn là một tài tử cho khán giả xem, nhưng đó không phải lý do để hy sinh cuộc sống riêng tư của tôi cho kẻ khác. Đời tôi và cái gì bên tôi hoàn toàn thuộc về tôi. không dính dấp gì đến ai cả.* »

— « *Nhưng quảng cáo hết sức quan trọng cho bọn tài tử chúng mình.* »

— « *Có lẽ, nhưng tôi không thể chịu đựng được hơn. Họ đưa mình lên rồi mai một rồi*

có thể khi thặng trầm họ cũng có thể quật ngã mình không tiếc thương. Cái đáng kể cho một tài tử là diễn xuất chứ không phải những tấm hình «lăng xê» trên báo. Những người không biết tôi đã cho tôi là một kẻ kỳ dị. Như thế đã quá đủ rồi...»

Như vậy chúng ta đã nhận ra «lối sống cho mình» của James Dean nó phù hợp với lớp thanh niên. Thế hệ trẻ bây giờ họ lập gia đình tương đối sớm, vì họ không muốn bị gò bó mãi trong gia đình với cha mẹ và thích tự lực cánh sinh càng sớm càng hay, dù có phải sống thiếu thốn nhưng điều cần là được gần cô vợ mà họ yêu, do họ tự lựa chọn ngoài những tiêu chuẩn về tiền bạc và xã hội. Họ tôn thờ tự do và không muốn bị Sô-viết hóa, vì họ chưa quên bài học Hung-gia-lợi đau thương. Họ rất biết cuộc khởi nghĩa bên Hung đã do đám thợ thuyền và sinh viên tuổi đôi mươi khởi xướng và bao mái đầu xanh như họ đã tự nguyện thà chịu đề xe tăng, thiết giáp Sô-viết nghiền nát còn hơn

sống lay lút mà không có chút tự do ăn nói, tự do hội họp, tự do tư tưởng. Đảng cộng sản Pháp càng ngày càng gặp khó khăn trong việc tuyên truyền mong xích hóa lớp người trẻ. Ngay cả thanh niên cộng sản họ cũng nhìn chế độ Gomulka với ít nhiều thiện cảm hơn là «thiên đàng cộng sản» của Khrouchev.

James Dean đã còn đem lại nhiều cái khác nữa. Những chàng tài tử đẹp trai và tài hoa của kinh đô chiếu bóng Hollywood, những cô gái trán bẹp tóc cao kiêu Brigitte Bardot cũng vẫn chưa thỏa mãn chúng ta. James Dean đã đến với sự bất mãn gần như siêu hình, một niềm đau gần gũi và sự khó tính trong lối sống. Tuổi thanh niên khao khát tìm lại tình yêu đơn giản, bền bỉ và đôi khi sự im lặng. Họ cảm thấy sung sướng được sống và không muốn ai hăm dọa cuộc sống ấy. Họ không quên rằng Hiroshima không phải là chuyện thần thoại mà là một sự thật kinh hoàng.

James Dean đã gặp lớp thanh niên ở một điểm khác,

đó là tính ưa mạo hiểm. Chàng say mê đua xe hơi, đùa rớn với tốc độ, và thích sơn lên xe những màu sắc gay gắt nhất. Lái xe cho lao đi với tốc độ 180 cây số một giờ để được thấy đi gần với cái chết, để hằng men sống và tự cảm thấy mình làm chủ số mạng chính mình. Không phải thanh niên nào cũng có thể làm như chàng vì mấy ai được một chiếc *Jaguar* hay *Porsche*, nhưng ưa thích tốc độ phải nói là một bản năng. Trong đó ta phải chiến đấu với ta để tự kiểm chế khi gặp con đường nguy hiểm cho tánh mạng. Đời sống văn minh phức tạp thêm đã ràng buộc con người với những giòng chữ kẻ trên bảng báo hiệu, đèn báo nguy, hội bảo hiểm và hàng trăm ngàn thứ khác với mục đích che chở và bảo đảm sanh mạng chúng ta như một hàng rào giây kẽm gai, nhưng cái gì thái quá cũng thành khó chịu. Mà tuổi trẻ thì lại không muốn như vậy. Họ không chịu được sự kiểm tỏa, họ muốn tự tỏ ra không phải nô lệ của những công thức hay những mảnh giấy. Nhưng suy kỹ ra, sự ưa thích

những chuyện hiểm nghèo của lớp người trẻ hiện đại không phải tự nó một điều xấu. Riêng tôi, tôi thấy có nhiều thiện cảm với họ về điểm ấy, chỉ tiếc rằng họ không luôn luôn chịu tìm một đối tượng xứng đáng hay một nơi thích hợp hơn cho những hành động dễ gây tai nạn. Nhưng tôi sẽ có lỗi lớn nếu không kể ra ở đây bao gương dũng cảm, hy sinh phi thường của những thanh niên khắp nơi đã quên những thú vui của tuổi xuân để chiến đấu cho lý tưởng tôn thờ tự do trên các mặt trận hay âm thầm nơi sa mạc hoang vu mà sự nguy hiểm luôn luôn thường trực. Những viên y sĩ trẻ tuổi đã tình nguyện trong các chiến dịch bác ái, những vị linh mục thanh niên xông pha vào tận thâm sơn cùng cốc để truyền bá đạo Chúa, những trang thanh niên bác học ở *Sarclay* hiến thân cho bao cuộc thí nghiệm phóng xạ nguy hiểm để phụng sự khoa học cho nhân loại.

Nhưng thế hệ thanh niên hiện đại còn được thể hiện ở

James Dean bởi nhiều lý do quyết định hơn. Chúng ta đã biết tại sao chàng tài tử trẻ tuổi ấy đã có thể diễn tả trên màn bạc những thảm cảnh gia đình qua các vai chàng đóng. Đó cũng là những khía cạnh liên quan đến thế hệ chúng ta. Khi muốn hiểu rõ một người hay một thời đại, luôn luôn ta phải quay về tìm hiểu gia đình, mà gia đình, nền móng của xã hội hiện đang gặp nhiều mối đe dọa trầm trọng. Tại Hoa-kỳ và Pháp những vụ ly dị càng ngày càng tăng thêm mỗi năm. Tôi muốn kể ở đây câu chuyện của đôi thanh niên nam nữ. Sau 3 năm chăn gối, người chồng nạp đơn xin ly dị chỉ vì anh ta đã *« chán với cảnh sống chung như vậy »*. Lý do thật đơn giản. Báo chí cũng đã nói đến hàng ngày biết bao vụ tương tự không kém gì các vụ hôn nhân giữa tài tử Hollywood và sự việc xảy ra cho thấy người bạn đường đối với họ chẳng khác chi món đồ trang trí dễ đổi thay tùy hứng. Họ dắt nhau đến ông thị trưởng để xin được thành hôn mau chóng bao nhiêu, thì họ cũng kéo

đến ông Tòa để xin được xa nhau vội vàng bấy nhiêu.

Và cứ như vậy không khóc lóc, không đau khổ ray rứt. Trong những vụ này họ đã quên phứt mất vai chính: đứa con. Tại Nga sô là nơi trước tiên, người ta tuyên bố rùm beng sự giải phóng hoàn toàn cho nam nữ tự do kết hôn và coi đó là hình thức duy nhất của sự phối hợp giữa thanh niên nam nữ. Hậu quả đã cực kỳ tai hại, khiến cho ta thấy cần thiết phải quay về với hôn nhân theo lẽ lối cũ. Sự suy sụp của biết bao xã hội bao giờ cũng bắt đầu bằng sự đổ vỡ của những gia đình. Bởi vậy quan niệm cổ truyền về hôn nhân là quan niệm duy nhất có thể bảo đảm hoàn toàn cho sức sống vật chất và tinh thần trong xã hội. Một cuộc điều tra sôi nổi trong khắp các giới do *« Viện Quốc gia công luận Pháp »* và tuần báo *l'Express* chủ trương đã tiết lộ cho những người chưa thông hiểu vấn đề được biết : Tuổi trẻ hiện nay đã có một quan niệm và thực hành cao đẹp về ái tình và hôn nhân hơn hẳn những thế hệ trước.

Câu hỏi thứ 1 chung cho các giới trẻ là: « *Tình yêu đối bạn có một tầm quan trọng gì không?* » và họ đã trả lời câu đó theo tỷ lệ xác thực như sau:

<i>Rất quan trọng</i>	48%
<i>khá quan trọng</i>	32%
<i>ít quan trọng</i>	13%
<i>không quan trọng</i>	5%
<i>và không có ý kiến</i>	2%

Câu hỏi thứ 2: « *Theo ý bạn, sự trung thành có cần thiết trong hôn nhân không?* » Đây là câu trả lời theo tỷ lệ: Trung thành cần thiết 91% cần thiết cho cả 2 người 82% cho người vợ hơn hết 9% không cần thiết 5% và không có ý kiến 4%

Như vậy chúng ta đã đọc được ở thế hệ trẻ hiện nay một ý thức về những sự tai hại nó đe dọa lòng ham muốn sống mãnh liệt, hăng say bằng cách nghĩ đến kiếm sao thêm được nhiều lợi tức. Phần đông đã giải quyết đề người vợ trẻ đi làm, và nền kinh tế hiện nay mở mang đã thu nhận càng ngày càng nhiều phụ nữ trong các cơ quan, xí nghiệp công, tư. Có

nhiều sở làm mà 80 phần trăm nhân viên là phụ nữ có chồng và như vậy chỉ thiệt thòi cho những đứa con thiếu người chăm sóc trong gia đình. Chúng ta không quên đã có nhiều nhà giữ trẻ, nuôi trẻ sơ sinh làm việc thật chu đáo, nhưng đứa nhỏ đòi hỏi được sống bên người mẹ hơn, nó chỉ có thể nảy nở mau và khôn ngoan, thông minh nếu được chính mẹ nuôi nấng dạy dỗ. Đàng này vì làm việc quá mệt nhọc, người mẹ không còn thời giờ nghĩ đến con và đứa trẻ như vậy được nhào nặn trong một xã hội mà gia đình đang chịu bao cuộc thử thách nghiêm trọng. Nhiều người lớn tuổi không ngớt chê trách và đổ lỗi cho thế hệ thanh niên, nhưng người ta đâu có biết rằng những lớp trẻ đã hiểu thấu, đã ý thức được hiểm họa và không còn muốn rơi vào trong những lầm lỗi của cha anh họ. Họ thành thực muốn cái gì rõ rệt và không muốn dối lòng, vì thế mà người ta gọi họ là « *bọn trảng tráo* ». Họ tin tưởng ở những giá trị vĩnh cửu, ở tình yêu, lòng trung

thành và danh dự, nhưng đồng thời họ cũng nhìn thấy đôi khi những giá trị này bị biến hình cho xấu đi mà vài người trong họ muốn gán cho những danh từ khác. Đó cũng là điểm mà chúng ta thấy thể hiện ở James Dean.

Những bọn trẻ khó dạy

Trên ta đã tìm hiểu tại sao thế hệ thanh niên được thể hiện ở James Dean, giờ ta thử xem những nguyên nhân đã khiến chàng trở nên thần tượng của họ. Tuổi mới lớn bao giờ cũng khó dạy, vì từ 15 đến 20, con trai cũng như con gái đều là những con người vị thành niên, nghĩa là chưa hoàn toàn. Đó là tuổi mơ mộng, đam mê và ưa khích động, tuổi hòa hợp giữa lòng vị kỷ và hi xả, giữa tâm hồn thực tế và ngây thơ hồn nhiên, giữa tính sảo trá và thành thực.

Trong lứa này, tuổi thơ chưa hết mà con người chín chắn cũng chưa thành hình, cho nên họ có thể làm bất cứ cái gì tốt nhất và xấu nhất.

Họ ở trong tuổi còn dò dẫm đề đầu nhận và lo âu, bởi vậy họ tìm đến nhau hợp bầy như đám chim én. Họ phủ nhận và cho sự dịu dàng như là yếu đuối nhưng thật ra họ dịu dàng như những nhánh non. Ở đây ta thấy James Dean gần gũi họ hơn là Françoise Sagan với những nhân vật của nàng. Trong Sagan, các nhân vật đều có cá tính sớm nảy nở, nhưng đã thành hình. Người ta có thể nói Cécile, Josée hay Dominique đều là những kẻ trưởng thành vì hết thấy đều không còn mơ mộng hoặc rất ít, họ tỉnh khôn sáng suốt kỳ lạ trước cả những con gái cùng lứa tuổi ấy. Họ không đam mê, không muốn lắm chuyện, không gào thét. Nếu có khóc, họ chỉ tự bằng lòng với vài giọt lệ động trên mi nhưng cũng cũng chóng khô ráo hoảnh. Họ không giận dữ vì họ thiếu sự nồng nhiệt, hăng say. Tóm lại họ cho thấy hình ảnh những bà cụ bốn mươi mang lốt con gái. Thán hoặc nếu họ có điên rồ nhảy nhót, nốc *whisky* thì họ cũng không lắm lẫn với sự hãnh diện kiêu căng của

những việc làm ấy. Họ không tin tưởng gì ngay cả ở chính bản thân họ. Còn ở đây, nếu có một tài tử đã đánh mạnh vào tâm lý thanh niên thì phải kể đến *James Dean*.

Chàng chỉ tỏ ra đã trưởng thành ở trong phim «*Géant*», còn qua nhân vật Caleb hay Jim, chàng chỉ là kẻ trẻ tuổi hung bạo chống với gia đình, xã hội, những kẻ hăng say muốn sống và muốn chết. Nếu đem nhựa sống này ra ngoài mặt trận, chắc chắn họ sẽ đem về chiến công bội tinh. James Dean trong lối diễn xuất vẫn là cậu bé 18 tuổi khi hồn nhiên, khi chồm lên, khi rên rỉ, khi la hét. Đó cũng là nếp sống của đám học sinh ban tú tài hay đám thợ trẻ trong các nhà máy. Chàng James Dean của chúng ta được họ tôn sùng như thần tượng cũng không phải điều lạ lùng, bởi vì họ cần một thần tượng trong giới họ. Một thời đã qua, các thi sĩ trẻ tuổi *Hugo* và *Musset* cũng đã được thanh niên ngưỡng mộ. Sự khích động của James Dean chẳng có gì xấu xa, mà chỉ đòi hỏi cái gì chính xác,

tình yêu thương, quyền được yêu một người mẹ và sự từ chối một xã hội quá no nề đã lẫn lộn hạnh phúc con người với đầy đủ và an ninh vật chất. Người trẻ hôm nay, nếu tách ra khỏi chính mình để nhìn quanh anh ta, sẽ thấy những gì nếu không phải là hai bộ mặt lo âu tương phản. Trước hết là bộ mặt phong phú của những tài nguyên thiên nhiên khai thác hết mức với bao tiến bộ khoa học áp dụng vào đời sống con người để làm cho nhân loại sống dễ dàng hơn. Anh ta thấy con người được máy móc hỗ trợ trong mọi công việc và có cảm tưởng cái gì cũng dễ dàng. Anh không còn nhận được những biên giới gò bó con người là *thời gian* và *không gian* nữa, nhưng được những tiến bộ vật chất, con người đã mất mát nhiều trên địa hạt tâm linh.

Thời gian là nhà giáo dục tốt nhất cho con người và là kẻ phụ trợ cho tâm hồn chúng ta. Ta phải có ý thức sâu xa trong cuộc sống nội tâm mới mong trở nên con người thật sự chín chắn. Vì

mất mát ý thức đó, cho nên mới có những hiện tượng vô nghĩa lý như tại Thụy-điện, nơi mức sống có nhiều điểm giống Hoa-kỳ. Câu chuyện thật giản dị :

5.000 thiếu niên trẻ măng từ 15 đến 20 tuổi, bận blou-son da bộ mặt đăm đăm, cùng nhau tràn ngập mạch giao thông chính của thủ đô Stockholm. Họ đập phá các tủ kính, đặt chướng ngại vật lung tung, vứt bừa bãi những túi đựng giấy tờ còn cháy dở dang. Họ kéo đến nhà thờ và lật đổ cả những tảng mộ chí. Hằng trăm cảnh binh đã phải vật lộn khó nhọc mới làm chủ được tình hình. Viên Cảnh sát trưởng đã tuyên bố vụ này nghiêm trọng nhất chưa hề có từ xưa đến nay. Lý do cuộc bạo động? Sau khi điều tra kỹ càng, không hề có sự dự định trước cũng như không mấy may có động lực nào đã thúc đẩy bọn thiếu niên bạo động. Họ chẳng có gì để tranh đấu cũng như không thù hằn gì ai và đã bạo động để bạo động. Cũng không phải họ muốn đùa cợt nữa. Thật là

lùng! Nhưng xét cho kỹ, theo tôi, họ làm reo vì tự bản thân họ thiếu hạnh phúc. Họ muốn cái gì khác hơn là những tiện nghi đời sống vật chất mà họ đầy đủ, họ cùng cảm thấy lơ mờ sự thiếu thốn đó mà không nói lên được rõ ràng.

Cơn sóng gió tại *Stockholm* cũng cho thấy cái gì mà ta có thể chờ đợi ở đám thanh thiếu niên các nước cộng sản, nơi mà người ta gọi là xã hội không giai cấp, nơi chủ nghĩa Mác-xít tuyên truyền sẽ làm cho con người sung sướng bằng hạn chế tự do và sản xuất thật nhiều. Bài học *Budapest, Poznan* cùng nhiều nơi trong bức màn sắt đã chứng tỏ điều đó và một ngày kia chắc chắn nó sẽ xảy ra tại Nga-sô. Lớp thanh niên hiện đại đã bị cám dỗ đề từ chối tương lai và chỉ bằng lòng hiện tại. Họ muốn la lớn như James Dean : « *Tôi muốn sống vội vàng* ».

Nhưng James Dean đã quyến rũ họ ở những điểm khác nữa. Chỉ nhìn phớt qua mẫu người ấy và theo các tạp chí, ta đã có cảm tưởng ngay

là chàng là kẻ tự lập thân, tự đem lại vinh quang cho mình. Chàng đã đến kinh đô chiếu bóng rất mau lẹ và ở đó người ta cũng đã thấu nhận chàng gấp. Là tài tử, chàng không bao giờ đúng hẹn, đúng giờ và chỉ cần biết đến bản thân với những thắc mắc riêng tư. Tuổi trẻ nhìn thấy ở chàng hơn hết, một niềm ước muốn tự do cuồng nhiệt nó là đặc điểm căn bản của họ. Có một thanh niên mà tôi quen biết, anh ta khỏe mạnh, dễ có thiện cảm, thông minh và tế nhị. Trong phòng anh ta có treo một bức hình của James Dean. Thuộc một gia đình có giáo dục hoàn toàn và có tiền bạc dư dả, nhưng anh đã có những khả năng đáng ngạc nhiên về thương mại, anh tỏ ra rành rẽ mọi cách kiếm tiền lời mau chóng, đôi khi bằng những phương tiện vượt giới hạn luân lý. Chính anh đã cho tôi biết James Dean đã thấu hoạch được số tiền kếch sù về nghề tài tử (20.000 đô la với cuốn *A l'Est d'Eden*, 50.000 với *Fureur de vivre* và 100.000 với *Géant*). Điều anh làm đã khiến tôi chú ý và sửng sốt. Tôi còn

nhớ, ở tuổi anh, các bạn tôi và tôi không hề được biết gì đến tiền bạc ngoài mấy mẩu giấy thuốc lá dấu diêm. Thời nào, kỷ cương ấy, họ đã khác chúng tôi xa lắm. Tôi nghĩ rằng trong những nét thanh niên hiện đại, ý thích có tiền là một điều mới lạ và đáng lo ngại. Óc duy thực này thật là khác thường ở cái tuổi mà mơ mộng viễn vông, lý tưởng chủ nghĩa không tưởng và đại lượng đáng lẽ phải là những món ăn chánh yếu.

Cuộc sống hiện đại mặt khác đã tăng thêm bao cám dỗ cho họ, khiến họ mơ tưởng làm sao kiếm ra nhiều tiền để được thỏa mãn mau chóng. Bởi vậy ta không lấy làm lạ khi James Dean với vai Jett Rink trong *Géant* đã quyến rũ lớp thanh niên không ít bởi sự làm giàu nhanh chóng, bởi những giếng dầu lửa, những buổi tiếp khách huy hoàng mà tất cả mọi người đều thuộc quyền chàng, ngay cả đến những linh hồn.

Thời kỳ thanh xuân là thời kỳ của sự vật lộn. Sức lực của thể xác, vóc dáng con

người đều là những giá trị được lớp tuổi dưới đôi mươi (teen-agers) công nhận. Trong « *La Fureur de vivre* », James Dean đã nói lên điều đó một cách rõ ràng như ban ngày. Chàng chiến thắng đũa bạn Buzz hùng hổ bằng dao nhọn giữa đám bạn bè hò hét cổ vũ. Đó là một thảm cảnh điển hình của tuổi trẻ trong đó có đủ cả : sự từ chối nhận lỗi của người cha, việc tìm những hành động cứng rắn để che đậy cái gì mềm yếu bên trong, sự mê hoặc quyến rũ của chết chóc và hành động đi tìm tình yêu thương. Lối diễn xuất của chàng đúng quá, nó có thể hợp với một thanh niên vùng ngoại ô *Chicago* đến một cậu thợ mới học việc ở *Aubervilliers*. Cuốn phim này đầy rẫy những hành động cuồng bạo thô lỗ trong đó nếu nhân vật Jim đã chiến thắng sau hết trong lãng mạn và đau thương, chính bởi vì chàng đã tự đi đến cô đơn và tuyệt vọng bằng tất cả mớ kinh nghiệm. Nếu chàng biết đứng dừng lại ở trước sự phạm pháp, bởi chàng đã sáng suốt và đã tìm thấy được tình yêu

của Judy trên bờ vực thẳm. Nhưng còn biết bao thanh niên đồng tuổi với chàng ở Pháp và Hoa-kỳ, sao họ không dừng lại kịp thời? Vấn đề thiếu nhi phạm pháp là một trong những vết thương của xã hội mệnh danh văn minh của chúng ta. Từ 1950 đến 1954 con số thiếu nhi phạm tội đã lên gần gấp đôi tại Hoa-kỳ. Nó là vấn đề xã hội số 1 tại quốc gia này, trong đó 500 ngàn kẻ vị thành niên đã phải ra trước tòa án Thiếu nhi. Chỉ trong có 8 tháng đầu năm 1957, cảnh sát Nữu-ước đã đếm được 110 vụ gây lộn giữa những đám thiếu niên nam nữ từ 14 đến 17 tuổi. Cũng trong thời kỳ này 22 đứa đã tử thương trong các vụ xung đột. Tại Pháp, một hồi mười năm sau Đệ nhị thế chiến, con số thiếu nhi phạm pháp đã giảm xuống nhiều, nhưng đột nhiên lại tăng lên với tỷ lệ nguy hiểm. Đây là những con số chứng minh (riêng những vụ cảnh sát và hiến binh được biết và can thiệp) :

10.752 vụ năm 1954

11.332 — 1955

12.415 — 1956

Đến 6 tháng đầu năm 1957, số đó tăng lên 30% và có điều lạ lùng là ở những nước chậm tiến như Ấn-độ, Maroc v.v... tỷ lệ thiếu nhi phạm pháp lại rất ít. Điều cần lưu ý là việc phạm pháp đã không từ cả những con em gia đình khá giả. Tình trạng gia đình chia rẽ, người mẹ nhẹ dạ dễ tính đã là những nguyên nhân chính.

Nhưng trước sự lo âu thắc mắc, với những câu hỏi ròn rập quay cuồng, với sự thất vọng tinh thần của James Dean qua lối diễn xuất mang nhiều sắc thái, bao nhiêu lớp thợ thuyền trẻ tuổi của nước Pháp đã ưa thích cái gì tượng trưng cho cường tráng vui tươi yêu đời của *Eddie Constantine* hơn. Chàng tài tử Pháp này là một thứ *cow-boy* có thiên tài lạc lõng trên các đại lộ và vũ trường của thời đại.

Chúng ta hãy trở về với lớp thanh niên thuộc những gia đình cần lao mà nếp sống tương đối làm mạnh hơn. Gia đình họ ít xảy ra những vụ ly dị và nền giáo dục cũng khe khắt hơn, đã đem lại cho

đứa trẻ một lợi khí sắc bén chống với những lớp tán công ngoài đời.

Theo tôi, một người thợ trẻ ít bị điện ảnh và thời sự cám dỗ hơn, vì từ năm 16 tuổi anh ta đã chọn nghề phải làm việc giúp đỡ cha mẹ. Anh phải cọ sát với đời sớm nên dễ nhạy cảm trước những vấn đề xã hội mà cha mẹ, bạn bè cũng như bản thân anh đã gặp, hơn là trước những thắc mắc thuộc về tinh thần đạo đức hay siêu hình mà thường thường nó hay ám ảnh đầu óc thanh niên gia đình tự sản. Lớp thanh niên đồng quê cũng tìm thấy quân bình cho tâm hồn một cách mau chóng. Họ không bị mất ý niệm về thời gian vì họ phải luôn luôn canh chừng, chăm sóc mùa màng, ruộng nương suốt bốn mùa mưa nắng. Vì vậy họ đã tìm được ở nếp sống bình dị ấy một nhịp điệu bất diệt, một sự yên tĩnh trong lành thích hợp cho tâm hồn và thể xác nảy nở toàn diện. Quen vất vả rồi, họ không còn mơ những chuyện nguy hiểm, trái lại họ chỉ ước

mong những điều đẹp đẽ. James Dean đã vẽ lại bao thắc mắc, lo âu của lớp thanh niên hiện đại, nhưng chàng đã chỉ gặp những thanh niên thuộc cái gia đình no đủ mà thôi.

Trường hợp của chàng khiến cho ta liên tưởng tới một Raymond Radiguet trẻ măng với 2 cuốn « *Le bal du Comte d'Ogel* » và « *Le Diable au corps* ».

Trong một đoạn của cuốn « *Diable au corps* », cậu học sinh trẻ đã yêu Marthe, vợ một người lính ra trận. Trước phản ứng của cha mẹ, cậu nghiên ngẫm một cách lạnh lùng và sáng suốt : « Cha tôi vô hình chung đã là đồng lõa trong mối tình đầu này. Ông còn khuyến khích, hề hã thấy tôi sớm biết. Ông luôn luôn sợ tôi bị rơi vào tay một người đàn bà xấu xa và lấy làm hài lòng được biết tôi yêu một người con gái dũng cảm, nhưng ông đã phải rầy nầy khi ông thấy Marthe định ly dị chồng. Mẹ tôi lại khác, bà ghen tuông và nhìn Marthe như thù địch. Bà ngạc nhiên trước việc Marthe đề ý

đến thằng trai như tuổi tôi... Có một cô nhân tình vợ lính, tôi đã sống gần xa lánh bạn bè, che dấu cha mẹ để khỏi bị đàm tiếu. Mẹ tôi thì trách móc cha tôi đã làm ngơ trước việc xấu đó và hy vọng cha tôi hành động thì người lại im lặng. Bởi vậy bà cũng nín tiếng luôn ».

Thật không nhà văn nào lại phân tích tỉ mỉ sự nể nang và tôn trọng tự do như vậy, điều chỉ có thể tìm thấy trong giới dư dật. Vì sợ dư luận nói ra nói vào, các bậc phụ huynh đã làm ngơ trước việc lầm lỗi của con mình, miễn sao hành động của chúng được che đậy kín đáo.

Nhưng đáng thương thay, đứa trẻ được thả lỏng giây cương đâu có chịu yên như thế. Một hành động bậy bạ thêm nữa cũng đủ để dẫn đưa nó đến bót Cảnh sát hay ra Tòa án. Lúc đó cha mẹ nó sẽ đau đớn biết bao khi nói : « Chúng ta đã dạy con tất cả sự thật », nhưng cũng như chàng Jim đáng thương trong « *La fureur de vivre* », đứa trẻ khó dạy sẽ khổ sở nhiều khi tin ở câu đó.

GIỮA cơn bão tố thắc mắc dày vò tâm can, niềm đau trước điều lành và điều xấu, chàng Jim trong «*A l'Est d'Eden*» đã thốt lên : «*Tôi tàn ác, có phải không ? Nói lên đi, rằng tôi tàn ác và không ai yêu tôi cả*». Đó cũng là câu hỏi của chính James Dean trong lúc tâm tình với vị mục sư ở Fairmount.

Tuổi thanh niên, tuổi của cứng rắn và hiền dịu, của Tình yêu và Tự do, đó là quãng đời đẹp nhất trước khi bước vào trường đời sâu thẳm và tàn thương. James Dean, một bộ mặt, một niềm đau vò sé, một tình thương sớm mất mát, đã tượng trưng cho cuộc chiến đấu nội tâm giữa cái xấu xa và đẹp đẽ. Tôi cũng đã suy nghĩ nhiều đến những «*Vitteloni*» của thành Rome, «*Demi-Sels*» của Munich, «*Houligan*» ở Varsovie và «*Taiyo Zoku*» (bọn tôn thờ mặt trời) ở Đông-kinh, họ đang tôn thờ James Dean như thần tượng và chỉ mơ ước những vụ đập phá, nhảy nhót cuồng loạn. Vẫn biết ta không thể chỉ nhìn những ngọn nấm nhỏ

để đánh giá tất cả một mảnh đất cày cấy. Cái chúng ta cần tìm hiểu, chính là sự thật biều lộ trong đám thanh niên ở mỗi thời đại. Nhiệm vụ chăm sóc họ là ở những bậc phụ huynh, những nhà giáo dục và những người làm luật, để phá bỏ cái gì tệ hại và xây dựng lại thể hệ thanh niên.

James Dean đã không còn ở cõi đời, nhưng chàng đã để lại trong tâm trí chúng ta, bộ mặt trẻ trung không bao giờ già, không giống bao nhiêu tài tử điện ảnh khác. Để kết thúc bài này, và cũng để ghi lại hình ảnh chàng trai đang hát giữa trời California cũng như Texas lộng gió, mời các bạn hãy cùng tôi khẽ ngâm nga bản *Nature boy* :

Có một chàng trai
chàng trai bản tính kỳ cục
và yêu đời...

Điều đẹp dễ nhất
mà mi học được
Đó chỉ là yêu thương và
đòi lại, được yêu thương...

ÁI NHÂN

Trường hợp Françoise Sagan

HAI mươi hai tuổi, với ba cuốn tiểu thuyết hơi mỏng, Françoise Sagan, một sớm đã nổi tiếng như cồn, khắp thế giới. Nàng vào làng văn từ năm 1953, đến năm 1957, với cái tuổi khá non trẻ của nàng, đã lôi kéo được rất nhiều cảm tình, gây sự thèm muốn của vô số người, và không biết bao nhiêu lời phê bình khác nhau.

Người ta đã nói đến một thần bí Sagan.

Người ta đã nói đến có một trường hợp Sagan.

Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu cái « trường hợp Sagan » ra sao.

Sagan là bút hiệu của một tên thật là Quoirez sinh trong một gia đình trưởng giả, công giáo, ngày 21-6-1935. Tuổi thơ ấu của nàng được chiều chuộng sung

sướng. Nàng là một đứa trẻ ham thích tự do, vùng vẫy, lang thang ở các vùng quê, và không thích đến lớp học. Nhưng nàng lại ham đọc sách, đọc bất cứ sách gì rơi vào tay.

Chiến tranh kết liễu, gia đình Quoirez dọn lên miền phụ cận Ba-lê lập nghiệp. Trong cái không khí khác thường của thời buổi ấy, Sagan, theo học một tư thực, rồi vào trường các bà Phước. Sau ba tháng nàng bị đuổi. Vì sức yếu, nàng được học một năm ở miền núi, và sau đó, lại trở về Ba-lê, vào một trường tân tiến hơn, tự do hơn, khiến cho nàng đôi khi có thể bỏ sách vở đấy, đi dạo các phố phường ở Ba-lê. Nhưng trong khi ấy thì nàng cũng cứ sửa soạn để thi tú tài. Kỳ thi lần thứ nhất bị trượt, nàng chỉ đỗ ở kỳ thi vớt thứ hai.

Hè năm ấy, có sự bất hòa giữa nàng và thân mẫu, nhân đó nàng bỏ dở cuộc nghỉ hè ở miền Tây-Nam, để trở về gian nhà yên tĩnh đường Malesherbes. Chính nơi đây, nàng đã hoàn thành xong cuốn « Bonjour tristesse » trong hai tháng rưỡi và đưa bản thảo cùng một lúc cho hai nhà xuất bản Julliard và Plon hôm 6-1-1954. Đến tháng ba, thì tác phẩm đó được đưa ra trình diện với thiên hạ ở cửa kính hàng sách. Cũng chính năm 1954, nữ văn hào Colette qua đời.

Đến đây, ta đã có thể rút ra được vài kết luận khi một tài năng văn chương xuất hiện, thì tám phần mười người ta có thể chắc rằng đó là sản phẩm của một giai cấp « thoái hóa. » Vậy ta có thể kết luận : một thời gian nhàn dỗi, một sự học kéo dài là yếu tố cần thiết để trở nên một nhà văn. Những đứa trẻ trong gia đình trưởng giả có nhiều điểm lợi để diễn tả hơn là các trẻ ở những hoàn cảnh khác của xã hội. Chúng lại có nhiều điều kiện tốt đẹp khác nữa, vào cái tuổi 15 chúng không phải đi kiếm sống, mà cứ tiếp tục trau dồi phần trí thức của mình.

Giữa giai cấp trưởng giả, và nền văn chương như có một sự đồng lõa vững bền. Nền văn minh từ thế kỷ XVI đến XX là nền văn minh của sách vở, và của thành thị. Trong nửa thế kỷ nay, hẳn chúng ta đã đi vào một thế giới mới. Sách vở không phải là phương tiện duy nhất để làm vui cho công chúng, hay truyền bá tư tưởng lẫn cho nhau. Lớp người trẻ trong gia đình trưởng giả, đã sẵn có thiên tư, lại say mê đọc sách, có sẵn tủ sách gia đình là điều khiến cho chúng dễ trở nên văn sĩ. Đó là trường hợp của Françoise Sagan vậy.

Không muốn dự kỳ thi cử nhân văn chương, không muốn ở mãi cái chỗ ngồi của một sinh viên, Sagan, thử tìm một con đường mưu sinh, và sáng tác ra những bài văn hay, đẹp. Nàng xử sự như vậy, chẳng khác Maurois, Mauriac, Cocteau, Gide v.v... đã làm trước kia. Nếu văn thể của nàng, ngay từ đầu đã được sáng sủa, rõ ràng, đượm vị cay chua luân lý, là bởi vì cái lẽ thói truyền thống muốn như vậy. Gia tô giáo cũng dự vào đấy một phần ảnh hưởng nào.

Sagan cần một trả lời về những câu hỏi do cuộc sống đặt ra. Có một vấn đề ta muốn biết là làm thế nào giới thiệu Thượng Đế với bọn trẻ sống trong một xã hội vô thần. Trái đất của loài người đã được cày sâu xuống bởi những phát minh mới. Ta không thể gieo mầm xuống đó như lối làm việc xưa kia.

Một câu chót, Sagan rất ư là trưởng giả bất cứ hình thức nào, kể về cá tính của nàng, bởi gia đình nàng, tài năng nàng. « *Bonjour tristesse* » là một truyện một thiếu nữ và cha nàng, một quảng cáo viên giàu có, trong khi nghỉ hè ở bờ biển, đã không ai dấu ai mối tình bất chính của nàng. « *Un certain sourire* » là một cuộc phiêu lưu của một nữ sinh viên ở Sorbonne. Nàng đã bỏ tình yêu với một bạn đồng học để thay thế bằng một tình yêu khác, với một gã đàn ông đã cao niên, lẳng lơ, trưởng giả.

Trong tác phẩm thứ ba « *Dans un mois, dans un an* » nàng tả một nhóm người chứ chẳng phải chỉ là chuyện một thiếu nữ thôi. Đó là những người thuộc giới trí thức, gồm những văn sĩ, kịch

gia, nhà xuất bản, và những người đàn bà, vợ họ. Cuộc theo đuổi ái tình, là vấn đề chính của tác phẩm. Đó là một cuộc theo đuổi mất công vô ích, vì kẻ nào muốn yêu, thường chẳng được yêu. Cuộc theo đuổi, tuy nhiên cũng ngăn ngui thôi, vì chẳng phải đó là một ám ảnh thoát thai bởi một tình yêu nhục dục. Song điều đáng chú ý là nghệ thuật của Sagan có một giá trị, có thể ví với De la Rochefoucauld, Chamfort và Benjamin Constant.

MỘT TÀI NĂNG — Người ta thường so sánh Sagan với Colette. Thực ra thì hai người cũng có những điểm giống nhau, đều có khiếu về văn chương, đều bắt đầu viết sách từ năm mới hai mươi tuổi.

Cuốn « *Bonjour tristesse* » ra đời... cho người ta nhận thấy ở Sagan một tài năng. Sau hai năm, cuốn « *Un certain sourire* » in ra, thì Sagan đã chiếm được một địa vị vững vàng trong văn giới. Làm sao giải thích được rõ ràng một tiểu thuyết gia thượng hạng. Song, chính với cuốn « *Un certain sourire* » mà chúng ta có thể chắc rằng có một « thế giới Françoise Sagan », trong đó,

nàng dẫn ta đi sâu vào, cho ta tìm ra nhiều khám phá, mà chúng ta hoặc lấy thể làm thú vị, hoặc lấy làm ghê tởm. Ta thấy nơi đó một tiếng nói cất lên, một vấn đề nhân sinh đặt ra, một nụ cười chịu đựng và thất vọng.

Người ta có thể đặt Sagan song hàng với De la Rochefoucauld.

Tác phẩm thứ ba của Sagan khác hẳn hai cuốn trước không phải là một truyện viết kể theo ngôi thứ nhất, và với một giọng tâm tình, có chín nhân vật đến với nhau trong thời gian một năm. Cuộc sống của họ, hay nói đúng ra, những cuộc tình duyên của họ lẫn lộn, ràng buộc như một đề mục của một bản nhạc ngắn. Người ta có thể nói đó là một cuộc chơi ú tim, mà mất mỗi người đều bị bịt bởi tình yêu, hòa nhau theo đuổi một người, và chính người này lại đi rượt theo một người khác.

Sagan đã tự chọn cho mình một con đường : một con đường luân lý cay chua. Nàng được liệt vào nhà văn tâm lý, mà đôi khi sự dạn dày còn được tô điểm bởi một nỗi buồn sâu xù.

QUẢNG CÁO CỦA BÁO CHÍ
— Tác phẩm của Sagan vừa in ra đã thu lượng ngay được những kết quả vô cùng rực rỡ.

« Bonjour tristesse » bán được 650.000 cuốn ở Pháp. Bản in ở Mỹ, đến con số 1 triệu độc giả. Những cuốn sau, cũng không dưới 30 vạn cuốn, và cuốn nào cũng được dịch ra trên hai mươi thứ tiếng. Bảy mươi trang đầu cuốn « Bonjour tristesse » được dịch ra tiếng Nhật, để học sinh Nhật hiểu biết văn chương hiện đại của Pháp. Các hãng phim đua nhau mua bản quyền. Tất cả những điều ấy làm cho tên Sagan nổi tiếng thế giới, chẳng khác chiếc đĩa thần đã đem phép màu nhiệm làm đảo lộn cả một cuộc đời.

Đó là một thử thách tâm lý khá lạ kỳ, khi một cô gái mười tám tuổi, con một gia đình trưởng giả, chỉ trong vòng mấy tháng, trở nên một thứ thần tượng, được sự tán tụng của cả thế giới. Dù hãy còn trẻ quá, Sagan cũng không hề tỏ vẻ gian trá với những vẻ vang của mình; nàng không dấu hết những ý nghĩ riêng tư. Trong các cuộc phỏng vấn báo chí, nếu người ta nói đến những kết quả rực

ữ của nàng, thì nàng cũng đón nhận như một định mệnh thích thú.

Hãy nghe báo « Express » phỏng vấn Sagan :

Express : Cô có lấy làm khó chịu về những bài báo thuật những mẩu chuyện sai lầm, điên đảo, khả ố về cô không ?

Sagan : Trước kia tôi có lấy làm căm giận. Nhưng bây giờ thì không.

Express : Cô có cho là xui xẻo khi cùng một lúc, người ta loan tin cô lấy chồng, và sự ra đời tác phẩm của cô ?

Sagan : Tôi không chịu trách nhiệm gì về việc này. Chính một tờ báo Anh đã loan tin trước.

Express : Còn những tấm hình in trên các báo ?

Sagan : Đó là việc làm của các thân hữu cả. Tôi cũng chẳng lấy gì làm phiền. Tôi chỉ là một người viết văn, mà không phải kẻ dễ người ta phải nói tới trên báo chí. Người ta hãy đọc những tác phẩm của tôi, hơn là nói đến đời tư tôi.

Express : Như thế có ảnh hưởng đến việc in sách không ?

Sagan : Có chứ. Lợi cho việc quảng cáo, do đó sách in được nhiều.

Express : Song có ảnh hưởng đến việc trước tác của cô không ?

Sagan : Không. Viết là một việc cần yên tĩnh.

Người ta vẫn thích một Sagan nổi tiếng hơn là một nghị sĩ kiêu ngạo, hay một Brigitte Bardot.

Thế hệ không cha mẹ

SỰ thành công của Sagan còn nhiều nguyên cơ nữa. Tác phẩm của nàng đã làm thích thú một thứ công chúng, song thứ công chúng nào, và ở đâu ? Thật khó mà trả lời, vì chúng ta không thể làm một cuộc dò hỏi, xem độc giả của F. Sagan vào lớp tuổi nào và giai cấp xã hội nào. Người ta thường nói đến lớp thanh niên là ham đọc Sagan. Người ta cũng nói đến nổi khổ, nổi bức tức về cuộc sống của thế hệ trẻ tuổi này. Nhiều người vào hạng lớn tuổi cũng là độc giả của Sagan. Trong « Bonjour tristesse », « Un certain sourire », nàng đã nói đến nhiều sự thực về giới thanh

niên hiện đại. Trong những tác phẩm đó hẳn phải chứa đựng những gì quan trọng về phương diện luân lý, hay tâm lý, chẳng khác một thông điệp vậy.

Bệnh của thanh niên bất cứ thời nào cũng có, và cả thiếu niên cũng mắc phải. Thiếu niên là tuổi khó tính, đó là thời kỳ giao động, chưa nếm những khổ đau của người lớn. Người thiếu niên muốn tách rời khỏi sự che chở của cha mẹ, lìa xa gia đình để đi tìm những mới lạ của cuộc đời. Anh vụng về, thất vọng, nhưng dần dần lại thấy rằng những bậc cha mẹ cũng không được hoàn hảo như các người khác. Song nếu để cho anh tự sống lấy một mình trong một thế giới không có người điều khiển, không có pháp luật, thì anh lại càng thấy cô độc, và như bị bỏ rơi. Đó là tình trạng của cả một thế hệ này vậy. Vì thế, nên dù muốn hay không, trên bình diện có giới hạn, đối với hạng độc giả ít tuổi hay nhiều tuổi, thì trường hợp Françoise Sagan cũng đã được nêu ra. Nếu bây giờ người ta thử soi vào gương thấy mặt mình xấu, thì cũng đã có hàng triệu độc giả hoặc đã say mê, hoặc khó chịu vì những tác phẩm của Sagan.

Phải nên phân biệt trong « thông điệp » của Sagan nhiều đoạn khác nhau. Trong « *Un certain sourire* », nhân vật chính không thể chịu đựng nổi buồn hàng ngày. Nàng có ở trong nàng một sức sống, một nguồn sinh lực vui vẻ, nở nang. Để giải trí, nàng đi tìm những kích thích để thoát ra khỏi cái hơi ẩm hàng ngày. Chẳng có gì là mới lạ ở đó, mà chỉ là một sự diễn tả một thời bệnh thông thường tương xứng với một hình thể con người. Đó là một thời bệnh khá sâu xa, dằng dai của thanh niên, mà, than ôi ! người ta cứ tin rằng chữa được. Thời bệnh do Sagan tạo ra cho đám người trẻ tuổi, được biểu hiện với một nỗi thất vọng vô biên. Nàng tô điểm cho những nhân vật nàng gặp trong cuộc đời. Nàng đặt thành vấn đề và tự giải quyết lấy, dưới một hình thức có giới hạn của một giai cấp và một giống. Nàng giơ tay tố cáo một bi kịch của thời đại, dưới một khối đá, do nàng nhấc lên, nhưng nhức đủ thứ yêu ma, quỷ quái chạy trốn khắp nơi, mà chẳng một ai giữ lại được. Trong cái buổi giao thời mà chúng ta sống đây, thế giới với những chiến tranh, những cuộc cách mạng, những

thay đổi luôn luôn của kỹ thuật chẳng lợi gì cho sự hòa hợp chồng vợ, cho quyền lực phụ huynh, cho sự kết hợp gia đình. Bị lôi cuốn vào những cuồng phong xã hội, nhiều gia đình không giữ vững được thế quân bình, dễ bị lung lay, khiến cho con trẻ sa vào tình trạng khủng hoảng.

Trong một cuộc phỏng vấn của báo Express, Sagan đã bày tỏ quan niệm của nàng về giáo dục tự do như sau :

Express : Nếu cô có một con gái... thì cô sẽ dạy nó ra sao ?

Sagan : Tôi chẳng khuyên gì nó cả. Tôi sẽ tìm làm sao cho nó hiểu biết được mọi sự xảy ra ở đời. Nó phải có một nền học vấn vững chắc. Rồi tôi tìm cách làm sao cho nó tin cậy được như ở tôi, nếu có gì xảy ra. Thế thôi. Và mặc cho nó sống.

Express : Cô có nghĩ đến làm nó chậm hiểu biết về tình ái.

Sagan : Tùy nó. Nếu một thiếu nữ muốn biết về tình ái, thì mặc nó. Chẳng gì ngăn cản nó được. Có điều gì kìm hãm được nó, thì chỉ là sợ có con, hoặc một cái gì tương tự như thế.

Express : Thế là cô cứ để cho nó tự do chồng chất phạm nhiều lầm lỗi ?

Sagan : Tôi không nghĩ đến những lầm lỗi của nó quan trọng đến bậc nào. Nếu kẻ nào có tư tưởng cao thượng về tình ái, thì họ cứ giữ lấy cho họ. Nếu họ bị lừa dối, thì họ sẽ trả bằng giá hoặc đắt hoặc rẻ.

Tình dục

NHỮNG tác phẩm của Sagan đã rọi sáng tàn nhẫn thú nhục dục, trong đó, hiện nay, đang đấm đuổi một số người lớn tuổi và đa số thanh niên.

Chín nhân vật trong cuốn « *Dans un mois, dans un an* » không nghĩ đến chút nào về luận lý xác thịt ; khi họ thấy cần đến một người, thì họ tìm cách thỏa mãn cho được, không cần biết đến rằng người đó đã có vợ hay có chồng rồi. Khi cần phải đặt vấn đề tại sao họ yêu và có hợp lý không, thì chẳng hề họ phải đề nhiều thời giờ thắc mắc đến. Họ để cho sự việc qua đi, như không có vấn đề ấy nữa.

Chín nhân vật trong tác phẩm của Sagan, theo sự tiến triển liên tiếp của cuộc phiêu lưu tình ái đã thể hiện dưới nhiều hình thức thú vui xác thịt, tùy tính tình và địa vị của mỗi người.

Hãy tạm dịch một đoạn tả anh chàng Simon sau khi trả lời một bạn gái trong điện thoại. Họ định cùng chung sống với nhau một đêm :

« Simon và nàng cùng khiêu vũ. Nhạc nổi lên ầm ập lạ kỳ. Nàng đưa má vào vai Simon, không nói một câu. Nàng ngấm mọi người khiêu vũ quanh nàng, mắt nghiêng ngửa trong tiếng cười. Tay người đàn ông ôm chặt lưng người đàn bà, toàn thân họ chìm đắm trong điệu nhạc du dương. Nàng chẳng nghĩ đến gì cả. »

Nàng :

— Đây cũng chỉ là một chuyện, như nhiều chuyện khác, và cuộc đời cứ qua đi.

— Cuộc đời cứ qua đi. Anh còn lại, em cũng thế, và chúng ta cứ khiêu vũ mãi.

Đến gần sáng, đôi trai gái lên xe về nhà Simon. Không ai nói

với ai một câu. Khi lên giường, nàng hôn chàng.

Ánh sáng ban ngày xuyên qua màn cửa, chiếu vào những quần áo vứt toỉ tả dưới sàn nhà. Nàng nhắm mắt lại hỏi bằng một giọng thần nhiên :

— Cuộc đời thật là bất cười.

— Em nói gì ?

— Em cũng chẳng biết nữa. Rồi quay mặt vào chàng, nàng ngủ. »

Nhiều cuốn tiểu thuyết hiện đại miêu tả tình dục phũ phàng, song có tác giả nào đã viết một truyện táo bạo mà không dùng một lối hành văn bỉ ổi. Nổi bật vọng kín đáo của các nữ nhân vật trong tác phẩm của Sagan làm ta rung động trong phạm vi vấn đề xác thịt đặt ra. Chúng ta đứng trước nỗi khốn khổ của con người, không phải nỗi khốn khổ thể chất mà các nhân vật của Sagan không biết, song mà là trước sự đau buồn tinh thần, đưa người đàn ông đối chất với những vấn đề chính yếu, đề đòi hỏi một câu trả lời. Câu trả lời này, tác giả không cho chúng ta biết.

Luân lý và thế giới hiện đại

NHỮNG nữ nhân vật trong tác phẩm Sagan đã gây thích thú cho hàng bao triệu người. Bây giờ và ít nhất là vài năm nữa, họ vẫn là một thứ thần bí hiện đại. Cái khiêu của Sagan đưa nàng thành một nhà luân lý gia cay đắng và thất vọng, liệt nàng vào hàng từ Montaigne, Mauriac, qua Racine, Stendhal. Nàng cho ta nhớ lại nhiều chuyện cũ, và biết thêm nhiều điều mới, cho ta cảm thấy dễ dàng những lối bịch, và sự bí mật căn bản của tình yêu cuồng nhiệt. Những nhân vật ham nhục dục trong tác phẩm Sagan, chẳng khác những đoàn chim về mùa thu bay đi phương khác. Chúng quen biết nhau cả, và gọi nhau. Chúng sống với nhau từng toán nhỏ kín đáo, và tìm cách cùng nhau thỏa mãn theo những nguyên tắc bí mật. Khi đến tuổi già chúng sẽ đi tìm những bạn trẻ hơn, nịnh hót, chiều chuộng chúng, để tận hưởng khoái lạc, như trước kia chúng đã từng hưởng.

Nàng Cécile trong « *Bonjour tristesse* » mới mười bảy tuổi, ca ngạo tình yêu mà nàng mới

khám phá ra ; nàng lý luận một cách thông minh câu : « làm ái tình. » Nàng nhìn những gã đàn ông lớn tuổi bao vây quanh nàng, và nghĩ đến thân phận mình khi tuổi đã xế chiều, lúc ấy nếu còn muốn hưởng sự êm ấm của khoái lạc, thì nàng cũng phải trả đắt cho các chàng trẻ tuổi.

Sagan đã thấu rõ tất cả mọi điều ấy, nên trong các tác phẩm của nàng, người ta được đọc một cách rõ ràng cái thế giới thu hẹp của bọn người nhục dục. Chúng ta sống cùng thời với Sagan, nên cũng thông cảm được với các nhân vật mà nàng tạo ra. Người ta có ý nghĩ những nhân vật này muốn thoát ly ra khỏi những điều kiện sống của con người. Họ chỉ chấp nhận có một phần : sự đòi hỏi luôn luôn của xác thịt, lòng ham muốn kéo vào mình kẻ mình yêu.

Con người bây giờ muốn thỏa mãn cho luân lý, thì phải làm việc cho công cuộc thống nhất, phải nghĩ đến các nước kém mở mang, phải đem lại sự công bằng cho các xứ còn bị trị và giới công nhân. Người ta sẽ cho là lối bịch khi đem những vấn đề

ấy ra đề nói đến những tác phẩm của một cô gái ngoài hai mươi tuổi. Thành tích của Sagan chứng nhận rằng có một sự thay đổi mãnh liệt giá trị luân lý trong những năm gần đây. Những sách của nàng không mang tính cách xác thực, không đề cập đến những vấn đề của thời đại.

Mỗi thế hệ đòi hỏi những giá trị tùy theo sở thích và hợp với nhu cầu mình, như một kẻ hành khát được mời ngồi vào bàn ăn, thì vội vàng lựa ngay thứ gì ngon cho mau để thỏa sự thèm thường bấy lâu. Thế giới hiện tại là cơ khí, là tốc lực, mai đây là du lịch không gian đều theo đuổi một sự thống nhất. Sự việc này chưa thực hiện ở phương diện chính trị, song đã hoàn thành ở phương diện kỹ thuật.

Chỉ có một nền luân lý, nó chưa đứng trong sự tôn trọng cá nhân. Hiện nay có hơn một tỷ rưỡi người sống trong cảnh rất thiếu thốn. Hết chiến tranh, lại tiếp đến những cuộc cách mạng, khiến cho hàng bao nhiêu triệu người bị xô vào cảnh đói khát, ngu dốt. Họ muốn có những thủ lãnh đưa họ ra ngoài ánh sáng, hưởng sự an lạc. Vấn

đề luân lý nhục dục có đáng kể gì, nó không được coi là điều quan trọng. Điều cần là thực hiện thống nhất nhân loại, và phân phối tài nguyên cho hợp lý, khiến cho mỗi người đều có thể có một chỗ ngồi trong đại tiệc của mọi sản xuất và văn hóa tân tiến. Điểm này nếu kẻ nào không chịu hiểu, thì sẽ bị coi như là vô luân, trước con mắt của quần chúng, dù họ không lừa dối họ, hoặc không đánh cắp của đồng bào họ. Người đàn bà phải bán dâm để sống, bởi cái xã hội mà họ đang sống đây có chịu giải thoát cho họ đâu.

Không ai đòi hỏi ở Sagan tả cảnh chiến tranh ở Algérie, mà chỉ muốn nàng viết những thiên tiểu thuyết, mở tung những con số cho ta nhìn rõ thế giới. Nàng sẽ tả những con người của thời đại, tô điểm bởi những vấn đề do thời đại đặt ra. Cho nên ta phải nhận rằng những tác phẩm của Sagan đều mang một ý nghĩa xã hội không ai chối cãi.

Vấn đề
chính yếu

NHỮNG con người ham nhục dục là những nhân vật chính của Sagan. Độc giả và

nhều nhà phê bình đã bị khó chịu bởi những tác phẩm của nàng, lấy lẽ những đề tài nàng lựa chọn thường tương phản nhau, các nhân vật buồn tẻ. Song chúng ta chẳng nên lên mặt giả đạo đức. Hiếm có một tiểu thuyết gia có tài mà không rơi vào sự buồn tẻ, như trường hợp Sagan. Clémenceau khi điều khiển tờ « Aurore » đã phải thốt ra câu : « Chúng ta bao giờ cũng chỉ viết có một vấn đề. »

Cái thế giới tạo ra bởi Sagan, trong lúc này hình như chỉ giới hạn ở tình dục. Vì thế, nên nàng Dominique mới tìm cách nuôi dưỡng sự khoái lạc, mà cũng vì thế mà nàng không chịu đựng nổi chuỗi ngày kéo dài nặng nề. Nàng thích Luc hơn Bertrand, chỉ bởi thấy Luc gần giống như nàng. Sự va chạm thể xác đem đến cho nàng một giải trí mạnh mẽ.

Khi đọc mấy trang đầu tác phẩm của Sagan, người ta thấy nhạt nhẽo, muốn vứt nó đi. Nhưng người ta lại hiểu ngay rằng, tác giả đang muốn tạo ra một khí hậu cho câu chuyện của mình, thì sau đó cứ tiếp tục ham mê đọc. Chẳng hạn, Dominique có cảm thấy hơi xấu hổ, nàng

nhận ra người bạn trai của nàng hơi già, mà nàng cũng vẫn rất yêu. Nàng kéo dài chuỗi ngày khá chán nản. Người ta thấy cần phải cho nàng hai cái tát thật đau để nàng tỉnh ra như có thể tìm thấy một cái gì. Điều nàng ao ước muốn biết là sao nàng lại ngủ với Luc, mà không tìm thấy nơi đó phương thuốc chữa nỗi buồn nản của mình. Muốn cho qua đi thời gian, mà tất cả mọi người phải đặt vào sự ràng buộc của kiếp sống, thì ta phải tìm hiểu một cách khác. Phải hiểu giá trị của sự chấp nhận và lòng nhân ái.



NHỮNG nữ nhân vật trong tác phẩm của Françoise Sagan như : Cécile, Dominique, Josée là những người có căn bản học vấn. Họ khảo về môn lịch sử, luân lý, hiểu được rằng thế nào là một khủng hoảng của nền văn minh, và ở trung tâm thế giới tây phương sự tiến bộ của phong tục, của kỹ thuật chẳng phải chỉ xây dựng nên bởi những xô đẩy liên tục, song bởi những bước nhảy vọt, bởi một thăng bằng chiếm được do một khó nhọc.

Qua bao nhiêu thế kỷ định luật luân lý vẫn không hề thay đổi. Nó đòi hỏi ta phải tôn trọng tất cả những kẻ khác, phải tranh đấu để làm an vui mọi kẻ quanh ta. Khi có một cuộc khủng hoảng của văn minh, thì nó kéo theo với nó một thả lỏng nhất thời mọi phong tục. Con người tưởng được tự do, một thứ tự do giả mạo, họ dễ cho bị lôi kéo, hơn là cần tiến bước lên. Họ khám phá ra rằng, trong sự tiến triển của văn minh mà họ đang vượt qua, có những đường lối mà họ chưa sao quen thuộc được, y như khi họ bận bộ quần áo mới. Một phần tấm vải che kín sự bí mật thế giới, được nhắc ra bởi bàn tay huyền bí của lịch sử. Nhưng, sau sự bí mật này lại hiện ra một vùng đất vô danh

mới. Cuộc khủng hoảng tuy vậy cũng không làm thay đổi những luận cứ thường xuyên của vấn đề tinh thần. Sự lệ thuộc của con người vào Thượng Đế và đồng loại không hề thay đổi.

Hiện nay chúng ta đang sống qua một cơn khủng hoảng, mà sự phát triển về kỹ thuật có thể thống nhất được thế giới mà không cần phải tạo ra những chế độ mới. Trong cuộc tranh luận này, chúng ta cần phải lựa chọn một chỗ cho chúng ta. Và ta không tin rằng những nhân vật như Cécile, Dominique, Josée đã quyết định hưởng thụ một cách thấp kém sự hỗn loạn hiện thời, hơn là góp phần để xây dựng một nền trật tự tương lai.

AI NHÂN

PHONG GIAO

Văn nghệ sĩ và thời hiện đại

L.T.S. — Trong các tác giả có ảnh hưởng lớn đến nếp sống tinh thần của giới thanh niên ngày nay, có lẽ trước hết phải kể đến tên Jean Paul Sartre và Albert Camus, tuy xu hướng tư tưởng mỗi người mỗi khác. J. P. Sartre thì kể hăm mộ say mê cũng nhiều mà người phản đối công kích cũng lắm. Duy A. Camus, do cuộc đời đứng đắn của Ông, sau sự lựa chọn của hội đồng giải Nobel, và nhất là sau cái chết trẻ bất ngờ của Ông, được giới trẻ tuổi khắp nơi sùng mộ, coi như hình ảnh người « quân tử » của thời đại.

Bài diễn văn dịch dưới đây được đọc tại viện đại học Upsal trong dịp ông sang Thụy điển nhận giải thưởng Nobel, cho ta thấy A. Camus đã nói rất nhiều tới cái tinh thần, trách nhiệm, cái thiên chức cao quý mà không một văn nghệ sĩ chân chính nào có thể lãng quên, ngay cả trong những cơn giông tố cuồng bạo nhất của lịch sử.

CÓ một nhà hiền triết phương Đông mỗi khi tụng niệm lại xin thần linh ban ơn cho mình khỏi phải sinh nhằm một thời đại *đáng chú ý*. Chúng ta vốn không phải là hiền nhân, thần linh không khoan thứ chúng ta, nên chúng ta mới sinh nhằm thời đại *đáng chú ý*. Có điều chắc chắn, là thời hiện

đại không chịu cho phép chúng ta *không chú ý* đến nó. Điều ấy, nhà văn hiện đại đã biết lắm : mở miệng thì bị chỉ trích và công kích ngay ; nếu vì khiêm nhường mà ngậm miệng im hơi, cũng lại bị người đời thắc mắc mãi về sự im lặng đó, xem như là một cái tội, mà lên án gắt gao.

Nằm giữa sự huyền ảo ấy, nhà văn không còn có thể hy vọng được tách riêng ra mà theo đuổi những suy tư và hình tượng mà mình ấp ủ. Cho đến gần đây, dù khó dù dễ thế nào, nhà văn cũng còn tạm tạm khả dĩ không tham dự vào việc đời. Ai không tán thành việc gì, còn có thể ngậm miệng lại, hoặc tha hồ bàn về việc khác. Nhưng hiện nay thì khác hẳn : im lặng cũng mang một ý nghĩa đáng sợ. Từ khi sự không tham dự cũng bị coi là một cách lựa chọn, đáng trừng trị hoặc đáng khen thưởng vì chính bản chất lựa chọn của nó, thì từ đây văn nghệ sĩ, dù muốn dù không, cũng đã bị « đẩy xuống tàu ». Theo tôi, danh từ *đẩy xuống tàu* ở đây đúng hơn danh từ « đầu thế » (engagé). Bởi vì thật ra không phải là văn nghệ sĩ tự nguyện đầu quân, mà là họ bị cưỡng ép nhập ngũ. Ngày nay, mọi văn nghệ sĩ đều bị đẩy xuống một hội một thuyền với thời đại mình. Họ phải bấm bụng mà chịu vậy, dù họ có cho rằng chuyến tàu ấy tanh ngòm mùi cá ươn, hay là bọn cai tù trên tàu sao mà nhiều quá thế, hay tệ hơn nữa là tàu đi lạc hướng. Mọi người đều đang ở

giữa đại dương. Văn nghệ sĩ, cũng như mọi kẻ khác, cứ phải bắt tay vào mái chèo, chèo mà rán đừng chết gục, nghĩa là cứ tiếp tục sống mà sáng tác.

Nói cho đúng, đó chẳng phải là chuyện dễ ; và tôi cũng hơi hiểu được rằng văn nghệ sĩ còn tiếc nuối cái cảnh an nhàn ngày xưa. Biến chuyển quá có hơi đột ngột. Cổ nhiên từ xưa đến nay, trong đấu trường chẳng có anh tuấn giáo với con sư tử. Anh tuấn giáo thì tự nóng tình thần bằng niềm an ủi vĩnh cửu ; con sư tử thì tự nuôi bằng món ăn lịch sử đầm máu. Nhưng văn nghệ sĩ ngồi trên ghế khán giả. Họ ngậm vịnh một cách vô can, hoặc cho chính mình nghe, hoặc tích cực hơn, để khích lệ người tuấn giáo và khiến con sư tử lơ ăn đi một chút. Ngày nay thì trái lại : chính văn nghệ sĩ cũng đứng trong đấu trường. Do đó, giọng ngâm của họ không còn như xưa : mất đi nhiều cung bậc ung dung thanh thản.

Dưới sự chi phối thường xuyên ấy, chúng ta đều biết nghệ thuật đã thiệt hại đi những gì : trước hết là mất cái hồn nhiên, rồi đến cái thoải mái vô biên lỏng lẻo, trong tác phẩm

của Mozart. Ta càng thông cảm hơn với cái vẻ vừa ngơ ngác vừa lăm lì, với vầng trán đầy ưu tư, với cảnh lụn bại đột ngột của nghệ phẩm hiện đại. Ta cất nghĩa được tại sao ngày nay lại có nhiều nhà báo hơn nhà văn, nhiều « hướng đạo sinh » (boys-scouts) trong hội họa hơn là nhiều Cézanne, và tại sao tủ sách hồng hoặc tiêu thuyết đen đã thay thế các kiệt tác như « Chiến tranh và Hòa bình » (1) hoặc « *La Chartreuse de Parme* » (2). Có nhiên, trước trạng thái ấy, ta vẫn có thể phản ứng bằng thái độ than vãn duy nhân bản, biến mình thành cái mà Stephen Trophimovitch, trong « *Les Possédés* » (3) đã tận lực cố thành cho kỳ được : hiện thân của trách móc. Ta cũng có thể làm như nhân vật ấy : tỉnh thoảng lại thoảng có nỗi buồn về nhân tình thế thái. Nhưng nỗi buồn

ấy chẳng cải tiến thực tại một mảy may nào. Theo tôi thì tốt hơn là ta nên chiêm chước với thời đại, vì nó cứ nặng nề đòi ta đoái tới nó, và ta cứ nên bình tâm mà công nhận rằng cái thời thịnh trị của thi bá, của nghệ sĩ đeo hoa và của thiên tài nảy nở trong tháp ngà, cái thời ấy đã chấm dứt rồi. Ngày nay, sáng tác tức là sáng tác một cách đầy nguy hiểm. Công bố nghệ phẩm cũng là một tác động, và tác động ấy bắt ta phải chịu lời búa rìu vô đoán của một thời đại hoàn toàn thiếu đức khoan dung. Cho nên vấn đề không phải là tìm hiểu xem thái độ vô đoán ấy có lợi hay có hại cho nghệ thuật. Vấn đề, đối với những ai không thể sống mà không có sinh hoạt văn nghệ và những giá trị của văn nghệ, chính là xét xem dưới sự chi phối khắt khe của ngân ấy ý thức hệ (bao nhiêu là giáo hội ! văng vể thay !), còn có thể tồn tại một chút gì gọi là cái tự do dị thường về sáng tác hay không ?

(1) « *Guerre et Paix* », tác phẩm vĩ đại của văn hào Nga Léon Tolstoï (1828-1910).

(2) Tác phẩm nổi tiếng của Stendhal (Henri-Beyle 1783-1842).

(3) « *Những Kẻ Bị Ma Ám* », tác phẩm của văn hào Nga Fédor Dostoïevsky (1821-1881).

Nói rằng về mặt nghệ thuật bị các chính quyền đe dọa, thật chưa cặn kẽ. Vì như thế thì vấn đề cũng giản dị : văn nghệ sĩ có thể hoặc đối kháng lại, hoặc

đầu hàng. Nhưng vấn đề phức tạp hơn, mà cũng dễ làm tổn vong ta hơn, khi ta nhận thấy rằng sự xung đột ấy diễn ra ngay trong nội tâm của nghệ sĩ nữa kia. Tư tưởng thù ghét nghệ thuật từng hoành hành bấy nay, giờ đây lại càng đầy mãnh lực chỉ vì chính văn nghệ sĩ cũng nuôi dưỡng tư tưởng ấy. Các văn nghệ sĩ tiền bối dù có hoang mang ngơ vực, thì cũng chỉ ngơ vực về tài ba của riêng mình mà thôi. Còn văn nghệ sĩ hiện đại thì lại ngơ vực ngay cả tất yếu tính của nghệ thuật, nghĩa là ngơ vực cả đến sự sinh tồn của nghệ thuật. Nếu sống trong năm 1957, để chừng Racine cũng phải tự phê bình về tội không tham dự việc ủng hộ sắc lệnh thành Nantes (Edit de Nantes) mà lại viết kịch « Bérénice ».

Cái thái độ xét lại giá trị của nghệ thuật, kể trên, kể cũng có nhiều lý do, mà ta chỉ nên đề ý đến những lý do chính đáng nhất. Xét về những lý do đáng chú ý nhất thì ta phải kể đến cảm tưởng của văn nghệ sĩ hiện đại, cho rằng nếu mình làm ngơ trước các sự khốn đốn của nhân quần thì mình chỉ là phường nói dối, hoặc nói vu khoát mà thôi.

Cái đặc điểm của thời này chính là sự tràn vào tâm tư chúng ta của sinh hoạt đại chúng và kiếp sống khốn nạn của họ. Trước đây người ta cứ tưởng như muốn quên phút những đám người cùng khổ ấy đi, nhưng bây giờ thì không thể không nhìn nhận sự hiện hữu của họ. Và nếu nay ta biết chán như vậy, thật ra chẳng phải vì giới thượng lưu (nghệ sĩ hay giới khác) bỗng trở nên từ thiện hơn, mà chỉ vì đại chúng nay đã mạnh hơn xưa, do đó không dễ cho ta quên họ được.

Về sự thoái vị, kể trên, của văn nghệ sĩ, cũng còn nhiều lý do khác, trong số có vài lý do không lấy gì làm cao quý cho lắm. Nhưng dù là cao xa hay hèn kém, tất cả các lý do đều đưa đến một mục đích : làm nản nếp sáng tác tự do, bằng cách công phá thẳng vào nguyên lý cốt tủy của nó, tức là niềm tự tín của kẻ sáng tác. Emerson đã nói một câu chí lý : « Lòng tin thuần túy nhất, tức là khi một người nghe theo thiên tài của chính mình ». Một nhà văn Mỹ khác, của thế kỷ XIX, nói thêm: « Hễ một người vẫn còn trung thành với chính mình, thì nhất

thiết sự vật đều thuận theo ý chí của mình : chính quyền, nhân quần, và cả mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú nữa. »

Niềm lạc quan thần kỳ ấy, nay dường như đã chết rồi. Đại đa số văn nghệ sĩ đều tự tử hờ về mình và về những ưu quyền của mình, nếu có. Họ đều thấy cấp bách nhất là phải đáp lại kiếm vấn này với chính mình : phải chăng nghệ thuật là một thứ xa hoa lừa dối ?

I

THĂNG thẩn ra, người ta phải đáp nhanh rằng : sự thực nghệ thuật đôi khi là xa hoa và dối trá. Chúng ta đều biết rằng : khi được ngồi trong buồng chỉ huy một chiến thuyền, thì bất cứ ở đâu và lúc nào, người ta cũng có thể than mây, khóc gió được, trong khi đó thì, dưới khoang thuyền, bọn tội tù vẫn cong lưng ra sức mà chèo, chèo cho đến kiệt lực. Lúc nào ta cũng vẫn nghe thấy những câu chuyện xã giao lịch sử nổ như gạo vàng trên các khán đài, trong khi nạn nhân đang bị sự tử nhai xương rau rầu. Kể ra cũng khó mà bài bác cái nghệ

thuật đã bao phen được nhiệt thành tán thưởng trong quá khứ ấy. Có chăng, người ta chỉ nói được rằng thế sự đã đổi thay tí chút, đặc biệt là số người bị tù đầy, bị hy sinh trên thế giới đã gia tăng một cách phi thường. Trước bao cảnh đau thương cùng khổ ấy, nếu trào lưu văn nghệ kia vẫn cứ tiếp tục là một môn giải trí kiêu xa, thì bây giờ có mang tiếng là xảo trá cũng không oan uổng gì.

Vả chẳng biết nói về vấn đề gì đây ? Nếu chịu theo thị hiếu đa số trong xã hội ta thì văn nghệ sẽ là trò giải trí vô giá trị. Còn như nhắm mắt cự tuyệt đa số đó và nhất định sống trong mơ mộng của riêng mình, thì nghệ sĩ chỉ nói lên một sự khước từ mà thôi. Như vậy, chúng ta sẽ có những văn phẩm đề tiêu sàu giải muộn hoặc nặng về hình thức từ chương mà thôi. Cả 2 trường hợp ấy đều dẫn đến một nền văn học không có liên quan gì với thực tại hàng ngày.

Lối 100 năm nay, chúng ta sống trong 1 xã hội của những biểu hiệu về bạc vàng chứ không thể gọi là xã hội kim tiền được (vì bạc hay vàng còn có thể gọi

lên những ham muốn vật chất). Người ta có thể giải nghĩa xã hội tư bản là một xã hội trong đó vật thể như biến đi, nhường chỗ cho các ước hiệu. Khi một giai cấp thống trị không tính tài sản bằng những sào đất, thoi vàng mà bằng những con số tương đương với những đòi trao, mậu dịch, thì một phần nào giai cấp ấy đã đưa sự man trá vào trung tâm kinh nghiệm và thế giới của họ. Một xã hội đặt nền tảng trên những ước hiệu là 1 xã hội có bản chất giả tạo, trong đó ngay chân lý vật chất của con người cũng bị đem ra đùa cợt. Vì thế ta không nên lấy làm lạ khi nó đưa lên hàng tôn giáo một nền luân lý gồm những tôn chỉ cứng nhắc, đến độ dám viết chữ Tự Do và Bình Đẳng trước những khám đường một cách dễ dàng như trên những Thánh Đường kim ngân. Tuy vậy, không phải bỗng dưng mà người ta làm giảm giá những danh từ đẹp đẽ ấy đâu. Cái giá trị tinh thần hiện nay bị bôi nhọ nhiều hơn hết là hai chữ Tự Do. Có những nhà trí thức (tôi vẫn nghĩ rằng có 2 hạng trí thức, hạng trí thức khôn ngoan và hạng trí thức khờ khạo) quả quyết rằng Tự Do chỉ làm trở

ngại cho sự tiến hóa thực sự mà thôi. Sở dĩ câu nói quái gở ấy được thốt ra là vì cả trăm năm qua, xã hội tư bản đã đem phương và độc quyền xử dụng cái quyền thiêng liêng đó, coi nó như một lợi quyền chớ không phải một nhiệm vụ. Và lại, chẳng bao giờ họ ngăn ngại đưa cái Tự Do trên nguyên tắc ra làm lợi khí cho một sự áp bức trong thực tế. Như vậy, có nên ngạc nhiên khi cái xã hội ấy không muốn cho nghệ thuật là một phương tiện đấu tranh khai phóng, mà là một hoạt động vô thưởng vô phạt, một phương cách giải khuây mà thôi. Cả cái xã hội vàng son ấy — mà trong đó sự thiếu thốn về tình cảm — qua mấy mươi năm vẫn tự mãn với những nhà văn hoa mỹ và một nền văn nghệ tối ư phù phiếm. Nói về nền nghệ thuật ấy đồng thời liên tưởng đến mình, nhà văn Oscar Wilde, trước ngày bị tội tù, đã viết rằng : « cái khuyết điểm trầm trọng nhất của văn nghệ sĩ là sự nông cạn, hời hợt. »

Khoảng đầu thế kỷ hiện đại, những người làm văn nghệ (tôi chưa nói đến văn nghệ sĩ) của Châu Âu tưởng giả đã có một chủ trương vô trách nhiệm, vì

nói đến trách nhiệm là phải nghĩ đến sự đoạn tuyệt rất khó khăn với xã hội đương thời. Những người dám đoạn tuyệt là Rimbaud, Nietzsche, Strindberg và chúng ta đều biết những vị ấy đã phải trả một giá đắt như thế nào. Thuyết « Nghệ thuật vì Nghệ thuật » phát sinh từ đó để biện minh cho chủ trương vô trách nhiệm. Đây chính là cách tiêu sấu của những nghệ sĩ sống cô độc, tiêu biểu cho một nền văn nghệ giả tạo của một xã hội trừu tượng, trái với thiên nhiên. Kết quả tất nhiên là đưa đến nền văn chương của thánh phòng (salon) đặc biệt chú trọng về hình thức, mà khách sáo, vừa trừu tượng, chẳng mấy may đếm xỉa đến thực tại. Chỉ được đếm ba tác phẩm làm cho một số người say mê, kỳ dư là những sản phẩm văn chương hạ cấp đầu độc không biết bao nhiêu người. Rốt cuộc, nghệ thuật đã tự tạo ngoài lề xã hội và tự cắt đứt những cỗi rễ nuôi sống nó. Dần dần, người nghệ sĩ, dù được trọng vọng hơn hết, cũng như bị cô lập và chỉ được quần chúng hiểu biết đại khái, qua những bài bình luận trên đài phát thanh hay báo chí mà thôi.

Mà đúng thế, nghệ thuật càng có tính cách chuyên môn thì vấn đề truyền bá cho phổ biến khắp nơi lại càng cần thiết. Hiện nay, hằng triệu người vẫn có cảm tưởng biết danh sĩ nọ hay tài tử trứ danh kia, chỉ vì qua báo chương họ biết người này nuôi chim kim tước, kẻ nọ chỉ lấy vợ được sáu tháng mà thôi. Ngày nay, nổi tiếng nhất là những nhà văn được ngưỡng mộ hoặc bị chỉ trích, nhưng mà tác phẩm lại chẳng ai đọc tới. Trong xã hội chúng ta, văn nghệ sĩ nào muốn nổi danh phải biết rằng không phải chính mình, mà lại là kẻ nào đó mượn danh hiệu của mình như thoát khỏi vòng kiểm soát của mình để rồi một ngày kia có thể kẻ đó sẽ thủ tiêu luôn cái chất văn nghệ của chính tác giả đó nữa.

Như vậy, có gì đáng ngạc nhiên nếu hầu hết các tác phẩm văn chương giá trị của Châu Âu từ bản, trong thế kỷ XIX và XX, đều chống lại xã hội đương thời. Có thể nói rằng, cho đến gần ngày cách mạng Pháp bùng nổ, đại bộ phận văn chương thời đó chỉ là một loại văn chương nhần nhục, chịu đựng. Trái lại, sau khi xã hội

trưởng giả (thoát thai từ cuộc cách mạng) được ổn định rồi, khi đó nền văn chương cách mạng mới phát triển. Tại nước Pháp, những nhà văn cách mạng kể từ nhóm lãng mạn đến thi sĩ Rimbaud, cả những nhóm bảo thủ như Vigny, Balzac, thấy đều chối bỏ những giá trị được chánh thức công nhận từ trước đó. Như vậy là giới bình dân và giới quý tộc, hai giới nguồn gốc của mọi nền văn hóa, đều chống đối cái xã hội giả dối đương thời. Nhưng thái độ quá cứng rắn đó, lâu ngày, cũng trở thành giả tạo và đưa đến một nền văn chương căn cỗi khác.

Chủ đề một thi nhân bị ruồng bỏ trong xã hội con buôn, như *Chatterton* chẳng hạn, đã là một thành kiến cứng nhắc, đến nỗi người ta nghĩ rằng muốn trở nên văn sĩ trứ danh thì phải dấn kích chế độ hiện hữu, bất luận nó xấu hay tốt. Lúc đầu, nói rằng một văn nghệ sĩ chân chính không thể đi đôi với giai cấp tư bản được thì cũng đúng. Nhưng từ đó mà đặt thành nguyên tắc là nghệ sĩ phải chống lại mọi sự vật hiện có mới mong củng cố được uy danh của mình thì thật là sai. Vì vậy, có nhiều

văn nghệ sĩ của chúng ta, tuy vẫn ước mong được nguyên rửa, nhưng vì thiếu thành ý nên lại muốn vừa bị đả đảo, vừa được hoan hô. Tiếc rằng xã hội ngày nay, vì mệt mỏi hay thờ ơ, nên có hoan hô hay đả đảo cũng do sự ngẫu nhiên mà thôi. Nhà trí thức của chúng ta tức thời càng tỏ ra cứng rắn hơn trước đề tự đề cao. Ấy cũng vì chối bỏ tất cả, đến cả truyền thống bộ môn nghệ thuật của mình, nên người nghệ sĩ bây giờ có ảo tưởng là mình tự tạo ra qui tắc cho mình, để cuối cùng tưởng mình là Thượng Đế. Đồng thời lại còn nghĩ rằng mình đã cấu tạo được cả thực tế cho mình nữa. Nhưng vì xa rời quần chúng, văn nghiệp của họ chỉ là trừu tượng hoặc công thức, dù có gây nên xúc cảm cũng vẫn thiếu phần phong phú là yếu tố cần yếu của nghệ thuật chân chính mà thiên chức là đoàn kết mọi người. Tóm lại, sự khác biệt giữa những văn phẩm quá ư khôn khéo và trừu tượng hiện đại đối với các kiệt tác của Tolstoi hay Molière có thể ví như sự khác biệt giữa một hồi phiếu căn cứ trên một số lúa non ở mãi đâu đâu với những luống cây sâu hoắm trong lòng đất vậy.

II

THEO lẽ đó, nghệ thuật có thể xa hoa giả dối. Vì vậy, ta không lấy làm lạ khi thấy nhiều người, nhiều nghệ sĩ đã bước giật lùi để trở lại với sự thật. Những người ấy cho rằng nghệ sĩ không được quyền sống lẽ loi với những mơ mộng của riêng mình, mà phải hòa mình vào cuộc sống thực tế phũ phàng chung cho cả mọi người. Biết rằng những đề tài cùng văn pháp của phái chủ trương « nghệ thuật vị nghệ thuật » chẳng phản ánh chút nào đời sống gian lao của quần chúng nên chẳng được mấy người thông cảm, họ muốn rằng văn nghệ sĩ phải nói về đại chúng, phải nói thay cho đại chúng. Hãy diễn tả những nỗi khổ nhục cùng niềm hạnh phúc thông thường bằng lời lẽ thông thường của đại chúng, ta sẽ được mọi người hiểu ngay. Phần thưởng dành cho người nghệ sĩ tuyệt đối trung thành với thực tại là sự thông cảm hoàn toàn với tất cả mọi người trong thiên hạ.

Đó là lý tưởng mà nghệ sĩ chân tài nào cũng mong ước. Trái với thành kiến cổ hủ, người được sống cô độc trong tháp

ngà lại chính là người nghệ sĩ. Nghệ thuật không phải là một cuộc độc thoại. Ngay nhà văn đơn độc và không được người đời chú ý tới, một khi phải kêu gọi đến hậu thế cũng chỉ là xác nhận lại cái chí hướng sâu xa của mình mà thôi. Xét rằng không thể đàm luận gì với người đương thời vì họ giả diếc hoặc quá ư lơ đãng, văn sĩ đó ước mong được nói với nhiều người hơn trong những thế hệ mai sau.

Nhưng muốn viết về con người cho mọi người cùng hiểu thì phải nói tới những cái mà mọi người đều biết, những sự thực phổ biến nhất. Trời biển, gió mưa, nhu cầu, ước vọng, chiến đấu với tử thần, ấy là những cái nó tụ hội chúng ta. Chúng ta xúc cảm như nhau trước những sự việc xảy ra trước mắt, trong những cảnh khổ mà chúng ta cùng chung chịu. Ước mơ thay đổi tùy người, nhưng thực tế phũ phàng vẫn là số phận chung cho cả mọi người. Như vậy, tham vọng của môn phái hiện thực là đúng vì nó gắn liền với cuộc phiêu lưu văn nghệ.

Vậy ta hãy tả chân đi hoặc thử làm xem có thể được chăng.

Vì chắc đâu danh từ ấy đã có ý nghĩa và biết đâu thuyết hiện thực đã có thể đem ra áp dụng được, tuy nó thật là hay đấy ? Ta hãy đặt vấn đề xem trên bình diện thực tế, nghệ thuật có thể tả chân thuần túy được không ? Theo tuyên ngôn của nhóm văn sĩ tự nhiên của thế kỷ XIX thì tả chân có nghĩa là thuật lại sự việc hoàn toàn giống như thực tại. Như thế, đối chiếu với nghệ thuật, văn pháp tả chân cũng như một tấm hình đối với một bức tranh ; tấm hình chỉ chụp lại sự vật một cách « nguyên văn » trong khi họa sĩ phải chọn kỹ đề tài cho bức họa. Nhưng tấm hình đã chụp được gì ? Thực tại là thế nào ? Ngay những tấm hình rõ nhất cũng chưa phản ánh trung thực sự vật, nghĩa là cũng vẫn chưa hiện thực. Trong xã hội loài người, còn có gì hiện thực bằng đời sống con người, còn cách gì hay hơn để diễn tả lại cuộc đời ấy bằng một cuốn phim tả chân ? Một cuốn phim như vậy có thể thực hiện được trong những điều kiện nào ? Chỉ trong những điều kiện hoàn toàn tưởng tượng mà thôi. Thực thế, phải đặt giả thuyết có một máy quay phim siêu đẳng lúc nào cũng quay ống

kính về phía người đó và ngày, đêm ghi đủ mọi động tác của anh ta.

Kết quả, ta sẽ có một cuốn phim mà khi chiếu lại nó dài bằng cả một đời người và chỉ có những người dám hy sinh đời mình, để theo dõi từng chi tiết cuộc đời của một người khác, mới có thể xem được. Tuy vậy, cuốn phim phi thường ấy, thực hiện với những điều kiện đặc biệt như thế, cũng chưa phải là hiện thực ; vì lẽ rất giản dị là sự thật của đời người nào đó không phải chỉ ở nơi một mình người đó mà thôi. Nó còn lẫn lộn trong cuộc sống của bao người khác đã ảnh hưởng xa gần đến người này. Trước hết, phải quay phim cả đời sống của những kẻ thân yêu nhất, rồi đến những người không quen biết, những người giàu sang cũng như kẻ nghèo hèn những người đồng hương, những giáo sư, cảnh sát, những chính khách, những nhà độc tài, và những nhà cải lương tôn giáo là những tay thợ khéo tạo ra bao thần thoại ảnh hưởng quyết định đến sinh hoạt hàng ngày của chúng ta và cuối cùng phải kể đến sự ngẫu nhiên nó ngự trị ngay trên những nếp sống có qui

củ nhất. Như vậy thì chỉ có cuốn phim, do một bộ máy vô hình phản chiếu không ngừng trên màn bạc của xã hội, mới là phim hiện thực. Và chỉ có Thượng Đế, nếu Ngài có thực, mới là nghệ sĩ tả chân độc nhất mà thôi. Còn bao nhiêu nghệ sĩ khác, kỳ dư đều là những người không trung thành với sự thật cả.

Các văn nghệ sĩ khước từ chế độ tư bản cùng nền văn nghệ-vụ hình thức của nó và chỉ muốn nói sự thật mà thôi hiện đang ở trong cái thế tiến thoái lưỡng nan. Họ muốn tả chân mà không thể viết đúng được, muốn đem văn tài phục vụ sự thật mà không sao miêu tả nổi thực tế, nếu không gạt bỏ sự việc theo chiều hướng riêng của môn phái họ. Những tác phẩm vừa đặc sắc, vừa bi thảm trong mấy năm đầu, cuộc Cách mạng Nga-sô cho ta thấy rõ nổi băn khoăn đó. Nước Nga hồi đó, với thi sĩ Blok, đại văn hào Pasternak, với Maiakovski và Essenine, Eisens-tein và các nhà văn tiền phong về thép và xi măng, khi quần tụ lại thật chẳng khác gì một phòng thí nghiệm huy hoàng đầy những hình thể và chủ đề, một mối lo âu ghê gớm, một cuộc dò

tìm điên loạn vẫn phải kết luận và chỉ rõ bằng cách nào người ta có thể trở thành nghệ sĩ hiện thực khi mà hiện thực chủ nghĩa lại là cả một vấn đề nan giải. Trên lãnh vực văn hóa cũng như những lãnh vực khác, chế độ độc tài rất là vô đoán : hiện thực chủ nghĩa là một sự cần thiết và cũng có thể làm được, miễn là nó có khuynh hướng xã hội. Như vậy nghĩa là thế nào ?

Người ta không thừa nhận thuyết hiện thực đề xướng ra từ thế kỷ thứ XIX nữa và thẳng thắn nhìn nhận rằng, trên thực tế, không thể nào không chọn lựa trước khi diễn tả lại sự việc. Vậy thì chỉ cần tìm ra nguyên tắc để chọn lọc và dựa trên nguyên tắc ấy mà xây dựng thế giới sau này. Họ đã khám phá ra nguyên tắc ấy, không phải trong thực tại chúng ta đang sống nhưng trong thực tại của tương lai. Ấy là muốn thuật lại sự hiện hữu còn phải vẽ vời ra cả sự việc sẽ xảy tới mai sau. Nói một cách khác thì đối tượng của hiện thực xã hội chủ nghĩa là một cái hiện nay chưa có thực thể.

Sự mâu thuẫn thực là vĩ đại : ngay từ ngữ « hiện thực xã hội » cũng đầy mâu thuẫn rồi. Làm

sao mà hiện thực theo khuynh hướng xã hội được, khi mà thực tại không bị ý thức hệ ấy chi phối ? Trước kia xã hội chủ nghĩa chưa có, bây giờ nó cũng đã lan tràn khắp nơi đâu ? Thì có khó gì : người ta sẽ chọn lựa ở hiện tại hay trong quá khứ những sự kiện đã mở đường hoặc có phần thuận lợi cho việc xây dựng cái xã hội lý tưởng sẽ tới. Một mặt người ta chuyên chú bác bỏ và lên án tất cả những gì không phù hợp với chủ nghĩa xã hội, mặt khác người ta cổ súy những gì mà hiện nay hoặc sau đây sẽ có tính cách xã hội. Tất nhiên đó là thứ nghệ thuật để tuyên truyền với tất cả những cái hay cái dở của nó, một tủ sách hoàn toàn màu hồng cũng xa rời thực tế phức tạp và sống động, chẳng khác gì loại văn chương phù phiếm vụ hình thức. Rốt cuộc, thứ văn nghệ này chỉ mang tính chất xã hội trong những phạm vi không đúng với thực tại mà thôi.

Thăm mỹ quan này tự cho mình là hiện thực, nhưng nó đã biến thành một thứ lý tưởng chủ nghĩa loại mới, chẳng hào hứng gì đối với một nghệ sĩ chân chính. Như vậy có khác gì chánh thức đề cao thực tại lên tột bậc

để tiện bề hủy diệt đi không ? Nghệ thuật đã mất hết ý nghĩa thanh cao. Người nghệ sĩ với ý chí phục vụ đã bị xỏ mũi mất rồi. Chỉ có những văn sĩ không dám nói đúng sự thực mới được mệnh danh là hiện thực và được ca ngợi. Những tác phẩm khác đều bị kiểm duyệt gắt gao với sự đồng tình của những kẻ nói trên. Dưới chế độ tư bản, danh vọng đã tìm đến nhiều nhà văn mà tác phẩm ít ai đọc hoặc bị người đời hiểu sai ; trong chế độ độc tài thì người ta cấm không cho đọc những cuốn sách này để đề cao những cuốn khác lên. Nơi đây cũng vậy, nghệ thuật chân chính đã bị bóp méo hoặc bùng bít bởi những người rất thiết tha mong mỗi thế giới hòa đồng, nên sự giao cảm với quảng đại quần chúng không thể thành tựu được.

Trước sự thất bại ấy, thiết tưởng các cách mạng gia nên nhìn nhận rằng lối hiện thực mệnh danh là xã hội chẳng có liên hệ gì lắm với nghệ thuật cao siêu và họ nên sớm tìm một chiều hướng khác có lợi cho công cuộc họ đang theo đuổi. Tuy vậy, ta vẫn nghe bao người, bênh vực thuyết ấy, tuyên bố âm ỹ rằng ngoài đường lối của

họ, không có con đường văn nghệ nào nữa. Mặc dầu họ la lớn như vậy, thâm tâm tôi vẫn nghĩ rằng họ không tin tưởng như vậy đâu, vì họ đã có dụng ý bắt buộc cái giá trị nghệ thuật phải tùy thuộc các mục tiêu chính trị rồi. Nếu họ nói thẳng ra như vậy thì cuộc tranh luận giản dị đi nhiều. Người ta có thể kính trọng những người dám coi thường danh vọng bởi đã từng đau khổ vì sự tương phản giữa sự thống khổ của đại chúng và những đặc quyền đôi khi dành cho ít nhiều nghệ sĩ. Họ không thừa nhận sự cách biệt quá đáng giữa số đông mà cái nghèo khó đã cắt mất quyền ăn nói với số ít người như có thiên chức để trái lại lúc nào cũng được giải bày tâm sự. Người ta có thể hiểu những kẻ đó, tiếp xúc với họ và thử nói cho họ biết rằng thủ tiêu tự do sáng tác chưa chắc đã là phương tiện tốt để giải phóng con người. Trong khi chờ có phương sách để cảm thông với tất cả mọi người, thật là khờ khạo nếu ta tự cấm không dùng những cách có thể giao cảm với ít người hơn. Hiện thực xã hội chủ nghĩa phải tự thú là anh em song thai với Duy vật chủ nghĩa. Nó đã hy sinh nghệ

thuật cho một cứu cánh không có liên quan gì đến nghệ thuật cả, nhưng trên bình diện lợi ích thì hình như có phần ích lợi hơn. Tạm thời nó dẹp nghệ thuật về một bên để lo tạo lập Công lý đã. Trong một tương lai vô định, khi Công lý đã vững ngôi, nghệ thuật sẽ được cải tử hoàn sinh. Người ta đã đem áp dụng, trong phạm vi văn nghệ, cái thước ngọc khuôn vàng của thời đại là : nếu không đập vỡ quả trứng thì làm sao mà làm được món trứng chiên. Nhưng chúng ta cũng đừng để câu danh ngôn ấy mê hoặc. Không nên đập tan cả ngàn quả trứng để chỉ làm được một đĩa trứng ngon, vì hình như, không ai đánh giá tài năng người đầu bếp bằng số vỏ trứng cả. Các tay đầu bếp về văn nghệ hiện đại phải đề phòng, đề khỏi vô tình làm vỡ quá nhiều giỏ trứng và, vì vậy, mà món trứng, tượng trưng cho cả nền văn minh, không thể chiên nấu được và văn nghệ cũng chết lịm đi luôn.

Sự dã man không khi nào lại là tạm bợ. Người ta không thể ấn định ranh giới cho nó được ; từ lãnh vực văn nghệ nó sẽ lan tràn qua phạm vi phong tục. Vì vậy, từ xương máu và mồ hôi

nước mắt của nhân loại đấu tranh người ta thấy nảy sinh những thứ văn chương vô nghĩa, những sách báo chuyên môn ca tụng chính quyền, những bức ảnh chân dung và những vở kịch có bảo trợ, trong đó hận thù thay thế cho lòng kiêu ái của tôn giáo. Ở đây văn nghệ được lệnh tô vẽ cho cái gì cũng hết sức tốt đẹp, do đó nó thành một thứ xa xỉ tồi tệ nhất, một sự giả dối trơ trẽn nhất.

Ta không nên thấy thế mà ngạc nhiên. Sự đau khổ của loài người là một vấn đề vô cùng trọng đại khiến người ta tưởng chừng không ai dám đề cập tới, nếu không cảm xúc tinh tế như thi sĩ Keats, người mà thiên hạ đồn rằng có thể lấy tay sờ thấy sự thống khổ. Ta có thể tiên đoán hậu quả khi mà cái nền văn nghệ chỉ huy kiểu đó rập tậm đem đến cho niềm sầu hận ấy những lời an ủi, vỗ về của Nhà Nước. Những kẻ theo chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật đã giả tảng như không biết, không thấy cảnh khổ ở đời và phải gánh lấy trách nhiệm. Trái lại, cái thuyết hiện thực bịp bợm, thì cũng vẫn là phản bội, vì đã lợi dụng cảnh khổ ấy để đề cao một hạnh phúc tương lai

mà chẳng ai biết nó ra sao cả; cho nên đã tha hồ đặt bày bao điều gạt lừa sảo trá.

Hai quan niệm văn nghệ lâu nay vẫn chống nhau — một bên căn dặn phải chối bỏ thực tại, một bên nhất thiết phủ nhận mọi cái không có liên quan với thực tại hàng ngày — rốt cuộc cả hai thuyết đó lại gặp nhau ở một điểm rất xa thực tế: man trá và thủ tiêu nghệ thuật. Nhóm văn gia khuynh hữu không đếm xỉa gì đến sự nghèo khổ mà cái nhóm khuynh tả triệt để khai thác. Trong cả 2 trường hợp, tiếc thay, nghệ thuật đều bị bỏ rơi và sự thống khổ càng thêm trầm trọng.

III

CÓ nên kết luận rằng sự giả dối là bản chất của nghệ thuật chăng? Tôi sẽ nói rõ rằng những thái độ, mà tôi vừa dẫn chứng, chỉ hão huyền khi không có liên quan tới nghệ thuật mà thôi. Vậy nghệ thuật là thế nào? Tất nhiên không phải việc dễ đâu, nhất là trong lúc này, có nhiều người lớn tiếng đòi hỏi phải giản dị hóa tất cả, thì lại càng khó biết thế nào là văn nghệ. Bên này thì coi những

bạc thiên tài như những ngôi sao rực rỡ và biệt lập; bên kia lại đòi hỏi họ phải giống như mọi người phàm tục. Nhưng than ôi ! thực tế còn phức tạp hơn nhiều. Và Balzac đã giải bày trong câu nói : « bạc thiên tài chẳng khác gì ai, nhưng chẳng ai lại giống được bạc thiên tài. » Nghệ thuật cũng vậy, nếu không nói sự thực thì nghệ thuật chẳng có nghĩa lý gì, còn sự thực mà không được nghệ thuật phò diễn ra thì cũng chẳng ai chú ý tới. Nghệ sĩ không thể bỏ rơi sự thật, nhưng muốn phục vụ sự thật thì phải làm thế nào ? Nghệ sĩ phải chọn lấy đối tượng và chính đối tượng cũng kén chọn người nghệ sĩ. Nhìn dưới khía cạnh nào đó, nghệ thuật là sự khởi loạn, chống đối lại những gì còn là bất định, bất túc trong xã hội ! Nghệ thuật chẳng có sứ mệnh nào khác là biến đổi một thực trạng, mà nó bắt buộc phải bảo tồn, vì thực tại ấy hiện giờ vẫn còn là nguồn cảm hứng. Về phương diện này, chúng ta đều là nhà văn hiện thực nhưng chẳng ai đạt được đúng mức. Nghệ thuật không phải là từ chối tất cả hoặc là chấp thuận tất cả, mà là vừa khước từ vừa ưng thuận, nghĩa

là một sự xâu xé luôn luôn biến đổi. Nghệ sĩ cứ lẩn quẩn trong tâm trạng hồ đồ ấy, đã không dám phủ nhận thực tại mà lại phải luôn luôn tranh đấu với nó hầu cải thiện những điều luôn luôn thiếu sót. Muốn có bức họa tinh vật thì phải có người họa sĩ và trái táo, cả hai đối diện với nhau và sửa chữa lẫn nhau. Nếu thiếu ánh sáng, những hình thể chẳng có gì là đẹp thì, trái lại, những hình thể ấy cũng tăng thêm vẻ rực rỡ cho ánh sáng. Vũ trụ hiện hữu, với ánh sáng huy hoàng chói lọi gọi lên bao vật thể và hình tượng, nhưng cũng do đó mà định sắc được vẻ đẹp thiên nhiên. Như vậy, đường lối đúng là ở chính giữa nhà văn và đối tượng.

Điều cần yếu không phải tìm hiểu xem nghệ thuật phải quy phục thực tại hay là bỏ chạy dài, nhưng là cần phải chịu đựng bao nhiêu dung lượng thực tế để khỏi bay bổng lên mây xanh hoặc nặng nề lê lét sát đất. Mỗi nghệ sĩ giải quyết vấn đề tùy theo cảm quan và khả năng của mình. Người nào càng phần uất vì xã hội thì phần thực tại để làm cho tác phẩm được cân đối càng nhiều. Nhưng cái phần hiện thực ấy không thể

bóp nghẹt phần suy tư riêng biệt của tác giả. Một kiệt tác bao giờ cũng giống những công trình của các soạn giả bi kịch Hy-lạp xưa, của Melville, Tolstoi hoặc Molière, trong đó phần thực tại thăng bằng được sự cảm phần đối với cuộc đời, bên này làm nổi bật bên kia lên trong một sự phát tiết không ngừng, chẳng khác gì đời sống lẫn lộn cả hân hoan và đau khổ. Chỉ khi đó, thỉnh thoảng, một thế giới mới khác hẳn mọi ngày, tuy nhiên vẫn là một, cá biệt nhưng phổ biến, đầy rẫy những bất an vô hại, mới thoáng hiện trong chốc lát, do sức sáng tạo của bậc thiên tài bất mãn. Cuộc đời là như vậy, nhưng mà cũng không hẳn là như vậy, nó không là gì cả nhưng lại là tất cả, đó là hai tiếng kêu than giống đôi và bất tận của người nghệ sĩ chân chính. Tiếng kêu đó giữ vững tinh thần cảnh giác cho nghệ sĩ và, đôi khi, gọi lên cho nhân loại đang bị ru ngủ hình ảnh chấp chờn nhưng thiết tha của một thực tại mà ai nấy đều hay biết nhưng chẳng bao giờ đạt được cả.

Vì vậy, đứng trước những diễn biến của thời đại, văn nghệ sĩ không thể làm ngơ và cũng

không nên đắm chìm vào đó. Nếu không chú ý đến thời cuộc thì chỉ viết nên những điều rỗng tuếch. Còn như lấy thời cuộc làm đề tài, thì nhà văn mặc nhiên coi mình là một phần tử trong xã hội, tuy nhiên, không phải vì thế mà phải cúi đầu thần phục. Nói cách khác thì chính khi tự nguyện đứng về phía quần chúng mà văn nghệ sĩ tỏ rõ được cá tính của họ. Họ khó thoát được tình trạng hồ đồ ấy. Họ rút ra từ cuộc đời những sự việc mắt thấy, tai nghe hoặc đã làm cho họ đau khổ trực tiếp hay gián tiếp, nghĩa là những vấn đề thời sự vậy. Họ chỉ nói tới ảnh hưởng thời cuộc đối với lớp người đương thời chứ không nói đến sự tương quan của nó với một tương lai vô định. Nhân danh hậu thế phê phán người đương thời là công việc của nhà tiên tri. Văn nghệ sĩ chỉ đánh giá một chủ thuyết qua ảnh hưởng nó gây nên cho cuộc sống hiện tại mà thôi. Các nhà tiên tri về tôn giáo hay chính trị thường phán xét một cách võ đoán và như ai nấy đều biết, họ thường không bỏ qua thứ quyền uy tuyệt đối này. Nghệ sĩ không thể làm như vậy được. Nếu không họ sẽ chẳng

phân biệt được cái xấu, cái tốt trong thực tại và sẽ chỉ dừng nên những bi hài kịch mà thôi. Mục đích của nghệ thuật là tìm hiểu chứ không phải là qui định luật pháp hoặc thống trị. Nhưng đôi khi, vì thiếu triết sự đời mà nó cũng ngự trị người ta vậy. Từ xưa tới nay, không có tác phẩm trứ danh nào lại căn cứ vào kinh miệt và hận thù. Vì vậy, rốt cuộc nhà văn sẵn sàng tha thứ chứ không lên án. Chúng ta là người biện hộ chứ không phải quan tòa, lúc nào cũng bênh vực con người sống động. Nhà văn bênh vực đồng loại hiện hữu chứ không phải con người xa xăm sẽ tới và không hạ thấp thuyết nhân bản luận hiện thời xuống hàng giáo điều của Pháp đình. Một kiệt tác bao giờ cũng làm cho các Phán quan phải kinh ngạc, vì trong đó tác giả vừa tỏ lòng sùng kính bậc vĩ nhân, vừa tôn trọng cả tên sát nhân khốn nạn nhất. Văn sĩ Wilde, khi ở trong tù, đã viết: « không có một kẻ tồi tệ nào, cùng bị giam với tôi trong nhà ngục này, lại không có liên hệ tương trưng với sự huyền bí của lẽ sống. » Đúng vậy, sự huyền bí ấy cũng là bí quyết của nghệ thuật.

Suốt một trăm năm chục năm nay, không kể một vài ngoại lệ còn hầu hết các nhà văn của xã hội con buôn đã tưởng mình sống ung dung trong sự vô trách nhiệm. Thực ra họ đã sống trong cô độc và cũng đã chết trong cô độc. Chúng ta, văn nghệ sĩ thế kỷ XX, sẽ không bao giờ lẻ loi đâu và phải biết rằng chúng ta không thoát khỏi số phận hăm hiu chung cho cả mọi người. Nhiệm vụ trước hết của chúng ta là làm phát ngôn viên, với phương tiện của chúng ta, cho những người không thể tự mình nói lên được. Nhưng chúng ta phải vạch rõ hiện trạng của những người đang đau khổ, bất chấp những quyền uy đã qua hay sẽ tới của các Quốc gia hay Đảng phái đang áp bức họ. Nhà văn không thừa nhận một đặc quyền nào cho bọn người tàn bạo. Vì thế, ngay đến lúc này và nhất là trong lúc này, nghệ thuật không thể phục vụ riêng một đảng phái nào ; Dù lâu dài hay mau chóng, nó chỉ phụng sự nổi thống khổ và quyền tự do của con người mà thôi. Chỉ có những nghệ sĩ tuy không ngừng chiến đấu, nhưng không chịu gia nhập các đoàn quân chính qui, mới được coi như tự

nguyện tham chiến, chẳng khác gì trường hợp một nghĩa quân. Bài học đích đáng rút trong nghệ thuật là bài học khắc khổ về tình huynh đệ chứ không phải lòng ích kỷ. Quan niệm như vậy, ta có thể nói rằng nghệ thuật chưa hề ức chế một ai. Tự cổ chí kim, từng giờ, từng phút, văn thơ đã an ủi cả triệu người trong cảnh kèm chế, ngục tù và đôi khi đã giải phóng vĩnh viễn cho một thiểu số.

Đến đây, có lẽ chúng ta đã chạm tới điểm tinh hoa của nghệ thuật, thường xuyên, bị giằng co giữa cái Đẹp và cái Đau khổ, giữa tình thương nhân loại và sự cuồng cuồng của sáng tác, giữa sự cô đơn lạnh lẽo và đám đông ngọt ngào, giữa sự khước từ và sự ưng thuận. Nhà văn bước đi giữa hai vực thẳm, một bên là phù phiếm, một bên là tuyên truyền. Trên mỏm cheo veo đó, mỗi bước tiến là cả một cuộc phiêu lưu vô cùng nguy hiểm. Nhưng nhờ sự mạo hiểm đó, và chỉ trong đó thôi, văn nghệ sĩ mới có tự do sáng tác, một thứ Tự do gian khổ gần như phép tu khổ hạnh. Ai dám phủ nhận điều ấy ? Văn nghệ sĩ nào dám tự hào đã xứng đáng với nhiệm vụ nặng nề thường

xuyên đó ? Cái Tự do ấy đòi hỏi phải mạnh cả về tinh thần lẫn thể chất và một bút pháp đánh thép tỏ rõ ý chí kiên quyết và bền bỉ đấu tranh. Nó là sự hiềm nguy thường trực, một cuộc phiêu lưu đầy gian khổ, vì vậy ngày nay người ta xa lánh nó, đề đả quang vào bất cứ sự nô lệ nào, cốt cho tâm hồn được yên ổn. Nếu văn nghệ không phải là phiêu lưu thì là cái gì ? làm sao giải thích được ? Nghệ sĩ tự do cũng như con người tự do không thể là người chịu yên phận được. Nghệ sĩ tự do là người ra công cố sức tạo lấy trật tự cho mình. Sự việc mà chàng ta định cho vào khuôn phép càng hỗn độn bao nhiêu, thì phương pháp của chàng cần phải nghiêm chỉnh bấy nhiêu và như vậy mới tỏ rõ chí hướng tự do được. Có một câu của Gide dễ bị hiểu lầm, nhưng tôi rất thích : « nghệ thuật sống trong gò bó và chết trong tự do. » Câu ấy đúng, nhưng không nên kết luận là văn nghệ cần được chỉ huy. Văn chương chỉ phát triển nhờ những qui tắc do nó đặt ra để làm khuôn thước cho mình, nhưng nếu kẻ khác lấy luật lệ ràng buộc nó thì nó chết ngạt. Trái lại, nếu văn chương

không tự ràng buộc trong phạm vi nào đó, nó sẽ trở nên cuồng loạn và chạy theo những ý tưởng hão huyền. Áng văn phóng khoáng nhất, cách mạng nhất cũng là áng văn cổ điển nhất; nó chỉ là thành quả của một sự cố gắng phi thường. Khi một xã hội và các nhà văn trong đó không tự nguyện kiên quyết vươn lên, mà lại buông trôi theo những lạc thú êm đềm hoặc văn chương công thức, hoặc theo chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật, hoặc thuyết hiện thực, thì họ chỉ luẩn quẩn trong cảnh hư vô nghèo nàn mà thôi. Nói thế nghĩa là cuộc phục hưng nghệ thuật hiện đại tùy thuộc nơi lòng dũng cảm và ý chí kiên quyết, sáng suốt của chúng ta.

Phải! công cuộc phục hưng ấy nằm trong tay của tất cả chúng ta. Tây phương phải làm sao tạo điều kiện cho nảy sinh ra những người có thể làm ngược lại Đại đế Alexandre và nối lại cái nút kỳ diệu của nền văn minh bị chặt đôi vì lưỡi kiếm thép. Muốn vậy, chúng ta phải can đảm nhận lấy mọi rủi ro nguy hiểm và các công việc nặng nhọc của tự do. Không cần biết, trong khi mãi miết theo đuổi chánh nghĩa, ta có thể bảo

vệ được tự do chăng? Chỉ cần biết rằng, không có tự do, ta sẽ mất cả cái đẹp cổ kính lẫn cái chánh nghĩa vị lại. Tự do bay lượn trên muôn vàn cánh cô liêu, đơn độc và chỉ có tự do mới giải thoát khỏi sự phân cách và vòng nô dịch. Do cái bản chất tự do ấy mà nghệ thuật đoàn kết được mọi người trong khi nền độc tài chia rẽ. Vì vậy nó là kẻ thù đương nhiên của mọi áp bức. Vì vậy mà hiện nay, nghệ sĩ và trí thức là những nạn nhân đầu sỏ của các chế độ chuyên chính tả khuynh hay hữu khuynh. Bọn độc tài biết rằng trong một áng văn hay vẫn tiềm tàng một sức mạnh khai phóng mà chỉ người thờ ơ với văn nghệ mới không thấu triệt được mà thôi. Bí quyết của một kiệt tác là làm cho bộ mặt của nhân loại thêm phong phú và khả kính hơn. Cả ngàn trại an trí, nhà tù, ngục sắt cũng không thể làm phai mờ được cái bằng chứng hùng hồn và vô cùng cảm động ấy. Vì thế, nói rằng tạm ngưng mọi hoạt động văn hóa để chuẩn bị một nền văn hóa mới chỉ là nguy biến. Ngăn cản người ta nói đến cái vinh quang hoặc cái khổ nhục chẳng khác gì cấm không cho

người ta thờ vậy. Không có nền văn hóa nào lại không có di sản, nên ta không thể phủ nhận cái di sản của nền văn hóa Tây Phương của chúng ta. Ngay các tác phẩm tương lai, bất luận về loại nào, vẫn chứa đựng cái bí quyết duy nhất gồm hai đức tính : can đảm và phóng khoáng. Bí quyết ấy được nuôi dưỡng và lưu luyện bởi lòng quả cảm của cả ngàn văn nghệ sĩ của tất cả các thế hệ, của tất cả mọi quốc gia. Vì vậy, các chế độ độc tài hiện hữu rất có lý, khi cho rằng văn nghệ sĩ, dù chỉ hoạt động trong phạm vi nghề nghiệp cũng vẫn là kẻ thù công cộng. Và cũng chính vì thế mà bọn chuyên chế đã tỏ ra kiên nhẫn cái giá trị tinh thần của nhân loại mà từ xưa tới nay chưa có sức mạnh nào khuất phục được.



KẾT LUẬN của tôi giản dị lắm. Giữa sự ồn ào cuồng nhiệt của thời hiện đại tôi muốn được nói : « Chúng ta hãy vui lên. » Hãy vui đi, vì cái Châu Âu vụ vật chất và giả dối đã mất rồi, và chúng ta đang đứng trước những sự thực phũ phàng. Trên cương vị con người, ta

hãy vui lên vì cái trò phỉnh gạt lâu dài đã bế mạc và chúng ta thấy rõ những hiểm họa đang đe dọa nhân loại. Với tư cách là văn nghệ sĩ, ta hãy vui lên vì ta đã tỉnh giấc triền miên, đã hết đui điếc và bắt buộc phải nhìn thẳng vào sự đau khổ, tù đày và chết chóc. Nếu trước cảnh huống ấy ta biết nhớ đến những ngày trọng đại và những gương mặt hiền từ của các vị cứu thế hoặc ngược lại, đứng trước vẻ huy hoàng của cuộc đời ta cũng không quên những kẻ kém hèn, thì khi đó nghệ thuật Tây phương sẽ dần dà phục hồi sinh lực và ngôi báu của nó. Chắc rằng từ xưa đến nay, rất ít khi nhà văn phải đương đầu với những vấn đề nghiêm trọng như bây giờ. Nhưng cũng chính vì khi một chữ hay một câu rất tầm thường đôi khi phải trả giá rất đắt, bằng tự do hay sinh mạng của mình, nên nhà văn mới chú ý cân nhắc từng chữ một. Mỗi hăm dọa làm cho nhà văn trở thành cổ điển, và có thể kết luận rằng sự cao quý nào chẳng bắt nguồn từ chỗ gian nguy.

Thời kỳ các nhà văn vô trách nhiệm đã qua rồi. Đáng tiếc thay, chúng ta chẳng còn được

an nhàn như trước nữa. Nhưng chúng ta cũng nên nhìn nhận rằng sự thử thách càng làm rõ chân giá trị của ta và ta nên sẵn sàng chấp nhận sự thách đố ấy. Tự do văn nghệ sẽ chẳng có giá trị gì nếu nó chỉ nhằm mục đích ám no cho bản thân người nghệ sĩ. Muốn cho một giá trị tinh thần hay một đức tính nào thấm nhuần mọi người trong xã hội, ta cần phải hết sức trung thực, nghĩa là không bao giờ biện bạch để che dấu điểm sai lầm của nó. Nếu bây giờ, tự do sáng tác gian nan như vậy thì cũng khó mua chuộc nó. Tôi không thể tán đồng những kẻ cứ phàn nàn là ngày nay đạo lý đang lúc suy đồi. Thoạt nghe thì họ có lý, nhưng thực ra thì đạo lý chẳng bao giờ lại đồi bại bằng thời kỳ mà nó chỉ là thú vui vô hại của những nhà nhân bản học suốt ngày vùi đầu vào sách vở. Ngày nay thì khác hẳn, trước những mối nguy thực sự, nó lại có nhiều cơ hội để tỏ ra vững chãi và được người đời tôn trọng trở lại.

Người ta thuật lại rằng triết gia Nietzsche, sau khi đoạn giao với Lou Salomé, mới thật là hoàn toàn đơn độc. Vừa chán nản, vừa bị kích thích bởi công

cuộc vĩ đại đang dự định làm mà không có người giúp sức, đêm đêm ông đi dạo trên những núi cao bao quanh vùng Gênes và, quơ lá cành khô, ông nhúm lên những đám lửa lớn rồi ngồi nhìn cho đến khi tắt hẳn. Tôi thường mơ tưởng đến những đồng lửa ấy và nhiều khi đã nghĩ đến việc đem nhiều văn gia, văn phẩm ra thử lửa xem sao. Thưa quý Bạn, thời đại chúng ta là một trong những đồng lửa đó mà sức nóng mãnh liệt sẽ thiêu ra tro khá nhiều tác phẩm. Đối với những áng văn thơ còn sót lại, nét vàng càng chói lọi, chúng ta có thể phóng tâm tổ lòng mến phục, đấy là cái thú tinh thần nhất đời vậy. Đương nhiên, tôi cũng như nhiều người khác vẫn ước mong một ánh lửa dịu dàng hơn, một lúc nghỉ ngơi để ngừng lại mà mơ mộng. Nhưng có lẽ không có nơi nào yên ổn cho nghệ sĩ nương náu hơn là nơi mà cuộc chiến đấu đang gay go quyết liệt nhất. Chính Emerson đã nói « mỗi bức tường là một cái cửa », vì vậy ta không nên tìm lối thoát ở nơi nào khác mà chính ngay nơi bức tường nó án ngữ trước bước tiến của chúng ta. Ta hãy tìm giây phút nghỉ ngơi ngay nơi

nào có nó, tôi muốn nói là ngay giữa cuộc đấu tranh. Theo tôi thiên nghi, và tôi cũng xin kết thúc nơi đây, ta chỉ có thể tìm được ở ngay nơi đó mà thôi. Người ta thường nói những tư tưởng siêu việt đều giáng trần trên những móng chim bồ câu. Vì thế, nếu ta chịu khó lắng tai có lẽ chúng ta sẽ thoáng nghe thấy — giữa những tiếng gầm ghè của các quốc gia và đế quốc — tiếng gì như cánh chim nhẹ vỗ, như nguồn sống và hy vọng đang rào rạt dâng lên. Bên này nói rằng nguồn hy vọng ấy do cả một dân tộc nâng niu, ấp ủ, bên kia lại bảo nó đè nặng lên

vai của người lãnh tụ. Riêng tôi nghĩ rằng niềm kỳ vọng ấy do hàng triệu người riêng biệt ý thức được, làm nó hồi sinh và nuôi dưỡng. Những người ấy, bằng công trình sáng tạo, bằng hoạt động hàng ngày, đã xóa bỏ mọi biên giới và những bề ngoài thô kệch của cuộc đời để thỉnh thoảng lại làm lóe sáng lên cái sự thực luôn luôn bị đe dọa. mà mỗi người cố sức nâng cao, trên sự đau thương hay hoan lạc của mình, để mọi người cùng chiêm ngưỡng.

ALBERT CAMUS
(PHONG GIAO dịch)



CỔ LIÊU

Thanh niên thế kỷ thứ 20 qua văn chương

HÃN là người ta không thể để cho riêng thế kỷ thứ hai mươi độc quyền về những trạng thái đau buồn yếm thế của tâm hồn người ta như thất vọng, xao xuyến, lo âu. Từ thượng cổ con người ta đã bị ám ảnh bởi những ý nghĩ u buồn. Tây phương sống dưới sự ám ảnh của những thần thoại Oedipe và Atrides. Triết lý phật giáo Đông phương bắt nguồn từ sự đau khổ trần gian : nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước. Bể Đông, sinh, lão, tử bệnh là đầu mối sự khổ (tứ khổ đế). Triết lý ki tô giáo là triết lý của tình yêu, nhưng ấn tượng đau buồn vẫn được nhắc đến cùng với chân lý : «Tin tưởng là nhìn thẳng

vào đêm tối», câu nói của thánh Elisabeth de la Trinité; sự tin tưởng bắt đầu từ thắc mắc về đời sống ; khi nhìn hy vọng và tình yêu trong cõi trần gian sụp đổ, người ta còn hy vọng và tình yêu nơi Thượng Đế...

Thời thế có đổi thay nhưng các thắc mắc siêu hình vẫn ám ảnh. Ý thức về cuộc đời dẫu bề đã đem lại tứ thơ văn cho biết bao thi nhân, đã là một trong những ý chính của tác phẩm Nguyễn Du, Ôn Như Hầu, Peguy nói lên nỗi u buồn của tuổi bốn mươi, cái tuổi mà người ta chợt nhận thấy đời mình không có gì sung sướng. Mauriac, Bernanos, Greene nhìn đời với con mắt bi quan.

Tuy nhiên, nỗi buồn man mác của người xưa phản ánh vào văn thơ còn giữ vẻ hồn nhiên thuần phác của người bất lực chỉ biết than vãn trước sự nghiệt khắc của trời già. Trong tối đêm đau khổ họ vẫn hướng về buổi bình minh hy vọng. Đó là một quan niệm đau khổ trong lành. Thắc mắc siêu hình đưa bàn tay nhưng êm đềm vỗ nhẹ lưng người đau khổ để họ yên tâm chịu nhận cuộc sống phù du.

Nhưng ngày nay thì con người đau khổ dùng hàng trăm giọng chát chúa, cay độc, bù lu bù loa để hình dung thân phận con người bị đọa đầy. *Le Procès de Kafka*, *Huis Clos* của Sartre, *Le Mythe de Sisyphe* của Camus đều phản ánh một lối cảm nghĩ yếm thế đến mức độ từ khước vô điều kiện tất cả và trở lại từ con số không.

Thế kỷ thứ hai mươi phải có cái gì riêng biệt của thế kỷ thứ hai mươi. Trong địa hạt văn chương có cái đặc biệt là những tư tưởng mới lan tràn khắp nơi chỉ trong một thời gian ngắn, không

cần bằng sóng V.Đ.T. thật, nhưng bằng sự trung gian của Quốc Tế Liên Bru. Quả vậy, sách in theo tốc độ sản xuất kỹ nghệ chuyên chở tư tưởng văn nhân đến đại chúng, thì máy bay chuyên chở sách ấy từ Tây phương đi khắp hoàn cầu. Thanh niên nước nào cũng không thể thờ ơ trước những phong trào tư tưởng coi là nổ tung như một trái bom cách mạng. Tư tưởng « nổ tung » của những triết gia Tây phương hiện đại gây nên phản ứng chuỗi tại khắp nơi, kể cả nhiều nước Á Đông. Có nơi thanh niên cuồng nhiệt « ngấm » sự chán nản, sự « chống đối », sự thách thức của triết lý hiện sinh, mạnh không thua gì ở Pháp, như thanh niên Phù Tang. (Có lẽ tại tình trạng đặc biệt ở Nhật. Nhật chiến bại, hệ thống giá trị cũ sụp đổ, thanh niên sống trong sự trống rỗng tinh thần, họ quay về với những cảm giác thể xác và sống buông thả để tiêu dùng sinh lực tuổi trẻ. Bởi vậy tư tưởng hiện sinh (hiểu theo nghĩa thiên cận, tiêu cực) là một thế giới để họ trú ẩn và khỏi bị thắc mắc về

phương diện tinh thần. Tâm trạng họ được diễn hình trong hai cuốn tiểu thuyết: «Một mùa dưới mặt trời», tác giả Sitaro Ishihara, và một cuốn nữa của Kensaburo Ohé).

Nước Việt Nam của chúng ta cũng không đứng ngoài những thắc mắc lo âu của thời đại. Tâm trạng một Sao Mai thể hiện qua tác phẩm *Nhìn xuống* là một chối bỏ vô điều kiện xã hội ngày nay, cái nhìn của một tâm hồn thối loạn, sống trong những ngày tàn của chế độ thực dân lỗi thời. Hoặc là một số thanh niên trí thức mất hướng, mất quân bình, đầy mặc cảm của những nhân vật *Siu Cô Nương* dưới ngòi bút của Mặc Đỗ. Chưa bao giờ thất vọng chán chường của người Việt Nam lại bộc lộ dưới hình thức «tân kỳ» như vậy. Ta thấy phản ứng những tâm hồn kiêu ấy, có mang vết tích những quan niệm «đời vô lý», đời giả dối, của tư tưởng mới. Thái độ tìm thích thú trong sự dẫn vật mình, trong sự đau khổ, bệnh tật, hoặc miệt mài với dật lạc lấy có tiêu sấu hận

vong quốc, rõ ràng là chứng bệnh ám ảnh tình dục biến thái, lồng vào trong một hình thức tôn thờ bản thân. Chúng ta đã ở xa những tâm trạng người quên mình hy sinh cho một lý tưởng, tâm trạng một hiệp sĩ Samourai, một anh hùng của Corneille.

Những khắc khoải lo âu của nhà văn tiền chiến hiền hòa và thụ động

XU A nay tâm hồn văn nhân bao giờ cũng là những tâm hồn khắc khoải, không thể nào yên tĩnh sống bình thản như người thường. Đối với nhiều nhà văn có thể nói họ không bao giờ biết sự thư thái.

Thế hệ trước của nước Pháp, các nhà văn Maurice Barrès, André Gide, Marcel Proust, tuy cá tính văn nghệ khác nhau nhưng họ cùng chung một thứ khắc khoải luôn luôn khuấy động tâm hồn không cho họ biết sự thư thái.

Có một sự liên lạc tuy kín đáo nhưng không thể chối cãi

được giữa cá tính văn nghệ Pháp với văn nghệ tiền chiến Việt Nam. Đề tài chính của văn nghệ tiền chiến là cũ mới xung nhau, được khai thác kỹ lưỡng, đến nơi đến chốn. Thế hệ thanh niên ấy lặn hụp trong những sản phẩm văn chương cống hiến họ những lẽ lối suy tưởng, cảm động, nhớ nhung, tỏ tình, những cách ăn nói và ăn mặc phóng theo những tiêu chuẩn Tây phương. Tinh thần văn nghệ Tự Lực Văn Đoàn, hay của nhiều nhóm khác, cũng chứa nặng tinh thần lãng mạn trưởng giả trong những tiểu thuyết Âu châu từ trước năm 1900, thứ buồn vợ vắn của người không có ý niệm thiết thực về đời sống, của người bất lực trước cuộc đời, thi vị hóa bởi văn thơ để làm nơi trú ẩn mà tìm an ủi một cách dễ dãi.

Vậy là khắc khoải lo âu của văn chương tiền chiến nông cạn và giản dị, có thể nói rằng ngây thơ, chép lại phần nào những quan niệm của tiểu thuyết Âu châu thế kỷ thứ 18 và 19 về tình yêu, hy vọng và thất vọng.

Nhưng đến thời hậu chiến người ta có thể không còn tin tưởng bất cứ cái gì

HÃN là tâm trạng giản dị ấy còn giữ phần nào cái đôn hậu, cái thuần hòa của những tâm hồn đúc trong khuôn luân lý cổ, luân lý gia-tô hay luân lý không thích. Người ta còn công nhận có ông trời, còn tin tưởng những giáo điều, những giá trị ngàn xưa, lớp trật tự của những định chế đã hình thành. Nếu thanh niên Việt hồi ấy chối bỏ những giá trị cổ nho, cũng là để chạy theo hình bóng những giá trị của xã hội Tây phương.

Phong thể văn nghệ của thế hệ Proust và Gide quả không còn ảnh hưởng gì đến thế hệ sau của Pháp. Nhưng nếu các nhà văn trẻ tuổi vượt qua tất cả những cái gì còn là giá trị tinh thần «lỗi thời» của cha anh họ, không phải họ tìm được chắc chắn những nguồn hạnh phúc, sủa

bỏ được nước mắt, than vãn. thở dài trong văn chương. Trái lại, thất vọng, và chán nản còn thêm phần mãnh liệt. Ngày xưa nói đến chữ *désabusé* (một chữ không có danh từ nào của ta diễn tả hết ý nghĩa tương đương) người ta hiểu đúng nghĩa của nó nghĩa là hết lầm lẫn, đã tỉnh ngộ. Trong kịch *Polyeucte*. Pauline nói: « Tôi đã tỉnh ngộ » có nghĩa là nàng sung sướng thấy được Thượng Đế, thấy ánh sáng chân lý theo như người thời ấy hiểu. Nhưng ngày nay một nhân vật của tiểu thuyết hiện sinh nói mình giác ngộ có nghĩa là nói mình hết tin tưởng bất cứ cái gì.

Hắn là những thanh niên này phải tâm đầu ý hợp với những thanh niên điển hình trong cuốn truyện *Siu Cô Nương* của Mặc Đỗ, hay những nhân vật của Shitaro Ishihara, và của Kensuburo Ohé, dĩ nhiên với một vài nét cá biệt địa phương.

Văn thơ chối bỏ những nguồn gốc cương thường những giá trị đạo đức và những căn cứ suy luận xưa nay

HIỆN tượng này xảy ra tại các xã hội Âu Tây. Đối với văn phái hiện sinh ngày nay, những nhà văn tả thực và tả chân yếm thế nhất của thế kỷ trước còn là những cây bút rụt rè, dè dặt.

Đợt sóng mạnh dạn đầu tiên với những đại diện Baudelaire, Flaubert, Maupassant, Zola, Alphonse Daudet — ấy là chỉ nói những tác giả nhiều người quen đọc — chỉ có chủ ý quét sạch những thứ ngôn ngữ, những cách cục giả tạo, màu mè và rỗng tuếch trong cuộc giao tế xã hội. Người ta thay những giá trị tôn giáo bằng những giá trị khác do đời sống trưởng giả tạo ra để rồi lại chê bai những giá trị trưởng giả ấy. Đến nửa sau thế kỷ thứ 19 thì những đầu óc tiến bộ, những tâm hồn cao đẹp đều

ác cảm với xã hội trưởng giả và cả cái luân lý trưởng giả, cái tinh thần trưởng giả. Tuy nhiên, người ta ghét cái gì kiểu cách, giả tạo, người ta đã phá thành trì trưởng giả, nhưng người ta vẫn tin tưởng những giá trị đạo đức và nhân luân cổ truyền. Giai đoạn ấy còn là giai đoạn ôn hòa, giai đoạn ngập ngừng của những người rụt rè, muốn một sự sửa chữa, một sự gột rửa qua loa ngoài bì phu.

Đến ngày nay người ta bước sang giai đoạn quyết liệt, giai đoạn đào bới đồ xuống sông đến cội rễ, tất cả những gì ông cha họ xây dựng hàng mấy ngàn năm kể từ lúc bình minh của tiến hóa. Không còn là một giai đoạn cải cách bình thường, còn giữ lại ít nhiều nguyên lý cơ bản của đời sống. (Thượng Đế, Thánh sùng, ý nghĩa đời sống v.v...). Giai đoạn này là giai đoạn tiêu diệt hoàn toàn những nguyên lý ấy. Đời chỉ còn là một sự phi lý, và con người ta không còn thái độ nào thích ứng với đời hơn sự chống đối, sự

thách đối, sự từ khước vô điều kiện. Vậy là sau hàng ngàn năm xây dựng những lâu đài triết lý, đặt những cơ sở suy luận và hành động, người ta đi đến kết luận: loài người đã đi trên những ngõ ngách lầm lạc, phải bỏ hết cả, trở lại từ số không.

Từ chỗ sụp đổ những cột trụ chống đỡ tất cả mọi tư tưởng hành vi làm thành mớ tin tưởng của xã hội cũ, mọc ra những truyện phạm tội mà không có trách nhiệm về tội, có trách nhiệm về tội mà không phạm tội, sản phẩm của những người thần kinh thác loạn.

Khi người ta đã hăng hái phá tất cả những cái gì còn là thâm kín, cái gì che lấp thực chất con người để tìm con người chính xác, người ta đập tan những phần tinh túy, những cái đẹp đẽ, óng chuốt, đã làm cho con người xứng đáng với danh dự làm người. Quan niệm ấy không thể không phương hại đến tính chất văn nghệ. Khi người ta phải dựng những cái tháp hèn, bĩ ỏi trong con người lên làm sự kiện then

chốt để xoáy mọi tình tiết câu truyện vào đó người ta không khỏi tạo nên những hình ảnh sai lầm (trong sự xấu xa) về sự thật. Đó là một thứ tinh thần hoàn toàn vô trách nhiệm về văn nghệ.

Quan niệm văn nghệ này lan rộng khá mạnh tại Pháp và Âu Mỹ, nó có một sức thu hút đặc biệt đối với thanh niên chính vì nó khai thác cái bất lực của xã hội trước những mâu thuẫn của đời sống, những bất công của xã hội, nhất là khi những trào lưu văn nghệ khác không đủ sinh lực để giải đáp cho thanh niên những thắc mắc về công bình, đạo đức, lý tưởng mà xã hội thực tế không đem lại cho họ một ý niệm thỏa mãn.

Khắc khoải lo âu của thời đại trước mượn những hình thức văn nghệ thụ động, tương đối hiền hòa, để phát lộ, nửa sau thế kỷ này đã chuyển sang hình thức gay gắt quyết liệt đã phá lung tung.

TINH thần văn nghệ ấy vang dội trong các bộ môn văn nghệ khác như: sân khấu, kịch ảnh v.v..., nhưng người ta không thể cho rằng nó hoàn toàn trách nhiệm về nếp sống buông thả của một số thanh niên, về những phong trào đột sổng mới, những phong trào du dương, thiếu nhi phạm pháp v.v... Còn nhiều yếu tố xã hội khác, như chiến tranh, sự tập trung dân số quá đông đảo ở đô thị, sự phát triển kinh khủng của con số trẻ em đi học, hoàn cảnh sống có phần cách biệt của thế hệ trẻ em đối với đời sống chung của xã hội (không như ngày xưa trẻ lớn lên giữa gia đình, tản mát giữa xã hội người lớn, chúng học theo gương người lớn, hòa mình vào với cảnh sống của xã hội người lớn, không thể phát sinh một cá tính, gọi là cá tính thanh niên như ngày nay). Nhưng ta biết cạnh khía sinh hoạt tinh thần nào của xã hội cũng phát sinh từ một nguồn cội tư tưởng triết lý dẫn đạo. Tư tưởng triết lý nhân sinh mới bắt đầu đã phá những nền móng tin tưởng sâu xa của

con người bấy nay, nhưng chưa đề ra được những tiêu chuẩn thay thế. Camus với « tư tưởng buổi trưa » (1) thực ra mới là một thứ mào đầu của một hệ thống tư tưởng chưa ngã ngũ ra làm sao, có thể chết yểu chung số phận với tác giả của nó.

Thế giới ngày nay sống trong sự ám ảnh của những cơn giông tố chánh trị, chiến

tranh kinh tế, nguồn gốc biết bao sự bất công và mâu thuẫn, cần phải cổ xúy một nền văn minh mới đặt trên những giá trị nhân bản mới. Văn truyện trả lời vào nhu cầu của thời đại và có thực chất xây dựng, thiết tưởng nên tìm hứng trong những nguồn tư tưởng thể hiện tính chất văn minh và giá trị nhân bản mới.

CÔ LIÊU

(Phỏng theo tài liệu của tạp chí
« Cahier de l'Action Sociale »).

(1) La pensée de Midi (le mythe de Sisyphe)

Đã có bán tại các hiệu
sách lớn Saigon và Huế :



CHUYỆN CỦA NÀNG

thi phẩm thứ 2
của

DIÊN NGHỊ

do

ĐÌNH CƯỜNG

vẽ bìa và trình bày

LẠC VIỆT xuất bản

PHẦN THỨ NHÌ

Phần thứ hai của Văn Hưu số 18 này hoàn thành với sự cộng tác của các bạn : Sơn Nam — Hoài Khanh — Sao Trên Rừng — Trần Hồ — Hùng Phương — Vi Huyền Đắc — Nguyễn Nhược Nghiêm — Trần Dạ Từ — Doãn Quốc Sỹ.

Nguyên tác của : IVO ANDRITCH

Bản dịch của : HÙNG PHƯƠNG

Khúc mình

MẶC dù đau nặng phải nằm liệt giường từ lâu, nhưng Thầy Pierre vẫn có thể kể nhiều câu chuyện dài và lý thú, với điều kiện tìm được những người nghe đúng với sở thích của Thầy. Chưa ai có thể nói đúng được những chuyện Thầy kể lý thú là do đâu. Trong tất cả những điều Thầy nói ra đều hàm xúc một cái gì vừa vui tươi vừa uyên bác. Hơn nữa, mỗi lời nói của Thầy đều chứa đựng một cái gì cao cả, không như lời nói của những người khác, âm thanh vang mãi trong không gian dù lời nói đã tắt. Sau nữa, mỗi lời do chính miệng Thầy thốt ra có nhiều ý nghĩa hơn do những người khác nói. Nhưng tất cả những cái ấy nay không còn nữa.

Trong gian phòng nhỏ hẹp của Thầy Pierre treo đầy

đồng hồ lớn, nhỏ, vang lên những tiếng tích tắc đều đều và đồ giờ từng chập. Trong ấy cũng có nào vũ khí, nào những bộ phận súng ống đã tháo ra và những khí cụ lật vặt bằng sắt. Vị tu sĩ sở trường về môn đó, vì thế thuở thiếu thời đã được mệnh danh là « nhà chế tạo vũ khí ». Một trong những chiếc đồng hồ kỳ lạ bằng cây ấy vừa đồ mười một giờ. Về mặt trầm tư, Thầy Pierre lắng nghe tiếng đồng hồ, mắt nhìn lên cái kệ có vài ba cuốn sách, một cái bình đựng thảo mộc, một hàng dưa và táo. Âm thanh tiếng chuông cuối cùng chưa dứt, Thầy bắt đầu câu chuyện.

« Khi còn bị lưu đầy ở miền Tiểu Á, tôi đã từng thấy đủ thứ chuyện lạ lùng, xấu có, tốt có. Nhưng chuyện xấu nhiều hơn, vì những

chuyện tốt đẹp vốn hiếm ở dưới vòm trời. Tôi đã thấy một người như một tấm mộ bia sống của sự đau khổ và hình ảnh của tất cả những đau khổ đang rình rập nhân loại.

Như các bạn đã thấy, trong một giới hạn nào đó, tôi khá thông thạo về vũ khí. Nói đúng hơn, là một người bạ việc gì cũng làm được, một người thợ thủ công. Tôi đã bắt đầu như vậy khi còn nhỏ và cứ tiếp tục trong nhà dòng. Tôi thường sửa chữa những máy xay, những ống khóa, đồng hồ và súng. Nhờ vậy, tôi luôn luôn giúp ích cho mọi người (như bạn đã biết, mọi vật trên đời này đều hao mòn và tan rã, sự hư hao và tàn lụi nhiều hơn là hạnh phúc và tiến bộ). Sở trường ấy cũng hữu ích cho tôi lúc ở trại Akra. Tôi đã sửa chữa và canh lại cho đúng một máy xay cà-phê của người gác khám. Nhờ vậy tôi nổi danh. Sau đó, người ta đưa tôi sửa những ống khóa tù. Người ta cũng bắt đầu kêu tôi ra phố, lần đầu nơi nhà ông Thống-đốc, sau đến nhà các nhân vật cao

cấp khác. Vì vậy, ngày nọ tôi được đến nhà của Tchélébi-Hafiz, một ngôi nhà không giống như những nhà khác cũng như chủ nhân không giống những người khác trên đời.

Đó thật là một dinh thự, bị che khuất phần nửa bởi một khu rừng nhỏ, ở xa trông giống như một bụi cây trên một triền đất màu vàng. Sau khi qua một cái cổng lớn dành cho xe ngựa, ta thấy đó thật là một pháo đài với những mô đất, những cầu và tháp bằng đá sậm màu. Cụm rừng nhỏ che khuất những khu vườn êm mát với những giòng suối nước chảy mạnh. Chỉ ở Á Châu người ta mới gặp những bất ngờ như vậy. Từ khi đến tới giờ, tôi mới nghe tiếng thì thầm của một suối nước. Tiếng nước chảy đối với tôi sao thân mật như tiếng nói của quê hương. Tôi có cảm tưởng như mình không phải là một tên nô lệ bị lưu đày tại Á Châu, nhưng đang ở tại Sarajevo, ngay trung tâm thành phố, gần bên suối nước trong sân tu viện của chúng tôi. Còn những nơi khác trong dinh thự, mặc

đủ to lớn và huy hoàng đều bị bỏ hoang phế.

Người lính đã dẫn tôi đi, giao tôi cho một tên mặt xanh mét, tuổi khó đoán cho đúng, mắt hấn lơ lơ, giọng nói tiếng còn tiếng mất. Hắn đưa tôi lên những bậc thang bằng đá, đi ngang qua những hành lang, rồi đến những căn phòng trống không và mát rượi, tất cả bằng một thứ đá xanh và kiến trúc bằng một thứ vật liệu cứng, rất mỹ thuật. Chúng tôi đến một cầu thang bằng cây và leo lên một ngọn tháp có treo một cái đồng hồ mà hôm vừa rồi bỗng nhiên ngưng chạy. Nhờ vậy người ta mới cho tôi ra khỏi khám và đưa tôi đến đây. Vừa mở chiếc đồng hồ ra, tôi biết ngay do đâu nó hư. Máy nó là một thứ máy tốt của Venise (thuộc nước Ý), nhưng vì đồng hồ treo ngay ở một nơi hể trời mưa, nước thấm vào tận lò-so. Có lẽ một người Hy-lạp hoặc một người Arménie nào đó đã treo chiếc đồng hồ ấy ; họ không phải là hạng người dễ dùng làm công việc trên đây (vì trong những trường hợp tương tự, sự gian lận cũng

như sự nói láo không hữu ích gì).

Tôi xin một ít dầu và dầu hôi, hai hay ba cọng lông và một cái dũa, dụng cụ này người ta không cho phép tôi giữ trong tù. Một cậu bé đem cho tôi những thứ ấy rồi bỏ đi. Còn lại bên tôi người đàn ông đã dẫn tôi đến. Phía dưới chiếc đồng hồ có những tấm ván bằng cây tốt và cứng. Tôi xếp đặt đồ nghề trên một tấm, tên đàn ông ngồi trên một tấm khác. Bây giờ, tôi mới có thể quan sát hấn kỹ hơn : người hơi trọng tuổi, gầy và thân mình gập lại làm đôi. Chắc trước kia hắn là một tên nô lệ ngay từ khi còn bé, sau được hồi giáo hóa và phóng thích.

Trong những dinh thự của hàng quý tộc Thổ-nhĩ-kỳ, có nhiều tên đầy tớ sống cả đời, người ta cũng không bao giờ biết rõ chúng từ đâu tới và hiện làm những gì. Cho đến khi chúng từ bỏ vĩnh viễn tôn giáo, tên họ của chúng và tất cả những gì chúng đã làm từ trước cho đến giờ, chúng bắt đầu chế ngự. Thật sự tất cả những người chung quanh

và như đứng trơ trơ một chỗ không lay chuyển trong khi chung quanh tất cả đều đổi thay, sinh nở thêm, hoặc tiêu diệt, hoặc phối hợp cùng nhau. Chính chúng hiểu rõ hơn ai hết những công việc diễn biến như thế nào, sự quan trọng của tiền tài và mức độ hưng thịnh của nơi chúng ở. Chúng biết tất cả những sự bí mật thâm kín khác và nội tâm của mỗi một người chủ của chúng cũng như của bọn nô dịch. Mọi người nhờ chúng giúp đỡ, cứu trợ hay khuyên bảo; chúng giúp tất cả không cần được trả ơn. Chúng giữ yên lặng, nhìn chung quanh và ta có thể nói rằng chúng đã tìm được phần thưởng trong sự hiểu biết tất cả và không ước mơ điều gì. Bởi vậy, dinh thự của các hàng danh gia vọng tộc thường do những tên nô lệ và người ngoại quốc cai quản, những tên Do-thái xảo quyệt và những người Hồi-giáo bí mật. Họ đã hy sinh tất cả, không có những tham vọng và tánh xấu đang chế ngự bọn Thầy của họ. Tôi có cảm tưởng ngay rằng, tên đang ngồi bên

cạnh tôi là một trong những tên nô dịch chuyên quyền ấy.

Tôi mở nắp đồng hồ ra, xắn tay áo lên, thăm làm dấu Thánh giá và bắt đầu làm việc. Tôi không nói một lời nào và tên Thổ-nhĩ-kỳ cũng lặng yên. Lén nhìn hẩn, tôi thấy hẩn đang dòm qua một khung cửa ở phía dưới chiếc đồng hồ.

— « Mày có thấy không? »
bỗng hẩn hỏi tôi.

— « Không » tôi đáp, mắt không rời công việc.

Thật sự tôi không thấy gì hết, hay nói cho đúng hơn, không nhìn gì khác hơn việc đang làm. Tôi chỉ sợ ở tầng dưới có vài người phụ nữ của hậu cung làm tên Thổ-nhĩ-kỳ có ý tưởng không tốt và rầy tôi. Ai biết được. Tôi chưa bao giờ làm gì trái, nhưng nếu có, dù nhỏ nhất đi nữa, cũng bị đánh dưới bàn chân và chặt đầu.

— « Dòm cho đã đi, tên Thổ-nhĩ-kỳ lại tiếp, họ không phải là phụ nữ của hậu cung đâu. Dòm đi và tao kể cho nghe chuyện này ».

Tôi ngẩng đầu lên nhìn. Ở tầng dưới, ở dưới thật xa

chúng tôi, trên những phiến đá chìm trong bóng mát, hai tên nô lệ ngồi trên thảm, một tên da màu cà-phê, một tên da đen sậm. Bên cạnh chúng, một cái cang, nhiều gối và trống nhỏ. Phía trước, gần cái bao lơn bằng đá sít trên đầu những ngọn cây dưới vườn mà ánh nắng vừa chiếu đến, có một người đứng. Một đứa bé? Một bà già? Tôi không làm sao phân biệt được. Tôi thấy một mình người trong một chiếc áo thụng dài chấm đất màu vàng và xanh lá cây, một cái đầu quấn khăn trắng, nhưng không tay, không chân, chỉ có khúc mình thôi. Người ấy đứng không nhúc nhích, chỉ quay đầu lại và nghiêng mình một cách dị kỳ. Xin Chúa tha thứ cho tôi, việc ấy giống như cố tu sĩ Philippe Bravadjitch trong một buổi đại lễ, khi em nhỏ giúp lễ xong hương, thầy chỉ cúi đầu mà thôi và không dừng lại. Không hiểu tại sao tôi lại nhớ đến thầy Philippe như vậy. Xin Chúa hãy tỏ lòng nhân từ đối với thầy là người hiền như cục bột, nhưng tính kỹ càng và kỳ quặc... Tên Thổ-

nhĩ-kỳ bỗng ngắt ngang ý nghĩ của tôi.

— « Mày có thấy dưới đó không, ở phía dưới chúng mình. Đó là Tchélébi-Hafiz, người đã chinh phục xứ Syrie kia. Chắc mày đã nghe nói về ông ta chứ ? ».

— « Không, tôi từ xa đến và ở đây chưa được bao lâu ».

Tên Thổ-nhĩ-kỳ nhìn tôi với cái nhìn kỳ lạ và lúc đó tôi mới để ý rằng đó là đôi mắt của một người mắc một chứng bệnh gì. Cái nhìn giống cái nhìn của người có đạo. Hẳn nhìn tôi như muốn ngấm lại cho kỹ hình dạng của một người chưa bao giờ nghe nói về Tchélébi-Hafiz. Rồi hẳn bắt đầu kể cho tôi nghe về « khúc mình » với số mạng của nó.

Trong khi hẳn kể, tôi không nhìn qua hành lang phía dưới chúng tôi. Hai tên nô lệ ngồi không cử động trên hai phiến đá dưới bóng bờ thành và bên cạnh bao lơn là Tchélébi-Hafiz, « khúc mình » mặc vải lụa vàng và xanh lá cây. Bóng tối đã rời đi nơi khác và ánh mặt trời chiếu ngay ông ta nhưng ông

ta vẫn bất động, chỉ nhúc nhích cái đầu. Trước hết, ông ta vươn đầu lên (tôi chưa bao giờ thấy người nào vươn đầu lên một cách kiêu căng như thế). Sau đó, ông ta mới xoay đầu từ từ bên trái, rồi bên phải, một cách chậm kinh khủng như một con mãnh thú khi nghe hơi gió và cảm thấy tới lúc phải hành động. Rồi cứ như thế mãi: bên trái, rồi bên phải cho đến lúc mệt, ông ta cúi đầu xuống giây lát, rồi lại bắt đầu. Khi ông ta nhìn lên phía đồng hồ trên tháp, tôi mới phân tách rõ hơn gương mặt của ông ta: nó giống như một quả táo nhẵn nhéo. Không mũi, không mắt, không môi, không râu, không ria. Đúng hơn, đó là một cái theo lớn bao phủ bởi một lớp da non căng thẳng.

Tên Thổ-nhĩ-kỳ bên cạnh tôi kể chuyện một cách hứng khởi, không ngừng, mỗi lúc một thêm nhanh và hoạt bát. Còn tôi, tôi cứ làm việc. Ban đầu, tôi không thích nghe hắn kể, nhưng tôi nhận định ngay rằng hắn nói cho hắn chứ không phải cho tôi. Khi tôi đóng hoặc dũa mạnh hơn,

hắn ngừng kể giây lát và lấy hơi lặp lại những chữ hắn tưởng tôi nghe không rõ hoặc hiểu sai. Thực ra, tôi không nghe kịp một lời nào và cũng không thể hỏi câu này câu nọ. Tuy nhiên, tôi cũng hiểu qua cốt truyện.

Sau đây là những gì hắn đã kể:

« Đó là một gia đình cổ xưa và quý phái gốc ở Syrie, nhưng đến lập nghiệp tại Istambul từ bốn đời. Họ là những kẻ thông thái về luật pháp và về Thần học từ đời cha đến đời con. Khi có nội chiến ở Syrie — việc ấy rất thường xảy ra — họ gửi quân đến. Nhưng khi một đạo binh không thể củng cố được kỷ luật và gìn giữ trật tự thì nó chỉ làm tăng thêm nổi thống khổ. Tchélébi đã rời Istambul với một đạo binh như thế. Chính vị Tổng chỉ huy đã đem ông ta theo vì ông ta thuộc một dòng dõi nổi tiếng và cổ xưa, hơn nữa lại là người gốc gác tại đó. Cũng như sự việc thường vẫn xảy ra vào những thời kỳ hỗn độn, loạn lạc, quân đội dần dần tan rã, các tướng lãnh lần lượt rời bỏ hàng ngũ.

Cuối cùng, tất cả chỉ còn trông cậy vào một đạo quân Tchélébi-Hafiz ; ông ta tiếp nhận những kẻ bị người khác ruồng bỏ, bình định xứ Syrie vì quyền lợi của ông ta, đặt dưới luật pháp của nhà vua và dưới quyền lực của ông ta những người còn sống tại đó. Thực ra, chính đó là đạo binh do ông ta trả lương và bồi dưỡng với những nguồn lợi của các châu quận bị khuất phục.

« Trước hết, ông ta chiếm đoạt tất cả đất đai mà theo tài liệu của ông ta đưa ra, thì trước kia vốn thuộc quyền sở hữu của gia đình ông ta. Và lại những đất đai ấy, ông ta muốn chiếm bao nhiêu cũng có bởi vì trước mặt Tchélébi-Hafiz, những ai có thể trốn được đều tẩu thoát. Không một ẩn tử, không một tài liệu dù nhỏ nhất đi nữa, tất cả đều lọt vào tay ông ta trong vòng hai ngày xua binh tiến tới. Mọi người đều bỏ của lại, chỉ nghĩ đến mạng sống của mình, vì Tchélébi-Hafiz vừa tiến vừa chà đạp tất cả dưới chân. Ông ta sẵn người cũng như người ta sẵn mồi.

Từ ghế nhà trường, ông ta gia nhập ngay vào quân đội. Trước kia, là một thanh niên mảnh khảnh hiền hậu, nước da trắng, đôi mắt đen, tóc và lông mày gần như màu đỏ, Hafiz, gã thanh niên ấy bỗng nhiên trở thành một tướng cướp và một tướng giặc khát máu. Rồi tất cả mọi sự đều bị lãng quên : từ những cuộc nội loạn chống chánh quyền cho đến khi quân đội chánh quy đến dẹp loạn. Chỉ còn lại Hafiz với đất đai ông ta dẫm dưới chân và cắt xén tùy thích.

« Ông ta đốt và giết tất cả. Người ta đặt cho ông ta một bí danh là « Hafiz tên đốt nhà ». Tất cả những gì sống và còn đứng được làm cho ông ta khó chịu và giận dữ. Vì thế, ông ta đốt và tàn phá tất cả. Ông ta tức giận vì không có thể chôn vào đất cọng cỏ nhỏ còn sót lại và không thể đốt được những tảng đá.

« Ta chỉ để lại vòm trời trên xứ Syrie mà thôi », ông ta nói thế ; mỗi khi mở miệng nói điều gì là hành động đúng như vậy.

« Trong cơn tuyệt vọng phũ phàng, dân chúng tự hỏi tại sao gã thư sinh môn thần học nước da như hoa huệ và hoa hồng lại có thể biến thành một con khủng long cắt cổ và bóp họng tất cả những gì nằm trên đường đi của hắn và không thể nhắm mắt ngủ quên khi vòm trời trên đầu chưa rực ánh lửa hồng. Hắn đã học ở trường nào, đọc những sách gì ? Viện đại học (Hồi giáo) nào đã dám đặt ra nền giáo dục như thế ? Ai đã gieo vào lòng hắn sự căm thù ? Ở thời đại nào và từ đâu đến ngọn lửa thiêu rụi và hủy hoại tất cả không biết chán và không ngừng ? Dân chúng tự hỏi và cũng không biết tại sao họ lại tự hỏi như vậy để không bao giờ tìm được câu trả lời. Họ cầu Trời một cách vô vọng vì Trời lúc ấy hẳn còn thiên về bên Hafiz cũng không ích gì.

« Dân chúng chạy trốn vào bãi sa mạc, may sống rui chết nhưng nếu có chết cũng không rùng rợn bằng gặp những tên thương kỵ binh của Hafiz hoặc những cây đuốc và dầu sôi của bọn chúng. Nơi sa mạc, họ chia

nhau ăn náu trong những hang tự họ đào trên những triền đồi có nhiều đất cứng. Nhưng đói và khát bắt buộc họ ban đêm phải đến ven bờ những vùng có nước và cây cối để tìm nước uống và thức ăn. Tại đó, quân của Hafiz đã chực sẵn để chặt họ ra từng mảnh như bầy thú nơi giếng nước. Vì thế, dọc theo những đường mòn đưa đến những suối và gần những lạch nước, luôn luôn có những tử thi và người bị thương.

« Năm tháng cứ trôi qua như thế và Hafiz cứ tiếp tục bình định xứ Syrie gần như điêu tàn. Với kẻ khác, ông ta làm tiêu tan tài sản, còn ông thì mỗi lúc một giàu thêm lên. Ông ta cho xây cất nhiều tòa nhà đồ sộ, kiên cố, cửa gần ồ khóa to, có then gài và những thanh sắt bắc ngang.

« Nhưng làm sao kẻ xiết những gì không thể kẻ được. Ông ta thiêu hủy, tiêu diệt, giết chóc, treo cổ, hãm hiếp, áp chế và thành công trong mọi việc. Không ai có thể cản ngăn, dù luật pháp của Chúa hay thế lực của triều đình, dù bao nhiêu nước mắt, bao

hiều cảm hờn của những kẻ bị săn đuổi.

Nhưng, anh thấy không (lời nói này được tên nô lệ thốt ra chậm chậm một cách ý nghĩa ; tôi nhìn tay hắn thấy như hắn định chỉ tôi một vật gì, nhưng hắn chỉ nhòm dấy, mắt lim dim, đôi môi hơi hé mở. Hắn bắt đầu nói một cách mau lẹ và rõ ràng như khi đọc kinh), mày thấy không, mọi đau khổ, mọi sự xấu xa đều có một thứ thuốc để chữa và đây là thứ thuốc đó : mỗi phút trong đời sống của ta đều có một chỗ hở để làm lỗi, dù nhỏ mọn, nhưng cũng đủ để làm cho ta chết và đi đến sự sụp đổ hoàn toàn. Và mày thử nghĩ coi có bao nhiêu phút trong đời sống của một người ! Những kẻ hoạt động, đang đuổi theo một cao vọng nào, để làm lạc hơn là những kẻ khổ đau, sống ồn dạt và ở yên một chỗ. Ai cũng tưởng là không có cái gì chống lại nỗi Hafiz và tội ác của ông ta sẽ vô bên bờ. Nhưng ngày nọ, trong một giây đồng hồ, ông ta cũng đã làm lẫn : ông ta đã thương xót một người đàn bà yếu đuối dễ sống dễ chết

mà ông ta gặp trên đường. Trong một nháy mắt, ông ta không còn thù oán và đuổi bắt những vô tội ; chỉ có bao nhiêu đó đủ để ông ta bị khuất phục.

« Đuổi theo một gia đình danh tiếng và đông người đang lần trốn trong sa mạc, ngày kia. Hafiz tách rời khỏi đạo binh của ông ta. Dấu vết những kẻ lần trốn, do một con đường của sa mạc, tới một giếng nước đưa ông ta tới một suối nước gần cận. Trên cát vàng, dưới một cây trại lá không có chút bóng nào, ông ta tìm thấy một thiếu nữ đang lả người. Cô gái gần như trần truồng, chỉ mang trên mình những mảnh áo rách, nước da sạm đi vì gió của sa mạc, hai chân và đầu gối rướm máu vì đã vấp ngã nhiều lần. Cô ta không còn sức để đi nữa. Đôi mắt to và nóng sốt đã khô cạn nước mắt, nhưng dài theo đôi má nóng đỏ, ta thấy những hằn đỏ như những vết thương, dấu vết của những giòng lệ đã khô.

« Cô ngược mắt nhìn lên và trông thấy thanh đoản kiếm

của ông ta, nặng như lưỡi dao của tên đồ tể. Nàng lướt nhìn thanh kiếm, rồi tên trướng giặc và thốt nhanh lời cầu nguyện: « Nhơn danh Chúa nhân từ trên hết mọi sự nhân từ ». Nàng thì thầm như một sinh vật không còn biết sợ gì và không tự vệ. Đã là một xác không hồn, không biết sao nàng còn có thể nói được. Thay vì đánh đập, Hafiz giăng tay ra. Binh lính của ông ta vừa tới cũng còn thấy ông ta trong bộ điệu ấy, thanh kiếm còn treo lủng lẳng nơi cổ tay phải.

« Ông ta truyền lệnh mang cô gái vào trong mát và không một người nào được khuấy rầy cô ta. Chiều hôm ấy, khi người ta dẫn cô gái trong bộ sắc phục đàn ông tới trước mặt ông, ông ta truyền cho đưa cô ta vào hậu cung ».

Đang kể không ngừng câu chuyện, bỗng tên nô lệ nhìn qua lỗ cửa nhỏ phía dưới đồng hồ và ngừng kể. Tự nhiên tôi cũng nhìn theo. Phía dưới, những tên nô dịch đang sửa soạn cái cang bằng vải bọc gối và chăn.

Hafiz, giống như một thân cây, được chúng đặt thật nhẹ nhàng và cẩn thận lên trên cang, xong đi mất dạng. Tên Thổ-nhĩ-kỳ, có vẻ lo âu, đứng lên e dè như lấy làm tiếc vì phải rời tôi. Hắn có vẻ như sắp đi đâu, không kịp kể hết câu chuyện, cũng không kịp cáo từ. Nhưng bỗng hắn dừng lại gần cái thang, vội vàng và vắn tắt kể nốt cho tôi nghe. Hắn không nhìn tôi, mắt chăm chú nhìn vào một nơi trên vách tường như đang đọc. Đoạn sau câu chuyện hắn kể không được rõ ràng lắm, nhưng linh động hơn trước.

« Như thế, người đàn bà ấy lần lần chiếm hậu cung, chiếm cả tài sản của Hafiz và ngay cả Hafiz. Ông ta chỉ tin nhiệm nơi nàng mà thôi. Chỉ có nàng được giữ chìa khóa của ông ta khi ông ta đi hành quân. Ông ta không biết — hay đã quên rằng — ở Syrie có một câu ngạn ngữ (mà trẻ con cũng thuộc) về vấn đề chìa khóa: « Nếu muốn tránh những điều lo âu, hãy giữ chìa khóa nơi giày nịt, nếu muốn gặp điều phiền phức,

hãy giao chìa khóa cho tên đầy tớ trung thành nhất còn nếu muốn tiêu tan, hãy giao nó cho một người đàn bà». Bởi vậy sau bao nhiêu năm chung sống, một chiều nọ từ trận địa trở về, Hafiz được đón tiếp ngay trong sân nhà của ông ta bởi một bọn người võ trang. Toán quân hộ vệ của ông ta bị sát hại ngay tại chỗ, chỉ trừ một tên lính duy nhất thừa dịp không ai đề ý, chạy trốn trong bóng tối. Hafiz bị thương và té xuống ngựa.

Thế rồi trong những dinh thự đồ sộ của ông ta, một đêm kinh khủng bắt đầu. Những tên nô lệ được tự do, gần như trần truồng, ốm tong teo và què quặt, cướp bóc, đập phá, thiêu hủy. Trong sân giữa, Tchélébi-Hafiz mình mẩy tả tơi và đầm máu, bị trói vào một gốc cây xà gần bên miệng giếng. Chung quanh ông ta, lũ nô lệ gào thét và bọn đàn bà thoát khỏi hậu cung, kêu la nghe chát chúa. Tất cả vung dao lên với những khí cụ đủ loại và quơ những cây đuốc cháy rực, nhựa thông nhỏ xuống từng giọt lấp lánh.

« Chính người đàn bà ấy, người mà Tchélébi-Hafiz yêu quý hơn cả, lời cuốn bọn trên đây. Ròng rã bao năm trời, nàng đã suy tính và chuẩn bị vô ấy. Nàng đã che đậy một cách khéo léo ý định của nàng và đợi dịp thuận tiện để thực hiện ý chí phục thù. Cảnh tượng mà Hafiz phải nhìn thấy là : người yêu quý nhất đời của ông ta, người thân nhất và tin cậy nhất, đang nhảy quay cuồng chung quanh giận dữ và chửi bới ầm ĩ. Nàng không cho phép người ta giết ông ta (và tất cả mọi người đều vâng theo), vì nàng muốn thấy ông ta đau khổ và thấy nàng nhìn ông ta. Người ta bẻ gãy tay ông ta ở chỗ trên cùi chỏ và hai chân ở chỗ trên đầu gối, đánh đập ông ta bằng những cây đuốc đang cháy.

Nhưng, lúc ấy trong đêm tối, bỗng có tiếng ngựa phi tới. Tên quân chạy thoát được, đã đi phi báo với người anh của Hafiz và người này tức tốc tới nơi với vài tên kỵ mã. Bọn tiếp viện đến quá bất ngờ và nhanh chóng làm cho bọn nô lệ đang say sưa, mệt mỏi vì đã chề

chén quá độ, bỏ chạy tán loạn, không chống trả chút nào; bọn chúng tưởng có một đạo binh hùng hậu đến tấn công.

Người duy nhất ở cạnh Hafiz còn bị trói lúc bấy giờ là người vợ ông ta. Khi tên lính tiếp viện đầu tiên chưa kịp bắt nàng, nàng đã dùng cây đuốc cháy đỏ đập đập vào giữa mặt Hafiz, rồi nàng quay bó đuốc và dúi tắt trên mặt ông ta. Ngay lúc ấy, một tên quân chạy tới và hạ nàng tại chỗ.

« Sabit, người anh của Hafiz, làm vãn hồi trật tự một cách mau chóng. Khi mặt trời bắt đầu ló dạng, tất cả đều quy phục, bị bắt sống hay giết chết; bọn phụ nữ của của hậu cung, những tên nô dịch và bọn nô lệ được phóng thích. Đàng xa, chỉ còn một tháp canh đang cháy. Nằm trong hậu cung vắng vẻ, Tchélébi-Hafiz ngất đi, tay chân gãy cụt một cách rùng rợn. Những con chiến mã nhanh nhất được dùng cỡi đi tìm một danh y. Tóm lại, ông ta được cứu sống, nhưng như mây thấy đó. Anh em

ông ta bỏ lại tất cả tài sản trong nội thành và đến ở tại đây, trên bờ biển. Hafiz, tên đốt nhà, con người lạnh lẽo như có cánh, đã trở thành một khúc gỗ. một khúc thịt mà lòng nhân đức và tình huynh đệ đã cứu sống. Định mệnh đã cướp của ông ta hai tay, hai chân, đôi mắt và ông ta không còn muốn mở miệng nói lời gì. Ông ta phải sống như thế. Chỉ còn được thở chút khí trời của Thiên Chúa và nghe tiếng đồng hồ trên tháp đồ từng khắc một. Nhưng phải sống trên mảnh đất Syrie này... ».

Lúc bấy giờ, ở từng dưới có tiếng vỗ tay, tên nô lệ ngừng ngang câu chuyện và vỗ nhẹ nhẹ mấy cái vào ngực tôi như để cáo biệt và muốn nói : « Câu chuyện đã dứt. cứ tiếp tục làm việc », và hắn leo xuống từng bốn nấc thang một.

Cái đồng hồ gây cho tôi lắm việc. Khi sửa xong, tôi bắt nó đồ giờ cho đến khi thật đúng. Sau đó, người ta đưa tôi trở lại con đường tôi đã đến trước đây, song tôi không còn thấy Tchélébi-

Hafiz và tên nô lệ đã kể chuyện. Một tên mặt mày nhẵn nhụi dắt tôi trở ra và giao tôi cho người lính gác.

Anh có biết không, từ ấy đến nay đã bao nhiêu năm qua rồi, song tôi không làm sao quên được những gì tôi đã thấy, đã nghe tại tháp đồng hồ ở Akra. Tôi cũng không sao tự giải thích được những điều ấy. Tên Thổ-nhĩ kỳ mặt trắng bệch và thân mình gập làm đôi ấy là ai? Phải chăng hắn thuộc về một trong những gia đình bị phân tán ở Syrie? Có phải hắn là một người đã được hồi-giáo-hóa hoặc là con của một người đã gia nhập Hồi-giáo? Tại sao hắn đã kể một cách say sưa và linh động những chuyện không nên kể cho một tù nhân và một người Thiên Chúa giáo? Câu chuyện ấy có thật như hắn kể không hay chính hắn đã đặt điều? Và sau cùng, phải chăng hắn có hơi kiêu căng? Đó là những điều tôi thắc mắc trước kia và ngay bây giờ vẫn còn thắc mắc mỗi khi nhớ tới Tchélébi-Hafiz. Nếu tôi nằm mộng, mộng ấy cũng không thể lạ

lùng hơn được. Nhưng sự thật là thế, chuyện ấy đã xảy ra ở Á Châu, một xứ mà chuyện gì cũng có thể xảy ra, nơi mà mỗi người trong đời sống, tự đặt cho mình nhiều câu hỏi không ai có thể trả lời được và chính những câu hỏi đó tự nó cũng không giải đáp được, nhưng sẽ xóa nhòa đi trong quên lãng. Chính tôi, tôi cũng không trả lời được những câu hỏi đó. Tôi chỉ tự hỏi Tchélébi-Hafiz sẽ ra thế nào nếu ông ta cứ sống mãi dưới một hình thù ghê tởm mà sự trừng phạt Thiên Chúa đã dành cho ông ta và ông ta phải nghe mãi tiếng tích-tắc của chiếc đồng hồ vĩ đại mà tôi đã lấy công tâm sửa chữa một cách kỹ lưỡng.

Tôi cũng nằm mơ thấy Tchélébi-Hafiz. Một năm trước ngày tôi ngã bệnh tôi nằm chiêm bao thấy ông ta. Đúng là ông ta thật, nhưng khỏe mạnh và nguyên vẹn, có mắt, có tay chân, trong dáng vóc một tên Thổ-nhĩ-kỳ hiên ngang, trẻ đẹp nhưng cau có và buồn bực như một linh hồn ở chốn luyện hình đi xin những lời cầu nguyện.

Mỗi lần Tchélébi-Hafiz đến trong trí nhớ tôi như thế, trong mơ hay khi đang thức, tôi nhớ ngay đến ông bạn cùng bị bắt với tôi ở Akra, cùng bị nhốt chung một phòng với tôi trong bốn tháng trời và đã vượt ngục một ngày nọ. Anh ta đã lần theo những người phu khuân đồ cho một chiếc tàu Nga và trốn đi.

Anh ta là một người công giáo xứ Liban, làm nghề viết mướn. Chúng tôi gọi anh là Karaïazadjì. Tôi không bao giờ biết tên thật của anh ta. Anh ta đã viết cho những người Arméniens ở Istambul những điều gì mà bọn Thổ-nhĩ-kỳ không thích, một lá đơn khiếu nại hay một cái gì tương tự như thế. (« Chính cây viết đã đưa tôi vào tù », anh đã nói). Khi bị bắt, những người đã bày ra chuyện ấy bị xử chặt đầu, còn anh thì bị xử chặt bàn tay dùng để cầm viết. Nhưng nhờ một người đồng hương có thể lực, anh ta chỉ bị tù khổ sai, khỏi bị chặt bàn tay. Chính bàn tay mất ấy anh luôn luôn để nó trong giấy

đai và dấu kỹ như một báu vật đã mất nhưng tìm lại được. Anh có kể cho tôi nghe rằng anh thường nằm mơ thấy mình bị chặt bàn tay và lúc tỉnh dậy, bàn tay ấy đau buốt một thời gian sau rất lâu. Chính tôi cũng đã bắt gặp anh ta bên ánh đèn bạch lạp, ôm bàn tay mà khóc. Anh ta chỉ nói chuyện ban ngày. Khi chiều đến, anh quán mình trong chiếc áo choàng, ngồi nhìn và nghe tôi nói nhưng không hề thốt một lời nào. Cứ như thế, trong khi đợi ánh bình minh, anh không bao giờ hờ mồi bất cứ với một giá nào. Anh ta thật dị kỳ nhưng mà lạnh trí. Anh nói hay, biết nhiều nhưng lại ít nói.

Chỉ với một mình anh ta thôi, tôi đã nói về « khúc mình » mà tôi đã thấy trước đây trên ngọn tháp và chuyện tôi đã nghe kể. Con người ta cần phải có một người bạn tâm tình. Và chính miệng anh ta đã thốt ra câu này mà tôi vẫn còn nhớ mãi :

« Phải, người Thổ-nhĩ-kỳ như thế đó. Mình có chặt nó

ra từng mảnh, mỗi mảnh nhỏ của thân thể nó vẫn sống như thường. Mảnh thịt nhỏ tuổi cùng cũng động đậy và cũng bò theo hướng của tên Thồ-nhĩ-kỳ khi hắn ta còn sống nguyên vẹn. Trong khi ấy, người Công giáo giống như thủy tinh: nếu đập vào một nơi nào, nó sẽ vỡ

tan ra từng mảnh và không có cách gì hàn gắn lại được ».

Đó là cách mà Thầy Pierre thường kết thúc hay mở đầu câu chuyện về Tchélébi-Hafiz.

IVO ANDRITCH

(Giải Nobel 1961)

HÙNG PHONG dịch

Đã có bán khắp
các hiệu sách
trong toàn quốc



« BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG »

tiểu thuyết của Ngọc Linh

- ★ Một cốt truyện tình cảm gia đình, mô tả thật linh động những mâu thuẫn dần vật thân phận con người trong một hoàn cảnh trái ngang giữa 3 nạn nhân chính: anh rể, em vợ và vợ.
- ★ Sách trình bày mỹ thuật 3 màu, 330 trang giá 54 đồng, do Phù Sa xuất bản.

Mọi sự giao dịch do nơi:

ông Dương đại Tâm

66, đại lộ Nguyễn Huệ — Saigon

SAO TRÊN RỪNG

Lời vọng

chiều thu xưa tôi hiện xuống trên đời
xanh mắt biếc và áo quần sách vở
đang ướp mộng cả một trời tuổi nhỏ
thơm như mùi tóc dịu xoắn trên vai
khi nắng hiền trải nhạt xuống đôi vai
trong mắt ai bừng sáng ngập linh đài
vầng mắt đẹp của những nàng trinh nữ
nước lãng hồ trong chưa in trời quá khứ
môi đại khờ đâu đã biết trao yêu
tuổi mười lăm sao đáng đã yêu kiều
hồn tôi đó như áo dài tha thướt
trắng mới mọc và sương rừng đang mượt
trên lá vàng đang lịm giữa đêm tan
khi gió lay tìm nắng mọc trên ngàn
hồn tôi đó chập chờn như cỏ dại
hoang như vì sao rụng giữa thu xa
chiều thu xa chiều thu xa chiều thu xa
mắt xanh trong và sách vở như ngà
hồn tôi nữa mượt mà như con gái

như áo lót trong của những nàng trẻ đại
 tuổi dịu hiền môi vừa sáng trịnh nguyên
 tuổi mười lăm mười sáu đã u huyền
 đêm thao thức bởi mộng đầu bỏ ngỡ
 gương lược vẫn có ai nhìn xấu hổ
 tay dịu choàng vịn lấy tiếng chim vang
 ôm nắng vàng đem giải giữa không gian
 đi giữa ngàn hoa sao biết được cơ hàn
 và tất cả ngán sâu trên trái đất
 trọn cả nguồn hương còn in tràn khóe mắt
 môi đại khờ đâu đã muốn xin hôn
 thức từng đêm nghe máu nóng tim dồn
 và da thịt đã bắt đầu thấy rợn
 mặt nước hồ trong dáng chừng đã gợn
 tình lặng thầm tôi vẫn đến bên ai
 nhưng từng đêm thao thức đến khuya dài
 tim đã thấy bao thoáng buồn hiện đến
 và lòng tôi như mây mù giăng kín
 thôi phải rồi sâu đã ngự trong tôi
 cả trời thơm hoa mộng sắp tan rồi
 và tuổi trẻ không hiền như cỏ dại
 bay giữa vườn xuân con bướm vàng ái ngại
 con sáo rừng ngỡ lạc nẻo thu sang
 mộng vừa uơm thôi đã lạc thiên đàng
 từ đạo đó quăng mình ra lớp học
 ai níu lại con gió chiều cô độc

hay bóng ngày đang nhạt buổi tà dương
 cỏ dại vươn lên chào đón bên đường
 chim nhỏ hẹn đưa tôi về lại suối
 rừng xa rừng xa sầu đang dịu vợi
 con sáo ngàn lên tiếng gọi thu sang
 con bướm hoang tìm nắng giữa đêm tàn
 trong giây phút tưởng quên đời hư ảo
 sao mắt lạnh vẫn còn thăm đưa dạo
 có phải tìm trong mấy kẻ tôi yêu
 nhưng trần gian ai có hiểu tôi nhiều
 lên tiếng gọi tôi thấy càng lạc lỏng
 sa mạc hồn ai suốt nào âm vọng
 tôi một mình trở lại rừng thu xa
 cõi đời ời xin cứ hiểu tôi là
 con bướm dại con sáo ngàn ích kỷ
 thuở mới nhận ra mình loài thi sỹ
 tôi ghen ngào không dám đến bên ai
 thư gửi từ xa không viết nỗi câu dài
 trong hư diệt tôi đi tìm bất diệt
 trong bất diệt tôi chỉ cần bất tuyệt
 và những gì phức biệt có riêng tôi
 những gì cao sang không thấy ở trên đời
 lòng ngại quá vì biết nhiều mất mát
 ôi đất cạn sinh lây cánh sao đêm lạc
 đâu nẻo đường trở lại chiều thu xa

chiều thu xa chiều thu xa chiều thu xa
 chiều thu xa chiều thu xa chiều thu xa

SƠN NAM

Bí mật hòn Thỏ-Châu

MẶC dầu lý trí của tôi nhắc nhở : « Mưa giúp ích cho nhà nông, ca dao có câu : Lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày... » nhưng lòng tôi bao giờ cũng buồn rười rượi, mỗi độ mưa về ! Ở miền đồng bằng nước ngọt, nỗi buồn đêm mưa chỉ hạn định ở một mức độ nào đó ; tiếng ếch nhái, tiếng côn trùng đồ ta ngủ ngon, quên hết mọi ưu phiền. Riêng ở vùng duyên hải sinh lầy này, mưa rừng và mưa của trùng dương hòa điệu với nhau, bất tận, qua ngày đêm. Đôi khi, gió trở hướng, sóng biển gào thét bất thường như hàng vạn âm binh của Thủy Tinh đang chuẩn bị lên đường, tìm Sơn Tinh đòi rửa mối thù truyền kiếp.

Ngồi trong căn chòi nhỏ hẹp, tôi chong thếp đèn dầu cả đề đọc sách — mấy quyển sách rách nát của thầy giáo Tư cho mượn. Gió thổi呼呼, lạnh buốt, qua mái nhà, qua khe cửa lá. Tôi quán mền chung quanh ngực, đôi mắt mơ màng liếc qua đôi trang vàng úa của quyển kinh Hồi Dương Nhơn Quả, do chàng Lâm Tự Kỳ ở đất Hồ Quảng bên Trung Hoa soạn lại, nói về chuyện Thập Điện. Nhàm quá ! Vì tôi đọc chuyện này không biết mấy mươi lần rồi ! Trên đầu giường, một quyển sách coi chỉ tay, một quyển Minh Tâm Bửu Giám... toàn là loại nghiên cứu, đọc dễ nhưc đầu. Tuy nhiên, còn quyển sách khổ nhỏ, đã mất bìa nhưng hấp dẫn hơn vì viết theo thẻ lục bát.

Dường như đó cũng là một quyền kinh :

— ...Trăm năm còn lại mấy lời
[thơ đây...

Ai đưa mình đến chốn này ?
Cho đêm mỗi hạc, cho ngày một
[loan.

Xót thân vợ vẫn canh tàn,
Máu đông nên chữ, lệ tràn ra
[thơ...

Ngoài cửa, bỗng có tiếng gọi
dồn dập ;

— Thức làm gì đó bạn ? Đi
đăng này chơi với tôi ! Nhận ra
đó là giọng nói của thầy giáo
Tur, tôi trả lời nhanh :

— Thôi để dịp khác. Bữa nay
lạnh lắm. Mình đi chơi nhiều
quá rồi !

— Đâu được. Gấp lắm !

Dứt lời, thầy giáo Tur xô cửa,
mình mảy ướt mem. Vừa vuốt
mái tóc, thầy nói tiếp :

— Đi tu rồi chết. Tội nghiệp
quá.

Tôi nghĩ thầm : « Đi tu rồi
chết là điều sung sướng nhưt
trên đời. » Nhưng sợ thầy giáo
hiều lắm, tôi nói bình thản :

— Ai vậy ? Chết từ bao giờ,
tại chùa nào ? Xóm biển này
đâu có chùa ?

Như không muốn giải thích
dông dài, thầy giáo nắm tay tôi :

— Đi mau. Tôi chưa hiểu đầu
đuôi. Đến lò rèn của ông chủ
ấp, mình sẽ rõ.

Thấy tôi còn do dự, thầy giáo
nhìn về mấy quyền sách :

— Ông giáo Thảo hồi đó dạy
học tại xóm mình, mấy bộ sách
này là của ông để lại trước khi
đi tu Tiên ở ngoài biển khơi.
Ông mới chết.

Chúng tôi xuống chiếc xuồng
nhỏ bé, vượt qua cơn mưa gió.
Thầy giáo Tur giới thiệu sơ qua
về tiểu sử của thầy giáo tu Tiên
nọ. Đại khái, giáo Thảo là người
từ vùng Bến-tre đến Rạch-giá
dạy học, tuổi ông độ 50, dáng
người mảnh khảnh, ghiền thuốc
lá rất nặng nên đôi mắt ông lúc
nào cũng lơ lơ như trương tư
màu khói thuốc phiện. Nghe đầu
vợ con ông hãy còn đầy đủ
nhưng từ hồi ông đến xóm biển
này, chưa ai thấy thân nhân
nào đến thăm viếng cả. Ngoài
việc dạy học cho con em những
người chài lưới, thỉnh thoảng
ông giáo Thảo còn biên diễn
khoa coi chỉ tay.

Thầy giáo Tur nói rõ :

— Ông vừa xem chỉ tay của mình, vừa lật sách chữ Tây ra để đối chiếu. Về quá khứ vị lai, nói chung, ông giáo Thảo đoán không sai mấy nên ai nấy đều hài lòng, vô cùng khen ngợi. Tuy nhiên, ông rất ghét những ai tò mò nhờ ông chỉ dạy về các điều họa phước xảy ra trong ngày nay, ngày mai. Ông gắt giọng, cho rằng việc ấy dành riêng cho mấy người đồng bóng, bói bài cào. Tại sao không tìm hiểu số phận của mình trong kiếp này, trong khoảng thời gian vô tận ? »

Rồi ngày qua ngày, ông giáo Thảo sống như bình thường, nhưng thật sự là rất âu lo. Nếp trán ông nhăn lên như những luống cày sâu đậm khi ông cặm cùi ghi vài hàng tư tưởng vào quyển sổ tay, đã đốt bỏ từ khi ông ra chợ Rạch-giá mua đem về một bản đồ Việt-nam. Từ đấy, ông sẵn sàng coi chỉ tay và giảng về cái vía, cái phách cho bất cứ người nào, với điều kiện là họ hiểu rành đường đi nước bước từ bờ biển đến đảo Poulo Panjang, gọi nôm na là hòn Thờ-Châu, hòn Thủ-Chu...

Ông hỏi Bảy Thích, tay thám hiểm đã từng đến Mã-lai :

— Phải hòn Thờ-Châu ở giữa vịnh Xiêm-la không ? Chú đến đó lần nào chưa ?

— Đúng vậy. Mình ra hòn Phú-Quốc hoặc hòn Cỏ-Tròn rồi mới quẹo xuống đó, chừng 200 cây số. Tôi ăn dặm nằm dề ở hòn Thờ-Châu ba bốn chuyến. Biển chung quanh hòn Thờ-Châu xanh như chàm chó không đục ngầu như màu nước ở Phú-Quốc.

— Hòn Thờ-Châu là ranh giới xa xuôi nhứt của nước Việt-nam mình ? Hồi nào tới giờ, đã bao nhiêu người ra đó lập nghiệp ? Thầy giáo Thảo hỏi bằng giọng nghiêm nghị, gay gắt khác hơn ngày thường. Bảy Thích nào dám trả lời cầu thả, theo lối vui miệng, tùy hứng. Chú cau mày :

— Dạ, thầy giáo xem kỹ tấm « bông đồ » dùm tôi. Xa xuôi lắm. Theo tôi hiểu thì từ hồi... khai thiên lập địa đến giờ, chỉ có một mình vua Gia Long dám ra tới đó ! Sau khi ngài kéo quân về Huế, hòn Thờ-Châu vắng tanh, bất quá chỉ vài người thợ câu, vài chiếc tàu buồm ghé tạm vài hôm vậy thôi...

Thầy giáo Thảo bỗng sáng mắt lên :

— Cám ơn chú. Từ đời Gia Long đến nay đã hơn trăm năm. Tôi tin rằng ngài chạy ra đó vì bị hoàn cảnh thúc đẩy. Phò mã của Tây Sơn là Trương Văn Đa đánh đuổi ngài từ đảo Côn Nôn. Lần đầu tiên trong lịch sử, người Việt-nam đánh nhau giữa biển khơi, cách đất liền hơn 100 cây số... Nhưng mà thôi, ta tin rằng chưa ai dám tự nguyện ra nơi biên giới xa vời ấy mà sống. Ta tin rằng...

Bảy Thích chưa hết ngạc nhiên về tiếng tự xưng « ta » mà thầy giáo Thảo ít dùng đến. Nghe oai vệ và kiêu hãnh quá!.. Nhưng bản chất của giáo Thảo nào đã kiêu hãnh bao giờ ? Giáo Thảo nhìn ra trời như nói với thiên địa quĩ thần đang ngự trị trong tâm linh của mình :

— Ta... ta muốn tự nguyện ra biên giới đó để sống hoà, sống mãi. Chú Bảy nên giúp ta, từ đây ra đó...



NHƯNG ông giáo Thảo đã chết, chết cách xa đất liền hàng 200 cây số, từ 2 tháng nay, theo nguồn tin của Bảy Thích. Tin ấy có thể là đáng tin cậy ! Nếu Bảy Thích từ hồi « theo

thầy, tu tiên » đến giờ phút này vẫn giữ được bản chất « thấy sao nói vậy », hoặc nói dóc đời chút thì cũng chỉ vì chú ít ăn học, thiếu hiểu hoặc vô tình.

Tại lò rèn của ông chủ ấp, Bảy Thích ngồi ăn cơm một mình, giữa đám cử tọa khá đông đảo, gồm hầu hết những người quen biết của ông giáo Thảo ngày xưa ; tất nhiên, tôi như người xa lạ, lạc lõng.

Có lẽ Bảy Thích mới vừa bắt đầu vào chuyện :

— Nghĩ lại mà ngao ngán ! Tôi quá giang ghe đánh lưới, đi từng chặn đường, từ Thủ Chu qua Cỏ Tron, rồi Phú Quốc, rồi hòn Nghệ, hòn Tre... Đâu cũng hai tháng, nhưng mà lạnh quá, về đây tôi mới thấy ấm. Dọc đường, tôi nào dám nói cho ai nghe, sợ thiên hạ hồ nghi tôi ám sát thầy giáo Thảo rồi trở về nói dóc chạy án. Riêng đối với bà con mình đây, tôi sẵn sàng thổ lộ tâm sự vì bà con hiểu tôi. Ông đi tu vì ông muốn vậy chứ nào do tôi xúi dục !

Cử tọa nhôn nháo lên :

— Thì nói phứt đi ! Bà con ở đây hiểu quá rồi. Chẳng lẽ để từ Bảy Thích lại giết thầy là giáo

Thảo ? Vả lại, giáo Thảo nghèo khô, giết làm gì ? Ngoài hòn Thỏ-Châu nào có gái tơ, đàn bà góa mà hai người lại thù hận nhau vì tình ?

— Thì tôi nói đây, nhớ tới đầu, nói tới đó.

Câu chuyện đứt khúc, rồi nắm, đảo ngược thứ tự thời gian. Tôi cố gắng lắm mới hiểu được đầu đuôi. Đại khái, ông giáo Thảo và Bảy Thích rời xóm Xẻo Bần đến hòn Phú Quốc. Hai người thất vọng, toan quay trở về khi hay được tin : ông sư Muôn đang ra « xâm chiếm » hòn Thỏ Châu, thực hiện kế hoạch Bách Nhứt Trúc Cơ, tức là xây dựng cơ đồ trong vòng 100 ngày ! Với hai bàn tay trắng, không một tất thép, sư Muôn đòi lập lại thành tích của chàng Lỗ Bình Sơn : tự xây cất thảo am, trồng trọt ngũ cốc, chống chọi với bệnh tật. Nhưng hỡi ôi ! Hòn Thỏ Châu quá linh thiêng, sư Muôn đành đầu hàng, rời hòn Thỏ Châu, trở về Phú Quốc trước thời hạn qui định mà ông đã tuyên bố với thiện nam tín nữ.

Bảy Thích đã hỏi ông giáo Thảo :

— Thầy định lẽ nào ? Xe trước gãy xe sau phải tránh...

Ông giáo mỉm cười :

— Ta phải cố sức vượt qua chớ ! Ta nào sợ mưa gió, thú dữ ở ngoài hoang đảo. Sự cô độc mới đáng ngại hơn. Từ mười năm qua, ta đã quen với nỗi cô độc, mặc dầu sống với bà con trong xóm. Chú Bảy liệu bề giúp ta. Ra tới Thỏ Châu rồi, chú tự tiện trở về, ta ở lại một mình càng tốt.

Mười ngày sau, hai người đến Thỏ Châu. Thoạt nhìn màu nước biển trong xanh, ông giáo Thảo vô cùng hoan hỉ :

— Đẹp quá ! Trên thế gian này, biên giới của nước mình là yên tĩnh nhất. Ta nguyện làm người lính không tên tuổi, không khí giới, không tham vọng, phải vậy chăng, chú Bảy ?

Lần đầu tiên, Bảy Thích giật mình, tự hỏi : « Ta là ai ? Là cả hai người hay chỉ riêng một mình ông giáo Thảo ? Đúng theo lời hứa, Bảy Thích được quyền trở về xóm Xẻo Bần, tiếp tục uống rượu, đánh lưới, nuôi nấng vợ con, đùa giỡn với bạn bè kia mà !

Giáo Thảo đặt bước chân đầu tiên lên hòn Thỏ Châu ; Ông quay lại nói :

— Cám ơn. Chú Bảy về bình an. Tôi gửi lời thăm...

Dòng máu anh hùng, phiêu lưu của Bảy Thích bỗng sục sôi :

— Thưa thầy ! Nếu thầy cho phép, tôi xin ở lại... chơi vài bữa, sống hủ hỉ với thầy lúc sớm hôm.

— Được. Tùy ý chú. Nhưng tôi muốn sống một mình.

— Thầy đừng lo. Chiếc ghe này còn đây, tôi chưa đủ can đảm nhận chìm nó. Tôi về đất liền mà.

Khoai môn và củ chuối là hai loại thực phẩm quý giá, đủ sức nuôi dưỡng vua Gia Long và đám bại quân ngày xưa, hà huống chi lúc này chỉ có 2 miệng ăn của giáo Thảo và Bảy Thích. Bên sườn núi, phía mặt trời lặn, ngọn suối bạc chảy tuôn róc rách, hòa điệu với tiếng hò hét triền miên của hàng trăm loại hải điều (chim nhàn, chim mấu) đến xây tổ. Cọp beo thì chắc chắn vắng mặt ; chuột, sóc chạy nhảy từng bầy chào đón hai vị khách lạ. Đến đỉnh hòn, Bảy Thích giảng giải về địa thế :

— Thưa thầy, bên này là bãi Mun vì mọc đầy loại cây Mun ; bên kia là bãi Ngự, nơi đức Gia Long thời xưa cập bến...

— May quá ! Thuận tiện quá ! Vậy thì ta ở một bên, Bảy Thích ở một bên để tránh giao thiệp với nhau. Ta cần sự yên tĩnh.

— Tôi xin nhường cho thầy bãi Ngự.

Giáo Thảo lắc đầu :

— Ta đâu phải là vua...

— Thưa thầy, tôi nào ngu ý điều gì. Chẳng qua là bên bãi Ngự ít sóng gió...

Mặt trời bắt đầu xế. Đàng mãi mê ngóng tìm vài trái mít rừng, Bảy Thích chợt nghe ông giáo nói khẽ :

— Thôi, ta chia tay. Ai về chỗ nấy.

Đau xót biết chừng nào ! Bảy Thích thở dài nhìn ông giáo đi xuống bãi Ngự. Được vài bước, ông giáo quay lại :

— Chú Bảy để tôi yên tĩnh một mình. Đừng qua thăm viếng. Nếu về trong đất liền, chú cũng đừng nói cho ai biết chuyện tôi đi tu.

Trở về bãi Mun, Bảy Thích canh chừng chiếc ghe, lo tu bổ bánh lái, cột buồm chờ khi thuận gió. Vốn già dặn kinh nghiệm, chú Bảy suốt ngày nằm ngủ, khi đói thì xuống mé biển vớt mấy loại hải thảo mà ăn sống (rau câu, phở tai...) hoặc cạy mấy con nghêu, con vú nàng rồi chẻ vỏ ra làm hai mà « nhậu » với nước ngọt múc từ ngọn suối...



BUỔI cơm đã tàn. Mưa gió bên ngoài lò rèn như dứt hẳn. Và cả cử tọa lộ vẻ bất mãn khi thấy Bảy Thích đứng dậy. Họ chất vấn kịch liệt.

— Rồi làm sao ông giáo Thảo chết ? Chú Bảy gặp ông lần nào nữa không ? Hai cốt ông ở đâu ?

Bảy Thích tươi cười :

— Tôi đứng dậy cho xuống cơm vậy thôi, ngồi lâu sanh tức bụng. Bà con muốn nói rõ thì tôi cứ nói... Ờ !... Chừng hai mươi ngày sau, tôi lên qua phía bãi Ngự. Sát bên vách đá, ông giáo Thảo chằm vài miếng lá gồi rồi che lại, tạm làm mái thảo am. Lúc đến gần, tôi không dám xuất đầu lộ diện, e gây sự phiền phức cho ông. Chụp một viên đá nhỏ, tôi ném ngay trước sân thảo am.

Cử tọa hỏi :

— Có ông ở nhà không ?

— Thì tôi cũng đặt câu hỏi như vậy. Tư bề quá im lặng, tôi lạnh rớn óc, sợ ông chết khô trong thảo am từ lâu rồi ! Biết mình vô phép, tôi vẫn cứ bạo dạn bỏ lại gần, thấy rõ ràng ông giáo đang tham thiền nhập định. Tôi cảm phục quá, đành trở về, trơ trọi.

Cử tọa lại phản đối :

— Dốc quá ! Làm sao chú Bảy quả quyết rằng ông giáo Thảo đã chết.

— Bà con đừng nóng nảy. Tôi chỉ về bãi Mun thôi ! Rồi tiếp tục ngày hai buổi ăn rau câu, phở tai, sò ốc, con vú nàng. Mấy thứ đó ăn bỏ lăm. Phở tai nấu chè ăn mát mát !

— Ủa ! Làm gì có chè mà ăn ? Trên rừng mà...

— Vì thiếu chè... nên tôi chán đời, muốn về gấp. Đêm đó, bỗng nhiên tôi nằm chiêm bao thấy một người mặc quần áo tang, đi lướt trên ngọn cỏ, xăm xăm về phía tôi đang nằm. Chừng gặp mặt, tôi mới biết đó là ông giáo Thảo. Ông nói với tôi : « Thôi ta đi đây ! » Tôi

giật mình, ú ớ hồi lâu mới cựa quậy, tỉnh giấc. Đã quá canh ba, tôi thao thức, chờ khi gà rừng gáy rộ để đi nhanh qua bãi Ngự. Trời chưa nổi gió, mây mù còn ấp hờn... Tôi phập phồng. Thảo am của thầy giáo bị cháy nám hết một bên. Trên cái giàn hỏa đơn sơ, củ cháy chưa hết nhưng thân xác của ông giáo đã hoàn toàn thành tro. Tôi đoán chừng: cái thần lực của ông đốt cháy thân xác, lửa củ bên ngoài chỉ là hơi nóng phụ thuộc... Trước cảnh tượng ấy, tôi buồn buồn, mừng thầm vì nguyện vọng của ông giáo đã thành tựu.

Mớ tro ấy, tôi gom lại, chôn ngay dưới nền thảo am. Rồi với hai cục đá nhỏ, tôi đánh ra lửa, thiêu hủy mái lá gồi...

Câu chuyện chấm dứt, cử tọa giải tán lần lần, người tin là sự thật, kẻ khác lại hồ nghi, cho rằng Bảy Thích đã thêm thối nhiều chi tiết để giúp bà con mua vui một vài trống canh...

Tôi là người đứng về phe hồ nghi ! Tự nhiên, tôi muốn tìm hiểu thêm vài khía cạnh về cái chết của ông giáo Thảo, người đã lưu lại cho tôi mấy bộ Hồi Dương Nhơn Quả, Minh Tâm Bửu Giám...

Đoán chừng ý định của tôi, thầy giáo Tư khẽ hỏi :

— Bạn xem chừng câu chuyện ấy thế nào ? Đêm nay, mình đi dạo xóm như vậy, kể ra cũng ích lợi chứ ?

Tôi nài nỉ :

— Thầy giáo lúc trước chơi thân với Bảy Thích ?

— Chi vậy ?

— Tôi muốn mời Bảy Thích về nhà để hỏi thêm...

— Dễ quá.

Rồi chập sau, Bảy Thích xuống chiếc xuồng nhỏ, đi chung với chúng tôi. Đêm vắng lặng, tuy tạnh mưa nhưng nền trời đen đúa, khuất ánh các vì sao. Chờ khi mấy chiếc xuồng khác đi khuất, thầy giáo Tư bèn giới thiệu Bảy Thích với tôi. Đề Bảy Thích vững lòng tin, thầy giáo Tư bảo đảm rằng tôi là người hiền hậu, dám uống rượu hết mình với anh em và ưa sưu tầm những chuyện hay tích lạ.

Tôi nói quanh co rồi đi thẳng vào câu hỏi :

— Chỗ anh em, chú Bảy nói thiệt coi... ông giáo Thảo tu Tiên theo môn phái nào ?

Bảy Thích đáp :

— Làm sao tôi biết được. Nhưng tôi chắc chắn rằng ông giáo Thảo cố công tìm đạo, chịu khổ hạnh. Mấy lời tôi nói khi nãy đều đúng sự thật. Riêng điều này, hơi khác...

Tôi ngạc nhiên :

— Việc ông lên giàn hỏa ? Ngọn lửa thần trong thân xác của ông đã làm cháy thân xác, chẳng cần lửa củi bên ngoài, phải vậy không ?

— Dạ. Chuyện đó có thật. Tôi muốn nói lúc tôi từ bãi Mun đi trở qua bãi Ngự đề rình rập coi ông giáo Thảo làm gì trong thảo am.

Tôi sức nhớ lại :

— Ở... hồi nãy chú nói trong thảo am vắng tanh, chú liệng cục đá nhỏ để gây tiếng động. Chập sau, chú men lại gần, thấy ông giáo Thảo đang ngồi tham thiền nhập định.

Giọng của Bảy Thích hạ thấp xuống :

— Tôi nào có liệng cục đá đề dò xét. Tôi khiếp nhược hơn ! Tôi đi nhẹ nhẹ đến gần vách thảo am mà rình rập. Và bên trong, ông giáo Thảo nào có ngồi tham thiền nhập định...

Tôi hỏi nhanh :

— Ông làm gì phi pháp, bất chánh ?

— Đừng hiểu lầm như vậy, e tủi hổ vong linh người khuất mặt. Tôi thấy ông ngồi đánh cờ tướng. Theo luật lệ tu Phật hay tu Tiên, xưa nay việc đánh cờ là hợp lẽ.

— Ông đánh cờ với ai ? Trên hòn Thỏ Châu, ai là người lạ nữa đâu ? Hoặc đánh cờ với hồn ma ?

Bảy Thích chắc lưỡi :

— Tôi đồ ông nói mười tiếng nữa...

— Tôi chịu thua.

Bảy Thích thốt nhiên cười to :

— Ông giáo Thảo đánh cờ với ông giáo Thảo... đề giải trí... cho ông giáo Thảo ! Mình cứ tưởng tượng : ông đi một nước bên đen rồi đi một nước bên đỏ. Suy nghĩ hồi lâu, ông đi thêm một nước nữa ; lâu lâu, ông hồi một nước. Đứng ngoài vách thảo am, tôi tức cười quá ! Rốt cuộc, bên này thắng, bên kia thua... Nghe tiếng cười của tôi, ông giáo giật mình, xám mặt lại :

Bảy Thích lại nói nghiêm nghị:

— Biết mình là kẻ phạm thượng, tôi vào thảo am, lập tức chấp tay xin lỗi. Ông giáo Thảo ban đầu giận lắm nhưng rồi lại cười, cười ra nước mắt. Ông nói: « Đời tôi ích kỷ quá. Tôi muốn bao trùm thiên văn địa lý nhưng tôi chưa hiểu gì cả. Tôi thương cả loài người nhưng ra đây rồi cuộc tôi chỉ thương tôi. Đánh cờ tướng như tôi... chỉ là trò cười... »

Rồi Bảy Thích chấm dứt:

— Đó là chuyện đau khổ nhất của ông giáo Thảo ở hòn Thổ Châu. Năm ngày sau, ông lên giàn hỏa, tôi chưa hiểu vì lý do gì? Xin ông đừng buộc tội tôi là kẻ sát nhân...

Tôi vội giải thích:

— Chú Bảy đừng nói vậy. Thế gian này chưa có luật pháp nào lên án người tò mò như chú. Chú cứ yên tâm... Tôi thương ông giáo Thảo! Dịp nào thuận tiện, chú Bảy đưa tôi ra đó để tôi thấp một nén nhang.

— Mùa này sóng gió bất thường, hòn Thổ Châu xa xôi lắm! Cần gì ra ngoài đó mà thấp nhang, thì cứ cắm nhang trước

sân, trong nhà, miễn là mình thành tâm cầu nguyện cho ông!

— Nhưng còn mớ xương cốt..

— Thì nầy giờ, tôi đã liệm và đã chôn ông dưới đất rồi! Tôi liệm hồi lúc thuật chuyện ở đằng lò rèn và tôi đã chôn khi tiết lộ chuyện đánh cờ tướng... Thôi, nhắc làm gì nữa! Trong đời phiêu bạt giang hồ, tôi gặp nhiều người như vậy.

Xuống đã cập bến. Bảy Thích nhảy lên bờ, nói nhanh:

— Mấy ông giữ bí mậtùm ông giáo Thảo. Coi như ông đã chết và đã chôn, đừng phanh phui ra, tôi mang tội...

Tôi gật đầu, lấy danh dự hứa với Bảy Thích. Lên đến chòi, mở cánh cửa, tôi đốt thếp đèn dầu cá... Chập chờn trên quyền Minh Tâm Bửu Giám, quyền Hồi Dương Nhơn Quả và quyền kinh viết theo thơ lục bát, tôi thấy ông giáo Thảo như hồi sinh, đội mồ êm ái trở về ngâm thơ cho tôi nghe từ giữa trùng dương đầy sóng gió...

Rồi mời tôi đánh một bàn cờ tướng.

HOÀI KHANH

Những bước âm thầm

*em về bước động thời gian
trời mây tĩnh nhỏ chứa chan mộng đời
ngày trôi bãi vắng chiều phôi
lòng hoang đó cũng như môi của người
tôi trầm nửa kiếp đơn côi
nửa đêm trở giấc thấy tôi lạ lòng
và em tuổi đó thanh xuân
biết nhau lòng thấy vô cùng xa nhau
đã chia mấy ngã đường sâu
dòng sông thì vẫn xanh màu thiên thu
em đi dáng nhỏ hiền từ
cần chi khói thuốc vẫn mù mây sương
một hôm lại bước trên đường
vắng nghe lòng có vương vương thưở nào
đêm tàn tiếc giấc chiêm bao
chợt nghe lòng thiếu vì sao giữa hồn
em về xóa tóc hoàng hôn
và hương ngày cũ lệ dồn lên mi
thôi em vui với xuân thì
phố khuya tôi lại thầm đi một mình*

NGUYỄN NHƯỢC NGHIÊM

Đất liền

*khi ngọn hải đăng dần xa
người ngồi gục đầu trên tay
nghe chim biển kêu trên trời
đôi cánh thom mùi rong
những sợi rong dài màu xanh
kéo từng mảng tơ trời lên cao
ôi đất liền đã khuất
chỉ còn lại bàn tay
của người yêu dấu*

*khi bàn tay dần xa
trong mắt
trong hồn
ngày tháng qua rồi
ngày tháng qua mau
bọt biển kêu gào thê thiết dưới chân
với tiếng hát lá cờ bay
trên đỉnh trụ buồn
là giọng người thủy thủ
nhớ nhà*

N. N. N.

(Loại hoa mọc trên đất)

TRẦN HỒ

Gió mát trên đèo

VỪA cất chân lên khỏi bàn thắng xe, Hoài đã nghe có tiếng ai gọi ở đằng sau. Chàng vừa quay đầu lại thì Tân, một bạn học cũ của chàng cũng vừa đi đến. Hoài xiết chặt tay bạn, Tân lên tiếng :

— Vắng tin mày đến nay gần hai năm rồi đấy nhé. Ở phương nào về đây vậy ?

— Ở cách đây gần hai trăm cây số, tao đang đói đây, mình vào ăn chút gì đã.

Hoài kéo bạn đi vào tiệm ăn. Nhìn Tân ngồi xuống ghế Hoài mỉm cười :

— Mày vẫn giữ thói quen dạo phố buổi chiều như ngày xưa ?

Tân cười.

— Như thường lệ. Tao cũng chẳng biết làm gì cho đỡ chán. Cái gì cũng thấy nhàm cả. Sống cái kiếp đồng hồ quả lắc tao

chán quá, cứ đu đưa mãi mà chẳng chạm được vào cái thùng gỗ, để nghe tiếng kêu cho đỡ buồn. Lắm lúc tao muốn đi đâu xa, hay làm một cái gì cho mới lạ để được cảm thấy vui thú ; có lẽ tao sẽ sống cuộc đời « mũ sắt » như mày.

Hoài gật gù nói với cô chiêu đãi viên vừa tới gần.

— Cô cho thứ gì uống trước rồi ăn sau.

— Cho cà-phê đen đi, Tân nói lời bạn.

Hoài nhìn ra phố.

— Tao về hôm nay trông phố phường lạ hẳn. Hình như nhận nhịp hơn một tí.

— Tao có cảm tưởng mày là thằng Mán vừa lạc ở rừng về. Tao thì khó thích cảnh này quá. Ngày nào cũng thấy mãi đăm buồn. Khổ một nỗi không có gì

hơn nữa dễ đỡ cảm thấy vắng lặng, tao đành mượn cái ồn ào của thiên hạ để làm thú giải khuây, ấy thế mà đôi lúc cũng thấy quên được buồn đấy.

— Tụi mày sống như vậy thảo nào chẳng chán. Chỉ mãi lo kem « Anh Đào » không có đĩa hát mới, « chè ga » không có món lạ rồi lo luôn phố xá ít khách đi. Thật là một lũ xuẩn.

Tân cười.

— Thăng nào có đường thăng ấy đi. Tao không thích cái lối sống giả dối, đạo đức giả. Muốn như thế nào thì cứ sống như vậy. Đừng làm như mấy kẻ ngồi trong một xó rồi lên giọng đạo đức dạy người đời. Nghe nhàm cả tai. Đến lũ trẻ như mấy đứa học trò tao cũng còn biết chê thái độ thiếu thành thực của hạng người này nữa là tụi tao.

— Nhưng mày có nhận rằng giới thanh niên ngày nay đang sống thiếu tin tưởng và cố tình bám víu lấy cái lối sống hiện sinh mà ngay đến các triết gia Tây phương cũng không công nhận hay không ?

— Điều đó thì có. Tuy vậy chúng tao sai, nhưng không phải vì thế mà chúng tao trở nên xấu.

Có ai nghĩ ra một phương sách gì hữu hiệu để giúp thanh niên giải quyết những thắc mắc, những băn khoăn trước thời đại mỗi ngày một thay đổi chưa ? Người ta ngồi yên, ai trong nhà nấy rồi hô hào bảo vệ luân lý, trở lại với nếp sống với nền văn hóa cổ truyền, thực là khôi hài. Trong khi ấy luồng gió mới cứ thổi vào đất này những thứ mà họ bài xích ; chưa hết đâu, những thứ đó còn vào mãi, vào cho đến lúc cả nước này không còn chỗ để chứa đựng nữa mới thôi. Ngày nào dân Việt-nam còn khoái ciné, đĩa nhựa, còn những thằng con trai từ ngoại quốc trở về hãnh diện vì nếp sống ngoại lai của mình, còn những cô gái Việt dám tự tử theo các tài tử màn bạc Âu Mỹ, thì vẫn còn những gì mà các ông bảo vệ luân lý đang rất cổ hủ hào lũ thanh niên xa lánh.

Uống một hớp cà phê rồi nhìn bạn, Tân tiếp luôn :

— Một thằng học trò của tao vừa đổ xong Tú tài bèn làm một chuyến « viễn du » vào Saigon - thư gửi về cho bạn nó, em trai tao, mà chỉ nói đến toàn những bài hát mới thu thanh của P. Anka, của E. Presley, toàn kẻ

những đêm dạ vũ của mấy anh chàng làm việc cho người ngoại quốc... Đây, hẳn, mà chắc đa số các cậu đều thế cả, có đề ý gì, có nói gì đến sự lớn mạnh về những phương diện khác của Saigon đâu. Hẳn chỉ chú ý có một điều : Saigon đang lớn mạnh về những cái ngoại lai, những cái rởm.

Hoài phá lên cười khi nghe Tân nói đến đây ; cô chiêu đãi viên đứng sau quầy hàng mở to mắt ngạc nhiên nhìn đôi bạn.

— Tao có cảm tưởng mày cũng là một nhà hô hào cổ động cho đạo đức, nhưng thôi đi là hơn. Muốn nhỏ cổ thì tìm gốc mà đào, nó mới không mọc lại, nếu mày theo các ông kia lấy kéo cắt nó ngang mặt đất, thì chỉ tổ làm cho nó mọc lên lớp khác xanh tốt hơn thôi, không ích lợi gì.

Tân nói như thở dài :

— Đôi khi tao muốn lên tiếng chửi ngay vào mặt mình vài tiếng cho hả, cho đỡ thấy tủi hổ khi nghe người ta nhắc đến cái tiếng « thế hệ thanh niên » ngày nay. Nhưng nghĩ đến một đôi điều nên lại thôi ? Không chán sao được khi mà cái áo dài Việt-

nam đang dần dần tụt xuống để triển lãm bộ ngực cố gắng để nảy nở của các cô gái Việt-nam, khi mà các cậu con trai mới nhỏ tí đã dứt tay vào túi quần sau, nhún vai, nghênh ngang đi dạo phố, giống in như là J. Dean trên màn ảnh. Thật tình tao không muốn bị nguyên rủa là chặn đường tiến hóa của kẻ khác.

Hoài hóm hỉnh.

— Đây là giọng của nhà mô phạm. Nhưng theo tao thì lũ mày đang tự giả dối với chính mình.

— Cái đó thì đã hẳn. Ở lớp học, chúng tao phải đứng đắn. Cuộc đời bắt phải như thế mà lại. Thằng nào khéo giả dối thì lại trở nên thành thực. Tuy trong thâm tâm, thầy và trò đều nhận thấy chỗ đóng kịch của nhau. Nhưng vẫn phải đóng kịch mãi, vì khán giả đang cần xem.

— Tao cũng chán ngán, sợ nữa là đáng khác, nên tao bằng lòng đội chiếc mũ sắt lên đầu, sống như tao dù sao cũng có nhiều ý nghĩa hơn, mặc dầu tao không hề muốn giết người, dù là giống người nào.

Hoài cầm lấy cái tằm rồi đứng lên, đôi bạn cùng bước ra đường. Hoài nhìn đồng hồ thấy mới hơn hai giờ chiều nên hỏi bạn :

— Bây giờ đi đâu ?

Tân vụt nói :

— Hoài còn nhớ anh Lâm không nhỉ ?

— Còn.

— Anh chàng hiện ở gần đây.

— Làm gì ?

— Cột chân.

Hoài trở mắt nhìn bạn, Tân thông thả giải thích :

— Anh ta bị gãy chân trong trận cầu chữ Y năm nọ, bây giờ ở Bao-vinh.

— Xuống đấy với tao chứ ?

— Tao còn nhiều bài vở phải chấm. Cứ xuống chợ Bao-vinh, tìm hiệu tạp hóa « Sương » thì thấy.

Hoài bắt tay bạn.

— Khi cần thì gặp mày ở đâu ?

— Vẫn ở Bến Ngự như xưa.

Hoài nhảy lên xe. Tân đứng nhìn chiếc xe jeep rồ ga vụt đi, chàng giơ tay vẫy theo bạn rồi thông thả đi qua cầu Trường-tiền.

HOÀI cho xe quẹo sang đường Huỳnh Thúc Kháng, thẳng xuống ngã Ba-dình. Bến nước rợn rợn nhờ những con đò từ các miền quê đổ về. Những con đò dài thanh thanh, đặc biệt của xứ Huế. Nước sông loang loáng như tấm gương soi không lờ. Hoài nhớ lại mười mấy năm về trước, hồi còn ở Thanh-hóa. Lâm, Tân và Hoài kết thành bộ ba thân thiết nhất của « Collège Thanh-hóa ». Hoài không sao quên được ngôi trường dài với những khung cửa màu xanh, nằm dài dưới những cây bàng rậm lá, đối diện với nhà thương thành phố.

Quê Lâm ở Đông-sơn, nơi có rừng thông đẹp mơ màng. Anh chàng gà tồ này chơi thân với hai cậu bạn tí hon người Huế, Tân và Hoài, nhờ một cuộc ẩu đả giữa hai người với lũ con Tây trên đường lên ga. Lâm đang đi dạo thấy cảnh sát đi đến, vội đến kéo tay hai bạn chạy trốn vào một con đường hẻm. Từ đó ba người chơi với nhau rất thân. Tuy nhiên cả Tân lẫn Hoài đều không biết gì hơn, ngoài việc thấy hàng tháng có một bà nhà quê gánh gạo lên nhà trọ cho Lâm, Lâm gọi bà bằng Dì.



Ngày Thanh-hóa bị tiêu thổ để kháng chiến, bộ ba này phải chia tay. Tân, Hoài về Huế và từ đó bắt tin Lâm. Hôm nay nghe Tân nhắc đến tên người bạn cũ, Hoài vụt thấy nhớ những kỷ niệm xưa làm sao. Thì ra tuy hàng ngày làm bạn với cái chết, với núi rừng miền biên giới mà những tình cảm, những hoài niệm cũ vẫn còn sống mãi trong tâm trí Hoài.

— Mười mấy năm qua rồi. Chóng thật. Hoài thở dài lẩm lẩm.

Hoài giãm ga cho xe chạy chậm chậm, mắt chàng chăm chú nhìn các bảng hiệu bên đường. Chiếc xe phải chạy vòng thứ hai chàng mới thấy được chữ « SUÔNG » nằm dài trên một mái tôn thấp xế bên chợ Bao-vinh, chợ chiều vắng khách buồn như đám đất hoang. Hoài lái xe sát lề đường rồi bước xuống.

Thiếu phụ ngồi sau quầy hàng đứng lên đón đả mời :

— Trung-úy mua gì ạ ?

Tiếng « ạ » kéo dài của người đàn bà xứ Bắc làm Hoài thấy nhớ một cái gì xa xôi, chìm

dâu trong tiềm thức. Chàng đoán thiếu phụ là vợ của Lâm nên lễ phép hỏi :

— Xin lỗi bà, đây có phải là nhà ông Lâm không ?

Thiếu phụ hơi ngạc nhiên nhìn Hoài, nhưng vẫn cúi đầu đáp, giọng thật ảm.

— Vâng ạ. Trung-úy cần...

Hoài vui vẻ tiếp luôn :

— Xin bà cho ông Lâm hay là có Hoài đến thăm.

Thiếu phụ vén chiếc màn sáo cuốn bằng giấy báo đi ra nhà sau. Hoài vợ vẫn nhìn quanh gian nhà nhỏ và nghĩ đến những mộng ước ngày xưa mà bạn chàng thường ước ao sẽ thực hiện. Tiếng sáo chạm nhau làm Hoài quay lại. Một người đàn ông chân trái chỉ còn là một ống quần dài lủng lẳng, tựa mình trên đôi nạng gỗ hiện ra giữa khung cửa. Hoài xúc động khi thấy những nét thay đổi trên mặt bạn. Lâm, người đàn ông là Lâm lên tiếng hỏi.

— Xin lỗi Trung-úy lâu quá tôi quên mất...

Hoài phì cười tiến đến nắm chặt lấy hai vai bạn ;

— Quên Hoài ở phố nhà thương rồi đấy à ?

—Ồ ! Lâm kêu lên. Những hình ảnh xa xưa vụt sáng lại rực rỡ trong ký ức chàng. Lâm vụt đưa tay nắm lấy bàn tay Hoài lắc thật mạnh. Hoài đỡ nhanh lấy bạn, trong khi chiếc nạng gỗ rơi một tiếng cạch xuống nền nhà trắng xi măng: Lâm nói, giọng run run :

— À, nhớ rồi. Hoài, thằng Tân nhắc đến mày luôn. Nhưng tao không biết tìm mày ở đâu. Thôi đi vào đây đã.

Hoài cảm động thấy bạn vẫn hồn nhiên như xưa. Lâm cười khi Hoài toan dìu chàng bước đi.

— Dễ thương mày tưởng đôi nạng gỗ của tao vô dụng chắc.

— Quay lại thiếu phụ này giờ vẫn đứng cạnh đây, Lâm giới thiệu : Vợ tao đấy.

Hoài cúi đầu chào thiếu phụ lần nữa.

— Còn đây là bạn thuở còn đi học của anh. Tối nay mày ở lại nhé.

Hoài lắc đầu :

— Chỉ ở lại được đến quảng ba hay bốn giờ chiều thôi. Còn phải đi xa có việc cần.

Hai người vén màn bước n nhà sau.



Ở đâu về đây ? Lâm thân mật hỏi. Hoài đặt cốc xuống bàn đáp :

— Biên giới Việt Lào.

— Trên ấy có gì lạ không ?

— Thì cũng đề phòng vậy mà. Đi xa một thời gian đề thay đổi không khí thành thị cho khỏe người.

Lâm lắc đầu cười.

— Nói dốc. Hề đội mũ sắt lên đầu thì phải lo nhiệm vụ chứ đừng nói đùa. Trông cậu dạo này già đi nhiều, song so với mấy thằng khác thì cậu còn khá trẻ. Thế nào, đã có gia đình chưa ?

— Hoài làm một cử chỉ để trả lời có.

-- Ở đâu ?

— Bên kia đèo Hải-vân.

— À, con gái xứ Quảng. Thú lắm nhé. Tao thấy mình như trẻ lại cơ đấy. Ngay bây giờ tao

muốn đi Đà-nẵng với mày để xem mày đã lọt được vào đôi mắt xanh như thế nào.

Lâm với tay rót thêm rượu ra cốc cho Hoài. Chàng thấy bạn nhìn mãi vào chỗ chân cụt của mình thì cười khì khì.

— Mày ngạc nhiên đấy à ? Hay lại sợ rồi có ngày được như tao ?

Hoài không tìm được câu gì để trả lời bạn. Lâm hiểu ý đưa bàn tay xoa xoa chỗ chân cụt.

— Có gì đâu, tao vào lính từ độ ở Bắc, ngay sau khi tụi mày về đây. Trước tiên tao theo kháng chiến để đánh Tây. Sau bị bắt ở chiến dịch liên khu III, tao lại theo Tây đi đánh Việt-minh. Đất nước bị chia đôi, tao trở thành lính chiến quốc gia. Trong đêm hỗn loạn ở Saigon năm xưa, tao dẫn đầu một trung đội truy kích loạn quân về phía cầu chữ Y. Thế rồi một băng đạn liên thanh chấm dứt cuộc đời cầm súng của tao. Tao trở về đời sống thường dân với đôi chân gỗ. Kể ra một đời người mà có đến ba đời lính thì cũng kể được là vào hạng cừ đấy nhỉ.

Nói xong Lâm phá lên cười. Hoài cảm thấy thương hại bạn.

Chàng lái câu chuyện sang ngã khác.

— Cậu — Hoài có tính quen gọi Lâm như thế từ xưa — nói như một người bạt mạng, chẳng thèm để ý đến cuộc sống một chút nào cả.

Lâm nhếch môi đáp :

— Ngày xưa tao cũng có những dự định về tương lai thật tốt đẹp đấy chứ, cũng mong ước sẽ làm thế này thế nọ, nhưng chẳng đi đến đâu cả. Bao nhiêu lần thất bại trong đời, tao đã không nản lòng, vẫn kiên nhẫn làm lại. Sống cực nhọc, sống khổ như một con chó nhưng vẫn sống. Như mày biết, đang đi học thì lại vác súng đi đánh Tây. Đánh cho hăng đề rồi nó kết án tao là dân tiểu tư sản thành thị. Hừ, tiểu tư sản mà quanh năm ăn cơm nhờ của người khác. Đến lúc về với Tây tao lại buộc phải bắn cả vào những người cùng máu mủ. Tao còn nhớ, có một bạn thẳng « Vệ túm » nấp trong căn nhà gỗ nhắm bắn tao, trong một trận chúng tao đi càn quét, ở mạn Vĩnh-yên. Tao buộc phải hạ hắn. Tao bắn hết một tràng tiểu liên vào chỗ vách ván mà tao đoán chắc nó nấp ở đó. Hắn lồng lên chạy ra cửa, nhưng

ngã ngay xuống vì loạt đạn thứ hai của tao. Tao xông vào ngôi nhà, mày biết tao thấy gì ở đó không ?

Lâm uống một hơi hết sạch cốc rượu. Hoài yên lặng đợi.

— Một thiếu phụ vừa thấy tao xông vào vội quỳ xuống lạy xin chớ làm hại đời mình. Tao nghĩ ngay đến những thằng khốn kiếp từng theo Tây hại đồng bào mà cảm thấy tủi hổ. Tao cười cho thiếu phụ yên lòng. Cô ta vui mừng đứng lên đi đến cạnh chiếc nôi con treo gần bên vách. Tao điếng hồn nhìn vũng máu đọng ở dưới đất. Từ chiếc nôi nhỏ, máu vẫn còn giọt xuống nền nhà. Người mẹ vạch vội đồng tử bẻ con lên xem. Nàng ném mạnh xác đứa bé vào mặt tao thét lên « quân khốn kiếp, đồ giết người » và người mẹ đáng thương ấy xô đến chụp lấy tao để cắn, để xé. Tuy hết sức hối hận, tao vẫn phải xô ngã thiếu phụ để chạy ra khỏi ngôi nhà. Tao đi đã xa vẫn nghe tiếng thiếu phụ kêu gào, và hình ảnh ấy ám ảnh mãi trong tâm trí tao. Ngày nay thỉnh thoảng tao vẫn như còn nghe thấy tiếng kêu la thảm thiết của người mẹ khốn nạn ấy.

Lâm thở dài buồn bã :

— Vì vậy mà lúc ở nhà thương bước ra với đôi chân gỗ tao đã mừng rằng tao sẽ được sống một cuộc sống mới. Một cuộc sống chẳng có gì xôn xao sóng gió, tao ao ước được sống thảnh thơi như những chiều mưa tháng mười ở xứ này.

Lâm chỉ tay ra cửa bảo Hoài; sau một lúc ngồi im như suy nghĩ.

— Mày trông kia kia, đấy là hình ảnh thời thơ ấu của tao.

Hoài nhìn theo tay Lâm. Dưới mái tôn thấp của chiếc quán nhỏ đứng cạnh người đàn bà bán ruốc inuối, một thằng bé bụng ỏng ra, đôi chân khăng khin xám nghệt lại vì gió lạnh. Nó đang nhai ngon lành chiếc bánh lá mẹ nó vừa đưa cho. Chiếc bánh đã hết nhẵn, thằng bé tiếc rẻ thè lưỡi liếm mãi tấm lá chuối trên tay.

Lâm gác chân còn lại trên thành bàn. Người dựa ghế hẳn về sau. Mắt chàng theo dõi những vòng khói thuốc đang tan dần trên không.

— Bây giờ đây, hàng ngày nhìn cảnh ấy, tao thấy thương cho cái thân tao vô cùng. Mày

ngạc nhiên là phải. Những thằng con trai như mày như thằng Tân có bao giờ nghĩ đến những điều mà tao nghĩ. Bao giờ trong óc cũng toàn là những ước vọng đẹp đẽ, đầy lý tưởng. Chúng mày thấy thằng bé kia thì cũng thương đấy, có thể sẽ cho nó vài đồng bạc, nhưng rồi thấy đâu thì trả lại đó. Tao thì không thế. Vì tao đã trải qua những ngày khổ khổ như thằng bé kia rồi.

Thực là một chuyện phi lý, mà đúng là như vậy. Chắc chưa khi nào mày dám nghĩ rằng tao là một đứa con vô thừa nhận. Tao không biết cha tao là ai. Nhưng tao cũng chẳng cần biết nữa, cái người đàn ông ấy, y đã quên mất mẹ tao sau một đêm ân ái, thì có đời nào lại biết đến tao. Lớn lên, dù Di tao cố giấu, nhưng tao cũng biết được một phần nào câu chuyện.

Mẹ tao thuở ấy là một cô gái đẹp có tiếng ở chợ Đông-sơn. Bây giờ thì người ta xem thường, chứ ngày xưa, ngày xưa mà chữa hoang là một chuyện xấu xa, nhục nhã tày trời. Người đi làm thuê tận mạn Nga-sơn, Điền-hộ để sinh sống. Lần hồi có chút đỉnh tiền thì

quay ra buôn mắm tôm, mỡ, muối ở chợ làng. Còn tao thì cũng như thằng bé kia, lên sáu bảy tuổi vẫn lò dò theo mẹ ra chợ, đứng cầu bơ trong mấy cái quán hàng, hay đàn đúm với lũ trẻ cũng nghèo hèn, cực khổ như tao. Nhưng trời cũng có mắt, em gái mẹ tao tình cờ bắt gặp chị trong một buổi chợ đông, nhưng mẹ tao nhất định không chịu trở về với gia đình. Di tao thương tình, nên hàng tháng lên gửi tiền để cho tao theo học ở trường huyện. Từ ngày được đi học tao đâm khinh bỉ lũ trẻ vẫn chơi với tao trước kia, bây giờ tao mới thấy mình hồi đó đáng khinh bỉ.

Mẹ tao chết trước ngày tao thấy tên mình ghi trên bảng thi đỗ tiểu học. Tao trở nên cô độc. Không ai nhìn nhận tao nữa. Bà Di đáng mến của tao thương chị đã khuất, thương cháu bơ vơ, nên dỗi chồng đem tao về nuôi cho ăn học. Được cái hai ông bà không có con trai, nên tao sống rất đầy đủ. Tao được lên tỉnh học, và gặp chúng mày.

Tao sống với chợ búa từ lúc mới chập chững đi, thì nay tao lại trở về với nó. Có khác chăng, thì chỉ vì lần này tao đi đứng

vững vàng hơn ngày xưa, nhờ có đôi chân gỗ. Và tâm hồn thì đã mang nặng nhiều chán nản, đau buồn.

Lâm lại cười. Chàng lắc lư chiếc ghế đầu, bình thần nhả khói lên trần nhà. Hoài cười theo bạn, nhưng lòng chẳng vui tí nào.

— Chị ấy tên Sương ?

Lâm ừ một tiếng. Đôi mắt chàng sáng lên, chàng gật gù :

— Tao gặp Sương hồi mới vào Saigon. Vớ mày thì chẳng có gì phải giấu, Sương là gái nhảy.

Thấy Hoài yên lặng chăm chú nghe, Lâm tiếp luôn :

— Ừ, mày cũng khá đấy. Lúc đầu, vì cô độc thì tao cũng dạn dít để tiêu khiển. Vì thế tuy sống chung nhau như ai vẫn việc nấy để làm. Tuy nhiên có một hôm gặp nàng đi với một tên lính tao bỗng nổi ghen. Tao cho tên này một trận nên thân và, tối hôm ấy tao mắng nhiếc Sương đủ điều. Tao ghen ghê gớm. khi Sương thú thật với tao là nàng đã có thai trước lúc quen tao. Sương bảo vì thương tao mới dám thú nhận như thế. Tao điên lên vì giận. Và tao bỏ nàng, đi biệt luôn mấy ngày.

Lâm ngừng lại cầm lấy chén nước.

— Sau mấy hôm tao quyết định trở lại tìm Sương. Tao nghĩ đến những nỗi đau khổ của mẹ tao xưa kia, trong lúc mang thai mà vẫn phải sống cô đơn. Tao nghĩ đến thằng tao cầu bơ cầu bất, chua xót vì bị mắng nhiếc là đồ con chữa hoang. Ý nghĩ ấy làm tao thương Sương nhiều hơn. Ngày xưa tao thêm thương được một bàn tay vuốt ve triu mến của ông cha hiền, tao ghen tức thấy chiều chiều những đứa bé cầm tay cha đi dạo phố, mai đây con của Sương cũng sẽ nghĩ như tao. Tao bằng lòng đánh đổi bất cứ cái gì tao có để được 1 người đàn ông xoa đầu tao nói một tiếng « con ơi » để tao được gọi lên một tiếng « cha », nhưng không bao giờ trong đời, tao được hưởng những điều ước mong tâm thương đó. Vì thế, lúc lớn khôn tao thù ghét tất cả những thằng con trai sợ trách nhiệm, để cho một người đàn bà gánh lấy một mình những nỗi đau khổ, sau khi mình đã thỏa mãn một nhu cầu.

Sương khóc suốt đêm, sau khi nghe tao nói về những điều tao nghĩ. Chúng tao trở thành đôi

vợ chồng. Chẳng cần giấy tờ gì tuốt. Sương từ bỏ cuộc đời cũ để lo việc nhà. Sau ngày tao bị nạn, nàng một mình nuôi chồng con, cả nhà nhờ vào tấm thân mảnh khảnh của nàng. Trong đời tao, tao mang ơn nặng nhất của hai người, Di tao ngày xưa, người đã nuôi tao khôn lớn. Và Sương, người đã đem lại cho tao sự yên tĩnh của tâm hồn sau bao nhiêu ngày tháng chán chường đau khổ.

Tao không thể dắt con đi dạo phố được, nhưng mỗi chiều thứ bảy tao lại đến trường, xin cho nó về nhà chơi. Những lúc đi qua phố đông tao sung sướng nhìn nó chỉ chỗ, bi bô nói, xin mua cái này, cái nọ, tao cảm thấy yêu đời lắm. Chưa bao giờ tao thấy mình làm được một việc ích lợi như lần này.

Lâm thôi kể. Chàng lên tiếng gọi Sương vào lấy thêm nước. Hoài ngừng lên nhìn vợ bạn. Nét hiền thực trên khuôn mặt Sương khiến chàng cảm mến. Hoài mừng cho hoàn cảnh bạn. Lâm cầm lấy tay vợ :

— Chúng tao sống rất hạnh phúc. Lắm khi bên Sương, tao quên mất mình là một phế nhân. Tao chỉ ước có một điều là ngày

nào nhân dân kéo về đất Bắc thân yêu, tao phải lò dò đi sau lũ mày mà thôi.

Sương dịu dàng nói xen vào :

— Đã mấy năm nay, bây giờ mới thấy anh Lâm nói chuyện nhiều đấy. Suốt ngày chỉ đọc sách rồi lại đánh cờ với mấy ông cụ già.

Có người vào mua hàng, Sương bước ra còn quay lại :

— Anh Hoài ở lại dùng cơm chiều với chúng tôi chứ !

Hoài vui vẻ :

— Không chị ạ. Tôi đi Đà-nẵng ngay chiều nay.

Lâm nhìn vợ thông thả :

— Thôi hôm nào trở ra hấn sẽ ở lại cũng được. Bắt hấn ở lại bây giờ thì cũng ác như bắt em đi đâu xa nhà một tháng vậy.

Cả ba người cùng cười ồ, sau câu nói khôi hài của Lâm.



HOÀI ra khỏi nhà vợ chồng Lâm đã hơn bốn giờ chiều. Xe đi đến ngoại ô thành phố Huế thì Hoài nhấn mạnh ga cho chạy nhanh. Những đồng lúa ven đường vùn vụt lùi sau xe. Hoài mơ màng nhớ lại

những cánh đồng bát ngát xứ Thanh, với những gốc đa, cây đề um tùm, những gian miếu cổ đình xưa ẩn dưới tàng cây hiên lành bên ngòi nước trong. Những buổi chiều gió lộng trên đồi thông, ba người nằm yên lặng dưới mấy gốc cây già, lắng nghe gió hú qua đám lá tròn và nhỏ, tất cả những hình ảnh ấy sáng chói trong ký ức Hoài. Chàng liên tưởng đến những mẫu chuyện Lâm vừa kể, đến cuộc đời của mình còn vơ vẩn dài trước mắt. Hoài so sánh ba nếp sống, và chàng bức tức thấy rằng trong ba lối đi, của Lâm, của Tân và của chàng nữa, chưa có một lối nào hợp với ý chàng, đúng như chàng mong muốn.

Đường lên đèo quanh co, gió thổi mát rượi. Máy xe kêu vo vo đều đặn hòa với tiếng sóng vỗ chân ghềnh thành một điệu nhạc kỳ lạ, dễ buồn ngủ.

Hoài cho xe vượt lên đèo ngay sát sợi dây xích chắn ngang đường. Chàng xoa tay nhìn vụng biển xanh rờn dưới chân đèo, về phía Liên-chiều. Biển rộng bát ngát, liền khít với chân trời. Những đám mây nặng nề như đang nổi bông bênh trên sóng nước. Thành phố Đà-nẵng nằm

im lìm dưới những đám lá xanh đang ngả sang màu đen. Ngọn Ngũ-hành-sơn in rõ mấy khối trên nền mây sẫm của buổi hoàng hôn.

Đứng tựa vào thành xe, Hoài đưa mắt theo dõi chiếc xe vận tải nặng nhọc bò chậm rãi lên đèo. Nó leo thong thả, tiếng máy rú vang, nhưng mỗi vòng bánh xe quay là chiếc xe tiến dần đến đỉnh đèo.

— Chậm rãi như có suy tính, và thật là chắc chắn.

Hoài lẩm bẩm một mình. Chàng cảm thấy chính mình nhiều khi có tư tưởng chán nản như Tân, hay những băn khoăn, đối với kẻ khác như Lâm. Chàng tự bào chữa, nếu không có những lúc như thế thì chắc là con người không còn là con người. Mỗi người sống trong khung cảnh xã hội, tuy phải sống bên ngoài như nhau, nhưng trong chỗ thâm sâu của ai, cũng có một cái gì làm họ không giống kẻ khác. Và chàng bật cười khi nhớ lại câu nói có vẻ triết lý của Tân :

— Mỗi người sống là một diễn viên, mà xã hội, trong đó con người hoạt động là một vở

kịch không có mở màn, không có cả hạ màn. Tuy nhiên diễn viên nào cũng phải tuân theo lời của đạo diễn, phải uốn nắn mình theo những khuôn khổ mà không cần phải tìm hiểu. Bởi lẽ sự tìm hiểu sẽ làm mỗi người tự cảm thấy chán vai trò mình đang diễn. Thêm vào đó, vở kịch vì quá vĩ đại với muôn ngàn tình tiết phiền tạp, nên các diễn viên đôi khi không còn thấy vai trò của mình có liên lạc với các vai của kẻ khác. Cũng như trong một trận chiến lớn, mỗi tên quân chỉ cần biết phải làm tròn bổn phận mình, chứ không cần biết đến toàn bộ của trận chiến.

Hoài thấy câu nói của Tân cũng có đôi điểm đúng. Tiếng còi thổi dài của người lính gác đèo báo hiệu giờ mở đèo bắt đầu. Hoài cho xe xuống dốc. Chàng hít mạnh gió biển vào lồng ngực. Hơi mát của nước làm những ý nghĩ rối ren trong trí Hoài tan đi. Hoài tưởng đến khuôn mặt xinh tươi của Hồng sau mấy tháng trời xa cách.

Xe vào đến ngã ba Cai-lan thì thành phố đã lên đèn tự lúc nào. Hoài rút chiếc chìa khóa, xuống xe đi vào ngõ hẹp. Một cô gái

vừa bước ra ngõ còn quay lại gọi to :

— Mẹ có hỏi thì bảo rằng chị đến nhà chị Tùng mượn sách nghe không Thoại.

Hoài quay lại nhìn theo tà áo trắng của cô gái. Chàng suýt cười thành tiếng vì thấy cô gái lên ngồi đằng sau chiếc Vespa của một thanh niên đợi sẵn đấy từ lúc nào. Thì ra cô gái đã nói dối.

Hoài dừng bước trước cổng nhà Hồng. Qua tấm màn treo nơi cửa sổ, chàng thấy rõ bé Yến đang cặm cùi làm bài ở bàn học, ánh đèn néon xanh dịu tỏa ra tận ngoài hiên. Có tiếng Hồng gọi Yến xuống nhà dưới. Tự nhiên một cảm giác êm vui len vào tâm hồn Hoài. Chàng vừa huýt sáo miệng vừa bước vào hiên nhà. Tiếng đế giày gỗ vang trên nền cứng làm bé Yến quay lại.

Hoài đứng hẳn giữa khung cửa đầy ánh sáng.

Nguyên tác của: **CHU XUÂN ĐĂNG**
Bản dịch của : **VI HUYỀN ĐẮC**

Bóng chim tắm cá

*Bụi hồng văng về mắt xanh,
Minh ơi, ta nhớ mà mình quên ta!*

TẢN ĐÀ

Đoản thiên tiểu thuyết mà dịch giả giới thiệu dưới đây là một trong số mười truyện đã được in thành tuyển tập với nhan đề : « Như mộng linh », do Á đông Đồ-thư xuất bản tại Hương-cảng.

Chuyện «Bóng chim tắm cá» thuộc vào loại tự thuật và tác giả Chu xuân Đăng vốn không phải là một nhà văn chuyên nghiệp. Tuy nhiên, các nhân vật chính đều rất linh động, sự diễn tiến của câu chuyện cũng là cách bố cục thật hấp dẫn với bao quyền khúc và chi tiết cực kỳ hợp tình hợp lý.

MỖI khi tôi chợt nghĩ tới Bắc-bình, tôi không thể nào không nhớ tới Bình.

Tôi và Bình biết nhau ở đó mà chúng tôi đã chia tay nhau, cũng ở nơi ấy. Tuy đất thần kinh đã chứng kiến cả cái buổi ban đầu lưu luyến của chúng tôi, nhưng chúng tôi đều không phải người ở miền này. Bình từ tỉnh Tứ-xuyên, vùng tây-nam xuống, còn tôi, tôi ở tận mạn bờ biển đông nam lên. Quê tôi ở Phúc-kiến.

Tôi còn nhớ rõ, nguyên do, Bình đã đỗ cao trung tại nơi quê nhà nên nàng vượt thiên sơn, vạn thủy, tới Bắc-bình để ứng tuyển vào trường Đại học. Về phần tôi, tôi đã tốt nghiệp đại học từ năm ngoái và hiện lúc đó, tôi được lưu dụng ở ngay học hiệu.

Lúc ấy, cả miền đông bắc đã rơi vào tay địch và ở Ký-đông đã có hẳn một tổ chức bù nhìn. Tình cảnh của Bắc-bình như trứng đẻ đầu đẳng. Đối với

người Nhật, ai ai cũng cần rặng chịu đựng để được yên thân, nhưng kẻ địch cứ lấn dần ; được thêm một tấc, họ lấn ngay một thước đất.

Bình, đã một mình thân gái, từ nơi quê liêu viễn, xuôi dòng Trường-giang, tới Thượng-hải, qua Nam-kinh, vượt bao nhiêu dặm trường, trong hơn nửa tháng trời ròng rã, mới tới đây. Ở đất cố đô này, nàng lại chẳng hề quen biết một ai. Thật là đất lạ, quê người, ngược mắt nhìn chung quanh mình, nàng chẳng thấy người thân, kẻ thuộc !

Từ sau khi tốt nghiệp, tôi vẫn rập tâm trở về nơi quê nhà ở miền Nam, hoặc ít nhất, tìm cách mưu sinh tại Nam-kinh hay Thượng-hải. Nhưng tôi vẫn thường nghe nói, đất Kinh, Hồ, (tức Nam-kinh và Thượng-hải) nhân tài như nấm, mật ít ruồi nhiều, tìm được một chỗ để đứng, không phải dễ dàng gì. Tình hình càng nặng nề trong tâm tôi. Khốn nỗi, trong khi học tập, một vị lão sư có bụng thương nên người cố tình lưu tôi lại để phục vụ ngay trong trường. Vả lại, trước đây, nhà trường đã giúp tôi bằng cách vừa làm việc, vừa học để tự

túc. Vì hai lẽ trên đây mà tôi đành phải nán lại đất thần kinh này, để ân trả, nghĩa đền trong một phần nào cho phải đạo.

Học hiệu bỏ tôi vào việc ghi tên các sinh viên cùng giúp các vị giáo sư trong các cuộc thi tuyển học trò mới, lúc bắt đầu niên khóa. Kể ra công việc đó cũng chẳng nặng nhọc gì, ngoài kỳ thi nhập học này, thời thường vẫn rỗi rãi.

Năm nay, sau kỳ nghỉ hè, vị lão sư của tôi làm chủ khảo khoa thi nhập học và người muốn tôi phải nhận một phần việc trong đó. Mọi năm, trước khi tôi tốt nghiệp, cỡ tới hơn ba ngàn sinh viên ; số ấy tụt xuống hai ngàn hai trăm và trong kỳ tuyển trạch này, chỉ còn có lối một ngàn năm trăm thôi. Cũng vì vậy mà vị khoa trưởng hằng thở vắn, than dài : không lẽ, cái ưu thế của nền văn hóa Bắc-bình lại lâm vào cảnh mỗi ngày một suy vi hay sao ? Thì ra, các thanh niên đều dần dần đổ xô cả xuống miền Nam. Tuy nhiên, đối với viên biện lý sự vụ, càng ít kẻ đầu khảo càng tốt. Trong lúc nóng bức như nung như nấu này, số người thi càng nhiều càng khổ cho mình. Mấy người

đồng sự chúng tôi đều nhủ thầm với nhau như vậy, nhưng không đời nào dám rỉ rã với cấp trên.

Ấy thế rồi, ngày thi đã tới trong số hơn một ngàn người đầu khảo, tôi đã phát hiện ra Bình.

Theo cự lệ của học hiệu, bao giờ cũng có một sơ khảo bằng vấn đáp rồi mới tới kỳ thi viết. Trong kỳ sơ khảo, tôi được cử luôn luôn ở bên vị chủ khảo để kiểm phiếu báo danh cùng là nhận diện thí sinh, theo các tấm ảnh đính kèm.

Nhân, một người trong ban khảo chứng của chúng tôi, phải đứng ở cửa ra vào để gọi tên từng thí sinh một. Khi bạn đồng sự của tôi xướng tới tên nàng, tôi bèn nhắc tấm ảnh lên ngắm nghĩa để còn nhận diện cũng như với bất cứ người đầu khảo nào vào trường thi. Tôi phải nói ngay rằng, tấm hình đã làm tôi phải chú ý tới Bình. Nàng có một vẻ đẹp khác thường và trong vẻ đẹp đó, lại có một khí sắc anh võ. Mái tóc óng mượt được rẽ làm hai khóm, bỏ thông hai bên vai và che lấp cả hai tai. Cặp mắt cực to và đen láy, nhìn chăm chăm ra phía trước, và

làm cho tôi có cái cảm giác là nàng đã khám phá rõ tâm sự của tôi vậy. Trên phiếu học lịch của nàng, tôi nhắc thấy nàng vốn người Tứ-xuyên và, hiện nay, nàng ngụ tại Hội nữ thanh niên. Tôi liền ước đoán rằng : nàng đến đây chưa được bao lâu và không hề có bà con thân thích gì ở đất kinh kỳ cả. Cái lối bỏ thông hai mái tóc kia đủ chứng tỏ nàng vừa chân ướt, chân ráo đến Bắc-bình nên mới để tóc một cách không hợp thời trang như vậy.

Sau một tiếng « dạ », Bình bước qua ngưỡng cửa, tiến vào. Tôi bỗng cảm thấy như cả một luồng ánh sáng cũng ủa theo vào mà làm cho cái phòng thi âm u, khắc khổ này vụt sáng rực hẳn lên ! Cả đến vị chủ khảo cũng như đã bị mị hoặc, cụ giờ hai tay lên, nhắc cặp kính lão, đề lại cho thật ngay ngắn trên sống mũi. Trong khi ấy, Bình đã tiến tới trước mặt vị chủ khảo và cúi đầu chào. Cụ liền cầm tờ giấy báo danh lên nhằm đọc tên nàng và bảo nàng ngồi vào chiếc ghế đặt ở đằng trước bàn. Nàng lại sẽ nghiêng mình tạ lễ rồi ngồi xuống, hai má ửng đỏ. Tôi liền đưa tấm ảnh của nàng ra để đối

chiều và nhận diện. Đây là một công việc thuộc phận sự của tôi, chẳng rõ nàng có hiểu cho như vậy hay không, tuy nhiên, tôi thấy nàng có vẻ thẹn thùng, bối rối và cả má lắn tai nàng đều đỏ bừng. Tôi chú ý tới các chi tiết trên bức ảnh, tôi nhận thấy đầu tóc nàng đã có sự thay đổi, hai mớ tóc bở thông ở hai bên vai, nay đã nhường chỗ cho mái tóc uốn bồng tung rất hợp thời hao, nó làm nổi bật hai vành tai, cùng là cái cổ với làn da mịn màng, trắng muốt.

Bỗng vị giám khảo cất tiếng hỏi Bình đề bắt đầu việc vấn đáp sơ khảo :

— Cô đến Bắc-bình đã lâu chưa ?

— Dạ, thưa mới mấy ngày gần đây.

— Cô có bà con thân thích gì ở đây không ?

— Thưa không ạ.

— Vì lẽ gì, cô ở xa như thế mà cố công về mãi tận đây để thi vào đại học ?

— Thưa là vì Bắc-bình vốn là một trung tâm văn hóa của Trung-quốc.

— Cô đã đi qua những đô thị nào ?

— Dạ, Hán-khẩu, Thượng-hải, Nam-kinh, Thiên-tân ạ.

— Vậy chứ, trong khi đi qua các đô thị đó, cô có từng nộp đơn xin đầu khảo ở đâu nữa không ?

— Dạ, thưa không, vì tôi chuyên thành chỉ đến Bắc-bình cầu học thôi ạ.

— Ở ngay tại Bắc-bình này, cô chỉ nộp đơn ở bản hiệu hay còn có nộp đơn ở nơi nào khác nữa không ?

— Dạ, tôi chỉ có báo khảo ở đây thôi ạ.

Vị giám khảo tỏ vẻ rất hài lòng, người sẽ gật gật đầu và hỏi thêm Bình vài ba câu nữa rồi cho nàng ra. Tôi dự đoán rằng, nhất định nàng đã hỏi dò để biết rõ cái sở hiểu của vị giám khảo. Khi nàng đứng lên, nàng lại cúi chào giám khảo và nàng quay đầu về phía tôi. Hai làn nhãn tuyến gặp nhau. Nàng bỗng lại đỏ bừng mặt, rồi, luôn đó, khẽ gật đầu chào tôi, và từ từ đi ra khỏi phòng thi. Tôi đưa mắt nhìn nàng cho tới khi có

một thí sinh khác tiến vào. Vị giám khảo đương loay hoay viết bằng một cây bút chì đỏ lên tập danh sách hai chữ «giáp thượng» vào bên phía tên Bình, rồi, người ngẩng đầu lên ngẫm nghĩ trong giây lát, và lấy hòn tẩy xóa chữ «thượng» đi, chỉ lưu lại có chữ «giáp» thôi. Ấy thế rồi, một lúc sau, người lại điền thêm chữ «thượng» vào. Tôi những mừng thầm cho Bình và tôi không thể không sầm mảm cười một mình, rồi tự nhủ, vị giám khảo lão đại, đạo mạo của chúng tôi có lẽ cũng không khỏi động tâm vì cái sắc đẹp của cô thí sinh thanh tân đó.

Việc sơ khảo vấn đáp tiếp tục trong bốn ngày rông rãi. Trời thì nóng như thiêu, như đốt. Vị giám khảo luôn luôn tay quạt, tay lau mồ hôi. Quả tình, sau khi Bình ra khỏi phòng thi, tôi làm việc một cách tảo hứng vì các thí sinh cả nam lẫn nữ, chẳng có ai gọi là đặc biệt, là lệ ngoại cả. Có một điều làm cho tôi thích thú nhất là, kỳ thi vấn đáp đã hoàn tất và Bình đã chiếm kỷ lục về bình ngữ. Vị giám khảo đã không tặng thêm một thí sinh nào hai chữ «giáp thượng» cả. (I)

Hình như có một sự an bài của Thượng-đế, nên, đến kỳ thi viết, tôi lại được cử ra chấp sự ở phòng số 4, và sáng hôm đó, tôi lại được gặp Bình. Nàng đang một mình ngồi ghé trên cái bao lơn, ngoài hành lang của buồng thi. Tôi vẫn còn nhớ như in, cách phục sức của nàng trong kỳ vấn đáp. Hôm nay, trên mái tóc nàng lại có buộc thêm một sợi băng đỏ kết thành mũi hoa ở phía tai bên phải. Nàng bận một chiếc sơ mi cổ bẻ, có tay dài, màu hoàng yến và một chiếc quần ống ngắn để hở hai cò chân tròn, trắng, với đôi bít tất và đôi giày ten-nít trắng. Cứ theo cách phục sức ấy, nàng chẳng có cái vẻ «hậu bồ sinh viên» một tí nào cả, và ta không khỏi không liên tưởng tới một em bé hóa trang để biểu diễn một vị «tiểu thiên thần», thì đúng hơn. Tuy

(I) Chú cước của người dịch :

Sở dĩ thi vấn đáp đơn giản như vậy là vì dân Trung-hoa ở mỗi miền nói một thổ âm khác, nay học hiệu cần khảo xem thí sinh có nói được trôi chảy quan thoại hay không? Đó là điều kiện tất yếu để được nhập học.

nhien, với nét mặt đầy anh khí, với cặp mắt hung đen, với cặp má ửng hồng, ta phải nhận thấy rõ, nàng chẳng hề dùng một tí son tô hay phấn điểm nào gọi là có cái vẻ đẹp thiên nhiên đó, quả thì, không cần đến yên chi, phấn đại.

Khi thấy tôi tiến lại gần, Bình liền đứng xuống đất. Lúc ấy, tôi mới bờ ngỡ nhận ra, nàng chẳng thấp bé hơn tôi là bao, và, với nước da trắng mịn, nàng có một thân hình đều đặn, óng ả rất dễ thương. Có lẽ nàng cho là tôi cũng là một nhân viên khá trọng yếu trong ban giám khảo, nên, nàng khẽ điểm đầu chào tôi. Tôi gật đầu đáp lễ và đương cố nặn óc tìm một lời gì, để bắt chuyện nhưng tìm mãi có câu này :

— Á à, cô Bình ! Cô vẫn trọ ở đảng Hội nữ thanh niên, đấy chứ ?

— Thưa vâng, vì nơi đó rất gần đây ạ.

Nàng đã trả lời tôi một cách rất tự nhiên, nhưng, riêng tôi, tôi vẫn cứ cho cái câu hỏi để bắt chuyện của tôi thiệt là ngớ ngẩn. Mãi sau này, Bình có cho tôi hay, câu hỏi của tôi rất thích nghi, vì nó có vẻ như hai người

đã quen biết nhau từ lâu rồi và rất có thể nói sang chuyện khác mà không có sự hoài nghi của những thí sinh đứng gần đó. Vả, ở trong các kỳ thi, bao giờ cũng vậy, các nhân viên trong ban khảo thí vẫn hết sức tránh sự đàm thoại với các khảo sinh, hoặc nam hay nữ, để khỏi có sự lợi dụng quyền chức cùng là sự hảo cảm nón có thể ảnh hưởng tới thành tích của thí sinh và tiêu chuẩn của học hiệu. Đan lổ thành miếng chàm, sự kém cỏi về khẩu tài của tôi đã làm cho tất cả thí sinh không ai hoài nghi, vì hai chúng tôi chỉ, kể hỏi, người đáp, có vài lời vắn tắt. Người ngoại cuộc nhất định phải tin rằng chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu, nay gặp nhau thì hỏi thăm qua loa thế vậy thôi.

Sau đó, tôi để Bình đứng đó và đi thẳng vào buồng thi. Lúc ấy viên giám thị đã ra đứng ở cửa buồng để gọi tên và nói cho thí sinh rõ, ai có mang theo các sách tham khảo cùng các vật linh tinh nên bỏ tất cả ra ở mấy chiếc bàn đặt tại phòng ngoài rồi hãy vào khảo thí. Chính tôi cũng lại được cử trông coi các vật dụng đó. Chỉ một lát sau, tôi đã nghiêm nhiên trở thành

một người bảo quản. Nào từ điển, tự vựng, giáo khoa thư, tham khảo thư, địa đồ, đầu khảo chỉ nam, bách khoa đại hoàn, thôi thì đầy đầy, ngồn ngang.

Đến lượt Bình, Bình chỉ trao gửi tôi có một chiếc sách nhỏ cầm tay màu trắng. Tôi cầm lấy chiếc sách, thấy nó nhẹ bâng ; cơ hần, trong đó chẳng có chi đáng chú ý cả. Tuy vậy, tôi cũng đặt điều, hỏi nàng một câu cho có chuyện. Tôi nói :

— Thế nào cô không đem sách vở gì hay sao ?

Bình chẳng do dự trả lời tôi một cách vô cùng linh lợi :

— Thưa tiên sinh, ai đã có thể mang theo mình hàng vạn cuốn sách trên một lộ trình muôn dặm, kia chứ ạ ?

Tôi cũng bỗng trở nên một « dịch thủ » vào tay chẳng vừa, mà đáp lại :

— Thưa cô, thế thì cô nhất định đã từng đọc thiên kinh, vạn quyển, nên mới từ nơi muôn dặm tới đây !...

Mặt Bình vụt bừng bừng đỏ và nàng vừa khẻ đáp lời tôi, vừa quay quắt đi vào phòng thi :

— Tiên sinh đã quá lời khen tặng...

Rồi, tôi cũng theo chân nàng đi vào buồng thi.

Các việc phát đầu bài cùng giấy thi, đã có người khác đảm phụ. Tôi lại làm cái công việc đối chiếu các khảo chứng với những tấm ảnh của thí sinh. Bởi vậy, tôi phải đi tới các hàng ghế, để nhìn tận mặt từng người một ; nhân thế, nàng và tôi, chúng tôi đã có nhiều lần cùng nhau trao đổi nụ cười, khóe mắt có đầy thiện cảm. Mỗi bận tôi liếc mắt nhìn nàng, tôi nhận thấy nàng đặt bút là viết lia lia, sau một vài phút suy nghĩ. Nàng có một thái độ cực kỳ bình tĩnh, và thường thường mang nọp bài rất sớm. Tôi lấy thế làm mừng thầm cho nàng, thế nào nàng cũng sẽ trúng tuyển và sẽ trở thành một bạn đồng song của tôi nay mai.

Nhưng, thiên hạ sự luôn luôn dành cho ta những sự bất ngờ, ngoài sự dự liệu của ta. Đến bài thi sử địa, tôi ngạc nhiên thấy Bình ngồi cầm bút, mắt đăm đăm nhìn ra xa một cách lơ đãng. Nàng ngồi yên như thế chừng ngót nửa tiếng đồng hồ ; giấy thi cũng chẳng buồn dờn

nữa, rồi, nàng mang quyền trắng lên nộp và khiết nhiên ra về. Nàng cũng chẳng đòi lại cái sắc cầm tay. Ngay cả chiếc ô đề che nắng nàng cũng bỏ lại nốt. Khi tới ra tới chỗ bàn giữ đồ vật, tôi nhặt được một mẫu giấy đặt ở dưới cái sắc, trên chỉ vồn vện có hàng chữ cực tú lệ sau đây, viết bằng bút chì :

« Máy đồ vật, tôi xin gửi lại, đề mai, tôi sẽ đến lấy — Hiện thời, tâm não tôi rất rối loạn ! »

Đọc xong mẫu giấy đó, tôi bỏ nó vào túi quần để tránh sự tò mò của người ngoại cuộc, đoạn tôi trở vào buồng thi, vì trong đó, khảo sinh còn đương chăm chú làm bài. Tôi không khỏi không phân vân nghĩ ngợi về cái thái độ lạ lùng, kỳ quái của Bình. Ý nghĩ trước tiên quay cuồng trong óc tôi là : có lẽ đầu bài thi khó quá nên nàng phải chịu nộp quyền trắng. Tôi bèn đi lên giảng đài, lấy đầu bài ra xem lại một lượt. Không, đề mục chẳng có chi là hiểm hóc, một khảo sinh vào hạng bình thường có thể giải đáp một cách dễ dàng, hoặc dài, hoặc ngắn, chứ quyết không khi nào chịu thúc thủ như nàng. Hay là nàng

bị cảm mạo, hoặc bất thần mệt mỏi trong người, tinh thần lao quện, nhưng tôi lại tự phản bác tôi ngay, vì trong mấy chữ nàng viết cho tôi, nàng chẳng đã nói rõ, tâm thần rất thư thích kia mà, hoặc cũng có thể, nàng viết thế để trả lời trước việc nàng bỏ quyền trắng, cũng chưa biết chừng. Đầu óc tôi cứ rối bời với bao sự suy trắc lẩn quẩn. Sau cùng, tôi quyết định phải có một hành động tích cực để khám phá cho ra sự nghi nan này. Tôi sẽ đến Hội Nữ thanh niên, để gặp Bình, trước là trao trả cho nàng mất vật nàng đã gửi tôi và nhân tiện đề hỏi nàng cho rõ đầu đuôi manh mối.

Hôm đó, cuộc thi đã hoàn tất; lúc ấy, tuy đã bảy giờ chiều, tôi nóng lòng nên cứ đi lại trụ sở hội Nữ thanh niên. Người nữ dung mời tôi ngồi ở phòng khách và đi báo cho Bình hay. Mãi một lúc khá lâu sau, nàng mới đẩy cửa bước vào. Nàng vẫn bận áo hớ cổ và quần ngắn ống, nhưng, màu vải có phần nùng ấm hơn bộ y phục nhả đạm hôm nàng đi thi. Nàng lại có thoa một ít phấn rất mỏng và điểm sơ qua một tí sáp môi. Tôi trong nàng khác hẳn. Nàng đẹp lên bội phần.

Chợt nhận ra mấy vật di lưu hôm nọ, Bình vừa giờ tay mời tôi ngồi, vừa chỉ vào những vật đó và nói ngay :

— À, tiên sinh đã mang lại cho tôi những vật mà tiên sinh đã giữ hộ tôi, xin cảm tạ hậu ý của tiên sinh... Tôi không ngờ, giờ này, tiên sinh còn cất công đến đây !

Nghe mấy lời đó, tôi tự hiểu nàng đã am tường một phần nào nỗi lòng của tôi. Tôi không khỏi không có cái ấn tượng sự thông cảm của nàng đã chiếu thấu tâm tư của tôi như một làn vô tuyến « X » vậy. Tôi thấy hơi ngượng ngùng, nhưng tôi cũng cố trấn tĩnh để nói đưa đà cho qua :

— Thưa tiểu thư nguyên do, việc khảo thí đã hoàn tất, mà, bắt đầu từ sáng mai, tất cả ban giám thị của chúng tôi sẽ nghỉ việc, không có mặt tại trường thi nữa... Tôi e, nếu mai tiểu thư có đến đó, sẽ không gặp một ai cả... bởi vậy, tôi phải thân hành lại...

Nàng lại niềm nở cảm ơn tôi, sau đó, nàng mới hỏi tính danh, quê quán của tôi và tôi ở Bắc-bình đã được bao lâu ; nhưng tuyệt nhiên, nàng không hề hỏi

tới địa vị của tôi cùng nội dung của học hiệu.

Sau đó, đột nhiên, Bình hỏi tôi :

— Tôi thường nghe người ta đồn đại rằng : Bắc-bình là một thành trì của văn hóa và ai cũng cố tìm đến đây để học hỏi, thừa, có đúng như vậy không kia ạ ?

Tôi bèn đáp :

— Nhưng, thưa tiểu thư trước hết, ta phải ấn định loại văn hóa nào, cái đã... Như muốn biết rõ về văn hóa của các bậc đế vương, ta nên đi thăm những cung điện xưa ; hoặc văn hóa của các vị sĩ phu, về tân phái, ta phải tìm tới Bắc-kinh phạn điểm, về cựu phái, ta không thể không đến Lưu-ly-xưởng. Còn như văn hóa của đại chúng, không gì hơn, là ra ngả Thiên-kiều.

— Thế còn văn hóa của đám thanh niên, hoặc giả nói văn hóa của đám học sinh, chẳng hạn, tiên sinh nghĩ sao ?

— Không phải tôi bỏ sót đâu, tôi chưa kịp nói thì tiểu thư đã vội hỏi, nhưng không hề gì... Như muốn kê cứu, khảo sát, ta đã có đồ thư quán ; muốn bơi thuyền, đến bến Bắc-hải ; muốn

cưỡi lừa, đến Dương-sơn ; muốn sưu tầm tài liệu, tiêu bản, đến Tây-sơn ; còn phong cảnh, danh thắng, nơi nào có, ta cứ việc tìm tới nơi đó mà thưởng lãm.

— Tiên sinh ạ, tôi còn muốn hỏi tiên sinh về những nơi mà ở đó, ta có thể nói chuyện phiếm chẳng hạn... Có lẽ, tiên sinh cũng đồng ý rằng, tự ngàn xưa, văn hóa thường do những cuộc đàm thoại mà ra cả ?

— Ồ, thế thì ở cửa Bắc-hải và Công-viên trung ương, đều có những quán bán nước trà, ta có thể chẳng tiêu tốn là bao, mà cùng với mấy người bạn ngồi trò chuyện suốt cả một buổi chiều.

— Thế còn Thái-miếu tại sao, tiên sinh lại không nói tới Thái-miếu nhỉ ? Phía sau Thái-miếu, trên bờ Ngự-hà, tôi thiết tưởng nơi đây cũng là một chỗ để ngồi chơi khá thích thú chứ lại !... Thưa tiên sinh, chưa hết ạ, còn một nơi nữa, tôi muốn nhắc tiên sinh, cái Hải-thú-viên trong ngự uyển Di-hòa... Nếu tôi không lầm, nơi đây có thể là một khung cảnh kỳ thú cho những ai ưa thích đề đàm tâm, khiển muện.

— Không trách, người ta thường nói, người Tứ-xuyên rất giỏi về môn bày Long-môn-trận, có khác... Thiệt, tôi không ngờ, còn ở vào cái tuổi đào tơ, hoa nhụy mà tiểu thư đã nghiên cứu được nhiều sự vật đến thế !...

Tôi nói ra câu đó, nửa để khen ngợi nàng, nửa để cho vui câu chuyện. Ấy thế mà nàng đã tỏ ra rất hời dạ nên nàng nói tiếp :

— Tiên sinh có biết không ? Tôi đã từng đem chuyện này ra nói với các bạn cùng trọ chung phòng với tôi, họ rất đổi rưng rưng, chẳng một ai chịu nhận làm bạn lữ của tôi cả. Họ chỉ thích đi coi điện ảnh, đi nghe hát tuồng kinh thôi... Thế có chán không ?... à mà, tiên sinh vừa nói chuyện thi tuyển sinh viên đã kết liễu và tiên sinh sẽ được rồi rã, vậy, tiên sinh có vui lòng cùng tôi, ta đi thăm thắng cảnh đó, để ta nhân đó chuyện văn với nhau và đề hưởng một cách chân chính tất cả cái khí vị thanh cao của nền văn hóa Bắc-bình không ?

Mấy lời của Bình làm cho tôi vô cùng phấn khởi, vì tôi không hề tưởng tới. Rõ ràng, chẳng

cần mà được, chẳng gấp mà nên, tôi không ngần ngại nắm lấy cơ hội. Tuy nhiên, trong thâm tâm tôi, còn có một đôi điều ngang ngang : đó là vấn đề kinh tế của tôi lúc này nó chẳng được dồi dào cho lắm ; huống chi, làm bạn lữ của một vị thiên hương tiểu thư, để đi du ngoạn mà tiền lưng chẳng được dư dật, thì chi cho khỏi không làm phiền cho chính mình và cho cả người nữa. Tôi vội tìm kế « hoãn binh » :

— Thưa tiểu thư, tôi xin sẵn sàng làm một kẻ hướng đạo hầu tiểu thư, nhưng, có một điều là, hiện nay, trời nóng gay gắt mà ta đi du ngoạn thì thiệt là bất tiện... Có lẽ, ta nên nán lại ít hôm, nhân thể, đợi tiểu thư trúng tuyển, vào đại học, lúc ấy ta sẽ chọn một ngày nghỉ, có hơn không ?

— Ấy chết ! Thưa tiên sinh, tôi đi khảo thí không có chủ ý để vào đại học đâu ạ !

Nàng thốt ra mấy lời trên đây với một vẻ mặt cực kỳ bình thản. Nàng nhìn tôi, nhích mép để hé nở một nụ cười tươi tắn trên làn môi, với hai cái lúm đồng tiền dưới gò má. Tôi xin thú thật, cho tới bây giờ tôi mới

nhận thấy rõ cái sức quyến rũ « kiều như hoa » của người đẹp. Bình lại giải thích thêm :

— Và thưa tiên sinh, cái nguyên nhân của việc tôi đi thi mà không cầu trúng tuyển nó khá dài dòng, vậy, xin khát tiên sinh, lúc nào thật thư thái, tôi sẽ xin kể hết đầu đuôi để tiên sinh rõ.

Tôi thấy cuộc đàm thoại của chúng tôi khá lâu và trời cũng đã sẩm tối từ lâu rồi, nên tôi bèn trao trả Bình những đồ vật nàng gửi tôi và tôi xin cáo từ. Nàng tiễn chân tôi ra tới cửa, rồi lại đi với tôi ra mãi dần đường. Trong khi nàng giơ tay, để bắt tay tôi, nàng hỏi đi hỏi lại hai ba lần, hôm nào tôi sẽ hướng dẫn nàng đến Thái-miếu để uống trà và nói chuyện. Bất đắc dĩ, tôi phải ước hẹn ba hôm nữa, vào lúc chiều mát, tôi sẽ xin gặp nàng ở quán giải khát tại Thái-miếu.



BA hôm sau, vào hồi năm giờ chiều, tôi đi đến Thái-miếu. Lúc đó trời hãy còn rất oi-ả. Vì tôi nóng ruột nên bước vội, bước vàng, mồ hôi ra nhễ

nhai cả trán. Từ ngoài đường đi tới phía sau Thái miếu, bên bờ sông, cũng khá xa. Tôi phải đi xuyên qua mấy tòa đại điện, rồi, lúc leo lên đồi, lúc xuống bậc thềm, không phải không phí sức. Tôi vừa ở một cái đài bước xuống thì Bình đã từ mé bờ sông đi về phía tôi. Vừa thở, tôi vừa nói để xin lỗi nàng :

— Chết chữa ! Tôi đã để tiêu thư phải chờ đợi thì thật là khiếm nhã, tôi đến khì trễ, xin tiêu thư tha lỗi cho.

— Không, tiên sinh có đến trễ đâu, và trái lại chính tôi, tôi đã đến đây quá sớm, thì có. Vả lại, ta có ước hẹn giờ nào đâu, ta chỉ nói vào khoảng xế chiều thôi... Mặt trời còn khá cao mà.

— Nhưng, dẫu sao, tôi đã để tiêu thư phải chờ đợi...

Nàng mỉm cười và nói tiếp :

— Xin tiên sinh chớ bận tâm về điều đó nữa, vì, ngay buổi chiều ngày hôm qua, tôi cũng đã đến đây rồi... Tôi có đi qua học hiệu, có ý muốn mời tiên sinh cùng đi, nhưng tôi e tiên sinh không được rồi, nên tôi đành đi một mình vậy.

Chúng tôi vừa đi về phía bờ sông, vừa nói chuyện và, ở đó,

chúng tôi đã tìm một chỗ ngồi dưới bóng mát của một đại thụ. Hôm nay, Bình đã đổi lối phục sức, nàng không ăn bận như hôm tiếp tôi ở Hội Nữ thanh niên. Quả thiệt tình, mấy lần trước, ở trường thi cũng như ở nơi nàng trú ngụ, tôi không tiện nhìn nàng tỏ mặt. Nay, chỉ có một mình nàng và một mình tôi, cùng ngồi đối diện nhau dưới bóng cây, tôi không thể không chú ý tới cái nhan sắc kiều diễm của người bạn lữ của tôi. Cả người nàng, quả thật, có một cái vẻ cực kỳ đại phương. Từ cái miệng cười, khoe mắt tới ngôn ngữ, cử chỉ, nhất nhất đều làm cho tôi càng thêm yêu vì nét, trọng vì người. Hình như nàng chợt nhận ra rằng tôi cố ý nhìn nàng một cách quá chăm chú, nàng nhoẻn miệng cười và đưa mắt nhìn về phía hàng cây đương in bóng trên mặt nước của dòng sông, trong khi một làn ráng hồng phớt diễm trên khuôn mặt trái xoan của nàng. Nàng đẹp ! Đã đành vậy, nhưng, tôi khám phá thấy trong cái vẻ đẹp của nàng có một cái gì làm cho ta động lòng thương vay. Quả, đây là một cảm tưởng khá tế nhị nó làm cho tôi thần thờ bối

rồi. Hình như ý nghĩ thâm kín của tôi có một sức cách cảm, nên, bỗng nhiên, Bình quay lại bảo tôi :

— Có lẽ, tiên sinh rất rành về khoa xem tướng thì phải ? Liệu tiên sinh có nhận thấy, cái tướng diện của tôi là một «khổ tướng» không ?

— Trước hết, tôi xin thưa ngay, tôi không biết xem tướng ...tôi chỉ nhận thấy tiểu thư là một người thành thực, vui tính, hoạt bát, ngọt ngào và thông minh, thứ nhất thông minh, vâng, thông minh và linh lợi vô cùng...

— Tiên sinh quá khen, nhưng, riêng tôi, tôi vẫn nghĩ, nếu tôi không có một khổ tướng thì tôi cũng phải có một cái « mệnh khổ ». Đúng thế, vì người ta thường nói : hồng nhan đa chuân, hoặc bạc mệnh, hoặc khổ mệnh, thì cũng vậy...

— Đấy, chẳng qua chỉ là những lời nói ở cửa miệng, nó không có gì là tuyệt đối cả... Số mệnh rất có thể có, nhưng, « nhân định thắng thiên » cũng không phải là không từng thấy bao giờ... Xin tiểu thư chớ chấp nê đề rồi mua nã, chác sầu làm chi !

Tuy tôi nói vậy để giải cho nàng cái ý nghĩ đen tối đó, nhưng tôi không khỏi không thắc mắc. Nhất định nàng có một điều ẩn ức gì đấy, chứ chẳng không. Sự lễ độ không cho phép tôi, mới sơ khởi biết nhau mà đi căn vặn nàng về những điều bí ẩn của nàng. Tôi bèn vội vàng nói sang chuyện khác, và đem việc của trường đại học cùng việc thi tuyển sinh viên ra nói. Tôi vừa chớm tới hai điều đó thì nàng liền cắt ngang và nói :

— Tôi xin thú thực với tiên sinh, tôi không hề lưu tâm tới trường đại học và tôi cũng không có ý định được trúng tuyển để theo học nữa. Theo như điều tiên sinh đã cho tôi rõ, tôi chỉ xin là một trong những thanh niên đến Bắc-bình, để thụ hưởng cái nền văn hóa của những di tích cũ, mà thôi !

Tôi chỉ còn biết tôn trọng ý chỉ của Bình. Sau đó, chúng tôi chuyện vãn lan man từ đoàn lạc đà của Mông-cổ, tới cỗ tự Thích-ma, ở Ung-hòa-cung, rồi tới miếu hội cùng những kỳ hoa, dị thảo ở trong các miếu vu đó. Sau hết, tôi nói tới những quán ăn nhỏ của cự đồ. Tôi bảo nàng :

— Kề ra, ăn, uống, cũng khá dĩ là đại biểu cho một nền văn hóa. Nếu như tiểu thư ưng ý, ta sẽ đi ăn nếm một bữa ở mỗi quán. Có lẽ ,phải hàng năm mới đi được gần khắp nơi, chứ chẳng qua, chỉ có vài ba món đặc biệt, nhi dĩ.

Nàng nghe tôi nói tới đó, vội vàng đề nghị, ngay tối nay, đi thưởng thức bữa ăn văn hóa. Nguyên do, tôi đã chuẩn bị sẵn sàng đề thiết đãi người thiên hương bạn lữ của tôi nên tôi vui vẻ tán thành ngay.

Chúng tôi ngồi nán lại để xem bày hạc xám bay lượn trong vườn ; chúng truyền từ cổ thụ này, sang cổ thụ khác, và thì nhau cất tiếng kêu oang oang làm vang động cả thính không. Bình nói :

— Mỗi năm, đàn hạc xám này, cứ mùa đông, tháng giã, kéo nhau di cư xuống tận miền Nam, để rồi, mùa hè, lại trở về Bắc-bình, như vậy, chẳng là ma phiến lắm ru ?

Tôi chẳng biết trả lời nàng ra sao, nên tôi chỉ ừ ào cho qua. Rồi, sau khi trả tiền trà, tôi cùng Bình đi ra lối cổng. Hình như chúng tôi là du khách ra khỏi Thái miếu sau cùng nhất.

Ở trước cửa, tôi liền hỏi nàng xem nàng thích dùng cơm của tỉnh nào, nàng đáp « Dương Châu». Tôi nói, nghe như người Tứ-xuyên ưa ăn cay mà thực phẩm Dương-châu lại ít đậm đặc. Nàng đáp không sao. Tôi bèn gọi hai chiếc xe kéo lại và bảo xa phu đưa chúng tôi đi Ngọc-Hoa-đài.

Cả cõi Á-đông, có lẽ chỉ ở Bắc-bình này là còn có xe kéo, bởi vậy, thứ xe « ngựa người » này trở thành một cách xê dịch vừa lạ, vừa hiếm. Cũng thì sinh nhai trên các nẻo đường của đô thị, xe kéo ở đây rất đổi sạch sẽ, dễ coi. Thùng xe và cang xe đều sơn then bóng loáng, khăn bọc đệm thì trắng toát, ở phía sau thùng xe lại có cấm sẵn một cái chổi lông gà ngũ sắc cực đẹp. Dưới chỗ đề chân, phía trước hai bên có hai chiếc đèn đất, khi thấp lên, ánh sáng rực rỡ chiếu ra phía trước. Người phu xe, bất cứ già, trẻ, đều mang bát tất và giày vải, chứ không ai để chân không cả. Quần áo của họ rất sạch sẽ và tề chỉnh. Bên đệm xe, thường thường có gài máy tờ báo hằng ngày. Trong lúc vắng khách, họ ngồi ở cang xe đọc báo hay đánh một giấc để lấy lại sức.

Bình bước lên xe một cách ung dung, tôi không mặc cả và cũng ngồi riêng một chiếc, cho họ kéo đi tới nơi tôi đã chỉ.

Đến Ngọc-Hoa-đài, tôi bước xuống xe trước, không trả tiền, và cứ thế, đi qua chỗ trưởng quầy và bảo người này :

— Hai chiếc xe chúng tôi đi từ Thái-miếu về đây, xin cứ y lệ trả giùm cho...

Tiếp đó, người trưởng quầy đưa tiền cho phở ky đem ra trả cho phu xe, không hề có sự cò kè thêm bớt gì hết. Bình liếc mắt nhìn rõ cả, nên vừa cười vừa nói :

— Chà, có lẽ, việc nhỏ mọn này cũng là một khía cạnh của nền văn hóa Bắc-bình, đây hửn !

Bình và tôi, lần thứ nhất, chúng tôi cùng nhau dùng bữa đề nhân đó, chuyện văn thân mật với nhau.

Bữa cơm đã kéo dài mấy tiếng đồng hồ. Hai chúng tôi đều là thanh niên cả, nên chúng tôi đã bỏ đi được hết những cái gì là khách sáo và chúng tôi đã chuyện trò với nhau trong một bầu không khí thật cởi mở. Bình cười nói rất hồn nhiên và không hề tỏ ra kiêng kị hay e dè hay cố chấp giữ lễ. Chúng tôi cũng

có uống ít chung rượu, đánh toan, kể các truyện xưa, nay, truyện khôi hài. Sau cùng, nàng ca cho tôi nghe một khúc dân ca của nơi nàng sinh trưởng. Tuy nhiên, trong thâm tâm, tôi vẫn còn y nguyên hai điều nó làm cho tôi nóng lòng muốn biết rõ ngọn ngành, nhưng nàng nhất quyết không chịu rỉ răng. Mấy lần, tôi cố ý đả động tới việc tại sao nàng thi vào đại học mà lại không cần trúng tuyển cùng là gia thế của nàng. Mỗi lúc tôi gợi chuyện, nàng chỉ đánh trống lảng, trong khi mặt nàng đỏ bừng lên.

Ra khỏi phòng ăn, tôi trả tiền xong và ngổ ý đưa nàng về chỗ trọ, nhưng nàng không nghe và đòi tôi dẫn đi thăm chợ Đông-an một vòng. Lúc ấy đã gần mười giờ khuya. Tôi có ngờ đâu, buổi chợ bây giờ mới càng đông. Người đâu mà lắm thế ? Đi lại phải chen lấn nhau trong những tiếng ồn ào đình tai, nhức óc, và ánh đèn sáng trưng như ban ngày. Có gì đâu, từ lúc mặt trời đứng bóng cho tới mãi sế tà, sự nóng bức cứ thiêu như đốt ; trừ có công việc gấp, ít ai dám ra đường, cho nên dân cư đô hóa thành nhà vạc, để đi ăn đêm, cho bù lại.

Bắt đầu, chúng tôi đi vòng quanh dãy hàng bán đồ cổ ; kế đến, chúng tôi lượn qua về phía hàng hoa quả. Hàng hà sa số là dưa hấu, quả nào, quả nấy, to bằng cái gối đầu một. Những chùm nho, quả chín mọng nước, rồi, bao chuối bồ quân đỏ thắm, dầm đường chỉ nhìn qua đã thấy ngọt sớt, cùng các thứ quả cây khác, đủ màu sắc và có vẻ ngon lành, đậm mát, được bày ra trước mắt kẻ qua, người lại, như kêu gọi, chào mời. Một lát sau, chúng tôi len lỏi vào một ngôi hàng bán cà rem, để gọi lấy mỗi người một cốc nước cam và một miếng dưa hấu ướp lạnh. Chúng tôi ăn tới đâu thấy mát rượi tới đó. Tôi để ý nhìn khắp mặt người đi chơi mát, thật chẳng thiếu gì những trang thanh niên phấn đại, hơ hớ tuổi xuân, nhưng quả tình, tôi không bắt gặp được một khuôn mặt nào mỹ lệ với cái thân hình óng ả, dịu dàng như Bình của tôi. Tôi thấy tâm hồn tràn đầy hạnh phúc trong những giây phút cùng nhau sánh vai rảo bước, hoặc khi ngồi đối diện với nàng.

Lúc tôi đưa Bình về Hội nữ thanh niên và đi ngang qua học hiệu, nàng dừng lại, mời tôi về nghỉ, chứ nhất định không để

cho tôi tiễn nàng tới nơi ngụ sở. Nàng ân cần hỏi tôi, hôm nào sẽ lại tái ngộ. Tôi trả lời xin để tùy ý nàng, nàng bèn ấn định tới chiều ngày kia, nghĩa là cách ngày mai thôi, và lại cứ ở nơi cũ, tại Thái-miếu, phía mé sông. Tôi đáp, sao không đổi chương trình mà đi ra cửa Bắc-hải để bơi thuyền có hơn không ? Nàng đồng ý nhưng hẹn tôi phải đi thật sớm. Tôi ước định vào lúc sáu giờ sáng, ở Ngọc-Đổng-Kiều, về phía hữu, chỗ con sư tử đá thứ ba, gặp nhau.



VỀ tới buồng riêng của tôi tại trường đại học, tôi thấy trong lòng băng khuâng, nửa vui, nửa buồn. Tất cả hình ảnh của Bình bất giác lại nổi lên trước mắt tôi, với giọng nói, câu cười, làn môi, khoe mắt của nàng. Bỗng, tôi liên tưởng tới một việc đã qua nó đã đột ngột xảy đến với tôi, sau khi tốt nghiệp và tòng sự tại một tòa báo nọ. Ở đây, một vị tiểu thư cũng vào trạc trắng tròn lẻ, ngồi cách tôi một chiếc bàn. Nàng ngồi xoay lưng về phía tôi và lúc rảnh rang, tôi thường để mắt ngắm nghía từ

mái tóc, tới cái cổ và đôi vai thon thon của người đẹp. Mỗi khi có một đợt gió từ cửa sổ lọt vào, tôi vẫn được hưởng cái mùi thơm thanh tao huyền ảo của phấn, của hương. Quả tình, lúc ấy tôi chưa hề nếm trải vị cay nồng của sự luyện ái. Ngày nào tôi cũng cầu khẩn được nhìn rõ khuôn mặt nàng nhưng cái điểm phúcicorn con con đó chưa bao giờ tự ý đến với tôi. Thế rồi, một hôm, giờ tan sở, nàng và tôi bắt gặp nhau ở vỉa hè. Chúng tôi cùng chờ xe. Tôi đương vận dụng tất cả dũng khí để tìm cách bắt chuyện với nàng, thì, ở đâu, lù lù tiến tới một chiếc xe và nàng chẳng nói, chẳng rằng, ung dung bước lên xe, chẳng thềm ngoái cổ ban cho tôi lấy nửa cái nhìn. Khi chiếc xe chạy đi như bay, tôi còn thấy rõ, nàng giờ tay lên để xem giờ. Tôi hồi tưởng lại câu chuyện trên đây vì, hiện giờ, giữa Bình và tôi, cảnh tình chẳng khác là mấy, tuy một mỏng, một dày. Tôi đã được cái hân hạnh hai lần đàm thoại và một lần đi chơi với nàng, nhưng, tuyệt nhiên, tôi vẫn chưa rõ mảy may về gia thế và hoàn cảnh của nàng. Tôi không dám bảo rằng nàng quá giữ ý, hay tìm cách giấu

giếm, che đậy. Lúc nào nàng cũng có một nghi thái đoan trang và sáng trực. Chẳng một lần nào, nàng cho tôi thấy một dấu hiệu gì gọi là hư ngụy hay lãng mạn, theo cái điệu của các cô gái mới. Nghĩ tới đó, bất giác tôi thấy như tôi bị đẩy vào cái vai trò của một gã thiếu niên đa trí, đa tình, nhưng mãi sau này, tôi mới nhận rõ, tôi chỉ là một nạn nhân của toàn ảo vọng và giả tưởng ! Nào sự thật có gì là hiểm hóc khó hiểu đâu ; này nhá, nàng đến đây để khảo thí vào đại học mà nàng lại cố ý bỏ quyền trắng, như vậy nghĩa là nàng không muốn được trúng tuyển, và thế tất, nàng sẽ ly khai Bắc-bình để đi cầu học ở một nơi nào khác. Tôi thì đang bị công việc làm và sự mưu sinh ràng buộc, tôi quyết không thể đi theo nàng được. Ngay đến cái tình bạn của hai người chúng tôi cũng sẽ, đôi nơi cách trở, nữa là ! Trong đêm khuya canh dài, bao nhiêu ý nghĩ quay cuồng trong tâm não tôi và làm cho tôi trần trọc, hết thở ngắn, lại than dài. Mãi tới khi gà gáy sáng, tôi mới quyết định được một giải pháp ổn thỏa, là, từ nay trở đi, đối với Bình, tôi sẽ giữ một thái độ « phùng đồ tắc hữu »,

gặp nhau trên đường đời, rồi cùng nhau chia tay, kẻ đi Tiêu Tương, người trở lại Tần, không để cho nhau phải quá phận hoài hận, đau buồn. Và, nhờ ở sự chủ định đó, tôi đã ngủ thiếp đi cho tới khi vừng hồng lợt qua cửa sổ, tôi mới bừng tỉnh. Các bạn trong túc xá đã trở dậy từ bao giờ rồi và họ cũng đã ra khỏi nhà từ lâu.



BA hôm sau, tôi đã trở dậy rất sớm vì là ngày ước hẹn đi chơi thuyền với Bình.

Khi tới Ngọc-đồng-kiều, tôi đã thấy nàng đương ở phía bên kia đi lên. Hôm nay, nàng cũng bận một bộ quần áo ngắn và mang một đôi giày vải tất cả đều trắng muốt. Nàng xách ở bên tay một chiếc mũ cói lớn vành với hai dải nhung xanh lam, phất phới bay ở phía sau. Mớ tóc đen nháy nổi bật khuôn mặt thon thon, trắng mịn của nàng.

Đến lưng chừng cầu, Bình đứng dừng lại như đề đợi tôi. Tôi phải rào bước. Sau khi chào nàng, tôi chợt liếc thấy ở bên thành cầu, đứng hàng sư tử thứ ba y như lời hẹn hôm nọ. Nhận

ra điều đó, tôi lại càng thêm, riêng những kính yêu.

Chúng tôi liền đi ra cửa Bắc hải để bơi thuyền trọn một ngày trời. Với một chiếc thuyền thuê, chúng tôi bồng bênh lướt trên mặt nước, giữa những đám hoa sen, đương thịnh phóng. Chúng tôi ngây ngất trong sắc nước, hương hoa. Bình chèo thuyền thạo hơn tôi gấp bội; xoay ngang, đi dọc, ghé sang phải, lách sang trái, nàng khiến mái chèo một cách nhanh nhẹn, khéo léo, tôi không thể không tán phục.

Một lúc sau, Bình lấy ở cặp ra một gói bánh diêm tâm. Bấy giờ tôi mới thấy mình quá ư sơ ý nên không hề nghĩ tới rằng, sáng sớm mai, ở nơi này, làm gì đã có hàng quán nào mở cửa. Ăn xong, chúng tôi lại bơi thuyền cho mãi tới chín giờ, khi mặt trời đã chói lọi lên cao, để tìm bóng mát, nhưng nắng chiếu xuống, nước bốc lên, nóng đến mực không sao chịu nổi. Chúng tôi đành bơi thuyền tới Ngũ-long-đình rồi kéo nhau đồ bộ. Nhân ở đây có quán giải khát cùng là quán diêm tâm và quán cơm. Người chủ quán ở đây, nghe đâu, trước kia cũng là một vị đại phu gì đó của nơi cung

quyết nhà Mãn-thanh, cho nên các thực phẩm của ông đều có cái hương vị đế vương, và cũng vì vậy, những bữa ăn ở đây đều được coi như một thứ ngự thiện.

Mấy điều phát giát trên đây là do Bình nói cho tôi hay, tôi vô cùng kinh nghi. Không phải là nàng không biết gì về sử địa đề cho, đến nỗi phải nộp quyền trắng ở trường thi. Tôi không thể nào bỏ qua và buột miệng hỏi nàng :

— Thưa, những kiến thức khá rộng rãi của tiểu thư về sử địa làm cho tôi khó hiểu cái thái độ dị kỳ của tiểu thư trong kỳ khảo thí vừa rồi ?

Tôi nói xong, lại hối hận rằng đã quá đường đột mà làm tổn hại tới tự tôn tâm của Bình chăng ? Tôi bèn yên lặng ngồi đợi một sự phản ứng. Nàng đáp một cách thản nhiên như không có mấy may gì là quan hệ cả :

— À, trước khi trả lời, xin tiên sinh cho tôi rõ, trường đại học đã có quy định rằng : bắt cứ các bài khác ra sao, mặc, nhưng, nếu trong các quyền thi, có một quyền bỏ giấy trắng là thí sinh bị loại, có đúng như thế không kia ạ ?

— Dạ, thưa đúng. Đó là một quán lệ đã có từ lâu năm rồi và đó cũng là một nguyên tắc bất di, bất dịch của hội đồng tuyển trạch sinh viên.

— Ấy cũng vì vậy mà tôi đã phải miễn cưỡng nộp quyền trắng...

— Miễn cưỡng ? Thiệt là kỳ dị ! Không lẽ, tiểu thư lặn ngoi, ngoi nước trên muôn dặm đường trường đến đây để ứng thí mà lại cố tình làm cho mình bị loại, là nghĩa làm sao kia chứ ?

— Xin tiên sinh chớ cật vấn tôi trong lúc này, để rồi đây, lúc nào thư thả, tôi sẽ nói đề tiên sinh rõ hết cả duyên do... Trong lúc này, có lẽ, chỉ có việc du ngoạn của chúng ta hiện thời là có nhiều hứng thú hơn cả, thưa, có phải không ạ ?

Nàng đã nói thế, tôi chỉ biết chiều lòng, và, sau khi điểm các món ăn cho nhà quán sửa soạn, chúng tôi lần theo Cửu-long-bích, đi quanh một vòng, để thưởng lãm các thắng cảnh.

Vừa tới lúc đứng bóng, Bình và tôi mới dan tay trở lại Ngũ-long-đình. Khi ấy chủ quán đã cho dọn sẵn bàn ăn. Chúng tôi ngồi vào để nếm những món để

vương trôn vị mà ngày xưa, chỉ ở trong cung đình mới có. Tôi không dám nghĩ rằng bữa ăn hôm ấy là một thịnh soạn, nhưng chúng tôi phải nhớ nó mãi mãi vì nó vừa lạ miệng cũng có, phần thì chúng tôi bơi thuyền suốt cả buổi thanh thần nên chúng tôi đã sẵn sàng để làm danh dự cho bất cứ món thực phẩm ngon lành nào. Tuy nhiên, quán này còn có một thứ bánh rán nhân thịt, thật là « khá khẩu ». Nó vàng nghênh, ròn, sốp, thơm, ngon ; bỏ vào miệng, nó tan miếng ra. Quả, đây là một món ăn vào hạng « lộng chủy » (2) vô song, không còn biết lấy lời nói nào để tả cho hết cái khoái cảm của vị giác trong khi thụ hưởng vậy.

Ăn xong, Bình nhất định tranh trả tiền và chúng tôi ra ngoài đình tử để nghỉ trưa. Mỗi người chúng tôi ngồi tựa vào một chiếc ghế mây dài, để cách xa năm bảy chiếc ghế khác của các du khách cũng cùng nghỉ trưa ở đây, như hai chúng tôi. Trước mặt đình tử là mé nước

và mấy đại thụ mà bóng mát che rợp cho cả một khoảng vườn ; chung quanh chúng tôi là những chậu cây giáp trúc đào, với những chùm lá xanh đã bị mặt trời thiêu đỏ. Người trong quán mang ra cho chúng tôi, mỗi người một chiếc chén đơn bằng vải trắng. Ấy thế rồi, chúng tôi, không ai bảo ai, đều ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Khi tỉnh giấc, tôi đã thấy Bình ngồi uống nước trà ở phía trong quán. Nàng, vui vẻ đứng lên bảo tôi :

— Tiên sinh ngủ ngon quá nên không nỡ đánh thức... Tuy nhiên, ngày thường mà ngủ như vậy, rất có thể để lỡ công việc chứ chẳng chơi !

Trên mặt bàn đã bày la liệt nào hạt sen, nào ngó sen tươi. Súc miệng xong, tôi ngồi lại. Nàng liền đẩy tới trước mặt tôi một đĩa hạt sen, vừa do tay nàng bóc sẵn. Đây cũng là một cái thú cực kỳ thanh tao, nhã đạm : ăn hạt sen tươi và uống nước trà. Hai hương vị này tấu hợp với nhau một cách bất phàm. Lát sau, nàng lại đưa ngó sen mời tôi ăn. Ngó sen vừa ròn, vừa ngọt, mát, thật là thanh tân, tiên mỹ. Tất cả những cử

(2) Món ăn thích khẩu như : giò chả nem v.v... người Pháp gọi là : amuse-gueules.

chỉ ôn nhu, trang nhã ấy đã làm cho tôi bỗng quên hết những điều mà tôi đã đề cho bao ý nghĩ tự tư, tự lợi căm dỡ, thúc đẩy tôi phải cố mà chiếm lấy trái tim của người ngọc. Bình vẫn giữ một vẻ thái nhiên. Nàng giương cặp mắt ngây thơ nhưng không kém phần nghiêm chỉnh nhìn tôi. Hai làn nhãn tuyến đó như có một hiệu lực nó ngăn cản tôi, không để cho tôi vượt qua cái giới hạn của tình hữu nghị khiết bạch. Từ lúc ấy, tôi lại bình tĩnh như chẳng có gì đã xảy ra trong thâm tâm tôi. Chúng tôi ngồi chuyện trò với nhau cho mãi tới mặt trời ngả bóng mới cùng nhau ra về, sau khi ước hẹn lần tái ngộ.



TRONG ba tuần lễ liền, Bình và tôi đã hội diện tám, chín lần. Mỗi lần chúng tôi trọn một hàng ăn, để thưởng thức một thực đơn khác về cả tính chất lẫn hương vị. Ngoài các bữa ăn, chúng tôi lần lượt đi thăm các danh thắng như : Trung-nam-hải, vườn hoa Tam-bối-tử cùng là ra vùng ngoại ô cửa Tiền-môn và lên Cảnh-sơn để bằng điệu cái di tích mà ở đó,

Minh-tur-tông đã tuần quốc. Chúng tôi cũng không quên Thiên đàn, tức là chỗ vua chúa xưa, tế trời. Ở vùng này, có rất nhiều cỗ thụ lâu hàng ngàn năm mà dưới bóng mát, chạy nhảy bao đàn dê, lông trắng như tuyết in trên thảm cỏ xanh. Chúng tôi còn để vết chân ở khá nhiều nơi nữa, nhưng tôi không sao nhớ được hết. Thời gian đã trôi đi mau lẹ dị thường. Tuy nhiên, giữa hai chúng tôi, mối tình bè bạn lúc nồng nàn, lúc đằm đằm, tùy theo thái độ của Bình. Dẫu có một đôi khi, tôi nhớ đi quá một bước ra ngoài vòng hữu nghị, bằng những lời bóng gió, đùa cợt, nàng liền đỏ mặt và thẳng thắn lời tôi trở lại cái cương vị lễ độ mà tôi đã tự vạch cho tôi từ trước.

Rồi, tiếp tới ngày yết bảng tên những thí sinh được tuyển trạch vào trường Đại học. Tôi tò mò xem số điểm các bài làm của Bình, bài nào cũng trội hết, trừ bài sử địa. Cự lệ là bất cứ một bài nào bị linh phân (số không) khảo sinh cũng bị loại trừ, không kể gì tới sự thặng dư số điểm ở các bài khác. Vị chủ khảo có đề nghị với hội đồng tuyển trạch nên vớt thí sinh nào có thành tích đặc biệt về kỳ vấn đáp. Tôi

ngâm hiểu, đích thị người đã vì Bình mà xướng xuất lên việc này, nhưng tiếc thay, cả ban, không một ai tán đồng. cả. Thế là Bình bị lạc đề, đứng theo ý muốn của nàng. Tôi chỉ còn biết than dài, nhĩ dĩ !

Yết bản xong, tôi được nghỉ, nên, hai hôm sau, ngay từ sáng sớm, Bình và tôi đi mỗi người một chiếc xe đạp ra khỏi cửa Tây để tới Hải-thú-viên, trong ngự uyển Di-hòa.

Khi đến Thập-sát-hải, chúng tôi dừng lại để nghỉ chân và dùng trà luôn thê. Trong hồ, sen đang tranh nhau đua nở. Trước kia, về cuối đời Thanh, nơi đây vốn là chỗ hẹn hò của bao văn nhân, nhĩ sĩ ; họ tụ họp ở trong những dãy cừ ốc rải rác ở ven hồ. Nơi này đã trở thành bình địa và lơ thơ chỉ có một vài cái quán trà mới tân tạo nên ta không thể nào thấy lại bao cái lưu phong, di vận của thời xưa. Sau khi nghỉ ngơi độ non một giờ đồng hồ, chúng tôi lại lên đường và mãi gần đúng Ngọ mới đến Di-hòa-viên. Mặt trời đã bắt đầu thiêu đốt, Bình và tôi đều mồ hôi, mồ kê nhễ nhại.

Bình nói :

— Tiên sinh ạ, có lẽ, ta nên nghỉ chân ở chỗ hành lang số 53 này cái đã... rồi, ta đến Thạch-phường để ăn cơm trưa và, từ nơi này, ta sẽ đi Hải-thú-viên, tiên sinh nghĩ có tiện không ?

Tôi chỉ biết ưng theo lời đề nghị của nàng.

Dùng bữa xong, chúng tôi đã đi rạo quanh, xem được thêm khá nhiều thắng tích và nói với nhau rất nhiều chuyện có ý vị và lý thú. Bình, lúc nào cũng giữ y nguyên một thái độ bình tĩnh, vui tươi.

Ở Hải-thú-viên, trên một cái giả sơn, nàng đột nhiên bảo tôi :

— À, thưa tiên sinh, tôi xin nói đề tiên sinh rõ, tháng sau, tôi sẽ sang Nhật bản !

Tôi chẳng lấy làm ngạc nhiên vì việc này đã không ngoài điều mà tôi đã dự liệu. Tuy vậy, tôi cũng thấy buồn buồn trong lòng. Nàng liền nói tiếp :

— Quả thiệt tình, tôi đến Bắc-bình chỉ cốt để tiếp xúc với nền văn hóa ở đây... Cũng là may cho tôi mà được tiên sinh hướng dẫn, nên trong ngần ấy ngày nghỉ hè, tôi đã lĩnh lược được một phần nào những điều tôi

muốn biết đối với mấy ngàn năm văn hóa, lũy tích ở nơi cụ đồ này. Và, bây giờ, tôi phải xin phép tiên sinh đi thăm thú nơi khác...

Cố nhiên là tôi phải gắng gượng hết sức để tự chấn tĩnh. Bình đứng trước mặt tôi với một thần thái cực kỳ thanh tao, xuất trần. Tôi bèn mời nàng ngồi xuống bậc đá để tôi có thể ung dung mà bày tỏ với nàng bao nỗi thắc mắc hiện còn đang bị ần ứ ở trong thâm tâm tôi. Tôi nói :

— Kề ra, mấy lời tiểu thư vừa cho tôi biết, tôi đã ám hiểu từ lâu. Nhưng như một việc tiểu thư muôn dặm đến đây để khảo thí mà lại cố ý không muốn được trúng tuyển cũng đủ cho tôi rõ, tiểu thư sẽ không muốn lưu lại nơi này và thế tất, tiểu thư sẽ đi cầu học ở xứ ngoài... Có một điều, nếu tiểu thư không nói rõ cái duyên do tại sao lại có việc ngang trái đó, có lẽ, tôi sẽ mang hận suốt đời !

— Đến thế kia như ? Tôi đâu dám có một ác ý gì đối với mỗi thiện cảm và cái ân tri ngộ của tiên sinh ! Sở dĩ tôi chưa tiện đem câu chuyện đó ra trình với tiên sinh là vì tôi không muốn để tiên sinh phải than vay, tiếc

mướn cho một kẻ phước bạc vô duyên. Cũng vì vậy mà tôi cứ nấn ná mãi, tuy tôi đã từng hứa với tiên sinh rằng tôi sẽ nói. Đối với tiên sinh cái thiên cố sự này, chẳng qua, tiên sinh chỉ vì hiếu kỳ mà muốn biết, nhưng riêng đối với tôi, mỗi khi nghĩ tới nó, tôi lại thấy đau lòng !... Vậy, tôi xin kể với một điều kiện là, tiên sinh hãy bình tĩnh mà nghe và cứ coi đó là một việc đã thuộc về dĩ vãng và thứ nhất, xin tiên sinh chớ có đa sầu, thiện cảm mà lân tuất cho người trong cuộc làm chi.

— Tôi xin tuân theo ý chỉ và cũng xin chấp nhận với bất cứ điều kiện nào...

« Tại vùng quê Huyện Thành-đô, tỉnh Tứ-xuyên, có một gia đình địa chủ giàu có vào bậc nhất, mấy đời nay vẫn chuyên cày cấy và đọc sách. Tuy vào hạng tiền dư, thóc mục, nhưng họ rất kém vai vế. Những cậu con trai gia đình đó đều mắc bệnh nha phiến, việc công danh đành bỏ bễ, vì vậy, thanh thế của gia đình ngày một suy vi. Họ đã tìm đủ thiên phương, bách kế để kết thân với các danh gia, lệnh tộc, nhưng cho tới nay, vẫn chưa được toại nguyện. Cùng thế, ông địa chủ đành nghĩ

tới cách, đem người con gái gả cho cậu con trai của một vị quân phiệt đương đắc thời trong vùng. Nghe đâu, cậu quý tử này, tuy mới đến tuổi nhược quan, (1) mà đã có đủ cả, vợ lẽ, nàng hầu. Gia đình cậu còn kén chọn cho bằng được nơi môn đăng, hộ đối, mới cưới vợ chính thất cho cậu.

Ở đây, thiếu gì những kẻ thế lợi. Họ luồn lọt đề ra vào các nơi quyền môn, phú hộ. Họ kiếm ăn bằng đủ mọi cách tâng bốc, nịnh nọt, làm công làm cán. Nhân, bọn họ thấy gia đình địa chủ kia có cô con gái đang trạc tuổi xuân hơ hớ mà lại muốn kén khách đông sàng vào bọc con nhà hào cường, nên họ liền tìm đến nhà quân phiệt nọ để làm môi chước. Nói đến cái nông gia phú hữu ấy, nhà quân phiệt không từ chối nhưng rất hiềm vì nổi trong nhà, ngoài họ của người con gái chẳng có lấy một ai hiện làm nên danh phận, tiểu quan, bán chức gì cả. Tổ tiên lại không hề là chân khoa bảng

hay có một địa vị gì trong hoạn trường. Mỗi nhân không nản lòng và cứ đem tin đi mối lại năm lần, bảy lượt ; sau cùng, bên nhà gái hứa sẽ xin bồi giá một ngàn mẫu lương điền, nhà trai liền ưng thuận, với một điều kiện là nàng dâu của họ, ít nhất cũng phải có một trình độ tương đương với người cháu dâu trong nhà, người này đã xuất thân ở trường đại học của giáo hội tại Hán-khẩu. Như vậy, nhà địa chủ, trước hết, phải cho cô con gái đi khảo thí đề vào đại học, sau khi được tuyển trạch, cô ta muốn theo học năm sáu tháng, một năm gì đó, cũng được. Lúc ấy, mới sẽ cử hành lễ đính hôn, rồi sau này, dầu cô ấy có tốt nghiệp hay không, không cần. Chỉ miễn là dâu con nhà họ cũng ở đại học xuất thân.

Tội nghiệp cho cô con gái đương sự, cô không hay, không biết mảy may về tất cả những việc cô kẻ mà cả trên đây. Cho đến khi nhà trai ra điều kiện «phi đại học bất thành phu phụ», gia đình nhà địa chủ đành phải nói rõ với cô con. Cô này rất đòi phần nọ về sự, bỗng nhưng cô trở thành một món hàng đem đi bán rao chào khách ! Tuy nhiên, cô không chịu bỏ qua cái dịp lạ

(1) Xưa ở Trung-quốc, con trai đến 20 tuổi thì bới tóc, đội mũ. Nay, nhược quan dùng để chỉ người con trai vào trạc 20.

thường may mắn, đề đi khảo thí vào đại học. Ngoài mặt, cô ngoan ngoãn nhận lời, nhưng trong thâm tâm, cô đã có ý định, là, một khi thoát khỏi chốn lao lung đề trở thành một con chim trời, cô sẽ vỗ cánh tung bay tới những nơi thiệt xa, thiệt lạ ! Cô viện cớ, muốn thắng người chị dâu sau này, nhất định phải đến Bắc-bình, một nơi « văn vật » vào bậc nhất. Gia đình cô thấy đường dài muôn dặm, không khỏi không ngại ngùng, nhưng cô khẳng khẳng một dị đòi đi cho bằng được. Cùng thế, nhà phải chiều cô, một phần vì cái hậu vọng được một thân gia có đủ uy quyền, thế lực, một phần nữa, vì tiền dư đã sẵn. »

Thiệt tình tôi nghe Bình kể tới đây tôi bàn hoàng như tôi đang sống lùi trở lại hàng mấy thế kỷ vậy. Tôi, quả chưa từng mắt thấy, tai nghe, những truyện như thế bao giờ nên tôi không thể đừng không nói với nàng :

— Thì ra, vì thế mà người nữ thanh niên đó đã cố tình làm cho mình không trúng tuyển đề khỏi phải kết duyên với cái cậu quý tử nhà quân phiệt nọ... Và, rồi đây, cô ta sẽ bay sang đất Phù-tang tam đảo để lấy danh nghĩa lưu học mà xin nhà chu

cấp cho tiền ăn học, có phải không à ? Vả lại đó cũng là một cách đề cao danh phận nó có thể làm thơm lây cho cả hai họ kia mà !

— Đúng thế ! tiên sinh quả là một người thông minh, linh mẫn !...

Bình thốt ra xong câu đó thì hai má bỗng đỏ bừng. Tôi đâm hối hận rằng đã quá đường đột với mấy lời sáng trức trên đây. Tôi phải vội nói lảng sang chuyện khác :

— Nhưng mà, sau việc học ở Nhật, tiểu thư, thế tất cũng phải trở về với gia đình chứ ?

— Tôi thiết tưởng tôi phải nhân cơ hội này và cái tuổi xanh của tôi, đi thật nhiều nơi để học hỏi... Vả lại, mấy tháng trời nay, ở Bắc-bình này, tôi nghe chừng, thế nào cũng sẽ xảy ra chiến tranh giữa Trung-hoa với Nhật-bản. Nếu chiến cuộc bùng nổ, tôi sẽ lập tức về nước để tham gia công tác và nếu vạn nhất có gặp sự chẳng lành ở sa trường, tôi sẽ tự an ủi rằng không đến nỗi cô phụ cái thời đại kỳ vĩ của chúng ta...

Bình có một dáng điệu đầy quả cảm và kiên quyết nó làm cho nàng vượt ra khỏi cái hình thái của một nữ nhi kiều nhược.

Hai mắt nàng long lanh sáng ngời hẳn lên. Tôi đã nhận chân được tất cả thân thể lẫn chí nguyện của nàng và tôi lại càng thêm mười phần kính trọng nàng.

Một lát sau, hai chúng tôi cùng vai nhau ra khỏi đình tử và đi vòng quanh đó. Đến một hành lang của một điện đường, chúng tôi dừng lại. Bình ngược nhìn tôi, đoạn giơ hai tay đề lên vai tôi và nói :

— Cái câu chuyện tôi kể lúc nãy, quả, tôi chưa hề nói cho ai nghe cả, vậy, xin hãy vì tôi mà giữ nó mãi mãi trong sự bí mật.. Tôi lấy làm tiếc rằng câu chuyện đó chẳng được hài thú một tý nào, ở giữa cái khung cảnh của Hải-thú-viên này ! Bây giờ ta phải quên nó đi thì hơn, có phải không ạ ?

Thế rồi, nàng giắt tay tôi, cùng ngồi xuống bậc thềm và nàng cất tiếng hát một cách rất tự nhiên. Giọng nàng lúc vui, lúc buồn, uyển chuyển, nhẹ nhàng như gió quện hơi may đồn dập, giạt giào tựa sóng đùa mặt nước. Tôi ngồi nghe, tâm hồn ngây ngất chẳng khác nào đang được ru vào cõi mộng.

Mãi tới khi mặt trời tà đã bắt đầu ẩn sau hàng cây và đàn

chim bay mỏi đã trở về lâm viên, chúng tôi mới giắt xe đạp lưng thưng ra về. Trên đường, Bình còn quay sang dặn tôi :

— Xin anh nhớ cho, câu chuyện cũ tôi kể anh nghe hôm nay tại Hải-thú-viên, anh hãy vì tôi mà chớ đem nó tiết lộ với ai, anh nhá !

— Bình cứ yên tâm, tôi xin giấu kín nó ở trong đáy lòng ! Cả câu chuyện lẫn cái cảnh trí Hải-thú-viên này, từ nay đã in sâu vào tâm khảm tôi... một gốc cây, một viên đá, một đóa hoa, một cái đình, một chiếc tạ, với người ấy, cảnh này, tôi đâuỡ đành lòng mà đem nó nói với một tục nhân nào khác. Bình cứ tin cho như thế !



BA tuần lễ đã lại đi qua. Bình vẫn chưa lên đường đông du. Chúng tôi còn cùng nhau cười lừa đi thăm Dương-sơn, ngồi ngựa lên Tây-sơn cùng là tới Hương-sơn ngoạn lâm. Tuy chúng tôi cùng ý thức rằng cái ngày chia tay đã gần kề nhưng, không ai bảo ai, mà chẳng ai đã động tới. Chúng tôi đều mặc nhiên như trời không bao giờ già, đất chẳng khi nào trở thành hoang dã. Các cuộc du sơn,

ngoạn thủy, cứ thế kéo dài mãi mãi, mỗi lần đi chơi về, lại đình ninh hẹn nhau lần tái ngộ..

Nhưng, đối với việc đời, ai mà có thể lường trước được. Bình vẫn còn ở đất thần kinh, mà chính tôi, tôi lại phải dời khỏi nơi này trước nàng. Nguyên do, trước khi trường đại học khai giảng vài ngày, tôi nhận được thư nhà. Anh tôi ở Thượng-hải đã xin cho tôi được một việc làm ở một cơ quan quốc doanh, vừa có nhiều hứa hẹn về tương lai, vừa có một sự đãi ngộ khá hơn ở giáo giới nhiều. Trong thư tín, anh tôi lại ân cần nói cho tôi rõ thêm tình hình đất nước ngày một khản trương, song thân chúng tôi, một tuổi một già, và tôi vắng nhà kẻ cũng đã lâu ngày, thì đây là một cơ hội độc nhất để tôi có thể nam quy...

Được thư, tôi vội vàng đem đến cho Bình xem và hỏi ý kiến nàng. Nàng không do dự mà khuyên tôi về thì hơn, vì như vậy, tôi sẽ giữ được trọn việc định tính, tôi sẽ có một sự mưu sinh có đủ bảo đảm. Ngoài ra, nếu vạn nhất chiến cuộc xảy ra, đất bắc sẽ là địa điểm đầu sóng, ngọn gió, sự luân hãm sẽ cảm chắc, mà tôi sẽ lâm vào cảnh

đào nạn vô vàn gian nan, nguy cực. Chỉ bằng dời khỏi nơi đây, sớm ngày nào, càng hay.

Như vậy, tôi đã quyết định đưa đơn xin thôi việc. Từ vị chủ nhiệm giáo vụ đến các anh em đồng sự ai cũng đều ngó ý lưu tôi lại. Tôi phải đem bức thư của anh tôi ra đọc, vị chủ nhiệm mới chấp đơn và anh em mới nguôi lòng.

Chiều hôm trước ngày tôi về nam, Bình ước hẹn tôi đi ăn cơm tại nhà hàng Kim-vũ-hiên, nàng nói là để tiễn hành tôi.

Hôm ấy, Bình đã phá lệ, uống mấy chén rượu nên vàng trán điểm hồng. Nàng đã nói rất nhiều. Nàng khuyên tôi, trong cơn quốc nạn, tôi chớ nên trốn tránh nghĩa vụ và nếu đất nước yên bình, sau khi ở Nhật về, thế nào nàng cũng ghé qua Thượng-hải để thăm tôi. Nàng lại căn dặn tôi phải luôn luôn trao đổi thư tín với nàng. Sau, nàng nói tiếp :

— Xin anh chớ quá thiên về phần vật chất mà sao lãng việc sinh hoạt của tinh thần...

Bao lời ân cần, thiết tha đó đã làm cho tôi vô cùng xúc động. Thấy vậy, nàng đề nghị đến phạn điểm Bắc-kinh để tiễn vũ. Chúng tôi đến đây là lần

đầu nên chẳng gặp một ai là người quen mặt cả. Chọn một chỗ ngồi xa xa, với hai cốc kem, chúng tôi cố ý để hóng mát và trò chuyện. Cả Bình lẫn tôi đều không thạo về vũ bộ, vì thế, chúng tôi chỉ nháy có vài bài thôi. Trước khi chia tay, tôi có bảo nàng :

— Chiều mai, tôi đáp chuyến xe lửa suốt, vậy, xin Bình cũng đừng ra xa trạm làm chi. Chúng ta nên từ giả nhau ở ngay đây, cũng đủ...

— Ô ! Sao lại thế ? Không, Bình sẽ đi tiễn chân anh... Hoặc giả, anh muốn giữ ý, đối với các bạn của anh hay của Bình, Bình sẽ không chiêu hô anh, như vậy, chỉ riêng anh với Bình ám hiểu nhau thôi.

Nói xong, nàng mở ví, lấy ra một cây trâm cài đầu đưa cho tôi và nói :

— Bình xin tặng anh cái vật nhỏ mọn này, để gọi là một chút kỷ niệm, Bình đã dùng nó nhiều năm nay, nó vẫn giữ nguyên vẹn mái tóc cho Bình, nhưng tiếc thay, nó chẳng giữ nổi cho hai chúng mình khỏi sự biệt ly !... Vật tuy bé nhỏ mà tình rất trọng, vì Bình đã gửi vào nó cả một tấm lòng kính ái !...



NGÀY hôm sau, vào buổi chiều, tôi và mấy người bạn vừa tính bước lên toa xe lửa thì thấy hai thiếu nữ ở lối cửa chính bước vào. Họ có vẻ như đi tiễn ai nhưng chẳng thấy họ chiêu hô một người nào cả. Hai người vừa đi thẳng tới phía đoàn xe, vừa lúi đúi nói chuyện với nhau. Bây giờ, tôi mới nhận ra, một trong hai thiếu nữ đó là Bình. Thì ra, nàng đã cố ý mời thêm một bạn đồng hành để tránh mọi sự nghi kỵ. Tôi vừa chực cất tiếng gọi nàng thì nàng lừ mắt nhìn tôi nên tôi đành phải làm thinh. Muốn cho mấy người bạn buông tha tôi, tôi vội chào họ một lần nữa, nhưng họ chẳng nghe theo và nhất định ở lì đó cho tới khi xe chạy. Xe bắt đầu từ từ truyền bánh, mấy ông bạn mới chịu nháy xuống sân ga. Tôi vội nhòm qua cửa kính thì vừa lúc ấy, xe lướt qua chỗ Bình và cô bạn đứng, ở mãi cuối nguyệt đài. Nàng đoan trang nhìn đoàn xe lướt qua. Tôi vừa giơ tay để vẫy nàng thì tay tôi chạm phải kính cửa sổ nó vừa giá lạnh, vừa cứng nhắc như đá. Hạ được tấm kính xuống và nhô được nửa người ra ngoài, tôi chỉ còn nhìn thấy lưng của Bình đương một tay

khoác tay cô bạn, một tay đang giờ khăn tay lên chùi mắt. Tôi ngồi ngả xuống chiếc ghế, lệ nhòa thắm mi. Tôi mơ hồ như kẻ mất hồn cho mãi tới lúc người xoát vé đứng trước mặt tôi, tôi mới nhận ra xe đã đi qua Phong-đài, xa hẳn đất cự đô, xa hẳn Bình !

Sau khi Bình yên sở tại Nhật, nàng thường viết thư về Thượng hải cho tôi nên tôi được biết nàng đã bắt đầu học Nhật văn và tiến bộ rất mau. Một ít lâu sau, nàng dùng toàn chữ Nhật viết cho tôi những bức thư rất dài. Tôi phải đi mua tự điển về để lần mò cố dịch cho ra, có khi mất gần trọn một đêm công phu mới phiên dịch được ra manh mối. Mỗi phong thư mà Bình gửi cho tôi đều có một mùi thơm mát dịu, và bền rất lâu ; tôi có thể để nó ở dưới gối để hưởng nhiều ngày cái tiên hương yêu quý đó.

Việc đến rồi phải đến : mừng bảy, tháng Bảy, mười ba tháng Tám, hai nhật kỳ của định mệnh đã giáng lâm trên đất nước. Bình viết liền liền cho tôi ba phong thư, trong đó, nàng nói chiến cuộc sẽ xảy đến nơi rồi và nàng nhất định trở về Trung-

quốc để tham gia kháng chiến. Rồi, từ đó, sự vắng lai bằng thư tín bị gián đoạn hẳn cho nên tôi không thể nào biết được nàng đã về nước hay chưa ? và nếu nàng đã trở về, thì hiện nay, ở đâu và làm gì, tuy, trước đây, nàng đã hứa bề nào cũng sẽ ghé qua Thượng-hải, tìm tôi.

Từ bấy nhần nay đã bao năm trời đằng đẵng, tôi sống trong cảnh khắc khoải : « trời gần, cố nhân xa. »

Thư mất tin thơ, mặt không giáp mặt, tôi đã dùng đủ mọi phương pháp để tìm Bình nhưng vô hiệu. Khi chiến tranh kết liễu với sự thắng lợi hoàn toàn, tôi liệu, trước hết, dò lên Bắc-bình, rồi băng tới tận Tứ-xuyên để tìm nàng, nhưng tuyệt mù, chẳng thấy người xưa ! Nay, tôi chỉ còn biết viết lại cái thiên cổ sự ở Hải-thú-viên ngày trước, đề họa may, Bình có đọc tới chẳng. Nếu nàng có trách tôi, tôi cũng xin vâng chịu, vì :

« Nghĩ điều trời thăm, vực sâu,
« Bóng chim, tâm cá, biết đâu
[mà tìm !]

Hoàng-mai-hiên, ngày 25-12-61

VI HUYỀN ĐẮC

DU TỬ LE

Thơ phổ nhỏ

THỬA đón đưa em mưa ngoài phố nhỏ
Mây lưng hồn tóc lạ ẩm hai vai
Mỗi hoàng hôn anh đợi bóng in dài
Em bước lại ngập ngừng như tiếng thở

Thửa đón đưa em trời xanh hoa cỏ
Thương lưng hồn nhớ đắm cả đôi tay
Chim tha buồn về ngủ giữa đêm say
Tròn giấc điệp lằng lằng niềm rộn rã

Thửa đón đưa em trời hoang mây lạ
Yêu lưng hồn mộng kín cả tương lai
Đường công danh anh cấm cúi miệt mài
Không ngần ngại bởi tin đời cởi mở

Thửa đón đưa em bướm bay đầy ngõ
Hoa nở lưng hồn thắm mộng môi ngoan
Bước đêm về êm ái gọi thơ sang
Đê mê quá chả bao giờ ngờ vực

Thửa đón đưa em trời hoang mây đục
 Lạnh lưng hồn thánng rét ủ khô môi
 Mỗi hoàng hôn tôi van gió xin trời
 Cho người ấy băng sông đừng trắc trở

Vì người ấy là người yêu tôi đó
 Hơn một lần năm tháng ngóng tương lai
 Hơn một lần mỗi mắt đợi tin ai
 Nhưng phận mỏng nên duyên đành lỡ dở

Vì người ấy là người yêu tôi đó
 Hơn một lần tay lỡ bứt đau thương
 Hơn một lần chân lỡ dẫm cô đơn
 Đã lầm lũi bỏ đi vào xứ lạ

Thửa đón đưa em mưa ngoài phố nhỏ
 Buồn lưng hồn lệ dẫm cả đôi tay
 Chim không về cây động lá đêm nay
 Tôi trở lại góp buồn làm dĩ vãng



PHẦN THỨ BA

Phần thứ ba (tin tức và tài liệu) của Văn Hữu số 18 này được hoàn thành với sự cộng tác của các bạn : Hàm Anh — Hoàng Lan — Phong Vũ — Hoàng Anh.

Gió đông... Gió tây...

TRONG NƯỚC

TRIỀN LÃM QUỐC TẾ HỘI HỌA. — Nha Mỹ Thuật Học Vụ sẽ tổ chức vào ngày 26-10-62 cuộc triển lãm quốc tế mỹ thuật.

Các giải thưởng gồm có :

— Một giải danh dự tối cao gồm có một Huy chương vàng và 50.000 đồng tiền mặt.

— Ba giải đặc biệt, gồm mỗi giải một Huy chương vàng và 30.000 đồng tiền mặt.

— Năm giải nhất đặc biệt, gồm mỗi giải một Huy chương bạc và 20.000 đồng tiền mặt.

— 10 Huy chương đồng và 20 bằng tưởng lệ.

Ngoài ra, có thể còn có những giải thưởng khác do các nước tham dự, các hiệp hội văn hóa, các nhà xuất bản và báo chí tặng.

TRIỀN LÃM MỸ THUẬT PHẪM VÀ TRANH SƠN MÀI, VÀ ĐỒ GỐM. — Vào trung tuần tháng 9-1962, tại phòng Triển lãm đường Tự Do và Câu lạc bộ Báo chí đường Lê Lợi, sẽ có cuộc triển lãm về mỹ thuật sơn mài và đồ gốm.

Sơn mài và đồ gốm là hai loại sản phẩm mỹ thuật rất có giá trị của Việt Nam, đã chiếm ưu thế trên thương trường quốc tế.

Mấy năm nay gần đây, hai loại sản phẩm này đã vô cùng tiến triển cả về hai phương diện kỹ thuật và mỹ thuật.

Do sáng kiến của Văn Hóa Vụ, với sự hợp tác của những nhà sản xuất danh tiếng như Trần Hà, Trương Văn Thanh, Văn Rô, Thành Lễ, Phạm Thành (sơn mài mới), Trường Mỹ Nghệ Biên

Hòa (đồ gốm) cuộc triển lãm khai mạc vào thượng tuần tháng 9-1962, sẽ là dịp giới thiệu với mọi người những mỹ thuật phẩm, và tranh sơn mài, cùng đồ gốm, do đó chúng ta thấy được bước tiến khá tốt đẹp của một ngành mỹ nghệ trên thị trường quốc tế và trong nước, mà chúng ta có thể lấy làm hãnh diện.

..

TRANH HIẾU ĐỆ. — Hiếu Đệ giáo sư Hội họa ở Huế, một họa sĩ có tài, đã đoạt luôn hai năm huy chương đồng trong cuộc triển lãm Mùa Xuân 1960 và 61, vừa trưng bày tại đường Tự Do hơn 40 họa phẩm sơn dầu, gồm những bức vẽ phong cảnh, chân dung, bố cục.

Trong mấy tháng gần đây, phòng tranh của Hiếu Đệ, có thể coi là giá trị nhất, về phương diện kỹ thuật, nó đã vượt trên các mức tầm thường của nhiều cuộc triển lãm. Trước hết tranh của Hiếu Đệ vẽ không cầu thả, ta có cảm giác ông đem cả tâm hồn gửi vào tác phẩm

nên nó không có tính cách giả tạo, thêm vào đó một kỹ thuật bố cục vững vàng, kể cả màu sắc. Màu tím màu lơ, là hai màu chính trong nhiều tác phẩm của ông, nó chứng tỏ rằng họa sĩ đã tin ở tài nghệ mình lắm, nên đã điều khiển được theo ý muốn những màu rất khó dùng, và làm tăng được vẻ quý giá của bức họa.

Phần lớn ở họa phẩm của Hiếu Đệ dùng màu rất đậm, cho người xem tranh nhìn rõ được tâm trạng của họa sĩ, một tâm trạng đang bị hỗn loạn, đang bị những đau khổ dày vò.

Không như số lớn họa sĩ bây giờ, tranh sơn dầu toàn vẽ trên « carton isorel » hoặc trên những vải bố cũ kỹ rất xấu. Theo cổ truyền, và biết tự trọng, Hiếu Đệ vẽ trên thứ vải đặc biệt, dày, tốt, do đó người mua tranh sẽ không bị thất vọng, vì dễ lâu được, không sợ hư hỏng, không sợ chất sơn xuống màu.

Vẽ giỏi không chưa đủ. Vải và sơn cũng là hai yếu tố quan trọng cần thiết cho một bức họa.

Trong hơn 40 bức họa của Hiếu Đế trưng bày lần này, có điểm đặc biệt, là hơn hai mươi bức đã bán được các nhà văn nghệ, nhà báo mua. Điều chưa từng thấy trong các cuộc triển lãm.

..

TRANH CỦA SINH VIÊN. — Chiều 6-7 đã khai mạc phòng Triển lãm mỹ thuật tại Tòa Đô Chánh.

Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Gia Định có 90 tác phẩm, gồm 20 bức tranh lụa, tranh sơn dầu, chì than, thủy mặc, màu trang trí, điêu khắc và dự án kiến trúc. Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Huế có 38 tác phẩm, ngoài các loại tranh, còn có những tác phẩm khắc gỗ, thạch cao, trường trung học trang trí Gia Định cũng trưng bày nhiều tác phẩm.

Trong buổi lễ khai mạc, ông Đại sứ Ý đã trao cho ông Giám Đốc trường Cao Đẳng Mỹ thuật Gia Định một huy chương bạc là giải thưởng mà ban Giám khảo triển lãm mỹ thuật quốc tế sinh viên ở La Mã đã quyết định tặng

cho sinh viên Nguyễn Văn Trinh.

..

TRANH THỦY MẠC TRUNG HOA. — Từ 18 đến 25-6 đã có cuộc trưng bày họa phẩm của Ông Lý Mạnh Thạch, viện trưởng viện đại học Mỹ thuật Hương Cảng.

Tất cả có chừng hơn 300 bức vẽ bằng mực Tàu, tô điểm thêm màu nước. Cũng như mấy họa sĩ Trung Hoa trước kia, Ông Mạnh Thạch, toàn vẽ hoa bướm, sơn thủy, đượm màu sắc hoàn toàn Đông phương.

..

TRANH TRẦN QUANG — PHẠM TƯ. — Trần Quang và Phạm Tư, sau khi trưng bày ở Chợ Lớn, đã đem tranh đi bày ở nhiều tỉnh miền Trung.

Từ 19-6 đến 28-6 Ông Quang — Tư đã cho triển lãm tranh ở Đà Nẵng — Huế — Nha Trang — Phan Thiết — Dalat, rồi sau đó sẽ trở về Saigon, trưng bày thêm những tác phẩm mới, hoàn thành trong thời gian lưu động.

Từ 16-7, Phạm Tư còn bày riêng tại trụ sở hội Việt Mỹ một số tranh lụa mới sáng tác.

..

TRANH VỖ DOÃN GIÁP. —

Tại Hội Việt Mỹ, chiều 14-6-62 đã khai mạc phòng tranh của Võ Doãn Giáp.

Có chừng 11 bức tranh sơn mài, hơn mười bức vẽ trên lụa vài bức màu nước và phần tiên, mực tàu, chì than. Lần thứ nhất, người ta thấy Ông Giáp bày nhiều tranh sơn mài, theo kỹ thuật cổ truyền, và với những đề tài cũ kỹ.

Họa phẩm của Ông Giáp, lần này cũng như các lần trước trưng bày ở đường Tự Do, ta không thấy có một gì mới lạ, hay tiến bộ nào khác của Võ Doãn Giáp.

..

TRIỂN LÃM HỘI HỌA MÙA THU. — Những cuộc triển lãm hội họa mùa Xuân mấy kỳ trước kết quả đều rất tốt đẹp, nghĩa là được sự tham

gia tích cực của hầu hết họa sĩ trong nước. Triển lãm mùa Xuân, tác phẩm đem trưng bày, đa số là tranh sơn dầu, vì vậy năm nay Văn Hóa Vụ có sáng kiến sẽ tổ chức thêm một cuộc triển lãm khác nữa. mệnh danh là « Triển lãm mùa Thu », dành riêng cho các loại tranh vẽ trên lụa, vẽ bằng bột màu, phần tiên, chì than, mực Tàu.

Các tác phẩm sẽ nhận cho đến chiều ngày 30-9-62, và phòng triển lãm sẽ được khai mạc vào thượng tuần tháng 10.

Sẽ có nhiều giải thưởng dành riêng cho mỗi loại tranh, và mỗi họa sĩ có thể gửi tới dự ba tác phẩm cho mỗi loại.

..

TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH TÀI TỬ. — Chiều 14-6 đã khánh thành phòng triển lãm nhiếp ảnh tài tử do báo Điện Ảnh tổ chức.

Có 129 người gửi tất cả 415 bức ảnh với nhiều đề tài thật lạ, và những kỹ thuật rất mới.

Ban tổ chức đã tặng sáu giải thưởng dưới đây :

Ông Nguyễn Văn Thông bức « Đen trắng ».

Ông Anh Ba bức « Thăm bạn ».

Ông Tao Can bức « Mây in bóng nước ».

Ông Ngô Đình Cường bức « Hẹn hò ».

Ông Văn Khánh bức « Đợi Chúa Xuân ».

Ông Huỳnh Tấn Tri bức « Tình mẫu tử ».

..

TRIỀN LÂM QUỐC TẾ NHIẾP ẢNH MỸ THUẬT LẦN THỨ III. — Cũng như mọi năm, Văn Hóa Vụ sẽ tổ chức vào dịp 26-10-62 cuộc Triển lãm Nhiếp ảnh Mỹ thuật.

Mỗi người có thể gửi dự 4 tấm, cỡ 30 x 40 hoặc 40 x 50 ảnh đen trắng hay màu, đến 15 đường Lê Lợi trước ngày 31-9-62.

Các giải thưởng gồm có : 1 huy chương vàng, hai huy chương bạc và tám huy chương đồng.

Cũng nên nhắc lại, kỳ triển lãm năm ngoái có 37 nước với 2114 tác phẩm của 599 nhiếp ảnh gia.

..

TRIỀN LÂM NHIẾP ẢNH QUỐC TẾ Ở TÂN GIA BA.

— Triển lãm Nhiếp ảnh Quốc tế ở Tân gia Ba kỳ thứ 13 có 46 quốc gia, với 700 nhiếp ảnh gia gửi 4288 tác phẩm tới dự.

Năm nay ban tổ chức không tặng giải thưởng huy chương và tượng vàng bạc như mọi năm mà dành cho 10 tác phẩm hay nhất 10 chiếc đĩa bạc trạm trổ mỹ thuật gắn trên đế màu đen. Dưới đây là các quốc gia đã đoạt giải thưởng :

Việt Nam, Pháp, Phần Lan, Áo, Thái Lan, Lô Mã Ni, riêng Mỹ và Hồng Kông đoạt 2 giải.

Giải thưởng do Việt Nam đã đoạt về tay ông Phạm Văn Mùi, với tác phẩm « Duyên dáng », diễn tả hai thiếu nữ với hai bộ tóc dài mượt.

HÒA NHẠC THÍNH PHÒNG

— Việt Nam Nhạc hội đã tổ chức, vào hồi 9 giờ tối ngày 25-5, một buổi hòa nhạc thính phòng tại phòng chiếu phim Sở Thông Tin Hoa Kỳ.

Các nhạc sĩ Barthelemy : sáo ; Jacqueline Huân : vĩ cầm ; Nguyễn Quý Lâm : trung vĩ cầm ; Robert Hofmebler : đại vĩ cầm ; Shaffer phụ tấu dương cầm đã trình bày những tác phẩm của Bach, Vivaldi, Hondel...

★

Tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, chiều 22-6 nhạc sĩ dương cầm Đoàn Châu Bảo đã lần lượt trình bày những nhạc phẩm : Prélude et fugue N° 2 của Bach ; Sonate en si bémol majeur của Mozart ; Sonate en Do mineur của Beethoven v.v...

..

VIỆT NAM NHẠC HỘI. —

Việt Nam Nhạc hội mới thành lập, nhằm mục đích :

— Sưu tầm ; khảo cứu phát huy ngành âm nhạc, ca vũ.

nhạc kịch cổ truyền và tiến hóa.

— Trao đổi tài liệu nhạc nghệ với các hội văn hóa trong và ngoài nước.

— Xuất bản và phổ biến tài liệu về ca, vũ nhạc kịch.

— Thành lập các ban.

..

CÁC NHẠC SĨ VIỆT NAM CÓ THỂ THAM DỰ...

— Giải soạn nhạc Hoàng thân Rainier xứ Monaco lần thứ tư tổ chức vào tháng 5-63.

Các nhạc sĩ Việt Nam có thể gửi tác phẩm tham dự trước ngày 1-4-63 theo địa chỉ : Monsieur le Secrétaire général du prix de composition musicale — Palais princier Monaco.

Có ba loại giải thưởng : 5.000 — 10.000 và 30.000 đồng quan mới.

Những nhạc phẩm trúng giải sẽ được trình diễn tại Monaco trong thời gian một năm, sau khi được tặng thưởng.

NGOÀI NƯỚC

SÁCH BÁO CHO TRẺ EM.

— Các nhà xuất bản tuần báo và tạp chí ở Ý vừa đồng chấp nhận một bản luật luân lý, trong đó định rõ những nguyên tắc về sách báo viết cho trẻ em.

Điểm chính trong bản luật này là « Những sách báo viết cho trẻ em phải dội ánh sáng vào chân giá trị căn bản của cuộc sống quốc gia và quốc tế, và không được trái với những nguyên tắc luân lý và cơ đốc ».

Mặt khác bản luật, chống đối với tất cả những gì không tôn trọng gia đình, gây kỳ thị chủng tộc và không tôn trọng phẩm giá con người, hoặc đi ngược với nền giáo dục nhà trường. Các nhà văn cũng không được tả đến những cảnh bạo động quá lộ, tả những chi tiết của một trọng tội.

Một hội đồng được chỉ ra để kiểm soát cho người ta phải tuân theo đạo luật trên.

.*

QUYỀN LỢI TÁC GIẢ. —

Các văn nghệ sĩ các diễn viên, các nhà sản xuất đĩa hát,

máy vô tuyến truyền thanh từ nay sẽ được bảo vệ quyền lợi bởi một ước lệ quốc tế ; định đoạt trong một Hội nghị Quốc tế họp ở La Mã thủ đô nước Ý.

Chẳng hạn, người ta sẽ thấy trên những đĩa hát có dán chữ P hoặc chữ C. P : được phép in lại ; C : cấm in lại.

Ước lệ này được chấp thuận trong một cuộc hội nghị Ngoại giao họp ở La Mã, tổ chức bởi cơ quan Văn Hóa Liên Hiệp Quốc, Tổ Chức Quốc Tế Lao Động, và Liên Hiệp Quốc Tế bảo vệ tác phẩm mỹ thuật và văn chương.

Ước lệ này bảo đảm những điều sau đây :

— Quyền những nhà sản xuất cho phép hoặc cấm cho chế lại gián tiếp hay trực tiếp những đĩa hát.

— Quyền cho phép hay không cho phép truyền thanh lại.

— Quyền cho phép hay không cho phép in lại những tác phẩm văn chương, nghệ thuật.

BẢO TÀNG VIỆN ĐIỆN ẢNH. — Một Bảo tàng viện dành cho điện ảnh vừa được thành lập ở Hollywood, gần vườn Disneyland.

Người ta đặt cho Bảo tàng viện này là Allen Parkinson Movieland Max Museum, trong đó có những bức tượng bằng sáp của các nam nữ tài tử nổi tiếng như viện Grévin ở Pháp và viện Tussand ở Anh.

..

HÁT BỘI VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH BÁ LINH. — Lần đầu tiên Việt Nam Cộng Hòa tham dự đại hội điện ảnh Bá Linh với cuốn phim tài liệu «Hát bội Việt Nam». Trong số những quốc gia tham dự lần thứ nhất, còn có Bolivie, Sysie, Mauritanie, và Sénégal.

Năm nay nước Pháp có cuốn phim *Le Caporal épingle* của Jean Renoir; Anh có cuốn *Kinf of Loving*; Thụy điển: *Les Fraises sauvages* của Ingmar Bergman; Đan Mạch phim *Le Duel* của Knut Thomson, Phần Lan phim *Le Petit Pierre* của Jack Wittika, v.v...

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ ĐIỆN ẢNH Ở BÁ LINH. — Phim *A Kink Of Loving* của Anh Quốc đã chiếm giải «Gấu Vàng», tức là phim hay nhất tại Đại hội Điện ảnh Bá Linh vừa bế mạc, phim này do các tài tử Alen Satre, June Ritchie đóng vai chính. Phim do Joseph Janni sản xuất và John Schlesinger đạo diễn.

— Giải thưởng «Gấu Bạc» (đạo diễn xuất sắc nhất) về tay Francesco Rosi (Ý Đại Lợi) với phim Salvatore Giuliano.

— Giải thưởng nam diễn viên xuất sắc nhất về tay James Stewart với vai trò của chàng trong phim *Mr. Hobbs Take A Vacation*.

— Giải thưởng về nữ diễn viên xuất sắc nhất được chia đôi giữa hai nữ tài tử Rita Gam (Mỹ) và Viveca Lindfors (Thụy Điển). Cả hai đều đóng trong phim *No Exit* một phim hợp tác giữa Hoa Kỳ và Nam Mỹ.

— Một giải thưởng đặc biệt cho diễn viên nhỏ tuổi đã được trao tặng cho cô bé Jon Young Sun, với vai trò của

cô trong phim *To The Last Day*, một sản phẩm Nam Hàn. Phim này do Shin Sang Okk đạo diễn, phỏng theo một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Đại Hàn Hae Woom Sa.

..

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ ĐIỆN ẢNH Ở CANNES. — Kết quả Đại hội Quốc tế Điện ảnh 1962 ở Cannes như sau :

Giải cảnh dương liễu vàng cho cuốn phim *Brésil* của Anselmo Duarte : *La parole donnée*.

Hai giải đặc biệt đồng hạng của Hội đồng chấm thi tặng cho : Robert Bresson : *Le procès de Jeanne d'Arc* (Pháp) và Michel Angelo Antonioni : *L'Eclipsa* (Ý).

Giải thưởng cho diễn viên xuất sắc : Katharine Hepburn, Ralph Richardson, Jean Stockwell, Rita Tusingham, Murrag Melvin.

Các phim ngắn đoạt giải : Giải cảnh dương liễu vàng cho cuốn phim của Robert

Enrico : *La rivière du hibou*, bố cục trang nhã, mang đặc tính dân tộc.

..

VĂN HÀO S. MAUGHAM DÀNH CẢ GIA SẢN CHO « HỘI NHÀ VĂN ». — Thông thường, khi chết đi, người ta trước khi từ trần để sản nghiệp cho con cái hưởng. Văn hào nước Anh lại khác hẳn, trước khi chết, ông làm di chúc để lại một gia sản khổng lồ cho « Hội Nhà Văn Thế Giới ».

Maugham là một văn sĩ nổi tiếng thế giới, và cũng là một đại triệu phú.

Mới đây người ta đem bán mấy họa phẩm của Ông thôi, mà cũng đã thu được hơn 7 triệu quan, nghĩa là khoảng gần 90 triệu bạc Việt Nam. Đó là chín họa phẩm của Toulouse Lautrec, Manet, Utrillo, Rouault, Sisley v.v...

Sau vụ bán tranh này, con gái văn hào Maugham, có phát đơn kiện nhà bán tranh vì đòi nhiều tiền hoa hồng quá. Người bán tranh kháng

cáo, khiến người thư ký riêng của Maugham phải thốt ra câu: «Tôi chắc chắn rằng là nếu Ông Maugham còn sống, nghe thấy chuyện này phải kinh hồn và buồn biết bao».

..

MỘT VÌ SAO RƠI Ở MỸ.

— Văn hào William Faulkner, đoạt giải văn chương Nobel 1949 đã tạ thế hôm 6-7-62 tại Oxford (Mississippi) hưởng thọ 64 tuổi. Ông mất vì bệnh đau tim, tại bệnh viện Oxford, nhưng đại học đường Virginie đã loan tin Ông chết vì ông là giảng sư tại đại học đường này. Hôm đưa tang, các nhà buôn đều đóng cửa 15 phút để tỏ lòng tiếc nhớ và ngưỡng mộ.

Faulkner ra đời tại New-Albany Mississippi ngày 25-9-1897. Từ nhỏ ông đã làm thơ, cuốn thơ đầu tiên của ông nhan đề *The Marble Faun*, và cuốn tiểu thuyết đầu tay xuất bản năm 1926 nhan đề *Soldier's pag*, sang năm sau, ông cho in cuốn *Mosquitoes* chế riễu những kẻ phóng

đăng. Năm 1929, cuốn *Sartoris* xuất bản, nói rõ được tâm hồn ông, nhưng đến cuốn «*The sound and the fury*» in năm 1929 mới đem lại sự thành công cho ông, và được các nhà phê bình hết lời khen ngợi. Rồi đến cuốn *As I Jag dying*, nhưng tiếp đó cuốn *Sanctuary* mới là tác phẩm được quảng đại quần chúng ưa thích.

Trong khoảng mười năm, Faulkner sáng tác rất nhiều, nhưng cuốn *Light in August* mới là tác phẩm được người ta cho là hay nhất; ngoài ra ông cũng viết rất nhiều truyện ngắn, thơ và truyện phim.

Dưới đây là những tác phẩm có giá trị của Faulkner:

The Hamlet, một lối tân văn phóng túng.

Go-down Moses and other stories.

Intruder in the dust (1949) khảo cứu về sự giao dịch giữa người da trắng và da đen.

Requiem for (1951).

A fable (1954) đã chiếm giải thưởng *Pulitzer*.

The town và The Mension.

Tác phẩm cuối cùng vừa xuất bản mùa xuân năm qua là cuốn *The River*.

Năm 1960, ông thành lập tổ chức *William Faulkner* để tặng gia thông cảm văn chương và cấp học bổng cho sinh viên da đen ở miền Nam. Mỗi năm tổ chức đó còn tặng giải thưởng cho cuốn tiểu thuyết đầu tấy nào hay nhất.

Về cái chết của *Faulkner*, Tổng thống *Kennedy* đã hết lời ca ngợi « Người ta có thể chắc rằng, ít người trong bất cứ địa hạt hoạt động nào của con người mà công trình lại được ca tụng một cách lâu dài. *Faulkner* là một trong những nhân vật đó. Kể từ nhà văn *Henri James*, không một văn sĩ nào để lại sự nghiệp văn chương vĩ đại khả dĩ xây dựng lực lượng cốt yếu cho nền văn chương Mỹ quốc ».

..

PHẬT SỐNG VIẾT SÁCH.
— Đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng, hiện đang bị lưu vong,

vừa viết cuốn sách nhan đề : « Nước tôi và dân tôi ».

Đức Đạt Lai Lạt Ma năm nay mới 27 tuổi, viết cuốn sách này từ khi còn ở Tây Tạng, và hiện được một nhà văn Anh David Howarth dịch ra Anh ngữ.

Trong sách này có mấy điểm chính đáng chú ý :

Từ trước, Tây Tạng không bao giờ bị đói, mà nay bị đói.

Tây Tạng có nhiều kim loại và một vị trí quan trọng. Nếu có vũ khí tối tân, Tây Tạng có thể là một thành trì bất khả xâm phạm, và có thể dùng để tấn công các nước Á Châu.

Tây Tạng luôn luôn thực hiện danh lý Phật pháp bất bạo động, và kết luận : Trung Cộng mới xâm chiếm cầm quyền 12 năm nay, chứ Phật giáo đã tồn tại từ 2.500 năm nay rồi.

..

VŨ NỮ, VĂN SĨ VÊ TRANH

— Từ 3 giờ đến 8 giờ tối hôm thứ hai 15-6 tại Galerie Charpentier ở Ba-lê có một cuộc bán đấu giá họa phẩm rất hào

hứng để lấy tiền giúp vào quỹ trẻ em sang Do Thái học tập nếp sống cộng đồng.

Cuộc bán đấu giá họa phẩm này mang tính cách khá đặc biệt; tác giả của nó là những nhân vật nổi tiếng hiện thời ở mọi ngành. Người ta được thưởng ngoạn bức HOA của Hoàng Thái Hậu Bỉ Elisabeth; bức HOA khác của bà Chủ tịch Quốc Hội Gaston Monnerville, bức chân dung văn sĩ M. Achard do chính ông vẽ, bức Khỏa thân của văn sĩ J. Dutourd; bức « Joueurs de cartes » của nữ sĩ F. Sagan. Nhiều bức họa của các kịch sĩ P. Brasseur, F. Ledoux, Jean Marais, Michèle Morgan và của các ông Hàn: Louis Ringnet, Maurice Garçon, của vũ nữ Lucette Darsonval v.v...

..

SÁNG TÁC MỚI CỦA CHARLOT. — Sau vài giờ nhận bằng tiến sĩ văn chương danh dự của đại học đường Anh Saint-John tại Oxford tặng, Charlie Chapin cho biết Ông đã viết xong một vở kịch trào lộng mà ông sẽ cho quay thành phim với

sự cộng tác của con trai ông là Sydney. Đó là kết quả trí nhớ ông hun đúc trong nhiều năm qua, phần cuối được viết trong thời gian 10 ngày sau này. Năm nay Charlot 73 tuổi, thôi đóng phim từ lâu. Tác phẩm cuối cùng của ông là « Một ông vua ở New-York » (A King in New-York). Ông còn cho biết thêm, cuốn hồi ký tự thuật cuộc đời ông sẽ được xuất bản vào cuối năm nay. Ông nói: sẽ cố gắng tự thuật cuộc đời càng sát với sự thực càng hay, và như thế làm vừa lòng độc giả lắm.

Đối với những khó khăn mà ông từng gặp với chính phủ Hoa Kỳ, Ông nói: Bây giờ tôi không có ý nghĩ xấu về Hoa Kỳ nữa. Đó không phải là điều mà người ta nên mang theo mãi. Tôi không nuôi hận thù.

..

TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT BA LÊ. — Ông Vĩnh Tú vừa đậu ưu hạng tại trường Cao đẳng Mỹ thuật ở Ba-lê.

Ông quán Hà Tĩnh sang Pháp học từ 1955. Năm 1960,

Ông đã chiếm ba giải tại cuộc triển lãm quốc tế Bainville, và ba giải khác tại cuộc triển lãm quốc tế ở Deauville. Ông cũng có tranh bày tại cuộc triển lãm hội họa quốc tế Amsterdam, Hòa Lan.



— Nhân dịp kỷ niệm bách chu niên nhà anh hùng dân tộc Phi ; José Rizal, thư viện Bodléienne Oxford, và viện bảo tàng British có tặng chính phủ Phi-luật-Tân bản sao của sáu cuốn sách hết sức hiếm và quý. Đó là những bộ từ điển viết bằng tiếng Tagalog soạn và in ở Phi vào khoảng những năm 1610-1852.



MỘT CUỘC BÁN ĐẤU GIÁ TRANH HƠI LẠ. — Họa sĩ Ceko Lagar người Tây ban Nha, nhưng lại là một nhân viên hành chính ở Pháp, từ 6 năm nay, bị bệnh thần kinh phải vào nằm ở dưỡng đường Saint-Anne.

Muốn trả tiền bệnh viện cho Ông, người ta phải tổ chức một cuộc bán đấu giá 126 bức họa do Ông vẽ từ lâu.

Cuộc bán đấu giá diễn ra trong một gian phòng lạnh lẽo, buồn rầu chỉ có những dãy ghế nhỏ bằng xi măng.

Bán đến bức tranh thứ 38, thì hồ giá viên, là người quản trị viên các tài sản của bệnh nhân trong an dưỡng đường phải hô to lên rằng : « Không nên tiếp tục cuộc bán đấu giá nữa, lòng tốt của người mua tranh đã quá mức rồi ».

Hồ giá viên hy vọng 120 bức họa, nếu bán hết may ra được 3 triệu quan, thế mà mới bán có 38 bức đã được 9 triệu 613.800 quan.

Trong các tác phẩm bán được của Lagar, những bức sau đây bán được giá nhất : « Jeune femme au guéridon » vẽ theo lập thể : 380.000 quan ; La parde favorisée : 600.000 ; Le chapiteau : 700.000. Nhiều tác phẩm của Lagar hiện được bày ở Bảo tàng viện ở Philadelphie, Ba-lê, Tây-ban-Nha.



U.N.E.S.C.O. XUẤT BẢN TẬP TRUYỀN KỲ MẠN LỤC CỦA NGUYỄN DỮ. —

Cơ quan văn hóa Liên Hiệp Quốc cho xuất bản tập: «Truyền kỳ mạn lục» của Nguyễn Dữ (thế kỷ 16) do bác sĩ Nguyễn Trần Huân dịch ở bản chữ Hán ra Pháp ngữ nhan đề «*Vaste recueil de légendes merveilleuses*», nhà Gallimard phát hành. Tập này gồm 20 truyện chọn lọc được dịch rất công phu, nhằm giới thiệu nền văn chương cổ Việt Nam với ngoại quốc, cũng như trước đây, cơ quan Văn Hóa Liên Hiệp Quốc đã in bản dịch Tam Quốc Chí của Nghiêm Toản và Kim Vân Kiều của Xuân Phúc và Xuân Việt.

..

VUA VIẾT HỒI KÝ. — Quốc vương Hussein xứ Jordanie vừa cho phát hành tại Luân Đôn tập hồi ký, nhan đề «Nặng nề thay kiếp làm vua». Năm nay ông mới 26 tuổi, song đã trải qua rất nhiều biến cố: dự kiến việc ám sát ông nội, lên kế vị người cha loạn trí, thoát chết sáu vụ mưu sát, và trong bảy năm đã kết hôn đến hai lần.

Các chi tiết được viết một cách thành thực, và nói lên

cả những lỗi lầm như vụ bắt tay với Nga và Nasser.

Do một sự tình cờ tập hồi ký của vua Hussein cùng phát hành một lúc với thiên hồi ký của Tổng thống Nasser, cũng đăng trên một tuần báo, ở Luân Đôn.

Nasser và Hussein là hai kẻ thù nghịch với nhau.

..

ĐẠI NHẠC HỘI Ở STRASBOURG. — Từ 24-6, tại Strasbourg đã tổ chức Đại nhạc hội quốc tế lần thứ 24. Nhạc trưởng Charles Bruck trình bày bốn bản: Rapsodie Dionysienne của Henry Barraud, bản Concert pour guitare et orchestre «của Maurice Ohana có cô Narciso Yepes đệm lục huyền cầm; bản Anamorphoses» của André Casanova; và Musique pour un autre monde «của Jaques Boudon; với sự hòa tấu của 9 giàn nhạc. Ngoài ra, người ta còn trình diễn bản «Seconde Symphonie của Henri Dutilleux, và các bản của Debussy, của Stravinsky, nhân ngày sinh nhật, mừng thọ ông được 80 tuổi.

TÀI LIỆU

Ngày kỷ niệm

cụ Phan - Khôi

TRONG tháng vừa qua, có một ngày đáng ghi nhớ, sức động tất cả những người làm văn học nghệ thuật Việt Nam hôm nay, đó là ngày 9 tháng 7 : ngày mà trước đây ba năm, cụ Phan Khôi, một học giả, một nhà văn, một thi sĩ, một nhà báo, một chiến sỹ, chết âm thầm trong sự đầy đọa của chánh quyền Hà Nội.

Nhân ngày giỗ thứ ba của cụ Phan, chúng tôi xin thành kính cùng bạn đỡ lại những trang đời hoạt động tranh đấu của bậc lão thành này.

Cụ Phan Khôi sanh năm 1887, tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Trung Việt. Thân sinh cụ Phan là Phan Trần, từng từ chức Tri Phủ về quê dạy học. Mẫu thân cụ Phan là con gái cụ Hoàng Diệu, người tuân tiết khi thành Hà Nội lọt vào tay Henry Rivière năm 1882.

Tóm lại, cụ Phan là người xuất thân trong một gia đình trí thức trung thực nhất với giai đoạn lịch sử nước ta thời bấy giờ. Chính vì thế, khi lớn lên, ngoài việc được gia đình rèn luyện cho một trí thức vững chãi, cụ Phan còn được cả một truyền thống ngấm sâu vào tâm hồn, huyết quản cụ một chất máu căm hờn, bất khuất đối với vận mệnh cheo leo vùi dập của tổ quốc, dân tộc thời ấy.

Xem vậy, chúng ta sẽ không hề ngạc nhiên, khi thấy sau này, dòng dã hơn một nửa thế kỷ hoạt động, trong tất cả những công việc mà cụ Phan đã làm, từ một bài thơ tình ái, một bài báo, một truyện ngắn, một luận văn cho chí tới cả

đời sống bản thân cụ, bao giờ cũng được hơ nóng lên bằng một thứ lửa tam muội ; lửa tranh đấu.

Năm 1905, sau khi đậu xong tú tài hán học, cụ Phan bắt đầu phần nộ với Khoa Cử và chàng Phan Khôi mười chín tuổi lúc này bắt đầu cầm bút tranh đấu. Chính trong thời gian này, cụ Phan gặp hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.

Năm 1907, cụ Phan Khôi lúc này vừa đúng hai mươi tuổi, liền bỏ quê hương, ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và viết bài cho tờ Đăng Cờ Tùng Báo, cơ quan tranh đấu của phong trào này. Chưa đầy một năm, phong trào bị cái « nhà nước bảo hộ » thời ấy khủng bố, Đăng Cờ Tùng Báo bị đóng cửa, Phan Khôi phải trốn xuống Nam Định, rồi Hải Phòng ẩn náu. Sau đó, chàng — nhắc tới thời trai tráng của cụ Phan, chúng ta có thể gọi cụ là « chàng » để những người trẻ tuổi hôm nay, khi cúi đầu nhớ tới cụ, có thể nhập vào cái hào khí thời trẻ của cụ — trở về quê hương, cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng hoạt động trong phong trào Văn Thân.

Năm 1908, Phan Khôi tham gia cuộc biểu tình đòi giảm thuế của dân chúng hai tỉnh Quảng Nam — Quảng Ngãi, và bị bắt, giam ở nhà lao Quảng Nam mãi tới năm 1914, mới được thả ra.

Chính trong sáu năm lao tù này, chàng Phan Khôi bắt khuất của chúng ta suy gẫm về nghệ thuật và trở thành một thi sỹ, đồng thời, chàng cũng học được thêm chữ Pháp.

Năm 1914, khi được toàn quyền Albert Sarraut thả ra, cụ lại ra Hà Nội viết báo. Trong thời gian này, cụ Phan viết cho tờ Nam Phong của Phạm Quỳnh, tờ báo văn học duy nhất thời bấy giờ. Nhưng viết Nam Phong được ít lâu, không chịu nổi tác phong quan cách của nhà học giả họ Phạm, Phan Khôi liền bỏ Nam Phong, rời Hà Nội, vô Nam, viết cho tờ nhật trình Lục Tỉnh Tân Văn.

Năm 1920, cụ Phan lại trở ra Hà Nội, hợp tác với ông Ngô Tử Hạ, chủ chương tờ Thực Nghiệp Dân Báo và hợp tác với cụ Ngô Đức Kế làm tờ Hữu Thanh. Trong thời gian này, Phan Khôi xuất bản cuốn Nam Âm Thi Thoại và dịch thơ cho Hội Tin Lành bản Kinh Thánh.

Năm 1928, Thực Nghiệp Dân Báo và Hữu Thanh bị đóng cửa, cụ Phan lại trở về Saigon, viết cho tờ Thần Chung và Tân Thế Kỷ của luật sư Diệp Văn Kỳ, tờ Đông Pháp của ông Nguyễn Kim Đính, tờ Đuốc Nhà Nam của ông Nguyễn văn Bá và tờ Phụ Nữ Tân Văn của ông bà Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận. Trong thời gian này cụ Phan có tranh luận về chủ nghĩa Duy Vật với nhà văn cộng sản Hải Triều. Cuộc tranh luận này đã làm cho nhóm trí thức cộng sản thời ấy xếp cụ Phan vào sổ đen. Khi kết thúc cuộc tranh luận, Hải Triều có thu thập cả mấy bài bút chiến của cụ Phan mang in thành sách, cụ Phan liền viết trên mặt báo : « tôi với ông Hải Triều tranh luận với nhau coi duy vật nó ra cái gì, ông Hải Triều lại ngang nhiên xách bài của tôi ra in thành sách mang bán cho bà con mà chẳng những không trả tiền tôi thì chớ, ông lại còn không thềm bảo cho tôi biết một tiếng nữa. Té ra bây giờ tôi mới hiểu cái duy vật của ông Hải Triều nó là rập ». Sau này, trong suốt mười mấy năm kháng chiến rồi về thành, Hải Triều không ngừng thâm thù cụ Phan vì chuyện này.

Năm 1931, từ giã Saigon, cụ Phan lại trở ra Hà Nội, lần này, cụ Phan làm chủ bút cho tờ Phụ Nữ Thời Đàm.

Năm 1936, cụ Phan bỏ Hà Nội vào Huế viết cho tờ Trảng An của ông Bùi Huy Tín, rồi chính cụ xuất bản tờ Sông Hương. Thời gian này, cụ Phan sửa đổi, bổ túc thêm cuốn « Nam Âm Thi Thoại », đổi tên là « Chương Dân Thi Thoại » và cho xuất bản lại. Chương Dân là biệt hiệu của cụ Phan.

Năm 1939, tờ Sông Hương chết. Cụ Phan lại trở về Saigon dạy học mưu sinh, thời gian này cụ cho xuất bản cuốn « Trở Về Vỡ Lửa Ra ».

Sau khi quân Nhật tràn vào Đông Dương, Saigon bị phi cơ Đồng Minh làm tan nát, cụ Phan phải trở về quê hương, đọc sách, suy tưởng ở đó cho đến khi Việt Minh cướp chánh quyền.

Năm 1945, sau khi Việt Minh cướp chánh quyền, cán bộ cộng sản ở Quảng Nam, Quảng Ngãi làm nhiều chuyện chương tai gai mắt, lại toan phá hủy cả đền thờ Hoàng Diệu. Cụ Phan bất bình, lớn tiếng công kích, nhưng vì uy thế của cụ (khi đó con trai cụ là Phan Thao ở cấp lãnh đạo Ủy Ban Trung Bộ) nên cụ Phan được bọn chúng để yên.

Ngoài Hà Nội, bấy giờ cụ Huỳnh Thúc Kháng đang làm bộ trưởng bộ nội vụ, liền tức thì can thiệp. Ông Hồ Chí Minh phải đích thân viết thư mời cụ Phan ra Hà Nội hợp tác.

Ra Hà Nội, cụ Phan bất bình với Hồ Chí Minh, liền xách va ly lên phố Quan Thánh ở chung với Khái Hưng Trần Khánh Giur, một nhà văn Quốc Dân Đảng, chống Cộng.

Sau ngày hiệp ước bán nước 6-3 ra đời, Việt Minh liền kết với thực dân Pháp để triệt hạ các phần tử Quốc Gia. Trong dịp này, Việt Minh vây bắt được Khái Hưng và cụ Phan.

Sau khi chứng kiến việc cộng sản thủ tiêu Khái Hưng, cụ Phan Khôi, nhờ thế lực của con là Phan Thao lúc ấy đang làm chủ nhiệm báo Cứu Quốc và em là Phan Bôi, thứ trưởng bộ Nội Vụ, cụ Phan được tha chết.

Suốt chín năm ở Việt Bắc, cụ Phan được Việt Minh giao cho làm công tác phiên dịch. Trong thời gian này, Hồ Chí Minh từng nhiều lần mưu mua chuộc cụ Phan nhưng đều bị từ chối. Có lần, ông Hồ đã tự cởi chiếc blouson Mỹ đang mặc ra biếu cụ Phan Khôi, cụ Phan nhận, mặc, cảm ơn, nhưng sau đó cụ tuyên bố chỉ biết hết sức công tác cho kháng chiến, có nghĩa là không chịu tham dự gì vào những mưu mô của cộng sản.

Năm 1945, về Hà Nội, cụ Phan vẫn được Việt Minh dùng vào việc phiên dịch, nhưng giữa Hà Nội, sau mười năm, cụ Phan đã kiếm được cơ hội đề lên tiếng nói, tỏ thái độ với chính quyền cộng sản.

Mùa thu năm 1946, lợi dụng cơ hội Việt cộng bắt buộc phải cho dân sì hơi sau những uất ức do cuộc cải cách ruộng đất của chúng gây ra, cụ Phan tập hợp một số văn nghệ sỹ trẻ, thẳng, như Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Hữu Loan, Hoàng Cầm, Thụy An, Văn Cao, và một số trí thức Trần Đức Thảo, Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đăng, vân vân, xuất bản tờ «Giai Phẩm Mùa Thu», rồi cụ Phan lại đích thân làm chủ bút kiêm chủ nhiệm tờ Nhân Văn, nhất tề công kích, vạch trần sự thối nát, bùng bít của Đảng.

Trong thời gian này cụ viết những bài như «Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ», «Ông Bình Vôi», «Ông Năm Chuột»... để đả kích chế độ độc tài đảng trị của chính quyền miền Bắc.

Cuối cùng, Việt cộng biết là đã hết đường mua chuộc được cụ Phan, liền thẳng tay khủng bố. Các tờ báo như «Nhân Văn», «Trăm Hoa» chống lại đảng đều bị đóng cửa, thợ in bị bỏ tù, Trần Dần bị mang ra đấu tố và một lô văn nghệ sỹ như Văn Cao, Nguyễn Bính, Lê Đạt, Phùng Quán bị đưa đi cải huấn, Nguyễn Hữu Đăng, Thụy An bị đưa vào hỏa lò, Trương Tửu bị cất chức giáo sư đại học và bao vầy kinh tế.

Trong lúc này, cụ Phan Khôi, vì đã hơn 73 tuổi, lại quá sức ốm yếu, nên được Việt cộng làm ngơ cho cái xác. Công tác chính của bọn cán bộ cộng sản lúc này, quan trọng nhất, chỉ là việc đánh đổ uy tín của cụ Phan bằng cách bôi tro chát trấu lên uy tín rực rỡ của cụ.

Thôi thì cả một chiến dịch đả kích chửi bới cụ Phan được phát động ở Hà Nội. Bọn này tố cáo cụ Phan đủ chuyện, nào phản động, Việt gian, Tờ Rốt Kít, hút thuốc phiện, chơi gái,

hủ hóa v.v... Tiêu biểu nhất trong cuộc hạ bệ cụ Phan ở Hà Nội dạo này là việc Nguyễn Công Hoan làm thơ đăng báo chửi cụ Phan.

Khi cụ Phan bị Đảng bao vây kinh tế, quy vào tội phản động, không còn một ai dám lai vãng tới nữa, cụ Phan có làm một bài thơ tự chúc thọ, trong đó có hai câu như sau:

Lên Bảy mươi rồi mē nó ơ

Thọ ta ta chúc nọ phiền ai.

Bài thơ này không hề in, nhưng cũng đến tai Nguyễn Công Hoan, tác giả «Đào Kép Cũ» liền làm một bài họa như sau :

Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơ

Thọ mi, mi chúc chó hồng ai.

Văn chương, dù mẹ thẳng cha bạc,

Tiết tháo tiên sư cái mē ngoài

Lô dích, trước cam làm kiếp chó

Nhân văn, nay lại hít gị voi

Sống dai thêm tuổi cho thêm nhục

Thêm nhục cơm trời chẳng thấy gai.

Bài thơ của Nguyễn Công Hoan trích dẫn trên đây có thể coi là tiêu biểu cho tài năng, nhân cách, và giọng lưỡi của những người đại diện cho cái giai cấp mới trong trí thức miền Bắc thời bấy giờ, đối xử với cụ Phan.

Năm 1959, ngày 9 tháng 7, đúng như sự chờ đợi, mong mỏi của chính quyền miền Bắc, cụ Phan từ trần, thọ 72 tuổi. Một cái tin ba giòng như một tin vật đăng trên báo Văn Nghệ miền Bắc loan tin cụ Phan chết — trong khi đó, dành hẳn ba trang để nói về ngày sinh nhật thứ sáu mươi của Tú Mỡ — là chút đền bù cuối cùng của chính quyền miền Bắc dành cho cụ Phan, người từng làm không công cho họ suốt mười mấy năm trời.

Cụ Phan đã khuất, nhưng tiếng nói của cụ, sự sống của cụ, thì nhất định là mãi không bao giờ chịu khuất phục trước bất cứ sức mạnh nào.

Cái hình ảnh kiêu dũng của cụ Phan, từ Bắc vô Nam, từ thành thị lên rừng núi, luôn luôn hiện diện rực rỡ trong lòng người trí thức Việt Nam, bất kể là thời nào.

Những tác phẩm mà cụ Phan để lại cho chúng ta hôm nay, chỉ gồm có ít bài báo sôi nổi của cụ thời tiền chiến như: *Cảnh cáo các nhà học phiệt, Duy Tâm hay Duy Vật, Thơ cũ và Thơ Mới, Tranh luận với Trần Trọng Kim về Nho Giáo*, ít tác phẩm như: « *Chương Dân Thi Thoi* », « *Trở Vó Lửa Ra* », ít bài báo tranh đấu ngoài Hà Nội như « *Phê Bình Lãn Đạo Văn Nghệ* », « *Ông Năm Chuột* », « *Ông Bình Vôi* », một ít bài thơ ngắn sau này, và một tập tùy bút tên là « *Năng Chiều* » tác phẩm cuối cùng này hình như đã bị chánh quyền miền Bắc thủ tiêu mất.

Nhìn vào số tác phẩm mà cụ Phan để lại cho hậu thế, chúng ta sẽ không thể tìm được ở đó cái mẽ ngoài đồ sộ, lớn lao của những công trình trí thức thời thái bình, nhưng ngược lại, chúng ta sẽ có thể tìm thấy trong đó cả một kho tàng vô giá về thái độ, sự sống, sự phản kháng, cũng như sự mỉa mai, cay đắng, khổ cực của một người trí thức sống hết tâm huyết của mình cho thời đại, cho tổ quốc, cho dân tộc, cho lịch sử.

Cụ Phan Khôi đã chết. Nhưng muôn đời, hình ảnh cụ là một hình ảnh rạng rỡ, kiên nhẫn, mãnh liệt, không bao giờ bỏ cuộc.

Thủa sinh thời, cụ Phan thường bày tỏ quan niệm sống của cụ như sau: *người ta thường ví người quân tử với cây trúc, ở đâu không biết chứ riêng xứ ta, tôi thấy người quân tử phải ví như cây cau mới đúng. Cây cau cao lớn hơn, vững trãi hơn, khổ nhục hơn cây trúc và không bao giờ*

phải nghiêng theo chiều gió. Nhìn lại đời sống của cụ Phan, suốt nửa thế kỷ thê thảm của tổ quốc chúng ta vừa qua, ai cũng phải công nhận cụ Phan đã sống cao lớn, vững trãi, khổ nhục mà không bao giờ phải nghiêng theo chiều gió, đúng như lời cụ nói.

Năm nay, ngày giỗ thứ ba của cụ Phan, giữa lúc đất nước còn qua phân, nắm mộ cụ nằm ở góc nào trong ruột đất thân yêu ở miền Bắc chúng ta chưa nhìn thấy nhưng sự sống lòn chói của cụ thì không thứ gì che khuất nổi.

Chúng tôi xin mời tất cả các văn hữu, các chiến hữu bốn phương, cùng thắp nén hương lòng tưởng niệm cụ Phan Khôi.

TRẦN VƯƠNG DU

Ảo ảnh

Một bài tính làm nát óc các nhà khảo cứu
về khoa quang học trong không khí

VÀO những buổi trưa hè oi ả, trong khi trời nắng chang chang thỉnh thoảng trên một vài quãng vắng, bạn thấy một vài « vũng nước » phản chiếu ánh sáng mặt trời, mặc dù trước đó trời không hề có một giọt mưa nào. Ở xứ ta, hiện tượng đó thường xảy ra vào mùa hè. Các nhà khoa học gọi là ảo ảnh. Nhìn rộng hơn, ta sẽ thấy rằng không phải chỉ ở Việt Nam, mà ở hầu hết trên quả địa cầu, chỗ nào cũng có hiện tượng ảo ảnh. Có điều khác, là những ảo ảnh ở các nước khác, có phần ly kỳ bí mật mà các nhà khảo cứu về khoa quang học phải nát óc mới hiểu được một phần về lý do phát sinh của nó.

Có điều đáng chú ý nữa. Mặc dù hiện tượng ảo ảnh xảy ra thì nhiều, nhưng tuyệt nhiên chưa ai tìm ra được một bức ảnh chụp hiện tượng này, dù là một ảo ảnh rất

tâm thường. Sự khó khăn trong vấn đề tìm thấy một hình ảnh về ảo ảnh ấy thật là có ý nghĩa : từ khi nhà toán học Monge, theo Nã Phá Luân Đề Nhất Bonoparte sang Ai Cập tìm ra lý thuyết về hiện tượng ảo ảnh năm 1798, tưởng như không ai, hoặc hầu hết, không ai còn chú tâm đến vấn đề này nữa. Sự giải thích của Monge thật là quá thỏa đáng cho nên đã làm tê liệt mọi tính hiếu kỳ. Người ta tự hỏi cần gì phải nghiên cứu một hiện tượng không còn có một điều gì kỳ bí nữa.

Mãi cho đến cách đây 5 năm, nhân dịp người ta gọi là năm địa cầu vật lý học (*année géophysique*) một nhà thiên văn học Mỹ James H. Gordon, có ý kỳ lạ giở lại chồng hồ sơ cũ. Ông ta thu nhặt rất nhiều điều đã được quan sát trong các hồ sơ về thiên văn của Mỹ, đem ra hệ thống lại thành lý thuyết và, kỳ lạ biết bao, ông nhận thấy rằng lý thuyết của ông không khác gì là chiếc giường của Procuste.

Thực ra, trong tình trạng hiện tại của những nhận thức về ảo ảnh, tưởng như còn có một số rất nhiều ảo ảnh không thể nào giải thích cho người ta được thỏa mãn. Đó là điều người ta có thể kết luận khi đọc xong tài liệu ông ta vừa phổ biến về những ảo ảnh do ông ta đã dày công nghiên cứu.

Chúng ta hãy xem trường hợp giản dị nhất, trường hợp những đường phố về mùa hè. Thỉnh thoảng nền đường xem lóng lánh như một vũng nước trên đó gợn lung linh một hình ảnh lơ mờ như phản chiếu trên một lớp nước huyền ảo. Thử hỏi như vậy là thế nào, cái gì đã xảy ra một cách thật sự ?

Chúng ta ai cũng biết rằng, càng lên cao thì nhiệt độ càng hạ thấp. Trung bình nhiệt độ hạ gần 3° mỗi khi lên 100m. Đó là qui luật về vật lý học. Nhưng về mùa hè, cũng có khi vì bị ánh nắng mặt trời chiếu quá độ, mặt đường phố bị phủ dưới một lớp không khí nóng. Vì quá nóng không khí ấy giãn ra (*se dilater*) như vậy là có phần nào nhẹ hơn lớp

không khí trên, cách mặt đường 50cm. Khúc xạ suất (indice de réfraction) của lớp không khí nóng vì vậy rút bé lại. Như vậy những tia sáng phát xuất từ mặt trời đi tới mặt đường dưới một góc độ hơi nhỏ rồi uốn cong trở lên, do đó những tia sáng ấy đập vào nhãn tuyến của người quan sát chớ không hề gặp mặt đất. Người quan sát hiện tượng này sẽ thấy gì? Họ thấy những quang tuyến từ bầu trời xuống. Họ nhìn thấy bầu trời, đúng như lối những tia sáng ấy do một lớp nước phản chiếu ấy.

Đó là trường hợp ảo ảnh giản dị nhất làm ta lầm tưởng có nước ở trên một diện tích bị mặt trời chiếu nóng quá. Đó là ảo ảnh mà Monge đã giải thích thỏa đáng.

Một trường hợp khác là hậu quả của những sự xoay chiều quá mạnh của nhiệt độ. Kết quả có thể rất ngoạn mục và một trong những kết quả đó đã lưu một kỷ niệm trong lịch sử của Huê Kỳ. Năm 1878, trong trận chiến chống người da đỏ (Indien) trong lúc một đoàn quân rời đồn Abraham-Lincoln thì những đoàn quân còn lại trong đồn thấy đoàn quân ấy đi trên trời. Mấy ngày sau, đoàn quân ấy bị tiêu diệt trong trận Little Big Horn và bức minh họa « Le Rêve passe » (Giấc Mơ đã qua) đã làm đầu đề cho nhiều cuộc bàn tán dị đoan.

Còn giải thích được :

Làm thế nào để giải thích tại sao ta thấy đoàn quân đồn Abraham-Lincoln đi trên trời? Về trường hợp này cũng vậy, lý thuyết cổ điển có thể trả lời một cách rõ ràng và thỏa đáng. Chúng ta giả tử có 3 lớp không khí chồng lên nhau theo thứ tự dưới đây :

- 1 — Từ 0 đến 300 m cao độ, một lớp không khí lạnh.
- 2 — Từ 300 m đến 400 m, một lớp không khí nóng.
- 3 — Và trên hết một lớp không khí lạnh.

Trong những điều kiện này, một quang tuyến phát từ mặt đất dưới một góc độ xiên sẽ qua trước hết lớp không khí lạnh ở dưới, lên đến lớp không khí nóng rồi cong dần xuống và trở về mặt đất. Nếu có người tiếp nhận tia sáng đó, họ sẽ tưởng nhìn thấy tia sáng ở trên trời xuống, nhưng thực tế thì nó phát xuất từ mặt đất: đó là trường hợp xảy ra ở đồn Abraham-Lincoln. Những người chứng kiến lại nói rõ ràng đoàn quân đã khuất lâu sau một cánh đồi rồi bỗng nhiên lại xuất hiện và lên trời, điều đó chứng minh chính xác rằng có trạng thái tia sáng uốn cong trong khi di chuyển. Nếu ban đêm, cũng có thể xảy ra hiện tượng trong đó ảo ảnh bị lẫn lộn với trăng hoặc sao, và một ngôi nhà có ánh đèn cửa sổ có thể thấy lơ lửng giữa các vì tinh tú. Cảnh huyền ảo này trở nên rất kỳ bí và có thể làm lung lạc những tâm hồn non nớt thường chú trọng đến những chuyện thần tiên hơn là tìm hiểu những qui luật về quang học.

Ảo ảnh rừng rợn nhất

TRƯỜNG hợp ảo ảnh rừng rợn nhất có lẽ do ở sự chuyển đảo của nhiệt độ, đã được nhà thiên văn vật lý học Donad-Menzel mô tả trong cuốn sách nhỏ của ông ta về những đĩa bay và do Ông Aimé-Michel trong tác phẩm đầu tay của ông về vấn đề này. Ảo ảnh xuất hiện rất hiếm khi hội đủ các điều kiện sau đây :

- 1 — Ba lớp không khí chồng lên nhau, lớp lạnh ở giữa. Trường hợp này ngược với trường hợp vừa mô tả trên.
- 2 — Người nhìn ảo ảnh ở ngay giữa lớp trung gian lạnh.
- 3 — Sự vật trông thấy dưới hình thức ảo ảnh cũng ở ngay giữa lớp lạnh này, cách quãng đó vài kilômét.

Quang cảnh diễn ra sẽ là một cảnh cồ quái. Giả thử, vật đó là chiếc *xe hơi*. Người ta sẽ thấy không phải là chiếc ô-tô, mà là một đồng ô-tô chồng chất lên nhau theo chiều cao; trong những chiếc đó người ta sẽ, phân biệt có chiếc nằm một cách thông thường, và có *những chiếc lại chồng bánh lên trời!* Không cần phải nói thêm rằng hiện tượng kỳ quặc này là hi hữu.

Chính đó là nguyên tắc lý thuyết về ảo ảnh mà người ta thấy trình bày trong một số rất hiếm nghiên cứu về vấn đề này. Nguyên tắc này hoàn toàn căn cứ trên sự hiện hữu của những lớp không khí chồng lên nhau với những khúc xạ suất (*indice de réfraction*) khác nhau. Các lý thuyết gia người Hoa Kỳ, do lối loại suy giải thích (*explication par analogie*) thường gọi những lớp không khí đó là những thấu kính không khí (*lentilles atmosphériques*). Ông James H. Gordon có nhấn mạnh, về phương diện vật lý, thấu kính không khí ít giống thấu kính thường. Bề dày của nó có thể chừng vài centimét (đó là trường hợp những ảo ảnh trên các đường phố) hoặc vài chục trăm mét (trường hợp những ảo ảnh lớn ở sa mạc). Diện tích ảo ảnh cũng vậy, có thể từ vài mét vuông đến vài chục kilômét vuông. Và bởi vì thấu kính này làm bằng không khí cho nên những khía cạnh rất là mơ hồ. Dù sao ta cũng nhận rằng khả năng hiệu lực của nó thật là vô hạn. Một phi hành gia chẳng hạn sẽ thấy hai mặt trăng một ở trên trời, một ở dưới chân trời. Ngoài ra, phi hành gia cũng có thể có ảo tưởng rằng địa cầu trong suốt, và nhìn thấy bên kia, một bầu trời đêm với vô số tinh tú hoặc, anh ta nhìn thấy ở mặt đất một cái hồ không có trên thực tế — đang chạy biến mất trước mắt.

Còn người đứng ở mặt đất, thì sẽ thấy một thành phố ở trên trời chẳng hạn! Hay một đoàn tàu tiến lên đằng trước, cũng ở trên trời, bánh chồng trên trời còn khói thì tuôn xuống mặt đất. Đặc biệt hơn, đoàn tàu ấy có thể hóa thành đôi, thành bốn như những hình ảnh người ta nhìn thấy

biến ra vô số trong những tấm gương của các tiệm hớt tóc. Những cảnh tượng như vậy đã gây cho người đời nhiều lối bàn tán siêu tự nhiên. Và quả vậy, những hiện tượng mà Minassi người Ý gọi là Bà Tiên Morgane, bà tiên Marine v.v... thật ra chỉ là những ảo ảnh.

James H. Gordon còn kể lại và mô tả nhiều ảo ảnh, không ai có thể giải thích được, bất chấp cả sự mềm dẻo với khả năng vô biên về sự nhận thức và tiên đoán của lý thuyết cổ điển về ảo ảnh.

Sau đây là một trường hợp ảo ảnh mà James H. Gordon đã nghiên cứu tại một đường phố, trong một thành phố nhỏ ở Hoa Kỳ. Lúc đầu, ông ta nói, đó chỉ là một ảo ảnh thường về đường phố. Nó bao trùm cả diện tích của con đường từ miệng cống bên này sang miệng cống bên kia và trên khoảng dài chừng ba căn nhà. Chiều rộng của con đường độ 10 m. Lớp không khí làm thành thấu kính (lentille) tức là lớp không khí nóng nhuộm màu của ánh sáng bị khúc xạ (lumière refractée), vì vậy mà người ta nhận ra được một cách rất là rõ rệt Thấu kính hình như do một thứ khăn bàn xanh lóng lánh cấu tạo nên và lơ lửng vài gợn sóng nóng từ 5 đến 6cm chấn bức (amplitude). Do ảnh hưởng tốc độ của gió, cứ vào khoảng từ ba đến bốn sao đồng hồ thì lớp không khí tạo nên thấu kính được thay đổi một lần. Tôi nhìn thấy nhiều luồng gió nhỏ thổi vào thấu kính, xuyên qua nó rồi tan mất. Những chiếc xe ô-tô, những chiếc xe vận tải như những luồng sóng liên tục không ngớt xuyên qua thấu kính và lướt ru hình như không có một sự chuyển động nào, không một gợn sóng nào bên hông những bánh xe.

Có sức mạnh huyền bí nào đã giữ được thấu kính đó trong tình trạng bất động giữa những sức mạnh dồn dập? Làm bằng không khí linh động cứ hai hoặc ba sao một lần, xung quanh có không khí bao bọc, trừ phía mặt đất, cuộc ảo ảnh này hoàn toàn vững chắc ở trong một hoàn cảnh rung động

và trong trạng thái này cuộc ảo ảnh hình như thách đố các nhà nghiên cứu tìm hiểu cho ra nguyên lý về sự cấu tạo của nó. Nhưng chính những cuộc ảo ảnh lớn mới làm cho chúng ta suy nghĩ nhiều. Dù cho những ảo ảnh ấy có thể cho thấy một ngôi nhà, một thành phố hay một quả núi mà người ta không thấy được theo lối thông thường — bởi vì bị khuất sau chân trời hay sau một chướng ngại vật thiên nhiên — chúng ta đã thấy rằng lý thuyết có thể giải thích những điều đó rất dễ dàng: Nếu những tia sáng có thể đi theo một đường cong, những tia sáng đó có thể vượt qua những chướng ngại vật hoặc đường chân trời như một quả tạ đạn bắn theo đường vòng.

« Nhưng Ông Gordon nói, kinh nghiệm bản thân của tôi và kinh nghiệm rút tỉa trong khi nghiên cứu nhiều trường hợp ghi trong các hồ sơ về ảo ảnh phác giác một sự kiện khác; đó là, hình ảnh ghi nhận theo lối như đã nói ở trên vô cùng sáng sủa, rõ ràng không bị vặn vẹo và biến thể trái với điều mà người ta trông đợi — Sau đây, tôi xin đưa ra vài tí dụ:

« Có một lần, một ngôi nhà bị khuất sau một cánh đồi mà lại được trông thấy rất rõ ràng đến nỗi người ta có thể nhìn ra những trẻ con đang nô đùa trong sân.

« Cách 20 km phía Nam Yuma, tôi được biết một trang trại hẻo lánh mà người chủ thường trông thấy thành phố San-Luis, ở bên kia biên giới Mỹ Tây Cơ. Thành phố San-Luis lúc thường thì không thấy được. Nhưng đến khi xảy ra hiện tượng ảo ảnh người ta thấy xa lộ xe hơi và nhà thương của thành phố này rất là rõ ràng.

« Trong vùng núi của miền Tây Colorado, những chủ nông trại năng thấy, cách chừng 30 km, nhiều nhà cửa và nông trại mà lúc bình thường không thể trông thấy được.

« Năm 1920 nhân viên nhà ga Baghdad, trên quang đường rầy của Santafé, đã nhiều lần mục kích một ảo ảnh xảy ra

trên một cái hồ cạn nằm ở phía Nam nhà ga. Quang cảnh trông thấy rõ ràng đến nỗi người ta nhận ra được đó là thành phố San-José, ở xa độ cách 800 km, khuất sau nửa tá dãy núi ».

Gordon còn kể cả những cuộc ảo ảnh nhận được ở Hoa Kỳ, lúc ban sơ thì không biết, nhưng có rất nhiều chi tiết rõ rệt, cho nên cuối cùng người ta nhận ra đó là những thành phố của Bắc Phi ! Ảo tưởng chẳng ? Hay là cố tình mạo nhận ? Ở đây ta rất tiếc là không có bằng chứng bằng ảnh vì với ảnh thì không còn chối cãi được.

Aimé Michel có cho biết đã có lần dự vào những cuộc thí nghiệm ở Sahara do giáo sư Blamont điều khiển dưới sự bảo trợ của Ủy ban nghiên cứu về không gian của Pháp. Những cuộc thí nghiệm này đo lường một vài đặc tính của lớp không khí thượng tầng khoảng từ 100 km đến 150 km.

Vùng này, giáo sư Blamont cho biết, là một vùng rất ít được người ta biết. Những dụng cụ không gian xuyên qua vùng ấy không dừng lại chỗ nào và những kết quả đo lường thu thập được trong khi dụng cụ không gian lướt qua lại bị xáo trộn bởi sự di chuyển quá nhanh của dụng cụ. Người ta tự hỏi trong trường hợp bình thường, nghĩa là lúc không có dụng cụ thì tại vùng ấy xảy ra những điều kiện gì ? Chúng ta hoàn toàn không biết gì cả — nhưng chúng ta hãy nghĩ đến vai trò vô cùng quan trọng của vùng này, rất gần gũi chúng ta trong những mối tương quan Địa cầu và Mặt trời, trong sự cấu tạo của điện tính trường trong việc chuyển dịch những làn sóng Hertz và có lẽ trong vô số những hiện tượng mà người ta chưa hiểu biết !

Sở dĩ Aimé nhắc nhở đến những điều trên đây là vì muốn liên hệ những nhận thức của giáo sư Blamont với nhận thức của nhà thiên văn học Hoa Kỳ J.H. Gordon. Theo Gordon có những điểm tương tự giữa những làn sóng điện phát thanh và những khía cạnh rất kỳ dị của ảo ảnh.

Một kỳ bí cần phải khám phá

CÓ vài cuộc ảo ảnh lớn, như ta đã thấy, nhìn giống những quang cảnh xa xôi một cách không thể giải thích được. Mặc dù xa cách, hình ảnh vẫn rõ mồn một và bao hàm rất nhiều chi tiết, tuồng như hình ảnh được chuyển dịch xuyên qua không hề mất năng lực quang chất mặc dù xa cách; và nhất là điều này lại càng lạ hơn — Không hề có sự giảm sút về kích tác: đó là trường hợp thành phố xa xăm nhìn thấy rất gần nhưng không hề được viễn vọng kính (télescope) nào phóng đại. Theo người ta nhận xét, hình ảnh không vì quang cách mà bé nhỏ lại như người ta chờ đợi theo qui luật của vật lý học. Đó là điều mà chúng ta phải giải thích.

Nhưng giải thích thế nào cho phải? Gordon trong giai đoạn, chỉ đưa ra những trường hợp na ná, vừa khiêm tốn vừa táo bạo. Trước hết Gordon nhận thấy rằng các lý thuyết gia về máy ra đa đôi lúc cũng đứng trước những khó khăn hoàn toàn y hệt như những khó khăn mà các chuyên gia về quang học không khí đã gặp phải: Những ra đa hình như có lúc tìm ra những « đạo tuyến không có sức đề kháng » (Canaux de résistance nulle) vì thế có thể có những tâm hoạt động nhiều lần mạnh hơn sức hoạt động thường, cũng có khi những ra đa ấy lại đi lệch ra ngoài chịu hướng thông thường tương tự những tia ánh sáng gây ra ảo ảnh.

Có sự tương tự còn làm cho ta rối trí hơn: những buổi truyền thanh và nhất là « vô tuyến truyền hình » mà người ta nhận được bởi những khoảng cách coi như là không thể nào có được. Lý thuyết từ trước đến nay chưa hề giải thích. Ta có nên so sánh điều đó với ảo ảnh chẳng?

Nhưng những sự tương tự ấy chỉ được xét về phương diện số lượng năng lực phát đi và nhận được ở cách xa. Màn bí mật về hình ảnh không bị thu nhỏ lại vẫn chưa vén lên được.

Hiện nay ngành quang hình học (Optique géométrique) chỉ có một phương thức để giải thích sự bí mật ấy : Đó là nguyên tắc của hai thấu kính (Lentille) cấu tạo bởi kính lồi và ống nhòm hoặc, khi thay thế một ống kính bằng một kính phẳng để cấu tạo viễn vọng kính. Những thấu kính đó, chúng ta tìm thấy ở đâu ? Có thể nói rằng khi ta tưởng tượng đến những thấu kính là ta thừa nhận sự hiện hữu của những bong bóng không khí lạnh tròn gần như hình cầu có năng lực biến những chùm tia phân kỳ (faisceaux lumineux divergents) thành chùm tia song song (faisceaux lumineux parallèles).

Nhưng nếu quả thật những bong bóng không khí ấy có thì người ta có thể biết được. Bởi vì hậu quả đầu tiên của sự hiện hữu đó là chúng ta sẽ thấy mặt trăng và mặt trời to hơn gấp hàng chục lần và như thế ở trên quả đất những vật nằm trong tiêu điểm (foyer) của các bong bóng ấy sẽ bị thiêu đốt tất cả. Điều đó chúng ta chưa hề nhận thấy.

Theo Gordon, những cuộc ảo ảnh thật điển hình rất là hiếm, hiếm đến nỗi một chuyên viên về ảo ảnh không thể tự hào rằng mình đã có điểm phúc nhìn thấy được nhiều lần trong đời mình. Nhưng sự hiếm có này không quan hệ mấy. Ta có thể nghĩ rằng cuộc ảo ảnh điển hình là sự thể hiện quang học đặc biệt của sự kiện nào đó có tính chất tổng quát hơn, xảy ra trong không khí và di chuyển theo làn sóng điện Hertz hay thị giác.

Kết luận bài này ta có thể nói : các nhà vật lý học về không khí còn phải nghiên cứu nhiều nữa mới mong hiểu thấu những ảo ảnh mà hiện nay còn có nhiều tính chất như hoang đường.

Phóng tác theo AIMÉ MICHEL
Hoàng Anh

TIẾN ĐẾN MỘT NỀN VĂN MINH NHÂN RỒI

**Đọc sách
có là một nhân rồi không?**

TRONG Văn Hữu số trước chúng tôi đã giới thiệu với các bạn một triết lý mới của nhà xã hội học Joffre Dumazedier tác giả cuốn *Vers une civilisation de loisir*. Kỳ này ông cho chúng ta biết một khía cạnh khác của nhân rồi. Đọc sách, và nêu ra câu hỏi: người ta hiện đọc gì? Những tác phẩm bây giờ có cung ứng hợp với nhu cầu của người đọc thời đại này chăng? Đó là một vấn đề quan trọng liên hệ đến cuộc sống tinh thần mà tất cả chúng ta đều nên biết.

Đọc gì?

NGUỜI ta đọc những sách gì, loại nào, và họ thuộc vào giai cấp nào trong xã hội?

Theo một cuộc dò hỏi của « Viện dự luận công cộng », 62% người ở thôn quê và thành thị đọc sách ít nhất mỗi năm một lần.

Nhưng theo kết quả của Nghiệp đoàn các nhà xuất bản, thì có 42% người bất kể giai cấp nào đã đọc sách. Giữa cuộc điều tra, chừng 25% người trả lời rằng có sự thụt lùi của đọc sách, nhưng không ai biết được tỷ số kể trên so với đầu thế kỷ này thì lên hay xuống.

Người ta ước lượng có chừng hai triệu những « hoàn cảnh văn học », lưu tâm đến cuộc sống tinh thần, đến những vấn đề văn chương, theo dõi sự tiến triển của nó, mua sách báo đều hòa để thỏa sở thích, cũng có khi cả vì tính lập dị nữa. Ta có thể tin được rằng, những người sau khi rời khỏi ghế nhà trường mà vẫn tìm sách đọc đều đều, tỷ số lên đến 20 triệu.

Vậy ta có thể ước lượng có 60% người thuộc giai cấp chỉ huy và giai cấp trung lưu đọc sách. Song còn những người lao động có đọc sách không ?

Theo một cuộc dò hỏi, ta có thể biết được 53% người lao động đọc sách mỗi năm ít nhất một cuốn, so với 42% về người nông dân. Ở Annecy chẳng hạn, các người làm việc ở công tư sở, theo tỷ lệ, cứ ba gia đình thì lại có một tủ sách. Gia đình các nhà kỹ nghệ, các nhân viên chuyên môn, các cán bộ v.v... đều có tổ chức tủ sách. Với những nơi này, tủ sách là một điều cần thiết vậy.

Loại sách bán chạy (Le best-seller littéraire)

LOẠI sách văn chương nào được coi như là giảm bớt phần cách biệt về phương diện xã hội và văn hóa giữa các học giả và đại chúng ? Có những tác phẩm thoát ra khỏi vòng hạn học giả để đi vào cái vòng của đại chúng không ?

Trong khoảng mười năm nay, chừng ba vạn cuốn sách văn chương ra đời thì chỉ có 150 cuốn in được đến 60.000 bản, còn 30% chỉ in dưới ba ngàn bản thôi. Từ sau thế chiến, phát sinh ra loại « sách bán chạy ». Bốn giải thưởng văn chương : Goncourt, Femina, Renaudot, Interallié được báo chí làm quảng cáo ầm ĩ, thường in được trên 10.000 cuốn, chẳng hạn cuốn Week-end à Zuydeote : 260.000 cuốn, Les Mandarins : 85.000 cuốn, La vallée heureuse 120.000, Le rivage de Syrtes 115.000. Tác phẩm nào được đưa lên màn bạc, thì lại gặt hái được thêm một số đông công chúng khác. Cuốn « Le salaire de la peur » in được 40.000 cuốn, sau khi quay thành phim, in thêm 74.000 cuốn, tác phẩm « Cela s'appelle l'aurore » in 50.000 cuốn, sau khi quay thành phim, in thêm 150.000 cuốn. Trường hợp các tác phẩm « Le journal d'un curé de campagne », « Le pont de la rivière Kwai », « Le barrage contre le pacifique » cũng tương tự như trên.

Đề tài của các sách bán chạy cũng rất khác nhau. Nhiều cuốn mang tính cách chính trị, như cuốn *J'ai choisi la liberté* của Kravchenko, *Le zéro et l'infini* của Koesler (45.000 cuốn); có những cuốn nói về tôn giáo, như *Jésus et son temps* của D. Rops (300.000 cuốn); về xã hội như *Les hommes en blanc* de Soubir (300.000 cuốn); về cuộc sống tình cảm, thậm kín như *Un certain sourire*, *Bonjour tristesse* của F. Sagan (vài triệu cuốn), về thể thao tiểu thuyết hóa như *La Grande cirque* de Closterman (550.000 cuốn); *La grande crevasse* de Frison-Roche (350.000 cuốn). Có những loại sách bán chạy, mang tính cách thi vị như cuốn *Le petit prince* de l'Exupery (400.000 cuốn); *Paroles* de Prévert (300.000 cuốn). Bấy giờ đây, ta có thể có một kết luận gì? Chúng ta nhận ra rằng, những tác phẩm mang tính cách trái ngược nhau, song chứa đựng một giá trị văn chương, thì vẫn được người ta ham đọc. Đọc giả bấy giờ không những chỉ say mê với tác phẩm mới, mà còn học hỏi ở những sách cổ điển nữa

Tiểu thuyết trình thám chiếm một phần ba số sản xuất

NHỮNG loại sách tình cảm của Delly, Max du Vangil, trước kia được in ra đến mấy triệu cuốn, song từ hơn mười năm nay nó đã thụt lùi ghê gớm. Nhưng loại sách văn chương thấp kém của những nhà xuất bản Fayart, Ferenzi, từ sau ngày « giải phóng » đã xuống dốc trông thấy. Trong khi ấy thì có hai loại sách phát triển mạnh mẽ, đó là loại « trình thám », và « truyện bằng tranh ảnh ». Tuy nhiên người ta vẫn chưa có được con số chắc chắn, rõ rệt về các loại sách này. Những chuyện của Simenon, của Agathe Christie nhờ lối trình bày và hành văn đã đạt được một mức độ văn chương khá cao, song ta vẫn phải nhận một cách tổng quát rằng loại truyện trình thám vẫn chỉ liệt vào loại sách thấp kém, tầm thường. Khi nó cung cấp cho hạng độc giả

trí thức hoặc một mỗi một món ăn phụ, thì nó không thể có nghĩa được coi là món ăn duy nhất cho hạng độc giả ấy. Thế nhưng có điều ta không thể chối cãi là kết quả khá tốt đẹp của loại trình thám : mỗi tháng hai triệu cuốn được in ra, tức một phần ba số sản xuất văn phẩm đủ loại.

Tiểu thuyết văn chương văn chiếm ưu thế

THEO nhận xét của một số nhà chuyên môn cho ta biết sở thích của độc giả thuộc các giai cấp xã hội, thì các sách khảo cứu đứng vào hạng thiểu số nhất, rồi đến loại sách về du lịch, về danh nhân, lịch sử, địa dư. Loại văn chương ảo tưởng chiếm đa số : từ 60% đến 90%.

Sở thích của độc giả tùy theo địa vị xã hội của họ. Ở thư viện Limoges, độc giả trí thức đứng hạng đầu, với những nhà văn sau đây : Dumas, Dostoiesky, S. Exupery, tại các miền quê, sở thích có thay đổi : Hugo, Dumas dẫn đầu rồi đến Colette, Cronin, Balzac, Duhamel, G. Sand, Zola.

Thư viện của công nhân

TẠI đây có một tình trạng hơi lộn xộn : một cuốn của Delly xếp bên cuốn « Le petit prince » của Exupery, một cuốn nhảm nhí đặt bên cuốn của Balzac. Trái với điều người ta thường thấy ở tủ sách các gia đình trưởng giả, trong tủ sách của công nhân không có một cuốn nào của Sagan, hay của giải Goncourt. Về những tác giả hiện đại thì thường chỉ có những sách của tác giả Anh-Mỹ, như Les Hauts de Hurlevent, Autant en emporte le vent, La mousson v.v...

Chúng ta có thể kết luận : mỗi hoàn cảnh có những đặc tính khác nhau, song sự phổ biến văn học cũng tương tự ngang nhau. Điều đó không ai có thể phủ nhận.

**Phải nghĩ đến
nhu cầu độc giả**

VỀ thời nay, phải chăng sự sản xuất hướng rộng về phía công chúng văn học. Ở Anh quốc, nhà xuất bản «Penguin» chuyên in sách giá trị bán rẻ, rất được công chúng hoan nghênh. Ở Hoa Kỳ cũng bắt chước lối bán sách giá hạ đó, nên đã thu được kết quả hết sức tốt đẹp ở Pháp, loại sách bỏ túi tung ra trên thị trường bán đắt như tôm tươi. Mỗi tháng bảy trăm ngàn cuốn loại «sách bỏ túi» đã bán được dễ dàng cho độc giả nghĩa là 5% tổng số sách in ra lên đến 24 triệu cuốn. Con số tái bản, nhiều khi vượt mức in lần thứ nhất.

Tuy nhiên dù với những hình thức trình bày cho hợp với sở thích của độc giả tân tiến thì cũng vẫn còn một vấn đề cần phải đặt ra: nếu ta so sánh những chứa đựng của các tác phẩm với những đề tài đăng trên các báo địa phương hay trong các câu chuyện hàng ngày, thì ta có thể tự hỏi rằng đã có nhiều tác phẩm đủ cung ứng về phương diện văn hóa cho số lớn nam nữ độc giả bình dân, mà ở những thế hệ trước vốn bị mù chữ không? Hồi thế kỷ 18, tình trạng có hơi khác, nghĩa là người ta chỉ viết cho một số công chúng học thức thôi. Đến thế kỷ 19, người mù chữ đã giảm đi nhiều lắm, hầu hết dân chúng đã biết đọc biết viết. Hiến pháp đã đặt vấn đề bình đẳng trước văn hóa. Nhưng nhà văn bây giờ hình như không mấy ai kích động nhu cầu văn hóa trong quảng đại quần chúng, hoạt động tích cực để nâng cao đời sống tinh thần cho họ... dù những người này sẵn có một căn bản văn hóa, mà họ cũng vẫn thờ ơ với văn chương. Cho nên điều cần là phải tìm mọi cách khuyến khích cho họ ham đọc sách, và sản xuất những món ăn hợp với sở thích của họ.

S. T.

Ta có thể tin vào số tử vi không ?

HIỆN ở Pháp có tất cả 34.000 chiêm tinh gia... sự to tát của con số này đã làm cho ta phải nghĩ đến việc xét đoán chiêm tinh học một cách khách quan. Con số trên là kết quả của một cuộc điều tra đứng đắn, thực hiện bởi Viện Thống Kê Quốc Gia. Cộng sự viên của chúng tôi là Roland Harari đã phỏng vấn nhiều nhà bác học : một số đã cương quyết trả lời không, một số khác lại có thái độ lúng túng hơn. Roland Harari cũng đã có nhờ một chiêm tinh gia nổi tiếng xem tử vi cho mình...

Lửa tuổi tứ tuần là lửa tuổi của tư cách chính chắn, của cử chỉ đàng hoàng. Con người đang chiếm chệ trước bàn viết đầy đủ tiện nghi, đang ngồi trước mặt tôi đây, có vẻ là một luật sư hay một bác sĩ đầu nghề nghiệp của ông ta, một nghề nghiệp hoàn toàn khác biệt. Trên tấm bảng nhỏ treo trước biệt thự ông ta, một biệt thự xinh xắn nằm trong vùng Arcachon, người ta có thể đọc những hàng chữ sau đây : « Chiêm tinh chỉ dẫn ».

Nếu tôi đã chọn chiêm tinh gia này trong số các đồng nghiệp của ông ta không phải vì ông là một chiêm tinh gia thuộc loại đột sổng mới nhưng vì ông ta rất xuất sắc trong nghề này. Trong số thân chủ của ông tôi nhận thấy có một đức cha, 3 thủ lãnh ngoại quốc và một số chính trị gia Pháp. Một giáo sư đại học y khoa đã viết thơ đều đều cho ông ta về tình trạng sức khỏe của mình. Vị giáo sư khoa học này đã gọi chiêm tinh gia kia bằng danh từ « vị đồng nghiệp danh tiếng của tôi ». Tôi đã thấy tận mắt những bức thơ này chớ nếu không có lẽ không bao giờ tôi dám tin. Còn một chuyện ngoài sức tưởng tượng của tôi nữa là chính phủ đã mang đến cho chiêm tinh gia này một chuẩn nhận (consécration) chính thức.

Tháng Novembre vừa qua, bốn trang giấy của những tạp chí chuyên môn về toán số đã bị xé theo lệnh « Quai d'Orsay » vì cơ quan này cho rằng những lời tiên đoán chứa đựng trong ấy có thể mang đến đến tội cho một vị thủ lãnh Quốc gia ngoại bang !

Một chiêm tinh gia
đã vẽ « lược đồ vũ trụ »
(carte du ciel) cho tôi

ĐÂY là nhân vật mà tôi đã nhờ vẽ « lược đồ vũ trụ » cho tôi. « Lược đồ vũ trụ » là gì ? Muốn hiểu rõ vấn đề ta cần phải nhắc lại 2 nguyên lý căn bản của chiêm tinh học :

— Những vì tinh tú gây một ảnh hưởng xấu hay bất thường trên định mệnh con người và chính lúc sinh đẻ là lúc ảnh hưởng này quan trọng nhất.

— Những sự kiện quan sát được trong hàng bao thế kỷ đã cho phép ta suy ra những luật lệ về ảnh hưởng của các vì tinh tú và từ những luật lệ ấy ta có thể tiên đoán được tương lai.

Đồng ý trên những nguyên lý này, các chiêm tinh gia lại bất đồng ý trên cách quan niệm ảnh hưởng của các tinh tú.

Các chiêm tinh gia duy vật, còn gọi là « chiêm tinh gia khuynh tả », nghĩ rằng các bức xạ phóng ra từ các hành tinh và thu thập bởi cơ quan con người sẽ được khoa học chính thức nhìn nhận. Thần bí hơn các « chiêm tinh gia cực hữu » nghĩ rằng có sự tương tự giữa các luật lệ ảnh hưởng trên vòm trời và các luật lệ tác dụng trên đời sống nhân loại. Một nhóm thứ ba cho là « khoa học » hơn, chỉ tìm cách quan sát ảnh hưởng các vì tinh tú mà không cần giải nghĩa.

Dù vậy, bất cứ ở phái nào, các chiêm gia chỉ có một cách duy nhất để vẽ một « lược đồ vũ trụ ». Vị chiêm gia của tôi bắt đầu vẽ trên một mảnh giấy, một vòng tròn đều chia ra làm 12 phần, mỗi phần chứa một dấu hiệu khác nhau. Đây là « Thiên hoàn đạo » : « bánh xe của cuộc đời ». Mười hai dấu hiệu này tương ứng với 12 bác tú mà 10 hành tinh thuộc thái dương hệ xuyên qua dần dần theo chuyển động của chúng trên vòm trời. Vị trí của các hành tinh đối với các dấu hiệu của « Thiên hoàn đạo » không hẳn hoàn toàn giống nhau : vào mỗi giai đoạn-của cuộc đời tương ứng một lược đồ vũ trụ chỉ định.

Khi đã có đầy đủ các chi tiết sinh nhật như : nơi sanh, ngày và giờ sanh, chiêm tinh gia vùi đầu vào các con toán để thành lập « vũ trụ sinh nhật » của tôi. Ông thảo vấn một quyền sách Đức to tướng, quyền « thiên văn lịch biểu ». Quyền này định chắc vị trí mà các hành tinh đã chiếu trong « Thiên hoàn đạo » (Zodiaque) mỗi ngày vào buổi trưa G. M. T., từ 1890 đến 1950, trên các tỉnh của thế giới.

Giờ đây thì vị đạo sĩ bắt đầu thốt lời, nói chuyện về quá khứ vị lai. — « Cha ông lớn tuổi hơn mẹ ông nhiều ». Tôi ra hiệu là đúng. Ông tiếp lời : « Còn ông thì thường là nạn nhân của bệnh yết hầu và bệnh đẹn ». Tôi đồng ý nữa. Phần kế tiếp thì sai : Không, cha tôi không bao giờ làm chính trị và tôi không bao giờ có học luật... Những sai lạc này theo chiêm gia thì không thể tránh được vì tôi không biết rõ ràng giờ sanh của tôi : 6 giờ sáng hay 6 giờ 30 ? « lược đồ vũ trụ » thì thay đổi mỗi khắc đồng hồ. Tóm lại, cuộc thí nghiệm này không được kết quả mỹ mãn.

Có thể là kết quả sẽ tốt đẹp hơn khi tôi xem bản « tiên đoán thời cuộc quốc tế » là môn đặc biệt của chiêm gia Arcachon này. Tôi liền đọc tờ báo chuyên về chiêm tinh đã đăng những dự đoán cho 1961. Tôi đọc : «... Điện Kremlin sẽ phóng thích các phi công Mỹ để tỏ thiện chí với vị tân Tổng

Thống Kennedy. Chỉ mỗi một mình Powers hình như còn bị giữ lại một thời gian ngắn... và phần dưới : « con người sẽ nhiều lần thám thính không gian trong năm 1961 ». Những dự đoán này đã đúng, nhưng chúng cũng có thể suy luận ra một cách khoa học hơn nữa. Vậy ta có thể đặt câu hỏi là phải chăng chiêm gia này đã tiên tri sự việc nhờ ở óc chánh trị sáng suốt của ông mà không cần đến sự xem xét các hành tinh.

**Cái tương tự có nhiều lúc
không phải là sự thật**

KHOA tiên tri này nhiều lúc đã sai lạc. Tôi đã đọc trong bài này : « Goa sẽ trở lại với Ấn-độ » và « để tránh việc thừa nhận Trung Hoa Lục địa vào Liên Hiệp Quốc. Thế giới tự do sẽ thừa nhận họ vào hội nguyên tử Quốc Tế... ». Vào tháng Décembre 1960 các việc này có vẻ gần sự thật nhưng chúng không thể xảy ra trong năm 1961 : việc có thể xảy ra nhiều khi không xảy ra.

Vài việc dự đoán lại được thực hiện với lời lẽ lơ lửng để tác giả không bị hoàn toàn sai lạc, ví dụ : « vụ án các cựu lãnh tụ Thổ-nhĩ-kỳ sẽ chuyển hướng một cách bất ngờ ». Việc tha bổng Aduan Menderes và việc kết án tử hình hẳn đều « bất ngờ » cả, vậy ta phải liệu lời tiên đoán kia như thế nào ?

Ngoài các sự kiện trên, tôi phải nhìn nhận rằng vài tiên liệu của chiêm gia này đã làm tôi ngạc nhiên vì sự chính xác của chúng. Ví dụ : lời tiên tri thốt ra 8 ngày trước việc tử nạn của ông Dag Hammarskjöld : «... Ông H. sẽ mất vận tốc về một tai nạn hàng không hoặc một vụ nổ sẽ hãm dọa tính mạng Ông ».

Các người nhiều óc nghi kỵ sẽ chú ý đến việc lời tiên tri kia không quả quyết là tai nạn kia có chết người không và mặt khác, Ông H., thường di chuyển bằng phi cơ. Hoặc họ sẽ cho đó chỉ là một sự ngẫu nhiên và trong các trường hợp hiểm có mà lời tiên đoán của các chiêm gia đúng, họ sẽ làm rần rộ lên và một thành công được triệt để khai thác sẽ làm dân chúng quên mất cả ngàn lần sai lạc mà họ dấu diếm.

Dù ta không khắc nghiệt đến như thế, ta cũng không thể nhìn nhận là sự thành công của một chiêm tinh gia nhờ ở sự chính xác của chiêm tinh học. Việc thành công kia có thể nhờ ở trực giác của nhà tiên tri, nhờ ở các đặc tính của ông, các đặc tính thuộc hiện tượng «ngoài tâm lý học (Para-Psychologie)» hiện đang được khoa học nghiên cứu. Xưa kia các y sĩ đã chữa bệnh nhân bằng sự giả dối. Phần khác, có, thể các chiêm gia đã thúc đẩy các lời tiên đoán của mình thực hiện bằng cách khởi đầu từ các tiền đề (prémises) sai. Đây là chưa kể trường hợp một lời tiên tri thành sự thật chỉ vì người ta đã đề cập đến nó: Thật vậy, nếu một chiêm gia nói với người vợ không yêu chồng rằng việc ly dị của họ đã được ghi tên trên các hành tinh và nếu ông bảo với một thí sinh mất tự tin rằng anh ta sẽ thi rớt Tú Tài. Trong hai trường hợp ta nhận thấy rằng các việc được tiên đoán có nhiều phần thành tựu. Sự lo lắng một tai nạn nhiều khi đủ để gây ra tai nạn..

**Kẻ mục đồng và ông vua kia
đều ở dưới một hành tinh**

Vì vậy một lời tiên đoán thật không làm thất vọng các địch thủ của chiêm tinh học và một lời tiên đoán sai cũng không làm mất tin tưởng những kẻ trung thành với khoa này, chính nguồn gốc căn bản của khoa này làm ta phải nghiên cứu nếu ta muốn có một ý kiến đúng đắn về giá trị của nó.

Chiêm tinh học có những giá trị gì ? « Không giá trị gì cả, chắc chắn là không gì cả » đây là câu trả lời một cách bất mãn của một nhà thiên văn học đài Quan sát Bá-lê, Ông Paul Couderc. Một trong những cơ quan thiên văn tầm tiếng nhất thế giới, cơ quan Astronomische Gesellschaft, đã có lời phán xét gắt gao : « ... Ngày nay những gì gọi là chiêm tinh thuật sinh lý học thiên văn (Cosmobiologie) chỉ là một hỗn hợp của mê tín, lường gạt và thương mại ».

Những lời lên án ấy dựa vào đâu và các chiêm gia sẽ trả lời như thế nào ? Đối với chiêm tinh học trước hết là sự sáng suốt đã lên tiếng phản đối, La Fontaine đã chứng minh điều này : « Kẻ mục đồng và vì vương giả kia đều ở dưới một hành tinh. Kẻ xách vương trượng, người cầm gậy tre ».

Nếu Định Mạng ta phụ thuộc vào các hành tinh được sắp xếp trên trời, tại sao trong chúng ta không có 2 người có định mạng in hệt vì họ sanh trong một tỉnh cùng một ngày một giờ ? Tại sao đường đời của hai kẻ sinh đôi lại thường khác nhau ?

Trả lời điểm này các chiêm gia đã mượn một cớ ngữ : « *Astra inclinant non necessitant* » (hành tinh nghiêng bóng, chúng không chỉ định trước được) và bảo rằng : chúng tôi không bao giờ cho rằng tương lai con người được định liệu từ trước. Các chiêm gia cũng đã dùng câu trả lời trên để đối phó với các triết gia đã trách họ là không nhìn nhận sự ngẫu nhiên và các bác học đã lên án họ là đã muốn đem thuyết vận mạng thế cho tất định thuyết khoa học.

Chỉ có « Thiên sư cung » và « Bạch dương cung » giả hiệu

VÀI người đối lập với chiêm tinh học đã tấn công các chiêm gia ngay trên phần đất chuyên môn của họ. Họ cho rằng vị trí của hoàng đạo đã dời từ 2.000 năm, nghĩa là từ ngày chiêm tinh học vừa chớm nở. Vì thế căn bản của khoa này đã sai lạc đi nhiều : một người sanh giữa 22 Mars và 20 Avril không ở vào cung Bạch dương như các chiêm gia đã tính mà lại ở vào cung Song ngư. Vậ chỉ có Thiên sư cung, Bạch dương cung, Song ngư cung... giả hiệu mà thôi. Đề chống chế chiêm tinh gia cho rằng các cung này, nếu có sai lạc đi chút đỉnh, cũng vẫn còn lưu lại ảnh hưởng sâu đậm của chúng. Một nhà thiên văn học đã cho rằng : « Lý luận với các chiêm gia tức là đắm vào một cái gỏi bằng gòn, đắm vào một nơi nào đó nơi đó sẽ phùn xuống nhưng nơi khác lại phình lên... ». Thật vậy các chiêm gia thoát khỏi các âm mưu bắt bẻ của phe đối lập một cách tài tình.

Đi tìm một bằng cứ không thể chối cãi được

ĐÂY là một lời chỉ trích xác đáng nhất : cho rằng hành tinh này tốt, hành tinh này xấu, phải chăng các chiêm gia muốn trở lại thời đại đa thần giáo ? Không phải thế, trả lời các chiêm gia, chỉ nhờ kinh nghiệm mà chúng tôi đề ý rằng ảnh hưởng của hành tinh nào tốt, hành tinh nào xấu.

Vì các chiêm gia đã đề cập đến kinh nghiệm mà ta có thể dùng bằng chứng cụ thể dựa vào kinh nghiệm để đánh giá sự chân thật hoặc sự giả hiệu lời nói của họ. Muốn vậy chỉ còn cách dùng Thống kê học là hay nhất vì như ta đã thấy, một lời tiên đoán sai hoặc đúng nhưng lẽ loi không ảnh hưởng gì đến chân giá trị một chiêm gia cả.

Đã nhiều lần các bác học đã dùng đến cách ấy. Một hội khoa học thường trực thành lập bởi « Tổng hội các bác học

Mỹ», một ủy hội ở Bỉ thành lập để sưu tầm các hiện tượng bất thường đã yêu cầu các chiêm gia hãy liên lạc cho họ các luật lệ đơn giản và có thể kiểm chứng được. Tất cả các cuộc kiểm chứng này không mang đến cho chiêm tinh học một kết quả mỹ mãn nào cả. Ở Pháp, các lời tiên đoán của một chiêm gia, cựu sinh viên Bách nghệ Đại học, Đại úy Choisnard, đã hoàn toàn sai lạc và vô nghĩa.

Dầu vậy, chưa hẳn là mọi việc đã an bài : Michel Gauquelin không phải là một chiêm gia, mục đích của ông là chứng minh sự vô lý của chiêm tinh học và ông đã tìm được nhiều kết quả tốt đẹp để chứng minh rằng các luật lệ của chiêm tinh học hoàn toàn vô căn cứ. Khi ông gần đến mức cuối cùng, ông lại gặp một kết quả lạ lùng : tục lệ chiêm tinh cho rằng giữa Hỏa tinh (Mars) và nghề y học có một liên hệ mật thiết, Gauquelin thử phát họa « lược đồ vũ trụ » của 576 vị hàn lâm về y khoa và ông đã ngạc nhiên mà nhận thấy rằng tất cả các vị hàn lâm về y khoa kia đều sanh đúng vào những lúc mà Hỏa tinh mọc lên hoặc biến đi hay những lúc mà hành tinh này ở ngay đỉnh đầu hoặc ở điểm đối diện. Không trở lại sự kiện đó nữa vì ông hy vọng rằng ông đã lầm lẫn, ông lập lại bản thống kê khác gồm 508 bác sĩ, 676 quân nhân, 570 thẻ tháo gia, 906 họa sĩ v.v... Nhưng rốt lại ông cũng vẫn phải nhìn nhận rằng giữa chuyển động mà các hành tinh và số mạng con người có một liên quan chặt chẽ.

Khoa học chân chính và khoa học giả hiệu

ÔNG Jean Porte, một nhà thống kê chuyên nghiệp và là địch thủ của chiêm tinh học đã làm lại từng con toán của Gauquelin và rốt lại ông cũng phải nhìn nhận sự chính xác của kết quả trên. Dầu vậy các thiên văn gia lại quá thận trọng và không nhìn nhận khoa này. Michel Gauquelin đã phản nản rằng họ đã phủ nhận hoàn toàn công cuộc nghiên

cứu của ông mà không thêm xét đến kết quả này và ông đã kết luận: « Tôi vẫn là kẻ chống đối chiêm tinh học cổ điển. Nhưng tôi phải nhìn nhận rằng có sự liên quan giữa chuyển động của vài hành tinh và định mạng con người. Thay vì nghiên cứu các kết quả mà tôi thâu lượm được người ta lại dùng thành kiến sai lầm để kết án chúng ».

Tôi đã thuật lại nổi bất bình này với ông Couderc, địch thủ hăng hái nhứt của chiêm tinh học, ông đã trả lời: « Tôi nhận thấy đường lối đề cao chiêm tinh học sau khi tự cho rằng đã chống đối nó của ông Gauquelin khả nghi lắm. Còn việc khác thì tôi chắc chắn là ông ấy đã sai lầm. Tôi sẽ thử lại các bài toán ấy khi các công việc nghiên cứu khoa học của tôi cho phép nhưng tôi chắc chắn rằng các bài toán ấy không giá trị gì hơn các bài toán của Đại úy Choisnard... Ngay bây giờ, sau khi nhìn sơ qua bản thống kê của ông Gauquelin, tôi đã thấy ông dùng những con số và những hình vẽ căn cứ, đấy là một cách để che đậy sự thật... ».

Trong khi chờ đợi lời nói cuối cùng của ông Couderc, hay nói cách khác, trong khi chờ đợi cuộc tranh luận xưa cũ từ 2000 năm, ta hãy tìm cách tiến đến vài kết quả chắc chắn. Tất cả các sự kiện trên cho ta thấy rằng « khoa học » chiêm tinh không liên quan gì đến khoa học thật sự như Spinoza đã bảo: « con chó thiên văn không có gì giống với con chó bốn chân sủa vang lưng của ta cả ». Một điểm đặc biệt của khoa học là được phổ biến toàn diện và được mọi người có chút hiểu biết về luân lý nhìn nhận chiêm tinh học thì trái lại đã dựa vào những điều phi lý và vì thế nó gần với « Phép lạ » hơn là khoa học. Dù vậy các chiêm gia tân tiến đã tự cho là khoa học :

« Những tiên đoán của chúng tôi dựa vào những bài toán thuộc thiên văn học chính thống ». Dù sao ta cũng không nên gán cho chiêm tinh học danh từ khoa học. Trong các trường hợp tốt đẹp ta có thể cho đấy là một nghệ thuật dựa

vào thiên văn học như ta đã cho y học là một nghệ thuật dựa vào sinh vật học. Vì vậy các nhà bác học rất ít chịu nhìn nhận kết luận này.

Đề tự gán cho danh từ khoa học, hệ thống bảo chữa thông thường của các chiêm gia là cho khoa học chính thức đã tự phụ mà từ chối tất cả các « mới lạ ». Nhưng chiêm tinh học không phải là mới mẻ gì. Đây là một môn học trùng hợp với thiên văn học từ thời tiền sử và mới vừa tách riêng ra từ 300 năm sau này. Ở thế kỷ thứ 16, Copernic và Kepler, cha đẻ của chiêm tinh học tân tiến, đã không từ chối khi người ta cho mình là chiêm gia. Lúc ấy là lúc toàn thịnh của chiêm tinh học : thời đại của Nostradamus và Jérôme Cardan. Ông sau này tiên đoán ngày từ trần của mình và đã tự tử để biện hộ cho các hành tinh. Gần một thế kỷ sau, Colbert đã sáng lập ra Hàn lâm viện khoa học : người ta cấm các nhà bác học thiên văn đề cập đến chiêm tinh học.

Dẫu vậy, người ta cũng không thể phủ nhận được sự liên quan giữa chuyển động của các hành tinh và định mệnh con người. Ảnh hưởng về thể chất là một điều không chối cãi được, thí dụ như trong ta ai cũng biết rằng mặt Trăng gây ra nước lớn, nước ròng. Nhưng suy rộng rằng các hành tinh ảnh hưởng đến chiến tranh ở Địa cầu là một chuyện vu vơ cũng như cho rằng đường kinh của phụ nữ xảy ra trong vòng 28 ngày như thời gian vắng mặt của con Trăng là một chuyện hết sức vô căn cứ.

Nhưng hình như khoa học bắt đầu nhìn nhận rằng có vài ảnh hưởng của tinh tú đã thật sự thay đổi nếp sống của con người. Ở Mỹ có nhiều thống kê gia, hoàn toàn không dính líu gì đến chiêm tinh học đã nhận thấy rằng sự bộc phát các vết đen ở Mặt Trời đã làm gia tăng số người chết bất ngờ. Quan trọng hơn nữa : hai nhà thông thái Nhật, các Ông Takata và Murasugi thực hiện trong nhiều năm cách

do phản ứng đông đặc của máu, hai Ông đã nhận thấy rằng tốc độ đông đặc của máu phụ thuộc và 2 đại lượng tùy thuộc vào ảnh hưởng Mặt Trời. « Khoa học chánh thức » chưa nhìn nhận các kết quả này. Nhưng trong trường hợp này, thái độ kia là một sự cẩn thận khoa học chứ không phải là thái độ phủ nhận như cử chỉ của đa số bác học đối với các lời tiên đoán của các chiêm gia.

Để kết luận ta có thể cho rằng một ngày nào đó chiêm tinh học trở thành một khoa học chính thức..., nhưng với điều kiện là giải đáp sòng phẳng và sáng sủa mọi thắc mắc.

(Theo tài liệu của Roland Harari)
P. V.

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

Á CHÂU NHỰT BÁO

76-80, đại lộ Khổng Tử Chợ Lớn, Điện thoại : 36.203

- Nhựt báo Hoa ngữ, nhiều độc giả nhất
- Tin tức xác thực, và mau lẹ
- Quảng cáo trên báo rất có hiệu lực

RAP CHIẾU BÓNG

107 Bis đại lộ Đồng Khánh

LI ĐÔ

Điện thoại : 36.445, Chợ Lớn

RAP MÁT MÈ, CHỖ NGỒI ÊM ÁI
ÂM THANH RÕ RÀNG

NHÀ SÁCH VÀ NHÀ IN

CHIN-HOA

245, đại lộ Đồng Khánh
Điện thoại : 37.298

CHỢ LỚN

AIR FRANCE

le plus grand réseau du monde

Máy Thầu Thanh
CHẠY ĐIỆN CHẠY PILE,
MÁY QUAY Đĩa, Đĩa HÁT

các biểu danh tiếng :

ALPHA Radio

157, đường Tự Do
Saigon

SOCIÉTÉ INDOCHINE FILMS & CINÉMA

183 rue Tự Do, Saigon — Tél : 21.405

— EXPLOITATION et DISTRIBUTION DE FILMS CINÉMATOGRAPHIQUES —
IMPORTATION DE MATÉRIEL CINÉMATOGRAPHIQUE PROFESSIONNEL 35m/m

RÁP CHỚP BÓNG

Tân Việt

232, đại lộ Đồng Khánh — Chợ Lớn

Điện thoại : 33.397

- RÁP MÁT MỀ
- CHIẾU PHIM CHỌN LỌC
- NHÂN VIÊN LỄ ĐỘ
- CHỖ NGỒI ÊM ÁI

CHI XƯƠNG ẮN QUÁN

798 A-B đường Nguyễn Trãi — Chợ Lớn

Bồn hiệu
chuyên môn lãnh
in các loại

NHÃN HIỆU MỸ THUẬT, MÀU SẮC ĐỦ KIỂU
và NHÃN HIỆU ÁO CHEMISE, ÁO THUNG v.v...

MẪU ĐƠN ẢNH NGHIỆP HÃNG

Adresse Télégraphique:

MADONAN CHOLON

Téléphone : 37.266

32, đường Phan Phú Tiên

CHỢ LỚN

VĂN HỮU

đã ra những số đặc biệt:

- Số 1 : Hội họa Việt Nam ngày nay.
- Số 2 : Nền kịch nghệ Việt Nam.
- Số 3 : Âm nhạc Việt Nam.
- Số 4 : Mối tương quan giữa văn nghệ và đạo đức.
- Số 5 : Những biện pháp để phát huy nền văn học
- Số 6 : Hồ sơ về thanh niên cao bồi thế giới.
- Số 7 : Luận về mê tín dị đoan.
- Số 8 : Những điều cần biết về điện ảnh.
- Số 9 : Người Cộng sản có yêu nước không ?
- Số 10 : Mấy nét về Văn học Việt Nam.
- Số 11 : Tâm trạng phụ nữ Việt Nam ngày nay.
- Số 12 : Chủ nghĩa hiện sinh là gì ?
- Số 13 : Nhìn thẳng vào văn nghệ miền Bắc.
- Số 14 : Đàn ông đàn bà trong phận lứa đôi.
- Số 15 : Đi tìm một đường lối kinh tế cho các nước chậm tiến.
- Số 16 : Thắng Cộng sản bằng cách nào ?
- Số 17 : Áp bức tinh thần trong chế độ Cộng sản.

Trong những số tới, Văn Hữu sẽ lần lượt giới thiệu với bạn đọc nền văn hóa của các quốc gia bạn trong thế giới tự do